

TÒA SOẠN GIỮ THƠM QUÊ MẸ
VÀ NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI

*kính chúc các văn hữu và các bạn đọc giả
gần xa một năm mới nhiều tin tưởng
và hy vọng ở tương lai.*

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

Tạp chí văn nghệ • Lá Bối xuất bản

Coi sóc : HOÀI KHANH

3—4	Nhất Hạnh	<i>Đêm cầu nguyện</i>
5	Kim Tuấn	<i>Nhìn lại mùa xuân</i>
6	Đình Cường	<i>Ghi từ Pleiku</i>
7—8	Chinh Văn	<i>Lời chim bão tố</i>
9	Uyên Hà	<i>Bong bóng bay</i>
10	Thành Tôn	<i>Mùa xuân nói xuống</i>
11	Nguyễn Phan Thịnh	<i>Bài ca chim</i>
12	Lạc Hà	<i>Ngựa</i>
13	Định Giang	<i>Giấc giả và khuôn mặt xuân buồn</i>
14	Hà Nguyên Thạch	<i>Nỗi buồn trên cao</i>
15	Viên Linh	<i>Hình nhân</i>
16 — 19	Nguyễn Hiến Lê	<i>Bút pháp và cá tính của nhà văn</i>
20 — 24	Sơn Nam	<i>Màu sắc Hậu giang</i>
25 — 33	Tuấn Huy	<i>Trong vùng yên lặng</i>

34 — 42	Cao Trúc Vũ	Xứ dừa xanh
43 — 54	Nhất Hạnh	Nói với tuổi hai mươi
55 — 61	Võ Hồng	Chim lồng
62 — 65	Hải Triều	Đất sống
66 — 70	Lan Đình	Đen duyên
71 — 74	An Châu Lan	Mùa xuân học trò
75 — 80	Vương Hồng Sên	Con ngựa già của Thầy Đường Tam Tạng
81 — 95	Ruth Jhabvala	Như chim như cá (Quế Thanh dịch)
96—105	Dương Nghiễm Mậu	Thư viết từ một xóm quê
106—108	Phạm Duy	(nhạc) Đường chiều lá rụng
109—112	Alberto Moravia	Cửa hàng bán hạnh phúc (Nguyễn kim Phụng dịch)
113—121	Hoài Khanh	Nhìn qua thi ca Phi Châu
122—125	Hồ Hữu Tường	Mong chồng
126—128	Phạm Công Thiện	Ba ý tưởng siêu hình học
129—140	Chinh Ba (kịch)	Pho tượng Linh Mai
141—151	William FaulKker	(Dương Thanh Nhung dịch) Tóc
152—156	Chín	Biển Kẽ chấp
157—164	R. Barthes (Vũ Đình Lưu dịch)	Văn sĩ và người dùng văn
165—173	Hằng Hà Sa	Gia thừa bệnh viện
174—183	Vương pên Liêm	Vấn đề đào tạo giáo chức nông thôn
184—195	Nhất Hạnh	Nẻo về của ý (truyện dài)

Số 7-8 tháng giêng, hai, năm 1966

đêm cầu nguyện

giờ phút linh thiêng
gió lặng chim ngừng
trái đất rung động bảy lần
khi bắt diệt đi ngang dòng sinh diệt
bàn tay chuyển pháp trong hương đêm tinh khiết
ấn cát tường nở trắng một bông hoa
thế-giới-ba-ngàn đồng thanh ca ngợi văn phạm Thích Ca



giờ phút linh thiêng
đóa bắt diệt nở ngay giữa vườn hoa sinh diệt
nụ giác ngộ hé thành muôn thi thiết
ngài về đây học tiếng nói loài người
đêm nao
từ trời đâu suất nhìn về
chư thiên thấy địa cầu quê hương tôi sáng hơn vì sao
sáng
và tinh tú mười phương châu về
cho đến khi vừng Đông tỏa rạng
cho đến khi vườn Lâm tỳ ni biến thành chiếc nôi êm
chào đón Phật sơ sinh



nhưng đêm nay
từ địa cầu quê hương tôi
loài người mắt lệ rưng rưng
hướng cả về mấy tầng trời Đâu suất
tiếng kêu khóc của sinh linh ngã gục
dưới bàn tay ma vương

dưới bàn tay bạo lực cầm thù
trong bóng đêm
địa cầu quê hương tôi đã mòn mỏi trông chờ
giờ màu nhiệm để vô biên hé mở
cho bóng tối tan đi với niềm lo sợ
cho hội Long Hoa về
để pháp âm tiếp nối bằng lời ca tiếng hát em thơ



đêm nay xin mười phương trăng sao chứng minh
cho địa cầu quê hương tôi dâng lời cầu nguyện
cho Việt Nam khói lửa
cho Việt Nam điêu linh
cho Việt Nam quần quai đắm chìm trong máu lệ
sớm vùng dậy trong đau thương thế kỷ
để biến thành chiếc nôi êm, đón chào Từ Thị
thêm một lần hoa nở Phật sơ sinh



đêm nay cầu cho khổ đau trái kết, hoa thành
cho sinh diệt đi ngang dòng pháp thân bất diệt
cho suối tình thương chảy tràn trên vạn lòng tha thiết
để loài người học nói tiếng chân như



để tiếng nói trẻ thơ thành giọng chim ca
NHẤT HẠNH

Nhìn lại mùa xuân

Đường đi dài bóng đổ
Mùa xuân xa chưa về
Chim trời bay mỗi cánh
Mây lưng chiều lê thê
Mắt em buồn vương vấn
Trăng xưa còn quên thề
Lúc nhớ nhà khói xóm
Lạnh lòng in trời quê
Mùa xuân hoa đào nở
Xa em sao không về
Núi rừng thôi thương nhớ
Nước mắt nhòa bóng đêm
Mưa bay chiều tháng chạp
Anh qua bao lối mòn
Còn nhớ trăng mùa cũ
Thơm vàng trên tóc em
Hai đứa về lối xóm
Chân bước đi êm đềm
Giờ hoa đào mới nở
Mùa xuân anh chưa về
Ruộng thơm vàng lúa mới
Tóc mẹ già trắng phơ

Vườn cau nhà kết trái
Lá xanh đến bây giờ
Trời xanh như thuở trước
Ngày em còn ấu thơ
Xuân hồng đôi má thắm
Khóc thương ai mong chờ
Khóc thương người xa vắng
Giấc ngủ đầy mộng mơ
Mùa xuân không trở lại
Còn nhớ ai mong chờ
Tóc xanh màu tuổi trẻ
Em còn nhiều mộng mơ
Anh còn như mây trắng
Lang thang khắp phương trời
Gió sương phai màu áo
Chiều nhớ nhà chơi vơi
Lúc dừng chân xứ lạ
Chợt thăm yêu cuộc đời
Bước mòn năm tháng cũ
Có gì đâu em ơi
Mùa xuân hoa đào nở
Anh thăm yêu cuộc đời

KIM TUẤN

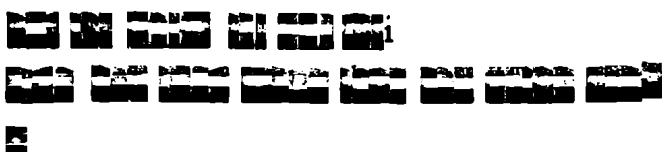
ghi từ Pleiku

tặng KIM TUẤN

Tôi nằm trong phố chiến tranh
Xe nhà binh chạy, dấy thành đạn reo
Bụi tung mù mịt mấy đoạn đèo
Rừng âm u có người theo bước người

2

Sớm mai trở dậy qua đèo
mù sương giăng bủa hiu hiu đất trời



em về thành nội ngủ yên
bước chân lau sậy trắng miền mộng du
chiều qua ra đứng Biển Hồ
nhìn đời xa thấy xa mờ dáng em

ĐÌNH CƯỜNG

Lời chim bão tố

hãy ở lại với chúng tôi
hỡi những thiên thần đẹp đẽ
vùng cánh hồng bay bổng mù khơi
hãy ở lại với chúng tôi
dù tiếng sáo ngà
da diết thồi
thâu đêm
qua mùa đông băng giá
hãy ở lại với chúng tôi
hỡi những thiên nga
vàng son đôi cánh
rạng chói hào quang
hỡi những thi sĩ
anh chị em đang đợi tiếng nói người

hãy cất cao lời thơ hùng vĩ
ngợi ca hải đảo dặm vi vu
hãy cất cao lời ru sâu xứ
nỗi chập chùng xiềng xích trăm năm
đừng ngân nữa sợi tơ trùng
nếu không làm mất lệ rưng rưng
đừng nhấn nữa phím tơ căng
nếu chỉ biết khóc than
niềm riêng tư bé bỏng
gió lên rồi
hai mươi bảy triệu mặt trời
đang đỏ lửa
hôm nay

hãy thêm cao
hỡi búa ngàn cân
hãy thêm nặng
niềm ghen ngào tủi hận

lửa bay hồng
thép trui rồi
xanh biếc gió thu
hỡi những bàn tay không
làm nên lịch sử
hỡi những bước chân đi
chuyên núi rung đồi
xanh ngắt vượt từng không
làm ngơ ngần loài chim chiến chiến
rẽ sóng mà đi

hỡi kinh ngư
xé gió mà tung
hỡi cánh chim bão tố
« thật đáng phỉ nhổ »
những kẻ nào
bằng lòng
dừng lại
trong bóng tối »

ngàng đầu cao lên đi
há miệng to được rồi
hãy gào thét nung tinh thần bất khuất
hãy bước tới
chớ bao giờ ngừng vực
gió lên rồi
xé ngang trời
sạch không rác rếnh tanh hôi

căng thêm nữa buồm ơi
hỡi thi sĩ của con người
đồ lửa
hãy thêm
thêm nhiều nữa
lửa
vào tim
cúi

vào lò
và gió
gió nữa lên
hãy cuồng nhiệt cho sóng triều trùng điệp
hãy hăng say như vận tốc mặt trời
than
hãy vào lò
và gió
hãy ngàn khơi

hãy bão tố dậy cuồng phong
cho muôn triệu trái tim cùng chín đỏ
cho những chàng thi sĩ tiền phong
có bút thép
và bàn tay bão táp

hãy ở lại với chúng tôi
tất cả
lại gần đây
tất cả
hỡi những thiên thần đẹp đẽ
những đàn con yêu mến quê hương
những chàng tóc xanh
thi sĩ của mặt trời
hãy ngàn trượng
hỡi loài chim bão tố

Saigon, VI.65

« BÀI NGŨI CA DÂN TỘC »

CHINH VĂN

mùa xuân nói xuống

tiếng khóc mẹ bay lên làm nổi nhớ
theo khói hương rợp năm cỏ mùa xuân
cha nằm xuống tan tành cơn súng nổ
trên quê hương cuộc chiến thăm loan dần
đất màu mỡ thiếu bàn tay cày cuốc
nên ruộng đồng cỏ dại đã hoang vu
cha dưới đó có đau từng núm ruột
mùa xuân qua trên khuôn mặt hằn thù
lửa chiến tranh đốt thui tình yêu đất
cái chết cha bóp nát quả tim này
trên xứ sở hồn ca dao đã mất
nên ngậm ngùi chút nắng mới trên tay
òng đất tắt tiếng ru hời của mẹ
và chôn đi tiếng thá ví của cha
con già nua trên từng năm tuổi bé
nỗi u buồn từ đó cũng can qua
xuân ngập ngừng trước đồng hoang cỏ dại
súng tan tành trên mỗi mảnh quê hương
thời cha nhé đất tình yêu kết trái
tấm thân già nằm đó hãy rừng rưng
và cuộc chiến thôi đi niềm hắt hủi
mấy mươi năm rặng súng đủ tan tành
để xuân dừng trên quê hương cát bụi
cho ven hồn cha mọc lá hoa xanh
con cúi xuống hôn tràn lên đất sống
nước mắt này ướp ấm hồn quê hương
cao vừng trán nguyện cầu xuân ước vọng
núi sông tình mau kết trái yêu thương

THANH TÔN

Bong bóng bay

Anh hồi nhỏ vẫn hằng mơ màu sắc.
Hút bọt xà phòng thổi bóng bay cao,
Nhìn vào bóng, thấy mình như rực rỡ.
Nắng buổi chiều và quả bóng vờn nhau

Bóng mang cả ước vọng anh vào đó.
Theo gió trời ào yếm lướt từng đôi
Anh theo bóng suốt những chiều nắng tốt
Lòng tưởng đâu giữ bóng được muôn đời,

Nhưng tay ngắn, những ngón buồn thô bạo
Biết làm sao bắt bóng được cho mình.
Từng chiếc vỡ, tan đi từng ước vọng
Bọt xà phòng rơi lả tả buồn tênh...

Chiều hôm qua nhìn em đang thổi bóng
Miệng thơ tròn nhẩn nhệ ồ ! say mê
Anh biết bóng muôn lần rồi sẽ vỡ
Nhưng em cần, em cứ thổi lên đi.

Rồi em sẽ đón đau và thất vọng,
Nhưng ngày sau, em hẳn biết nhiều hơn
Khí sự thật đập lên đầu ảo mộng
Bóng bay rồi, người đứng khóc, tay không

UYÊN HÀ

bài ca chim

vườn cỏ em cười trong tuổi thơ
lớn khôn ngồi hát trong vũng tối
nước mắt du dương như cung đàn
thoắt đau từ nay cho thân mình
suốt đời còn lại tóc xanh xanh

vòng rắn cũng mềm như tay mẹ
bụi cây cũng ấm như lòng cha
xin cho tuổi thơ về một lần
suốt đời còn lại chút khô xương

Làm chim bay từ bắc xuống nam
hót lời bi thương đêm như ngày
làm sao tỏ ấm trên ngọn cây
làm sao bình an cho loài người
làm chim làm chim khi qua đời

đalat 8-65

NGUYỄN PHAN THỊNH

Ngựa

như những người gù đi trong huyền sử
ta cúi đầu nghe sóng bề dăng cao
ta chợt thương cho những móng chân nào
khi khôn lớn đôi sắc hồng ra tím

ta gục xuống trên mảnh hồn chết lịm
hai vai mòn từng khỗ nhục trần gian
ta lại đi trong gió cát vô vãn
trời đã tối ta tìm đâu ra lửa

rồi ở đó ta một mình kiếp ngựa
ném quê hương vào tiếng hí điêu tàn
thiên lý hề — lời hát rộng thênh thang
ôm gió thổi và chim rừng vỗ cánh

khi chợt thấy quả tim này sắp lạnh
ta tung mình vào vũng tối mệnh mông
đồi núi kia ôi thế kỷ chập chùng
ta bỗng nhớ mang mang triều đất cũ

LẠC HÀ

Hoa Từ Chung

Năm phút sáng, thót rồi, anh ngã gục
Ôi Từ Chung ! Ôi Từ Chung ! Từ Chung
Hồn cồm dâng lên uất hận khôn cùng
Tôi đã hét to lên : loài lang sói !
Sau mành thưa thất thanh bao tiếng gọi
Của đàn con đang đứng đợi cha về
Anh gục xuống rồi, hồn phách để mẹ
Máu loang đỏ trên nền xanh cỏ ướt...
Và lòng tôi nức lên muôn tiếng khóc
Một vì sao đã tắt giữa đêm buồn
Đốt đuốc lên, cho ngời sáng tình thương
Cho bao kẻ điên cuồng nhìn rõ thấy
Hình hài kia, gầy gò biết mấy
Mà dùng chỉ sừng đàn vót bạo quyền
Anh không có kẻ thù ngoài Cộng Sản cuồng điên
Anh không giết nổi một con chim, con sóc...
Bàn tay anh chỉ vuốt ve, mời mọc
Tim óc anh chỉ chan chứa tình thương
Đốt mắt anh chỉ u hoài, nhón dãi
Và lòng anh trải rộng cảnh thiên đường...
Nhưng đau đớn vô biên và cũng hãnh diện vô cùng
Hình hài đó, bàn tay kia, đốt mắt ấy
Đã làm cho lũ chúng nó kính hoàng
Chúng sợ anh gieo giắc ánh hào quang
Gieo hoa Dân Chủ, gieo mầm Tự Do
Anh đập đổ rồi, một thành quách Hung Nô
Bằng cây bút, bằng tấm lòng chân thực .
Anh gục xuống : Hoa TỪ CHUNG sáng rực
Sợi rơ đường cho bao kẻ hôn mê
Trang sử tên anh hoen vầng máu lệ
Đỏ cặm hồn và xanh biếc tin yêu.
Trong lòng tôi, lòng bạn, rất nhiều
Lớp sóng vô nghĩng siêu niêm tiếc nhớ...
Tiễn anh đi, vạn con tìm nức nở
Vạn kẻ thù đang bờ ngõ qui hàng
Giang rộng tay, lòng đất mẹ Việt Nam !
Mà đón lấy hình hài con yêu đau...

Viết về anh Từ Chung với uất nghẹn

khôn cùng trong lòng tôi

(Trích báo Chính Luận số 531 ngày 7-1-66)

Nỗi buồn trên cao

cây ru bóng đỏ đường chiều
ngủ đi một giấc đâu hiu với đời
trên ta một cõi đời đời
trong ta chừng cũng một trời đảo điên
nằm đây cát bãi ưu phiền
đêm theo sóng vỗ trăm miền phiêu du
lẩn trong em dáng mây mù
lên cao mới thấy niềm u uất lòng
còn trong nhau chút vô cùng
thấp lên cho sáng nỗi buồn của anh
lần đi bóng đuổi quanh mình
cho lòng tay trở nhánh ngành khổ đau
dấu ca lên nỗi ngọt ngào
con chim đó cũng bay mau cuối trời
mà thôi một chút ve vơi
giữ đi em, đó : bóng thời gian qua

HÀ NGUYỄN THẠCH

(miền biển động)

Lời buồn treo cao

cho đêm bùng đóa mặt trời
cho thân thể mẹ qua rồi đón đau
cho em tiếng hát ngọt ngào
cho vùng suy tưởng chở vào giấc thương
cho chim hoa bướm mùa xuân
cho lời kinh kệ tan cơn oán thù
cho tàn binh lửa đôi bờ
cho cảnh dương nước cam lồ vô biên
cho tiêu tan chuyện ưu phiền
cho quê hương đẹp trăm miền tinh khôi
cho em thôi giọng ngậm ngùi
cho sông biển ngọt tuổi đời xanh yêu
cho mây hôn ánh mắt chiều
cho cơn khói quện mái nghèo thiết tha
cho âu yếm chốn ruột rà
cho ngàn năm đón thực thà vào tim
cho phai hờn giận triền miên
cho tha thứ hết lỗi lầm trong anh
cho vui thắm mộng đổ dành
cho nghìn oan ức tan tành theo chuông

THÁI TỬ HẠ

(hội an)

Hình nhân

Tôi nào chọn anh em
VẬY mà quen lắm thế
Tôi nào chọn cuộc đời
VẬY mà tôi ở đó

Làm vẻ mặt hân hoan
Tôi bị thương tận gốc
Luôn mồm viện lương tâm
Tôi là thằng thất đức,

Hôm nay tôi cất tiếng
Nhưng thật sự vừa câm
Lời tôi trên chóp đỉnh
Nhưng ý nằm dưới chân
Vả sống là yêu mến
Tôi đâu muốn oán thù
Còn chết là tiếc thương
Tôi nào mong cách biệt,
Hôn em, em yêu dấu
Anh vẫn có bạn bè
chào anh, anh lạ mặt
Tôi đâu muốn hoài nghi,
Nhưng tôi đầy uẩn khúc
Sự xấu vẫn qua đi
Nếu tôi đeo mặt nạ
Anh than thở ích gì
Tôi nào định lập tâm
VẬY tôi muốn thái độ

VIÊN LINH

nguyễn hiến lê

BÚT PHÁP VÀ CÁ TÍNH CỦA NHÀ VĂN

CÓ một hồi, mỗi khi viết xong một cuốn sách, tôi thường đưa một anh bạn coi giùm để góp ý kiến, vạch cho tôi những chỗ nào cần phải sửa đổi, thêm bớt, về nội dung cũng như về hình thức. Anh bạn đó đối với tôi rất thành thực mà viết văn thì rất kĩ : uống cà phê đặc và hút thuốc để thức đến hai ba giờ khuya để đọc vài câu là cái thú thường ngày của anh.

Một lần anh bôi bỏ cả một đoạn văn kỹ sự của tôi mà chịu khó viết lại giùm : đảo lên, đảo xuống, tĩa bớt cho văn cô lại, cô gần hơn và có nhạc hơn. Tôi khen anh là sửa khéo, nhưng tới khi in thì tôi vẫn giữ đoạn văn của tôi, vì tôi nghĩ rằng nó tự nhiên hơn, diễn đúng được thứ tự sự việc

xảy ra hơn, thứ nhất là vì nó có cái giọng của tôi.

Có thể rằng lần đó tôi đã chủ quan nhưng có điều này ai cũng nhận là cùng một cảnh, một việc, mỗi nhà văn diễn tả một lối, và chính vì có nhiều lối diễn tả nên văn thơ mới là một nghệ thuật, chứ nếu ai cũng viết một lối « Standard » như trong các tạp chí *Sélection*, *Constellation* thì văn thơ sẽ thành một sản phẩm kỹ nghệ nát — mặc dầu lối « Standard » đó cũng có cái hay của nó : sáng sủa, dễ đọc, vui, gọn.

Có những lối hành văn trái ngược hẳn nhau mà đều được người đọc thưởng thức, như lối của Vương Bột và của Tô Đông Pha, của Nguyễn Tuân và của Phan

Khôì, rõ ràng nhất là trường hợp Anatole France và Marcel Proust.

TÁ T nhiên có người thích nhà này hơn nhà khác; cùng một người cũng có lúc thích nhà này rồi lại có lúc thích nhà khác; và phân tích ra hầu hết nhà nào cũng có sở trường và sở đoản, sở trường ở đâu thì sở đoản cũng ở đó. Vậy thì khi làm văn, làm thơ, ta nên theo bút pháp nào ? Điều đó, chắc các người mới cầm viết thường đem ra tự hỏi.

Tôi nghĩ rằng người ta không thể lựa một bút pháp được. Xin đọc giả phân biệt bút pháp (có lẽ nên gọi là tác phong ?) và kỹ thuật : bút pháp là cái gì của riêng mỗi nhà : người thì cầu kì, kẻ thì tự nhiên; người thì nền nếp, kẻ thì phóng túng; người thì bình tĩnh, kẻ thì bùng bột; người thì hoạt bát, kẻ thì tế nhị... ; còn kỹ thuật thì chẳng riêng ai, nó là cái cách thức làm văn chẳng hạn miêu tả hay tự sự cho hợp cách thì phải ra sao, muốn cho văn nhẹ nhàng, sáng sủa thì phải dùng chữ cách nào, muốn tạo nên nhạc thì phải theo những luật thanh âm nào... Một nhà văn không cần có tài, chỉ có kinh nghiệm thôi cũng biết khéo dùng những kỹ thuật viết; nhưng cả những khi dùng chung một kỹ thuật, mỗi nhà cũng có một bút pháp riêng. Tôi xin cử một vài thí dụ. Cùng dùng kỹ thuật tạo hình ảnh cả, mà bút pháp của Hàn Mặc Tử làm cho ta rờn rợn, hồi hộp :

*Trăng nằm sóng soài trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả lơi...*

*Ô kìa, bóng nguyệt trần trường tắm
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe.*

của Bàng Bá Lân thì cho ta một cảm giác mát mẻ, vui vui :

*Hỡi cô tát nước đầu làng,
Sao cô lại múc trăng vàng đổ đi ?*

của Quách-Tấn thì có cái giọng trang nhã, cổ điển :

*Bồn chồn thương kẻ nương song bạc,
Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng ?*

của Huyền Viêm thì có cái vẻ trầm lặng, man mác :

*Trăng rơi nhẹ trên sông nước,
Bên chiếc dò khuya bóng lạnh lòng ;
Gió cũng nghe chừng như nín thở
Đổ vừng trăng lạc giữa không trung.*

CŨ N G là nhìn dân quê, cũng có lòng thương họ mà Nhất Linh hay Thạch Lam không cảm xúc như Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Bùi Hiền hay Tô Hoài. Lòng thương của hai nhà trên là lòng thương hại của những người đứng trên bao lơn trong một đồn điền nhìn xuống cảnh lầm than của dân cày ; lòng thương của bốn nhà dưới là lòng thương của những người trong cảnh, cho nên bút pháp sâu sắc hơn, cảm động hơn. Mà ngay trong mỗi nhóm, bút pháp của mỗi người cũng mỗi khác : Nhất Linh có giọng lý thuyết của một nhà cải cách, Thạch Lam có giọng nền thơ của người đa cảm ; Vũ Trọng Phụng phẫn uất nhất, muốn văng tục, trái hẳn với Tô Hoài (trước cuộc cách mạng) hiền lành mà dè dỏm ; thâm trầm nhất là Nam Cao và Bùi Hiền.

Bút pháp của những thi sĩ, văn sĩ đó khác nhau vì cá tính mỗi người một khác. Cá tính khác thì quan niệm khác, cảm xúc khác, và lối phô diễn quan niệm cùng cảm xúc tự nhiên phải khác. Chính cá tính quyết định bút pháp.

Mà cá tính thì do bẩm sinh và tùy thể chất (nó cũng chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh, của sự tu luyện nhưng ít thôi). Cho nên tôi có thể nói rằng bút pháp của ta gần như đã định trước rồi từ hồi nhỏ : nó

là vóc người, là dáng đi, là nhịp điệu của hơi thở, là sự tuần hoàn trong huyết quản. Tất nhiên càng sống thì tư tưởng có thể càng tiến, kĩ thuật có thể càng già, nhưng giọng văn, lối viết thì không thay đổi mấy vẫn nhận ra được. Thơ của Đông Hồ, Vũ Hoàng Chương chẳng hạn, ngày nay vẫn giữ được những nét riêng của mỗi nhà từ thời trước, mà những nét riêng trong thơ ấy chính là những nét riêng trong tính tình, thể chất của mỗi nhà ; điều đó thi sĩ Bằng Bá Lân đã vạch rõ cho ta thấy trong cuốn *Kỷ niệm về mấy văn thi sĩ hiện đại*.

Đứng về phương diện khoa học, không có cá tính nào là xấu ; mà đứng về phương diện nghệ thuật, cũng không có bút pháp nào là dở, (nếu biết dùng đúng chỗ). Uy mị có cái đẹp của nó, hùng hồn cũng có cái hay của nó ; dẻo gót là một nghệ thuật mà tự nhiên cũng là một nghệ thuật ; ngay như lối văn kiêu cách, tối tăm cũng có lúc rất đặc thế. Tất cả vấn đề là diễn được đúng những cái ta muốn diễn và gây được trong số độc giả những cảm xúc y như cảm xúc của ta.

Hiều như vậy rồi thì đối với người, khi thấy một một bút pháp khác ta, ta sẽ không vội chê mà còn tìm cách thông cảm ; còn đối với ta, ta sẽ can đảm *nhận cá tính của ta, dùng bút pháp nó đã lựa, định cho ta*, đừng ngại sẽ có tật này hay tật nọ, sẽ không bằng nhà này hay nhà kia. Bằng hay hơn là vấn đề phụ, đề độc giả phán đoán, cần nhất là phải khác người: nói cho đúng hơn, ta phải dám là ta, phải thành thực với ta trước hết. Có thành thực mới cảm được người.



T H À N H T H Ụ C có hai nghĩa.

Nghĩa thứ nhất là nếu không cảm xúc, không tin tưởng thì đừng viết, đừng theo thị hiếu của người, đừng về hùa đề cầu danh vọng hay lợi lộc. Thị hiếu của thời đại có

nhều khi phải, nhưng nếu cá tính của ta không chấp nhận được thì ta ngại gì mà chẳng dám đi ngược trào lưu ? Mà nếu chấp nhận được thì đừng vì lẽ không muốn giống số đông mà không theo người.

N G H I Ā thứ nhì của thành thực là một khi đã không chối bỏ cá tính của mình thì đề mặc nó định bút pháp cho ta. Ta đừng nên tự nhủ : « Đoạn này diễn một ý hùng, phải dùng bút pháp hùng của Victor Hugo chẳng hạn ; đoạn kia diễn một cảm tình lâm li, nên đọc lại Cung oán ngâm khúc rồi hãy viết ; tả dân quê ư, nào xem Tô Hoài, Nam Cao nhận xét ra sao ; tả bọn thành thị dài các ư, nhớ lại xem Khái Hưng, Nhất Linh đã viết cách nào. » Đã bắt chước là tự từ bỏ mình rồi ; không ai tự từ bỏ mình mà được người khác thừa nhận mình bao giờ. Cho nên khi viết phải quên hết các danh sĩ cổ kim đi, quên hết mọi kĩ thuật làm văn đi mà chỉ theo cá tính của ta thôi. Phải như ba anh em họ Viên trong phái Công An đời Minh : « để cho miệng và tay tự nhiên » ; hơn nữa, phải như Hoàng Sơn Cốc đời Bắc Tống, « để cho chương cú ngẫu nhiên mà thành như đường do sâu đục trong khúc cây ».

Tôi rất ghét lối dạy viết văn mà đưa những bài kiểu mẫu cho trẻ bắt chước, thậm chí ra một dàn bài đầy đủ chi tiết cho chúng cứ theo đó viết lại thành câu nữa ; như vậy là giết cá tính của trẻ. Và tôi phục Léon Tolstoi đã đề cho trẻ tự do muốn viết sao thì viết. Ta phải giúp trẻ tự tìm được cá tính của chúng và phát huy cá tính đó, nhất là trong thời đại này mà con người ở khắp thế giới như bị nhồi vào một cái khuôn, theo kiểu con người « mass-man » của Mỹ.

Marcel Proust trong cuốn *Contre Sainte Beuve* (Gallimard) cũng chủ trương như vậy : « (Ngay) những văn sĩ mà chúng ta thần tượng cũng không thể hướng dẫn

chúng ta (trong khi viết) được vì trong bản năng chúng ta có cái giác quan nhắm hướng như một cây kim chỉ nam hoặc một con bọ câu đưa thư vậy ».

Tôi mới nói phải đề cá tính lựa kĩ thuật cho ta (nó luôn luôn lựa rất đúng) tôi nói thêm : phải đề nó lựa đề tài cho ta nữa. Mỗi người cầm bút chỉ rung động trước một số đề tài nào đó ; cảm xúc của họ, sức tưởng tượng, phương tiện phổ diễn, cả tới dụng ngữ của họ nữa, chờ sẵn những đề tài ấy và khi gặp được thì phát biểu ra liền rất phong phú. Nếu không gặp mà viết gượng, về một đề tài không thích hợp thì họ vụng về, khô khan làm sao ! Lan Khai chẳng hạn, chỉ hợp với truyện đường rừng ; Khi tả cuộc tranh đấu của thợ thuyền (trong *Lầm than*), văn ông thật là nhạt nhẽo, Vũ Trọng Phụng trái lại, tả đời sống của giới cần lao thì rất sắc bén, và ông đã biết theo cá tính của mình mà không viết truyện đường rừng.

Là vì mỗi sinh vật chỉ hợp riêng với hoạt động trời giao phó cho nó thôi. Tầm chỉ tiêu hóa được riêng có lá dâu để nhả tơ. Mà lá dâu cũng đề cho tầm ăn rồi mới thành tơ. Làm người cũng vậy. Mozart

chỉ tạo ra nhạc. Tolstoi chỉ sáng tác tiểu thuyết, Einstein chỉ phát minh về khoa học, Bergson chỉ nghiên cứu về triết học. Sống trong một vũ trụ muôn hình vạn trạng, họ chỉ cảm xúc mãnh liệt trước những cảnh nào hợp với hoạt động của họ thôi, và cũng chỉ diễn nổi một cách tuyệt diệu những cảm xúc đó thôi, diễn bằng những phương tiện trong phạm vi hoạt động của họ thôi.

Cổ nhân nói : « cùng nhi hậu công » : có khốn khổ rồi văn thơ mới hay. Không phải sự khốn khổ làm cho kĩ thuật của ta điều luyện lên đâu ; trái lại chỉ những khi sung sướng, nhàn nhã người ta mới nghĩ tới việc điều luyện ; nhưng chỉ những lúc khốn khổ, buồn chán, tuyệt vọng, cái cá tính của ta không bị giáo dục, bị gia đình, bị xã hội kìm hãm nữa, mới xuất hiện được hoàn toàn mà dắt dẫn ngòi bút của ta một cách rất khéo, rất linh. Chỉ những khi đó ta mới thật là ta, mà văn ta mới có sức hấp dẫn mãnh liệt.

Vậy thì cần nhất là phải giữ gìn cá tính, và quy tắc quan trọng nhất trong văn thơ là tuân lệnh nó. Viết là gì, nếu không phải là phát biểu cá tính của mình, là đề cá tính của mình tuôn ra ở đầu ngòi bút rồi, rải lên trên giấy ?

đã phát hành :

mười bài tâm ca

tập nhạc tuyển của PHẠM DUY

bìa và phụ bản của Hiếu Duyệt, Thái Tuấn, Nguyễn Trung, Ngọc Dũng

do nhà LÁ BỐI ấn hành

sơn nam

MÀU SẮC HẬU GIANG

*Chuyện xảy ra tại Hậu Giang năm 1901
theo tài liệu của A. Schreiner ...*

ÔNG Xếp Xì nấp (Schnaps) lãnh trách nhiệm trấn thủ đồn Sóc Trăng ; vì là vùng mới chiếm cứ, dân bốn xứ còn... lạc hậu nên quân đội trú phòng của tỉnh lỵ hầu hết là người Pháp, các trưởng ty trưởng sở cũng vậy.

Hôm ấy, anh « bời » của ông Xì nấp từ ngoài cổng chạy vào tay cầm phong thơ. Liếc nhìn giòng chữ yếu ớt đề ngoài bao, ông Xì nấp mừng quýnh :

— Đúng rồi, bên Pháp gửi mau quá ! Mới một tháng rưỡi mà nay đã tới.

Rồi ông mang kiếng xé bao thơ ra đọc thầm :

« Mạc xây ngày... 1901.

« Bác thân mến,

Lâu quá không nhận được thư bác. Bác biết tại sao như vậy chăng ? Số là trong bức thư kỳ rồi, bác nhắc nhở tới loại chim già sỏi (marabout) ở thuộc địa Nam kỳ có nhiều lắm hở bác ? Cháu lật trong sách tự điển, thấy vẽ hình nó rõ ràng, giống như con cò. Sách nói nó đứng cao cỡ một thước rưỡi... Một người bạn trai của cháu có đi sở thú ở Ba Lê về thuật lại rằng giống chim già sỏi im lặng không la hét, mắt nó lơ lơ, đầu không có lông, trán to như một nhà triết học già ».

ÔNG Xì-nấp mỉm cười, cau mày :
« Hay là đứa cháu gái muốn kiêu ngạo cái trán sói của mình đây, so sánh mình với loài chim chóc » ! Rồi ông đọc tiếp :

« ... Hồi ở Mạc-Xây bác là tay thiện xạ nổi danh hơn Tạt-Ta-Re thời xưa. Nghĩ vậy cháu dám nhờ bác giúp cháu chuyện này, đó là chuyện... cho cháu xin vài bộ lông già sói. Cháu giắt lông lên nón khi đi học. Dân của thành phố Mạc-Xây sẽ bao quanh cháu mà khen : « Đẹp quá, quý quá ! Tìm ở đâu vậy có ? » Cháu sẽ trả lời : « Đó là của Bác Xì-Nấp đi công cán ở thuộc địa Nam Kỳ gửi về ». Mong rằng bác sẽ trở tài để lãnh những lời khen danh dự của thành phố Mạc-Xây. Cháu mong đợi lắm. Chị J. cháu B. chú C... hôn bác ngàn cái. Cháu cũng vậy

Ký tên : Cháu Quăn-Đa.

Tái bút.— ở Sóc Trăng chắc còn nhiều kỳ quan lắm ! Mỗi buổi chiều bác có đi Đệ Thiên Đệ Thích ngắm cảnh không ? Thành phố Thượng Hải dạo này ra sao ?

Ông Xì Nấp đứng dậy vỗ bàn, lắc đầu rồi cười như nắc nẻ :

— Tại sao đứa cháu nọ dốt về địa lý, về cách trí quá vậy ? Năm nay ắt nó thi rớt. Nó xin vài bộ lông chim già sói để giắt lên nón cho đẹp. Thử lông đen như than hầm, đẹp nổi gì ? Nhưng nếu mình viết thơ từ chối thì đứa cháu nọ cho ông là kẻ nói dóc. Trong mấy bức

thư gửi về Pháp, ông há chẳng khoe khoang rằng đất Sóc Trăng này có nhiều sân chim, mỗi buổi chiều chim bay về rợp thành phố, che lấp ánh mặt trời. Không phải ông nói dóc đâu. Có tích mới dịch ra tuồng. Mấy người bạn ở Rạch Giá gửi tặng ông mấy hình về sân chim vùng U Minh. Và ở Sóc Trăng, trong khu đất hoang sát chợ, ông còn thấy lai rai bóng dáng một một vài con chim già sói, thường nằm vào lối thẳng tư.

NHUNG bây giờ là tháng bảy tháng tám, không lẽ viết thơ về Pháp cho đứa cháu gái để đình việc gửi quà ! Ông Xì Nấp hút thuốc thả hồn theo khói rồi chợt gọi bồi vào :

— Cu-li ! « Con-nét » con chim « mém xối » « cai nai » (cái này) ?

Anh Quới, người bồi của ông, mỉm cười khi thấy ông ta lấy ngón tay mà chỉ lên cái trán sói. Anh nghĩ : Ông chủ của mình sói trán, chắc là ông muốn nói con chim già sói.

Anh bồi gật đầu :

— Quì mông xù !

— Tốt quá ! Tốt quá « Mỗi dăng phe » (1) chết ? Mõa đồn xanh dách à cu li ?

Anh bồi suy nghĩ phương kế ; ông ta thúc dục :

— Biết ? Biết ?

Anh bồi nói :

(1) *Moyen faire* : có cách nào làm

— *Đor rua móng xir !*

Ông ta mừng quýnh. Anh bời nhai trầu, ngồi cau mày một chập, rồi ra ngoài cổng vừa đi vừa suy nghĩ. Năm đồng bạc, đối với anh thật là quá lớn. Làm sao lãnh được số tiền thưởng ấy ? Mùa này chim già sói không còn. Nếu đi qua tận Rạch Giá, chưa ắt tìm được, lại thêm tốn hao tiền bạc. Ông chủ có thể hồ nghi rằng anh muốn trốn nợ đi biệt tích luôn.

Ra ngồi ngoài quán, anh uống hai xu rượu « công si », chợt thấy đằng kia Hai Lờ — người bạn đồng nghiệp đi tới. Anh bời sáng mắt, muốn hét to :
Diệu kễ ! Diệu kễ !

Hai Lờ ở bời cho ông Đốc tờ « Ma Nhắc ».

Đằng nhà ông Ma Nhắc có một chuồng chim khá to, tư bề đóng song sắt kỹ lưỡng. Trong đó nào là con công, con trĩ, cò quắm, cò hương, rùa, cần đước, le le... và đúng bốn con già sói. Anh đã nhớ kỹ :

Anh bời gọi to :

— Hai Lờ vô đây ! Lóng rày đi đâu vắng ! Tôi nhớ cậu hết sức.

Hai Lờ ghé vào :

— Có tiền cho tôi uống rượu không ? Bữa nay là bữa anh hùng hội ngộ. Vô tửu bất thành lễ. Tôi nghèo quá rồi !

— Đừng lo. Tụi mình giàu mà ! Một

khi mình gặp thời thì dầu lội tắm dưới sông, hủ miệng cũng có phần trôi vô ngay miệng !

— Đừng nói vậy xui xẻo !

— Thôi uống mau đi rồi hai bạn mình lại gốc cây đằng kia mà bàn chuyện. Anh còn ở bời cho ông đốc tờ Ma Nhắc chớ ?

Hai Lờ nói :

— Không ở đó thì ở đâu ? Ông tử tế hết sức.

MẶC cho xe ngựa qua lại, anh bời của ông Xi-Nấp và anh bời của ông Ma-Nhắc thảo luận với nhau rất tâm đầu ý hiệp. Họ không nói hết câu. Mấy tiếng đầu câu thì nói lớn, đoạn sau thì rù rì nghe không rõ.

Anh bời của ông Xi Nấp nói :

— Tôi chia hai với anh số tiền thưởng, tổng cộng tất cả là...

Hai Lờ nói :

— Ừ ! Bao nhiêu cũng được. Anh biểu tôi ám sát ông hả ?

— Không phải ! Mấy con... của ông còn sống không ? Ai giữ... chìa khóa cửa chuồng ?

— Bữa thì ông, bữa thì tôi ?

— Mình phải làm như vậy... chịu không ? Ông Xi Nấp muốn...

— Dễ ợt, ngày mai ông đi Đại Ngai. Chiều mới về. Cõ... giờ nghe tôi mở cửa chuồng, rồi thì đổ thừa cho người khác.

— Được bao nhiêu chuyện đó thôi, còn tôi thì...

— Đừng lo ! Tôi làm như vậy... như vậy là phí tang. Rủi có... mình ăn cơm gạo lúc chung.

Cả hai từ giã nhau, cùng lớn tiếng.

ÔN G đốc tờ Ma Nhắc xuống tàu đi Đại Ngãi từ hồi bảy giờ sáng.

Vào khoảng tám giờ anh bồi vào phòng, tìm ông Xì Nấp mà nói :

— *Móng xù* con chim *mỏi dăng phe* chết.

Ông ta mừng quýnh mang súng lên vai bỏ mười viên đạn trong túi. Anh bồi đi trước. Ông Xì Nấp theo sau. Đến quảng đất trống gần chợ, anh bồi ra hiệu lệnh bảo ông chủ đi lom khom lưng như anh ta. Lưng vừa bắt đầu mới thì ông Xì Nấp mừng rỡ nhìn : Ô kìa ! Bốn con già sói cao nghệu đứng ngoài đồng im lìm, ngóng mỏ ngo ngáo.

Ông đặt súng lên vai nhắm kỹ.

— Đùng !

Một con già sói ngã quỵ.

— Đùng ! Thêm một con chết ngấm !

Hai con còn lại nhìn dáo dác, vổ cánh ba lần nhưng không thêm rời mặt đất. Thừa cơ đối phương đang mất tinh thần ông Xì Nấp bồi thêm hai phát nữa giết trọn lũ.

Anh bồi reo to :

— « *Bóng* » quá ! *móng xù* « *phe* » chết ! *Đồn nê mỏa xanh dách* !

Ông tươi cười bảo anh bồi mang bốn con thịt vào đồn rồi trả tiền sau. Ông vui sướng nghĩ đến những giòong chữ bay bướm mà ông sẽ viết cho đứa cháu gái ở Mạc-Xây kèm theo mớ lông chim già sói này.

BÔNG có tiếng gõ cửa. Hai Lờ — tên bồi của ông đốc tờ Ma-Nhắc — bước vào mang phong thơ. Vừa thấy mặt y, ông Xì-Nấp sanh nghi : Hay là mấy con chim này của ông Ma-Nhắc nuôi ! Đằng nhà ông có một chuồng chim lớn lắm...

Lờ trong thơ quá mĩa mai, ông Ma Nhắc cho biết : Trong số bốn con này có hai con bị cắt bớt lông cánh nên không bay được. Bắn chim cụt cánh mà hay ho gì ! Và mời ông Xì Nấp lát nữa đến nhà để giải quyết một vấn đề nghiêm trọng.

Bấy lâu nay, ông Xì Nấp rất kiêng nể ông Ma Nhắc. Là kẻ đến xứ này để « khai hóa », đồng thuyền đồng hội nhưng họ vẫn phân chia « giai cấp ». Ông Ma Nhắc là hạng trí thức, ông Xì-Nấp thuộc hạng vô biên ! Hơn nữa Ma-Nhắc có bà con đủ oai quyền hiện làm ở Bộ Thuộc Địa.

Sau khi ăn mặc chỉnh tề, ông Xì-Nấp đến nhà ông Ma-Nhắc. Trước khi ra cửa, ông liếc lại, nhìn bốn cái xác già sói nọ, như bốn oan hồn đòi báo oán...

Đến nhà ông Ma-Nhắc, Ông Xì-Nấp mở lời chào e dè, sượng sùng :

— Chào đốc tờ !

Ông đốc tờ Ma-Nhắc lại đáp cụt ngắn.

— Chào ông. Ông dư biết chuyện mà ông gây ra vừa rồi không là chuyện nhỏ bé đối với tôi.

— Ông hiểu cho... chẳng qua vì vô tình, vì hoàn cảnh.

— Giết bốn con già sói mà tôi nuôi bấy lâu nay ! Vô tình mà sao bắn đến bốn phát súng liên tiếp ! Người vô biên như ông... dư bì đạn nên phí. Ông có hiểu công phu tôi nuôi nấng nó từ bao năm nay ? Ông cứ về. Lát nữa, tôi chợ người đến đưa cái « phắc tuya » tận tay ông.

Ô N G Xì nấp bên lén, rút lui về đồn như một kẻ bị thương nặng. Số tiền bồi thường sẽ là bao nhiêu ? Hằng chục ngàn quan không chừng, rồi còn dư luận của người bốn xứ, của người Pháp ở Sóc Trăng đối với cái tài thiện xạ của ông ! Không khéo ở Saigon người ta đăng vụ này lên báo sốt dẻo mà xấu hổ !

Ông Xì Nấp chờ đợi, một giờ, hai giờ, ba giờ, nhưng chưa thấy cái « phắc tuya » của ông Ma Nhắc. Thiệt là đứng ngồi không yên. Mãi đến năm giờ chiều ông mới nhận được miếng giấy nhỏ :

«Bạn Xì Nấp thân mến.

Tôi đã điều tra kỹ lưỡng, hiểu rằng bạn chỉ là nạn nhân của hoàn cảnh.

Nhút định là thằng bồi của tôi đã ám mưu thông đồng với thằng bồi của bạn. Minh sẽ trừng trị bọn nó cho đích đáng.

Vì vậy tôi sẵn sàng tha thứ bạn. Nhưng bạn phải nhận lấy sự trừng phạt tối thiểu này : chiều nay, bạn đến nhà tôi nhậu với tôi, để thanh toán mọi hiểu lầm, để giữ vẹn tình bằng hữu giữa người xa xứ.

Đạt-Ma-Nhắc »

NHÀ IN

HY MÃ LẠP SƠN

Một nhà in lớn nhất của Phật giáo trang bị nhiều máy in và kiểu chữ hoàn toàn mới. Nhận in kinh, sách, nhật báo, tuần báo, nguyệt san, bán nguyệt san, sò sách, ấn chỉ văn phòng...

190, LÝ THÁI TỒ SAIGON - Đ. T. : 25946

tuấn huy

TRONG VÙNG YÊN LẶNG

CHIA tay Thạch, tôi đồng ý với hắn là sẽ bỏ đi cuối tuần lễ đó. « Mọi việc tôi sẽ thu xếp ổn thỏa, chỉ cần cậu cương quyết một chút ». Tôi đeo cặp kính râm, vượt qua ngõ tắt. Lối đi chật hẹp đầy những «phuy» nước và vỏ thùng. Tôi định mở cửa, nhưng mắt tôi ngừng lại nơi ô khóa. Tấm danh thiếp của Quyên — người em họ tôi — để lại với những hàng chữ viết nghiêng run rẩy : *Anh Toàn. Cậu em mất hồi 9 giờ sáng nay.* Tôi lặng người đi trong nỗi thảng thốt bàng-hoàng. Đối diện với khung cửa đã ố vàng hoen bầm, tôi đứng bất động — chân tay rủ rượi dư thừa — Rồi lùi thúi, tôi đi trở ra phía ngoài lộ lớn. Con ngõ hẹp khúc khuỷu vòng vèo. Khắp nơi là rác rến, bã mĩa, giấy vụn nhơ nhớp. Vài đứa trẻ chân

tay lem-luốc bò nghịch lê-la. Một con chó nằm ngửa mình đùa-rỡn với bụi nắng. Chỗ cây trướng cá, một người đàn bà Trung-Hoa còng lưng xách thùng nước gạo chua lòm. Những con ruồi bay lên sà xuống như một tấm lưới. Máy phát thanh rền-rĩ điệu nhạc cải-lương. Mùi tôm cá tanh-tươi phủ ám những khung tường long-lở... Bà cụ nấu cơm thán, ngồi ở bậu cửa, thấy tôi đi ngang cụ hỏi : « Trưa nay thầy Toàn không ăn cơm sao ? » Tôi lắc đầu. Không thiết trả lời. Bà cụ nhanh miệng : « Hồi sáng, có một cậu đi xe gắn máy kiếm thầy đó. Không biết tôi nhìn có rõ không, nhưng hình như cậu ấy đã khóc. Mà chuyện chi vậy ? » Tôi đáp lơ-lửng : « Dạ cháu biết rồi ». ... Tiếp tục bước, đến chỗ cột đèn, tôi phải đi nhanh để tránh mùi hôi-thối xông lên từ đồng rác ngắt cao...

Tôi đứng đợi chuyển buýt trên Saigon xuống. Nhưng đợi hơn nửa giờ vẫn chẳng thấy chiếc nào. Tôi thấy chiếc tắc xi. Người tài xế xua tay lia lịa. Tôi ngoắt chiếc xích-lô máy. Người lái xe hỏi, đi đâu ? Tôi trả lời cư xá Lữ-Gia. Ông ta giơ bốn ngón tay làm hiệu : Bốn chục. Tôi gật đầu người ấy, tưởng hẳn khùng. Nhưng chưa kịp cất tiếng hỏi, hẳn đã đạp ga cho chiếc xe phóng vụt đi. Từng lớp khói đặc ủa ra khét lẹt... Khi tôi xuống đến nơi, buổi trưa trời nắng chói-chang. Con đường Nguyễn-Văn-Thoại bị ánh nắng mặt trời nung đốt. Những hàng cây đứng im. Những mái nhà lợp bằng *fibro-ciment* sơn đỏ. Tất cả, phơi trải một sự nóng bức ngột-ngạt khó thở. Tôi rút khăn tay lau mồ-hôi. Và bước vào nhà giữa nổi yên-lặng ghê-rợn kỳ-lạ... Tôi chào thím tôi, chào họ hàng. Năm tay Quyền và Ân. Mọi người, ai ai cũng nước mắt chạy quanh-như đã khóc nhiều và còn sắp sửa khóc nhiều — Tôi hỏi Ân nho-nhỏ : « Bố đi rồi em ? » Ân gật ngoan. Và nhìn về cuối phòng. Ở đó, trên chiếc sập gỗ trải nệm *mousse*, chú tôi nằm ngay đơ bất động. Trên mặt ông, có phủ chiếc khăn tay nhỏ. Và trên thân thể ông, có đắp một tấm lụa hồng. Tôi cắn môi, nhìn ngọn nến đang leo lét cháy, những nén hương thơm nồng, bát cơm quả trứng, và những bó hoa huệ trắng... Bà cụ suôi già với thím tôi đang ngồi ở sa lông bàn chuyện chôn cất và tụng niệm. Một người đàn ông của nhà đồn Đ. B., đang loay hoay trước những con số tính toán giá tiền « Thừa, cụ định bao nhiêu con ngựa ? Bao nhiêu lá cờ ? — Xin ông cứ làm đăng hoàng. Đời người ta chỉ có một lần ». Tôi không muốn lưu ý đến những lời bàn ra tán vào của họ. Tôi ngồi xuống chiếc ghế, âm thầm nhìn về phía chú tôi nằm. Lúc đó, tôi không thể khóc được. Bởi vì, hình như giữa chú tôi và tôi — giữa một người đã chết và một người còn sống — không có gì là xa cách hết. Tôi tưởng

tưởng, chú tôi chỉ đang nằm ngủ — một giấc ngủ trưa chẳng hạn — Và chúng tôi — những người thức — đều nói năng nhỏ nhẹ, hay không nói gì cả, chỉ ngồi yên lặng... Chính thế, tôi ngồi im. Tâm trí mê thiếp như đã uống thuốc an thần. Đôi mắt mệt mỏi nặng trĩu nhắm khấp lại. Tôi thoáng nghĩ đến Thạch — đến cái tờ chức mà hẳn là người móc nối. Tôi tự hỏi « Rồi sẽ đi đến đâu ? Có gây được một tiếng vang nào không » Người đàn ông hỏi « Dạ thưa cụ ông tuổi gì ạ ? » — Thím tôi đáp : « Tuổi mao » người đàn ông lầm nhảm : « Tý sừu dần mao ngộ mùi... » — « Ấy lúc sáng, khi cụ Phồn xuống, tôi bảo, ông cụ Phán xuống thăm ông này, ông nói chuyện với cụ đi. Ông cháu nói tôi mệt lắm. Thế rồi... » Có tiếng khóc thút thít. Và những tiếng khóc ấy lan ra rất nhanh. Hai vai tôi rung động như bị ngấm lạnh. Tôi nhớ 7, 8 năm về trước, ngày chú tôi còn làm việc ở Đà-Lạt, tự nhiên ông bị thở huyết. Nguyệt — con gái ông — và tôi vội vã lên thăm. Chuyển xe đó chật chội — đi từ 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều mới tới — tôi ngồi chỗ chiếc ghế thấp, nôn mửa suốt quãng đường dài suốt 300 cây số ngàn... Nơi chú tôi ở, một căn nhà nhỏ trên ngọn đồi cao khu *cité gare*. Sáng sáng, tôi đưa chú tôi đến bệnh viện, qua những đồi và những con dốc cao vút. Nhiều lúc, chú tôi phải dừng lại để thở. Chú là em thứ ba của thầy tôi. Tính tình vui vẻ, và ưa hoạt động. Ngày ở Hà-Nội, nhà chú tôi giàu, và nhà tôi thật nghèo. Nhưng không phải vì sự giàu nghèo ấy mà chú tôi và thầy tôi xa cách nhau. Hình như trong mấy anh em, chú là người thương quý thầy tôi và luôn luôn giúp đỡ thầy tôi tiền bạc. Tôi nhớ ngôi nhà của chú tôi ở cuối đường Bovet. Và căn nhà lụp xụp của chúng tôi ở trước cửa trường học hàng Than — gần đường Bùi Viện — Những lần chú lên chơi, chú dăm dúi cho thầy tôi những món tiền để thầy tôi mua thuốc... Những kỷ

niệm của tôi — với chú — trong đời thơ dại, là những kỷ niệm đẹp đẽ và cảm động. Những ngày tôi được nghỉ làm — tôi còn nhớ là những ngày thứ hai — tôi thường xuống nhà chú, ăn cơm với chú và nghe chú dạy dỗ khuyên bảo. Trước sau, tôi vẫn coi chú như thầy tôi, và thương quý chú cũng như thương quý thầy tôi vậy... Ngày bỏ Hà Nội vào Nam, tôi đi có một mình. Tôi đã nương sống một thời gian với chú — ở Nha Trang, Đà Lạt, và rồi Sài Gòn. Chú thường nhắc nhớ Ân, Quyền và tôi phải thương yêu và đùm bọc lấy nhau... Một chiếc xích lô máy ngừng ngay xế cửa. Một người đàn bà — Nguyệt — tất tưởi chạy vào. Nguyệt khóc gào thảm thiết và nằm lăn xuống sàn gạch rầy rụa. Nàng réo gọi người cha thân yêu và kẻ lẽ bù lu bù loa. Tất cả những người có mặt, đều đứng bao quanh Nguyệt. Không một ai khuyên nhủ được. Sự đau đớn quá độ đã khiến Nguyệt điên khùng như kẻ mất trí. Nàng đòi xem mặt chú tôi lần cuối cùng. Tôi giữ chặt người nàng, trong khi Ân từ từ gỡ mảnh khăn nhỏ trên mặt chú tôi ra. Những tiếng khóc « cậu ơi ! cậu ơi ! » huyền não hỗn độn. Lòng tôi tưởng như tan vỡ trước hình ảnh đó. Nét mặt chú tôi vẫn bình thản lạ lùng. Đôi mắt khép hờ. Những sợi râu mọc trên mép rậm rì. Chiếc khăn xếp đội trên đầu làm khuôn mặt ông như ngẩn bốt lại. Không thể cầm được nước mắt, khi tôi thấy ông giống hệt như cha tôi — một người cha nghèo nàn đáng thương, tôi đã phải chia tay từ mười năm trước — Kính cẩn, tôi vuốt mắt cho chú tôi. Đôi mắt đó giờ đây mới khép kín lại. Vĩnh viễn... Tôi hình dung những buổi chiều — khi chú tôi ở sở về — Cái bóng gầy còm của ông in đậm trên nền trời đầy mây đen. Những chiều đó, tôi ngồi ngóng đợi chú giữa những ngọn cỏ may. Trong vườn những cánh lá khô xao xác rụng. Chú

nhìn tôi, bao giờ cũng khoan dung, vui vẻ, mỉm cười. Tôi nhìn cây *mimosa*, những cánh lá lăn tăn xám trắng như phủ sương, tôi nhìn cái áo dạ cũ kỹ của chú — trạnh lòng nhớ đến cha tôi, và thấy ngậm ngùi thương xót cả hai... Bao giờ cơm nước xong, chú cháu tôi thường vừa ngồi uống nước trà, vừa bàn những chuyện thời thế xa gần. Chú tôi thường kể cho tôi nghe những khó khăn ở sở. Cả những kỷ niệm thuở thơ ấu của ông. Và những huyền thoại về gia đình tôi trước kia... Có đêm, trời lạnh, chú cháu tôi cùng chui vào một căn buồng nhỏ — nằm trong chăn ấm chuyện trò. Những lúc ấy, tôi cảm thấy không còn lẻ loi. Và tôi biết rằng, chú cũng thương tôi như thương một người con của chú... Một lần, chú tôi bảo mặc quần áo đảng hoàng, đưa tôi xuống nhà một người quen mở tiệm bán vàng ở gần chợ Đà Lạt. Chú định xem ý tôi, nếu tôi bằng lòng, sẽ hỏi cho tôi cô em gái của bà chủ tiệm vàng. Nhưng tôi không ưng. Chú không mấy vui. Hình như lúc nào chú cũng quan tâm đến việc vợ con của tôi, và mong sao tôi gặp được một người hiền lành tử tế... Mảnh khăn đã đặt lại. Một con ruồi bay lên. Chúng tôi căng hai miếng vải sô-lôn làm thành một tấm màn. Chú tôi nằm sau tấm màn đó. Tôi lướt nhìn bức tranh vẽ một thiếu nữ ngồi đánh dương cầm. Trong cảnh tang tóc này, bức tranh đó thật lạc lõng và lõe loét. Nó sẽ được tháo xuống. Cất đi. Đề thay vào bằng những bức trường đèn, những vòng hoa cườm... Ở nhà trên, Lam quần quai nôn mửa mặt xanh mặt vàng. Lam bị cảm đã hai hôm nay. Và trong cơn sốt, nàng mê sảng những chuyện hải hùng kinh dị... Tôi đặt tay lên trán Lam. Trán nóng như nung lửa. Tôi nhìn tất cả các em — nghĩ đến cảnh cô cút đau buồn của chúng nó. Khôi ở lại Hà Nội — Khôi đã có vợ và có

con. Nga cũng ở lại Hà Nội. Nga cũng đã có con và có chồng. Quỳ ở trong này, chồng Quỳ — một sĩ quan ưu tú đã qua đời. Nguyệt, Hương đã ở riêng. Quyền mới tốt nghiệp lớp hoa tiêu quan sát. Ân thì đang học y khoa. Lam và Quyền học trường Hưng Đạo... Từ ngày bỏ cơ nghiệp vào Nam, chú tôi đã nghèo đi nhiều. Dành dụm từng cắt từng đồng, chú tôi mới mua nổi một căn nhà nhỏ ở hẻm Nguyễn Thiện Thuật. Khi Quỳ được cấp nhà trong khu cư xá này, chú tôi bán căn nhà kia đi, dọn về đây ở chung, để « cha con, ông cháu dựa vào nhau mà sống »... Tôi thăm phục sự nhần nhục và sức chịu đựng của chú. Chú tôi đã phải đi làm — những công việc nặng nhọc mà ngày còn ở Hà Nội chưa bao giờ chú tôi nghĩ tới — Chú đã cố gắng chữa bỏ thuốc phiện — để chắt chiu gây dựng lại một cơ nghiệp mới, từ con số không rách nát. Tôi bụm tay dưới cằm. Đứng ở ban công nhìn xuống khu biệt thự đang được xây cất thêm. Tôi chợt nghĩ đến Dung — người đàn bà phấn hương — dạo ấy tôi suýt lấy làm vợ. Những ngày đêm mê mết theo đuổi nàng. Những phút vui — như con thiêu thân ném mình vào lửa đỏ. Tuy ở Đà Lạt, nhưng chú tôi cũng phong thanh biết chuyện. Một dịp rằm tháng tám, chú tôi xin phép nghỉ sở về Sài Gòn, tìm gặp tôi để hỏi cho rõ đầu đuôi. Tôi nhớ bữa đó, chú tôi cho tôi, Quyền và Ân đi ăn chả cá. Tôi ngồi im nhìn những cánh lá rau thì — và nhìn những con ốc nhồi thịt bằm với lá gừng. Có lúc tôi hoảng sợ, vì định ninh thế nào chú tôi cũng la rầy mắng mỏ... Nhưng tuyệt nhiên, không. Bữa ăn trôi đi một cách hoàn toàn êm thấm. Chú tôi nhấp từng ngụm rượu cầm. Và nhắc lại những món ăn mẹ tôi hay làm trước kia. Quả tình, lúc đó, tôi ăn năn hối hận. Vì sự nhắc-nhở ấy đã vẽ lại trước mắt tôi một người mẹ khờ-cực nghèo-nàn.. Và tôi tự hiểu, là tôi không được quyền chơi bời lêu-lồng, khi cha mẹ, anh chị em tôi;

còn đói nghèo như thế... Cho đến phút chia tay, chú tôi không dă-dộng gì đến việc tôi đi lại quen biết Dung. Chú chỉ ôn-tồn hỏi : « Thế nào, cô ấy khá không ? Cháu thương cô ấy chứ ? » Tôi im-lặng, vì cảm thấy vô cùng hồ-thẹn. Tôi nhìn rất lâu mái tóc bạc trắng của người — dưới ánh đèn lấp-lánh đường Phan-Bội-Châu... Tôi chạy vào hiệu Đông-Hưng-Viên mua một hộp bánh nướng. Những ông sao bằng giấy kim-tuyến lung-linh và tan-vỡ ra trong đôi mắt ướt lệ của tôi...

BA con họ hàng đến mỗi lúc một đông. Những tiếng khóc òa lên rồi nín im tăm tức. Dưới mảnh lụa hồng, chú tôi vẫn nằm yên, như một pho tượng. Quyền đã đi rửa tấm ảnh lớn. Hình chụp chú tôi cách đây đã lâu, ngày chú còn ở Đà-Lạt. Chú mặc áo *pardessus* trông to-lớn khỏe-mạnh. Đôi mắt chú hấp-hiu nhìn như xa-xăm. Thốt nhiên, tôi lại hình dung đến những luồng hoa sỏi, hoa hồng chú tôi trồng ở ngay đầu nhà. Bên kia là bờ giậu, là khu vườn xanh mát — cuối con đường kia những tòa biệt thự quét vôi màu trắng. Chú tôi thường đứng hàng giờ nhìn sang nóc trường Yersin vút cao. Có lẽ những giây phút đó, tâm-hồn chú tôi đã gửi về một miền quê-hương xa lơ xa lắc... Khi bỏ Hà-Nội ra đi, chú tôi đã bỏ lại đằng sau lưng tất cả; những gì ông mến-yêu và những gì ông dành-dụm suốt cả một đời người.. Các em tôi bùng lên những ly bột sắn trắng mát và những tách cà-phê đen nóng. Tôi nâng tách cà-phê, uống cho người tỉnh-táo. Bên ngoài chiều đã xuống. Những bè mây màu xám trôi bay trên vòm trời thành-phố u-buồn. Tôi nhìn bà nội tôi đang ngồi ở chiếc ghế tràng-kỷ tay lằn tràng hạt và miệng lăm-râm niệm Phật. Những chiếc tắc xi nối tiếp nhau đỗ ở bên phía trường điện. Vợ chồng Nhân và mấy đứa con đang băng qua lộ. Bọn họ mới ở Quy-Nhơn vào trưa nay. Chắc tất cả, chưa biết tin chú

tôi đã mất ; Những tiếng khóc lại cất lên thay tiếng chào hỏi thông thường. Chúng tôi — tất cả chúng tôi — đều nhìn nhau bằng cay đắng xót xa. Vì tất cả đều biết trước ngày hôm nay sẽ đến... Mấy tháng trước tết, không thể gắng gượng được nữa, chú tôi xin thôi sở làm. (Một trạm xăng Caltex mới xây ở cuối đường Trương-Minh-Giang). Theo lời khuyên của vợ chồng Nhân, chú tôi ra Quy Nhơn vừa dưỡng bệnh vừa nghỉ ngơi. Những y-sĩ Đại-Hàn đã giải phẫu chỗ bụng, và cho biết chú tôi bị *ung-thư gan*, chẳng còn sống được bao lâu nữa. Buổi chiều xuống rất chậm, trong khi không khí oi bức như sắp sửa mưa. Mồ hôi chảy ra ướt đầm tất cả các lưng áo. Các cụ các bà vừa meo máo vừa bàn tính chuyện chôn cất, và cắt đặt mỗi người một công việc. Tôi ngơ ngác nhìn thân thích họ hàng, tưởng như nhìn những hình bóng mờ ảo trong khung gương hồng... Cả đêm đó, tôi về nhà thấp thỏm không tài nào ngủ được. Hình ảnh chú tôi, với khuôn mặt gầy ốm xương xẩu, những sợi râu, và nước da vàng lạnh — in sâu vào tiềm thức tôi thành một ấn tượng không thể xóa bỏ. Tôi uống hai viên *binocet* đợi đón giấc ngủ vất vả khó khăn. Và suốt đêm, tôi nằm mơ thấy được sống ngược về những kỷ niệm cũ. Chúng tôi quây quần ăn cái tết thứ nhất ở Đà-Lạt. Những bông hoa đào. Không khí rét lạnh và tiếng pháo nổ râm lan khắp cả bốn phía rừng núi. Ngày mồng bốn, vợ chồng Nhân phải về Tuy-Hòa. Chiếc xe cũ không chịu nổi máy, tất cả anh em, chú cháu chúng tôi phải xúm lại đẩy. Rồi cái tết thứ tư, chú tôi hẹn sẽ về Saigon nhưng đến tối 30, vẫn chưa thấy chú đâu. Tôi, Ân, và Quyền ra đứng ở sân ga mong ngóng... Những buổi tối, chú tôi, và tôi rủ nhau đi ăn cơm tây. Một tiệm nhỏ ở một phố khuất. Những ngày cúng giỗ tổ tiên, điệu bộ chú tôi trịnh trọng kính cẩn. Một buổi sáng, ở Saigon, chú thím tôi đưa tôi

đến nhà một người bạn quen — để cho tôi xem mặt một cô gái nào đó. Trong giấc mơ, hình bóng Thi cũng phảng phất lớn-vồn như một mùi hương thơm. « Sao anh không cho chị ấy đến. Để hôm nào khỏi hẳn, chú phải đi xem mặt người cháu dâu tương lai của chú mới được ». Tôi vùng dậy, lúc 5 giờ sáng. Lối xóm vẫn ngủ yên. Trừ ngoài lộ lớn, tiếng động cơ xe xích lô máy chạy vụt qua rầm rộ. Lễ nhập quan, và lễ phát tang. Tiếng khóc từng hồi xé gan xé ruột. Những vòng hoa và những bức trướng. Những bao nến và những thẻ hương. Thân thể chú tôi bị bó chặt lại, và đặt nằm giữa chiếc quan tài. Chung quanh chèn phủ đầy trà. Một vị thượng tọa — mặc áo cà sa vàng, đến tụng niệm. Tất cả chúng tôi ngoan ngoãn quỳ xuống để nghe người giảng về lẽ vô thường của kiếp người. Tôi cúi xuống nhìn những vòng tròn nổi tiếp in trên sân gạch hoa — tưởng đó là những dây thép gai — Tôi sẽ từ bỏ cuộc sống yên ấm này. Tôi sẽ dấn thân vào một cuộc hành trình không biết bao lâu và chẳng có lối ra. Một nỗi buồn từ một chốn xa xôi nào kéo tới. Tôi cần môi và hai dòng nước mắt chan hòa... Lần lượt, chúng tôi được phát tang phục. Quyền và Ân tay chống gậy, đầu đội mũ rơm. Tôi nhìn một chiếc mũ và một chiếc gậy để ở góc nhà — những cái đó dành cho Khôi — người con trai lớn không có mặt ở miền Nam. Sự hồi tưởng trong trí óc tôi hoạt động không ngừng không nghỉ. Năm đó, Khôi bỏ gia đình trốn ra hậu phương. Có lẽ vì Khôi đã cảm thấy sự nhục nhã của những thanh-niên sống khô-héo trong vùng tạm chiếm. Ngày Khôi đi, gây một sừng-sốt lớn lao cho cả tộc-họ, nhưng chú tôi không hề oán-trách gì Khôi. Chú nói, Khôi đi là đúng. Nó phải theo gương thằng Luân và thằng Cầu. Mãi khi hiệp định Genève được ký-kết, Khôi mới lui-thủi trở về, sau những tháng năm dài bị cầm tù — vì cha mẹ Khôi thuộc

thành phần địa-chủ. Khỏi một mực khuyên chú thím tôi nên bỏ vào Nam. Nhưng chú tôi nhần vì tiếc của, phần vì lo sợ vào Nam chẳng biết làm gì để sống, nên ngập-ngừng ở thể chân trong chân ngoài... Tôi nhớ một ngày cuối đông, Khôi và tôi đạp xe về thăm một người cô họ ở làng Hậu-Xã. Sáng hôm sau, vui chân, chúng tôi đạp miết về tận Sơn-Đông — thăm cô đồ Vĩ — và sang Yên-Sở thăm chú hai Trác. Con đường từ cầu Phùng qua khu Sầu Giá gỗ-ghề. Hai anh em cúi mọp người đạp xe ngược chiều gió rét. Về đến Trám Trôi, chúng tôi ghé vào một quán lá bên đường ăn hai tô bún riêu nóng và mấy đồng kẹo bột. Khôi kể cho tôi nghe những ngày kháng-chiến gian-khồ mà Khôi đã tham dự. Cả những tình yêu và những lần được hưởng thụ bất chợt trong những chuyến đi đêm. Tôi bùi-ngùi khi Khôi nhắc đến cái chết của anh Cầu. « Để mà làm gì ? Kết cục cho ai ? Hay là những kẻ chết bao giờ cũng là những kẻ thua-thiệt ». Tôi đưa cho Khôi điều thuốc Cotab. Chúng tôi cùng mỗi lửa, và nhìn như ngẫm muốn nói : « Tương-lai bọn trẻ chúng ta đều quá mù-mờ. Rồi đây chẳng biết chỗ nào là chốn an-thân ». Khôi hỏi anh Toàn có đi không ? Tôi đáp tôi chưa định gì hết. Cái quan-trọng là sẽ sống thế nào ? Và liệu có thích-nghĩ được những hoàn cảnh đổi-thay ?... Chung quanh tôi, ai nấy đều sụt-sịt khóc. Tiếng mõ tiếng chuông và tiếng kèn trống rền-rĩ thảm-buồn. Tôi nhìn Hồng và Nguyệt Nhớ những ngày ấu-thơ êm-đềm ở Hà-Nội. Hồng có chiếc xe đạp bằng *duralumin* và chiếc đàn lục-huyền-cầm hạ-uy-di. Hồng thương tôi lắm. Nàng thường cho tôi mượn xe đạp, để phóng lượn lên đường Cờ-Ngư ăn bánh tôm, và cho tôi mượn cây đàn, để sang nhà nhạc-sĩ Nguyễn-Văn-Khánh — một căn nhà nhỏ sát ga hàng Cỏ — học nhạc. Hồng yêu Nhân và đã nhận lời lấy Nhân. Chuyện đó, chẳng hiểu sao tôi cứ buồn mãi. Còn Nguyệt học trường các Mẹ, và học

thêm dương-cầm bên Âm-Nhạc học-xá. Ngày đó, Khôi đi vắng, nên ở nhà chỉ có Hồng và Nguyệt là lớn. Chúng tôi dễ thân nhau, và thường rủ nhau đi xem chớp bóng, đi chợ phiên, đi ăn thịt bò khô, về nhà cô Liên ăn cơm. hay lên nhà hát lớn xem ban ca-kịch (Gió Nam) mới từ Saigon ra Hà-Nội. Ngày Hà-Nội gần tiếp thu, Hồng, Nguyệt, tôi và mấy người bạn học các trường Chu-Văn An, Trưng-Vương, rủ nhau về tận Văn-Đình — vượt qua vòng đai của quân-đội Pháp — Đêm trăng sông, chúng tôi mò mẫm lội qua những cánh đồng úng nước để dự một buổi liên hoan của « vùng giải phóng ». Những thanh niên nam nữ mặc quần áo nâu sồng, ca hát và nhảy múa theo điệu « *sol do mi* » xa la. Bọn chúng tôi lạc lõng tủi buồn, khi họ đề bêu chúng tôi là bọn người thành nhố tiều tư sản, hoặc tay sai và con đẻ của thực dân... Sau chuyển đi « tìm hiểu » đó. Hồng vào Nam theo chồng. Tôi ở lại 5, 6 tháng rồi trốn đi sau dịp Tết. Gia đình chú tôi cũng cuốn gói đi vào dịp này. Hôm gia đình chú tôi vào tới Saigon, đang có trận đùng độ giữa quân đội quốc gia và quân bình xuyên... Ân, Quyền, Lam, Huyền thấy đều nhỏ dại. Tôi nhớ những tấm hình chụp chung với Ân Quyền ở Hòn Chồng. Suốt bao nhiêu năm qua, cuộc đời của chúng tôi đã bao lần đổi thay. Những người nhỏ dại đã lớn. Những người lớn đã trưởng thành. Những người có gia đình đã có thêm những nhiều con cái. Ngày tháng ghi dấu rõ rệt trên thân thể Huyền, Lam — trên nét mặt ưu tư của Quyền, Ân — và trên hai vũng mắt sâu trũng của tôi. Chỉ có tôi là chưa làm nổi việc gì. Tấm lưới mỗi ngày mỗi xiết chặt hơn. Tôi như con thú, quanh quẩn bò đi bò lại trong đó, nhưng chưa ra thoát...

NHỮNG người quen đến phúng điếu giữa tiếng kèn não ruột. Mấy cô bạn của Huyền và Lam mặc áo dài trắng khệ

nệ bụng những vòng hoa. Bạn của Quyền bạn quân phục, đội mũ kết xanh có vành ngân tuyến. Các bạn bè của Nguyệt đi xe hơi sang trọng. Có cả các bà sơ, các di phước ở bệnh viện Nhi Đồng. Tất cả, ai ai cũng đứng nghiêng mình trước linh cữu của chú tôi — và an ủi thím cháu, anh chị em tôi những lời dịu nhẹ. Khi thượng tọa đi khỏi, ông thầy cúng mới giở đồ nghề. Ông bắt quyết và đọc thần chú nghe vừa khôì hài vừa quái dị. Tôi không dám bật cười, khi ông so sánh với chiếc thuyền nan — lênh đênh giữa con sóng lớn. Tôi mân mê những ngón tay chai sạn của mình. Liệu mày có dám chèo tới cùng ? Hay mới được nửa chừng đã buông trôi đầu hàng, mặc dòng nước cuốn xuôi, và chiếc thuyền lật úp ? Bên ngoài, gió đột nhiên thổi mạnh. Lá màn đêm bay phấp phới. Và những ngọn nến cháy vệt đi như sắp đến nơi. Bọn trẻ con lối xóm, xúm xít chỗ bờ rào nhìn ngó, chỉ trỏ. Tôi nhìn những đợt khói nghi ngút tỏa bay, trong khi nắp ván thiên của chiếc quan tài được đẩy lại. Mặt gỗ phẳng lặng màu đỏ, đứt khoát chia lia chúng tôi, ở một thế giới âm thầm khép kín... Khi lễ dứt, tôi đứng lên, hai đầu gối ê ẩm đau mỏi. Tôi nhìn những chiếc mũ mấn, những giải khăn sô, tưởng như tất cả đang xáo trộn theo một biển cổ lớn lao. Thím tôi bảo tôi ở lại ăn cơm nhưng tôi khước từ. Con đường đất đỏ vào khu cư xá, bụi bay cuốn lên từng lớp mù mịt. Chân tôi đá một hòn sỏi lăn đi. Cuộc đời cũng sẽ lăn đi như thế. Tôi nhìn những ngọn đèn đường mới bật sáng, cháy le lói dưới những chùm lá lao xao. Phía tây, những lớp mây đỏ ửng đáng chiều. Tôi bàng hoàng tưởng như buổi chiều nay là buổi chiều tận thế. Ngoảnh lại, tôi nhìn cây hoa ngọc lan và cây tầm ruộc bờ phờ. Những chấn song sắt uốn cong như những móc câu. Tất cả, đối với tôi, như đều mang

cái vẻ tàn phai héo úa trong cùng đáy tâm hồn... Về nhà, tôi để nguyên quần áo, nằm vật xuống giường. Từ căn bếp ngôi nhà kế cận, bay thoang thoảng mùi khói dầu hôi, làm ngứa mũi và ngứa cuống họng. Tôi vợ chai rượu thuốc, tu bữa một ngụm. Máu chảy dần dạt hai bên thái dương, tôi muốn vùi sâu cả thề xác và tâm hồn vào cơn cuồng say mê mết. Nhưng dưới lòng ngực, những người đàn ông đi chơi bởi nói cười hồ hởi. Bỗng nhiên, tôi muốn bước theo họ vào trong đó để ôm xiết đùa rěn với một người đàn bà, và để mặc những nỗi bứt rứt trần trề nhầy nhụa... Trên trần nhà, một con thạch sùng bò quanh ống đèn nê ông. Nó đuôi bắt những con muỗi mát. Mắt tôi nhoe đi. Tất cả trở lại bình dị và mờ nhạt như đời sống buồn tẻ hàng ngày. Giây phút ấy, tôi muốn nhìn thẳng vào những cái tôi ước mơ. Chứ không chỉ nhìn thấy màu đen tối tăm của thực tại. Nhưng thế nào ? Những ước mơ của con người không bao giờ có thể nhìn thấy — dù ở xa hay gần — kể cả những ước mơ không tưởng của bọn Thạch và tôi... Tôi vùng dậy, sang hàng xóm, mượn cái solex, phóng xuống nhà Thi hấp tấp. Con đường Lê Văn Duyệt dài thăm thẳm. Qua ngã ba Ông Tạ, một chiếc xe nhà binh chạy ngược chiều, chiếu đèn pha sáng chói, làm tôi cuống quýt suýt đâm phải một đứa trẻ. Mùi phân ngựa trong trại chăn nuôi nồng nặc, khiến mũi tôi nghẹn tắc. Tôi tắt máy, dựng xe ở bên ngoài bờ rào. Thi đang ngồi học sau vương cửa sổ. Tôi định bỏ về. Nhưng Thi đã thấy. Nàng chạy ra. Tôi ngoắt Thi tới chiếc ghế xích đu ở cuối vườn. Thi hỏi, anh đi đâu bây giờ mới xuống ? Tôi thở dài. Ở nhà trong có tiếng trẻ khóc. Thi lại hỏi, anh ăn cơm chưa ? Tôi đáp rồi. Người anh có mùi rượu. Chắc anh lại mới uống rượu ? Tôi im lặng, ngửa mặt nhìn những ngôi sao tung tóe trên cao. Mạn Tân Sơn Nhất, tiếng máy bay lên

thằng kêu phành phạch ì ì... Đến lượt tôi hỏi Thi, Anh Nghị có về không? Thi đáp có về hồi chiều, nhưng anh em đã vào trại. Tôi đan bằng quơ những ngón tay vào nhau. Đầu óc lộn xộn chương trình đã phát họa. Tôi buộc miệng: Có lẽ anh không ở đây nữa, Thi ạ. — Sao vậy? Em tưởng chuyện kia cũng đã yên. Mà bạn bè anh có ai bị bắt giữ? — Em nói gì? Em sợ nếu anh lánh mặt, người ta càng nghi ngờ. Tốt hơn là anh cứ bình tĩnh. Nếu người ta hỏi, anh trả lời thẳng thắn đàng hoàng. Em tin là người ta sẽ hiểu. Vì đó không phải là điều mong ước của riêng anh, mà là điều mong-ước của tất cả chúng ta — toàn thể nhân loại... Tôi nhếch mép cười. Một con dơi bay chơi vơi ở chỗ đầu hồi. Thi nói tiếp, anh đừng có nghĩ đại. Và anh định đi đâu, và sống ra sao? — Không phải thế. Tôi nói hơi cẩu. Nhưng rồi dịu giọng. Không phải thế, Thi ạ. Anh không thể cắt nghĩa cho em hiểu được. Khi mình đã là một trong những cái vòng tròn. Đáng lẽ sáng mai anh đi, nhưng chú anh mới mất... Mất Thi mở lớn ngạc-nhiên. Nàng hỏi: Làm sao mà mất nhanh vậy? Sao hôm nọ anh bảo chú anh đã đỡ. Em tưởng chú anh vẫn ở ngoài Quy-Nhơn. Tôi bực bội trước những câu hỏi dồn dập đó. Chính tôi, tôi cũng không biết — và không ngờ. Tôi định-ninh là ít nhất chú tôi còn sống được 4, 5 tháng nữa. Thế nên, tôi đã lần lữa, không chịu đưa Thi đến chào ông — tuy Thi có giục tôi nhiều lần, và chú tôi cũng ngờ ý muốn biết mặt Thi nhiều lần. Tôi đứng lên, bứt những cánh lá, vò nát trong bàn tay. Cãi một lúc sau, tôi mới hồi tâm, khi nhìn đôi vai gầy nhỏ của Thi rung-động. Thi, anh rất ân-hận. Nhưng không phải lỗi ở anh. Anh biết, anh không có quyền bắt em chờ-đợi lâu quá. Mà anh thì chưa thể thỏa thuận được. Nếu em muốn quên anh... Thi úp mặt trên hai bàn tay mở giữa. Mỗi khi

có chuyện gì đau-đớn nàng thường làm thế và không nói năng gì nữa. Tôi buông thõng cánh tay theo chiều thân thể. Những mảnh lá vụn nát rơi xuống. Những đam-mê và tình yêu tha-thiết của tôi cũng rơi xuống theo. Trước mặt tôi một bức màn chán-chường buông phủ. Tôi sợ hãi, muốn lần-trốn hết... Tôi muốn hóa thân thành một loài bướm đêm bay đi — trong vùng bóng tối âm-thầm. Tôi muốn đề lại phía sau lưng mình tất cả những bon-chen tranh dành — những công-danh, hạnh-phúc, tiền bạc, và tình yêu, và lòng hận-thù, và những lý-tưởng viễn-vông... Hình như Thi đã khóc. Tôi khờ sờ nghe những tiếng khóc ấy. « Dù thế nào, anh cũng lựa chọn rồi. Chúng ta không thể đi chung một đường đến mãn chiều xế bóng được. Anh không nỡ làm khổ em. Tốt hơn là hãy xa nhau »... Tôi quay lại, dịu dàng đặt hai tay lên bờ vai Thi. Đầu nàng dựa vào bụng tôi. Khuôn mặt nàng nằm nghiêng trông buồn rầu và đẹp nao-nùng. Tôi luồn một tay vào ngực nàng. Nhưng nàng dướn cong người không chịu. Tôi đau-đớn vuốt nhẹ mái tóc Thi, và cúi hôn lên miệng Thi — tưởng như mình đang cúi hôn một di vãng tối tăm giá lạnh. Thi vùng ra khỏi tay tôi, chạy vào nhà trong. Cánh cửa lưới khép lại giận hờn. Tôi nhún vai làm một cử chỉ vô nghĩa và mệt - mỏi. Tôi ngồi lên xe, đạp sang đường Huỳnh Quang Tiên ăn một tô phở nóng. Từ phía trung tâm thành phố có tiếng còi xe cứu hỏa. Tôi nhặt một que tăm, nhìn vào ngõ tối, thấy hai ba người con gái mặc quần áo trắng đứng thập thò. Tôi giở ví, nhưng không đủ tiền để mua vui với họ. Một đoàn công voa chở đầy lính tráng chạy ngang. Tôi vòng lại khu Bàn Cờ tìm Thạch, nhưng hắn đã bỏ đi từ sáng. Vợ Thạch vạch vú cho con bú, và hỏi: Anh Toàn chưa trốn sao? Tôi bảo việc gì tôi phải trốn. Vợ Thạch ngó trước trông sau như sợ sệt: Hồi trưa, họ có vào đây xét nhà. May quá, nhà tôi đi rồi. Chứ

không thì làm sao thoát. Tôi nắm hai tay vào nhau. Chân ngán bở về như kẻ bị lừa. Một mối hoài nghi và cả niềm thương sót lớn dần trong đầu nhức. Tôi giắt xe bước dưới những hàng cây chụm đầu hiu quạnh trong bóng tối nhá nhem của một ngõ vắng không có điện.

SÁNG hôm sau, đám tang khởi hành từ lúc tờ mờ sáng. Những con ngựa đi thật chậm. Những thoi vàng giấy nhỏ rắc ra, mở lối khai đường. Tất cả chúng tôi cúi đầu bước đi lặng lẽ. Tiếng kèn nức nở thấm thía vào xé tâm hồn. Ngang khu nhà Thi ở, tôi nhìn những đám cỏ voi, cao đầy như bụi mía hoang. Nóc nhà nàng màu nâu cũ chìm khuất như lùi mãi ở phương trời xa tít. Tôi biết, tôi sẽ vĩnh viễn mất nàng. Cũng như tôi đang vĩnh viễn mất người chú mà tôi hằng yêu kính. Tôi Lãng Cha Cả, anh chị em chúng tôi không bảo nhau, cùng đưa mắt nhìn về cây sáng ở đầu đường. Nơi ấy, những ngày cuối cùng, chú tôi đã phải đỡ mồ hôi để đổi lấy bát cơm. Tôi nhớ một lần, lên chỗ này thăm chú, chú có than phiền về công việc khó nhọc và lương lậu chẳng được bao nhiêu tiền. Bọn nhà giàu chúng nó chẳng bao giờ biết thương kẻ nghèo. Mình phải nai lưng đầu tắt mặt tối mà khổ cực vẫn

hoàn khổ cực... Lờn chú tôi nói vang lên. Chúng ám ảnh tôi và hằn sâu xuống như những vết chém.

Những hòn đất ném xuống. Lấp đầy mộ huyết. Tôi muốn gửi gắm vào cục đất tôi cầm ở tay tất cả ý nghĩa sâu xa của cuộc sống mỏng manh. Hết thấy ai ai cũng sẽ trở về. Và sự trở về đó mới là lúc được nghỉ ngơi trong vùng yên lặng. Khi con vuốt mắt cho người bao nhiêu oán thù ti tiện trong con đã hết. Bây giờ, con xin chúc người an nghỉ ngàn đời trong thế giới bình yên ở vùng đất thơm êm mát của quê hương... Mắt tôi mờ đi. Ánh nắng lung linh qua những giọt lệ nhoe. Những cơn bão đã dụi đi nơi tâm hồn. Tôi tự bảo, thôi đừng hực hực nữa. Hãy thỏa thuận, và chấp nhận. Tôi nghĩ đến đôi mắt Thi. Hình như màu trời biếc xanh còn in rõ trong đôi mắt nàng. Tôi sẽ không trốn đi đâu cả. Tôi sẽ ở đây. Cho đến khi hai tay buông xuôi, và trở về yên nghỉ dưới lòng đất lạnh như chú tôi... Một con bướm đậu lại trên lùm cỏ dại. Khi nó bay lên, tôi nghĩ rằng, niềm kiêu hãnh của tôi cũng vươn cao và bay bổng lên. Ở bên sân chùa, có nhiều tiếng trẻ con nô đùa...

(10-65)

Đón đọc :

ẢO TƯỢNG

Tập truyện của Nhất Hạnh, Sơn Nam, Hồ Hữu Tường
Chinh Ba, Thiền Chi, Tuệ Uyển, Võ Phiến.

do nhà **LÁ BỐI** ấn hành

cao trúc vũ

XÚ DỪA XANH

TÔI thức dậy thì mặt trời đã lên cao. Buổi sáng mát mẻ, tôi cảm thấy khoan khoái lạ thường. Căn phòng quét vôi trắng sáng sủa. Trên tường treo những bức ảnh và những giỏ cây nhỏ xanh tươi lung lẳng. Tôi nằm trên giường ngáp liền mấy cái... Triều mình trần ngồi trên divan đặt cạnh cửa đi xuống nhà dưới, ngả người vào tường hút thuốc. Trong Triều có vẻ khoẻ mạnh thêm. Tôi vén mùng nhảy xuống sàn nhà đi ra ngoài tiểu rồi vào ngồi trên chiếc ghế đối diện với Triều. Bộ bàn ghế dùng để nước tiếp khách được kê sát cửa sổ ngó ra vườn. Tôi ngó lảng đang lên trần nhà rồi nhìn ra sân. Ngôi nhà có cửa chính

hướng về phía nam. Trước mặt cách những đám ruộng có dòng sông rộng chảy loang loáng dưới nắng mai. Sau lưng ngôi nhà là một cái vườn có cây trái và hoa. Phía trên gần con đường quốc lộ. Có xe chạy qua lại. Triều lại gần cửa, búng mạnh điều thuốc trên hai đầu ngón tay ra ngoài nói :

— Mày đi rửa mặt rồi vào điểm tâm.

Tôi đứng lên uốn mình nói :

— Đêm nay tao ngủ say. Đi xe mệt mỏi quá.

Chiều hôm qua, chiếc xe hàng cũ nát đã chở tôi hơn hai tiếng đồng hồ mới ra tới đây. Con đường quốc lộ xấu

và hẹp có nhiều đoạn bị đào được lấp lại đất đá lổm chổm làm chiếc xe lắc lư như muốn lật. Những cây lớn đứng hai bên ngã nằm ngổn ngang giữa đường.

Ở vài cây cầu bị giứt sập nên xe phải bò xuống con đường đất dưới cầu đi qua. Tôi mơ màng thấy đứa con gái cũng đi một xe. Khuôn mặt đầy đặn có nốt ruồi đen ở má. Cặp mắt đen buồn. Nó lấy tay dí vào mái tóc uốn cao, tôi trông thấy khoảng gáy trắng của nó. Nó không bao giờ dám nhìn chính vào mặt tôi. Người đàn bà Tàu mập ngồi bên cạnh tôi, mặc áo bông ngăn tay làm tôi nhớ mẹ tôi. Tôi đến nhà Triều thì mặt trời đã lặn. Vừa trông thấy tôi, Chị Tâm niềm nở reo lên: A, em. Vắng em lâu rồi. Vào nhà em. Thằng Triều nghỉ lễ mới về đó. Tôi cúi đầu chào. Bà hỏi: sao cháu đi tối vậy? — Thừa buổi mai bận dự lễ nên xe không chạy. Triều ở ngoài ngõ đi vào thấy tôi nó cười. Thấy vai Triều có vác cây cuốc tôi nói: Chào bác nông phu đi làm ruộng về. Triều cười: tao ngờ nhận được thư của tao mày không ra đây vì đường sá nguy hiểm chứ. — Tao đánh bạo đi liều vì buồn và nhớ mày quá! Triều đi vào nhà nói: mày làm như tao là tình nhân của mày không bằng. Ngày trước hai đứa cùng ở chung một gác trọ, học trường tỉnh. Triều hơn tôi một tuổi. Hai đứa cùng học một lớp Triều có dáng dấp khỏe mạnh. Những buổi chiều chúng tôi thường ra sân vận động đá banh hay đi tắm biển. Sau đó Triều bắt banh cho nhà trường. Triều bơi rất khỏe, tôi theo nó ra ngoài khơi nhiều khi đuối sức. Buổi tối hai đứa

thường rủ nhau đi ciné hay thất thểu ngoài thành phố.

NƯỚC mát làm tôi khoẻ thêm người. Tôi phơi chiếc khăn ướt trên dây thép gần giếng, căng từ mái nhà bếp đến cây khế, rồi đi vào nhà. Triều đứng xếp mền ở giường. Đứa con gái, con chị Tâm ở dưới bếp bưng lên mâm cháo, giữa có đĩa đường cát. Nó đặt chiếc mâm trên divan rồi đi xuống nhà dưới. Triều ngồi xuống tay cầm đĩa nói:

— Mày trông cháu Lệ dạo này lớn và đẹp phải không?

Tôi mỉm cười gật đầu:

— Ừ. Hồi kỳ nghỉ hè năm kia tao ở đây thấy nó còn chơi đất với trẻ nít, tắm trường ngoài sông, đứng vừa bằng mặt bàn chứ mấy. Bây giờ lớn thật mau.

— Năm nay nó được vào trường trung học công lập rồi đó.

Triều là con trai độc nhất trong nhà. Cha Triều chết đã lâu. Mẹ Triều đã già. Chị Tâm, chị cả của Triều có chồng sinh Lệ được mười tuổi thì chồng chết. Mẹ con chị Tâm dọn về ở đây. Triều và Thanh đều đi học. Thanh là em gái út của Triều. Dạo tôi và Triều lên năm thứ tư bậc trung học, thì Thanh mới bước chân vào ngưỡng cửa trường nữ trung học nội trú. Những ngày nghỉ học Triều và tôi thường tới trường đón Thanh ra ngoài đi chơi. Hồi ấy Thanh ngây thơ và nói cười hồn nhiên. Tôi xem Thanh như một đứa em gái. Những kỷ niệm của chúng tôi chất chứa tràn trề.

Ăn điểm tâm xong, tôi đốt thuốc rử Triều đi dạo ngoài đồng cho ắm, Chúng tôi đi chân không ra cửa sau ngang qua giếng rồi lách rào ra đồng. Dưới chân tôi trải ra một tấm thảm nhung rộng xanh lúa non. Dọc theo hai bên bờ sông có những cây dừa đứng kề lá với nhau. Mùi nước phèn ở dưới ruộng hắt lên mũi làm tôi khó chịu. Tôi lấy trợn nhảy qua chỗ hẹp của con mương. Triều đứng lại rình bắt con chuồn chuồn hùm. Tôi cúi xuống hốt một nắm cát ném xuống mương. Triều chạy lại gần tôi nói :

— Hồi nhỏ tao muốn học bơi người lớn họ bảo bắt chuồn chuồn ở gần rốn sẽ biết bơi. Tao làm theo nó cái đau như bị điện giật.

TÔI giành con chuồn chuồn ở tay Triều, ngắt đuôi, lấy cọng cỏ đút vào chỗ đuôi bị ngắt rồi thả nó là là bay lên, reo :

—Ồ ! Mày trông chiếc phỉ cơ của tao đang cất cánh.

Triều cười theo :

— Trông mày có vẻ ngày t ho-
llo thật !

Nắng sớm mai làm tôi bắt đầu nóng da mặt. Mồ hôi chảy lấm tấm. Tôi ngó xuống núp dưới bóng khóm tre giữa đồng. Triều đi xuống mương rửa chân. Tôi lấy tay chùi mồ hôi. Chính bờ cát lớn có khóm tre này chúng tôi đã ra đây hóng mát nói chuyện vui vẻ vào những buổi chiều. Tôi liên tưởng đến những

ngày sống với gia đình Triều. Chúng tôi vẫn bên nhau trong ba năm liền trôi qua, đến kỳ nghỉ hè năm kia Triều dẫn tôi về đây chơi. Thanh theo thời gian ấy lớn lên. Thanh đang bước vào tuổi dậy thì. Thân hình nở nang cân đối. Mắt long lanh. Mũi mọng đỏ. Đặc biệt mái tóc thề bỏ xòa dọn sóng sau lưng. Thanh đã bắt đầu ngưng ngấp làm dáng. Đôi khi tôi bắt gặp Thanh đứng một mình nghĩ vẩn vơ, buồn xa xôi. Tôi nhớ một hôm tôi và Thanh đang ngồi ngắm nghía mảnh trời chiều có những đám mây hình dạng khác nhau đẹp đẽ. Thanh chỉ tay nói : Anh thấy chiếc lược bằng mây trắng kia không ? Tôi nhìn theo tay Thanh : Ừ. Chiếc lược đẹp thật. Giá bây giờ anh có chiếc lược thiên nhiên đó anh sẽ tặng em làm kỷ niệm để em sửa soạn mái tóc của em cho đẹp mãi. Thanh ngắm nghĩ trong giây lát nói : Nhưng sợ vì một trường hợp nào đó mà em phải cắt bỏ mái tóc này đi để uốn thì chiếc lược của anh sẽ không còn trọng dụng nữa. Câu nói sâu sắc này của Thanh mà hôm đó tôi không hiểu gì cả. Tôi đã rạo rức mỗi khi gần gũi Thanh. Bây giờ nghĩ lại tôi hiểu Thanh đã thầm kín yêu tôi trước hôm đó. Tôi đã lầm. Thanh vẫn đối xử với tôi như Triều. Tôi đã âm thầm yêu Thanh. Tôi có cảm tưởng mình như một thỏi kim loại mà Thanh là một thanh nam châm. Tôi bị hấp lực của Thanh lôi kéo. Tôi muốn nói lên hay làm một cử chỉ nào để biểu lộ tình yêu với Thanh. Nhưng Thanh quá tự nhiên gần như ngô nghê đã làm tôi ái ngại. Bao giờ tôi cũng muốn làm người anh đường hoàng của Thanh.

Tôi tự kìm hãm và an ủi. Thanh là một pho tượng đẹp xinh xắn của tôi. Nhưng phải đứng đằng xa ngắm nghĩa, chứ không được dùng tay nâng niu.

gieo trên chỗ đầy tử thi và thù hận thì sẽ được quả phi nhân đạo. Rõ thật non mưa và khô hời ! Triều quay lưng lại nói :

— Đi tắm sông đã :

TRIỆU ở dưới mương đi lên, tay đánh nhịp, miệng huýt sáo theo điệu nhạc twist. Đến gần tôi nó nói :

— Nhưng ngày đi bầy chim dọc theo bờ mương này thú thật hả ?

— Thú thật. Thằng Di có hai con sáo trâu đen mượt con lớn biết nói từng tiếng một, còn con nhỏ cả ngày há mỏ đòi ăn. Chiều nào thằng Di cũng xách lồng ra đây bắt mồi cho hai con sáo ăn. Tao và mày thích sáo ghê gớm nên nài nỉ thằng Di mãi nó cho được con sáo n'ỏ. Hồi đó bọn mình lớn tòng ngồng cả mà vẫn còn thích sáo.

Triều đứng trầm ngâm lục soát trí nhớ :

— Bọn mình mua chiếc lồng mới hai chục bạc, bỏ con sáo con vào nuôi nhưng sau nó trúng gió chết mất. Tội nghiệp thằng Di đã chết theo con sáo rồi !

— Sao thế ?

— Nó xin nhập ngũ và bị tử trận.

— Nó mới chết năm ngoái này à ?

Triều im lặng gật đầu.. Bây giờ Di đã chết rồi. Những người chung quanh tôi đã chết. Mỗi ngày lại thêm vào lòng đất. Chiến tranh thật phi lý. Nó chỉ tạo sự công bằng về đau khổ mà thôi. Tại sao người ta phải dựa vào giải pháp đâm máu này chứ ? Thôi đừng mệnh danh nhân đạo ! Hạt nhân đạo đem

TÔI theo Triều đi trên những bờ ruộng về phía dòng sông. Tôi đưa hai tay lên che nắng. Những cọng cỏ vương dưới chân tôi. Tôi chợt nhớ những ngày nghỉ thường về làng thăm mẹ, ra đồng thăm ruộng hay xem giặt lúa. Nơi đó có những người nông dân làm ăn cần cù, vất vả. Bát mồ hôi đổi lấy bát cơm. Họ thật thà, chất phác. Những danh từ cách mạng, giải phóng, cải cách xã hội, độc lập quốc gia đối với họ thật mơ hồ, vô nghĩa vì những nhọc nhằn, khổ sở. Chỉ có manh áo, chén gạo để mặc cho ẩm, ăn cho đỡ đói rét là thiết thực hơn cả. Họ đang chờ sự cứu giúp ! Chúng tôi đến bờ sông giữa sự vui đùa của mấy đứa chăn trâu, chúng đang chơi trò cút bắt ở dưới nước Triều cởi áo bỏ trên bờ rồi nhảy xuống sông bơi như con ếch. Tôi lách người soi mặt trên dòng sông. Nhưng chỗ nước sâu và chảy xoáy vào bờ nên tôi không thấy khuôn mặt xương xẩu của mình trên đó. Mấy đứa nhỏ vẫn còn đùa nghịch ở dưới cầu. Những ngày trẻ dại được lặp lại bằng những hình ảnh tương tự. Tôi ao ước được nhỏ lại để cởi truồng nhảy vào bọn chúng tắm, giỡn. Tôi phóng hời tuồng vào dĩ vãng. Những ngày còn học trường làng tôi và Đức thường rủ nhau nhét vớ dầu trong bụi, đi theo bọn mục đồng trong xóm cưỡi trâu ra gò đánh đáo lỗ, tắm sông. Thằng Đức đánh đáo khá nhất. Thằng Liềm cút lặn dưới nước

rất lâu mà nó lại cao như cây sào nên chúng tôi vẫn gọi dừa Liêm là con rắn nước. Thằng Trí mò đất sét dưới sông, nắn con tu hú thổi nghe vui tai. Có những buổi chiều chúng tôi đào trộm khoai, đốt lửa ngoài gò nướng chín rồi ăn. Những ngày thơ ấu hiện ra với những kỷ niệm êm đềm rồi vụt biến... Tôi tin tưởng cái thế giới nhỏ bé vui nhộn đó mà tôi không thể nào còn bước chân vào đó được.

— Xuống tắm mày, Triều ở bên kia sông giục tôi.

MẤY đứa nhỏ bây giờ đã lên bờ mặc quần áo. Tôi nhắm dòng nước chảy lờ lờ nhảy xuống như một người tự tử. Tôi hụt lặn. Nước mát làm người tôi nhẹ nhàng, khỏe hẳn. Tôi nảy ra ý nghĩ: Nếp sống ở thành thị tù túng, nặng nề bao nhiêu thì trái lại nếp sống ở thôn quê cởi mở dễ chịu bấy nhiêu. Tôi thích sống ở thôn quê hơn thành thị. Bây giờ tôi yêu Huyền. Tôi vẫn thường nhìn Huyền dưới cặp mắt với hai hình ảnh của hai nếp sống đó. Đứng trước sắc đẹp của Huyền tôi cảm thấy giải thoát, đam mê, khoan khoái. Nhưng mỗi khi nghĩ đến những điều kiện trong tình yêu đó thì tâm thể tôi nhọc nhằn, khó chịu lạ thường. Huyền là sự hòa hợp ẩn chứa hai nếp sống thành thị và thôn quê. Nhưng tôi là một tội đồ khổ hạnh bắt buộc nên tôi vẫn tìm cách chạy trốn tình yêu đối với Huyền. Triều bơi lại gần tôi đứng lên chỗ cạnh nói :

— Hồi bọn mình thường trèo lên

mấy cây dừa này hái trái uống nước và bắt chim con về ram ăn ngon lạ hử mày ?

— Tao còn nhớ có lần kiến lửa trên mấy cây dừa cắn tao sưng cả mình.

Triều bơi vô mé sông, trèo lên bờ, lấy áo mặc nói lớn :

— Thôi đi về ăn cơm rồi uống nước dừa non.

— Tao quyết uống một bữa cho chán. Lâu quá không được ăn dừa ở đây.

CHÚNG tôi lại băng đường đồng trở về. Tôi thấy ngôi nhà của Triều đứng một mình trơ trọi, trồi ra trước xóm, nổi lên sau giậu dâm bụt và ẩn hiện dưới những cây dừa xanh. Tôi nói trong gió nhẹ của buổi trưa giữa đồng ruộng :

— Đáng lẽ ngôi nhà của mày phải để tao ở mới thích hợp.

Triều quay lại hỏi :

— Tại sao ?

— Vì nó cũng cô độc như tao.

— Mày lại nghĩ lẫn thần rồi !

Tôi nhớ trong lá thư vừa rồi, Triều nói với tôi là nó sắp lấy vợ. Đám cưới sẽ cử hành trong vòng năm nay. Triều sẽ lấy con Hồng, bạn của Thanh. Hồng và Thanh chơi rất thân. Triều nhờ tôi đi phù rể. Hồi hôm này, trước khi đi ngủ Triều còn dặn : Mày cố gắng đi với tao cho vui nhé ! Tôi cười : phù rể mà mang đáng điệu đám tang của tao đi đâu ? Đi về gần tới nhà bỗng thấy hai cô gái xoa tóc thề, mặc áo dài xanh, quần đen, đi

trên con đường đá dăm trong xóm, Triều lấy tay ấn vào môi, huýt mạnh một cái. Hai cô gái nghe tiếng huýt quay lại nhìn rồi tiếp tục đi. Tôi nói trong tiếng cười của Triều.

— Ê Triều, mái tóc thề cũng ác tệ lắm đó. Có hôm tao và mày cùng đi một chiếc xe, tao đạp muốn hết hơi theo con nhỏ xoa tóc thề đi xe đạp. Đuổi kịp nó mồ hôi ướt cả áo mà nó xấu quá làm hai đứa thất vọng chửi thề một bữa, mày nhớ không ?

— Ừ nhớ. Tóc thề dễ thương thật tao ít thích con gái tóc kẹp đuôi gà. Trông có vẻ khó chịu lắm.

CHÚNG tôi về tới nhà thì mặt trời đã đứng bóng. Chúng tôi đi ngay ra giếng rửa chân. Triều rửa xong trước, chạy lại đu lên cây vú sữa nói :

— Tối nay sáng trăng bọn mình đi ăn nem chua. Mày còn nhớ con Thu, con bà Ký bán quán ngoài đầu đường không ?

— Con nhỏ cười má lúm đồng tiền chứ gì ? Ngày trước bọn mình thường lui tới đó luôn. Một lần gặp con Thu tao hát : hỡi cô má lúm đồng tiền, năm nay cô định kết duyên nơi nào ? Tao còn nhớ nó không nói gì cả mà chỉ cười. Mày bảo tao là đồ lãng mạn, 35.

— Nó có chồng rồi.

Tôi mỉm cười lặp lại :

— Có chồng rồi. Nghĩ cũng buồn.

— Ham lắm !

À ! Trời sáng trăng ở đây gái trai còn hát hò, đối đáp với nhau không mày ?

Triều quay lại đi vào nhà nói :

— Thời buổi chiến tranh mà hò hét khỉ gì.

Chúng tôi thay đồ và đi ăn cơm. Chỉ còn hai đứa ngồi ăn vì cả nhà vừa ăn xong. Bữa cơm có món canh cá trê nấu với rau thơm ăn ngon miệng thật. Rồi bỏ quế hương tản cư gần hai năm trời, nay tôi mới được ăn lại một bữa canh cá đồng như thế này. Ở thôn quê, mùa nước lụt, đi cấy giep thường được nhiều cá trê lắm.

— Tháng rồi, Thanh và Tiến có về đây. Hôm đám cưới Thanh nhờ tao viết thư mời mày ra chơi nhưng mày đi xa chưa về.

Tôi vẫn im lặng ngồi ăn không nói gì cả. Triều nói tiếp :

— Tiến bây giờ khỏe mạnh thêm. Tiến ra trường rồi, đã được đổi về tỉnh này.

TRIỀU nói như những mũi tên nhỏ đang ghim vào tôi. Tôi cảm thấy nhói đau. Những ngày hè gần Thanh tôi vẫn chưa nói được một lời nào yêu Thanh. Tôi thầm nghĩ mỗi tình kín đáo đến khi bộc phát sẽ càng đậm đà. Mãn vụ hè năm đó Triều đi xa. Thư từ liên lạc với Triều đôi khi tôi muốn nhờ Triều dò xét lòng Thanh. Nhưng đắn đo mãi rồi tôi bỏ qua. Một hôm tôi đến trường dẫn Thanh đi ăn kem. Lần này tôi có ý định tỏ thật

lòng mình cho Thanh biết. Nhưng buồn thay qua những câu chuyện hằng ngày rồi tôi từ già Thanh trở về. Đêm đó tôi gục đầu vào gối, mắt ràn rụa. Tôi khóc thật. Tôi khóc vì tình yêu. Khỏi hài và ương hèn quá ! Tôi khóc vì tình Thanh. Tôi khóc vì tức cho tính đạo mạo rụt rè của mình, muốn làm một người anh đau khổ của đôi mắt xanh hơn một người yêu. Thanh ơi ! Anh không muốn em đối xử với anh như thế. Sao em không bẽn lẽn hay lổ lảng như những cô gái khác hả Thanh ?

Ăn cơm xong tôi và Triều ra vườn hái dứa, chặt uống nước rồi vào nhà bỏ giường bỏ ra nằm nhai mực khô và hút thuốc. Triều ôm choàng lấy tôi nói :

— Tao hỏi thật mày còn yêu Thanh hết ?

— Tao nghĩ mày không nên hỏi tao câu ấy.

Triều buông tôi ra nói.

— Mày xấu số thật. Con Thanh bây giờ trông đẹp và buồn !

TÔI nằm nghĩ lan man về Thanh. Sau đêm nước mắt đó hai hôm sau tôi nhất định viết thư cho Triều nhờ nó giúp đỡ. Lá thư gửi đi gần một tháng mà chưa thấy hồi âm thì một buổi chiều Thanh đến tìm tôi ở nhà trọ. Nàng nói : em muốn anh đi xuống biển để em hỏi ý kiến của anh một chút. Tôi vừa mặc quần áo vừa băn khoăn suy nghĩ không biết Thanh sẽ nói điều gì ? Nàng đã hiểu lòng của tôi chăng ? Trên đường đi xuống

biển Thanh vẫn tự nhiên đi bên tôi. Tôi bỗng nghĩ chua xót : Người ta sẽ cho rằng tôi là anh của Thanh hay một người tình chưa một lần dám nói yêu em ! Chúng tôi ngồi dưới góc thông, mặt ngó ra biển. Gió ngoài khơi đưa vào mang theo những hơi nước làm mát dịu. Thanh lấy tay hốt cát bỏ lên chân nói : Chuyện này thì má em, chị Tâm đều đồng ý rồi, chỉ còn anh Triều tìm cách lẩn tránh không nói gì cả. Em hỏi mãi anh ấy vẫn bảo tùy ý em Em thấy anh Triều và anh thường đi chơi với anh Tiến chắc hiểu nhiều về anh ấy. Thanh ngừng lại không nói nữa. ôi Thôi rồi rồi : em định nói Tiến sao ? Anh Tiến đi hỏi cưới em làm vợ, anh góp ý kiến cho em có nên nhận lời hay không ? Câu hỏi của Thanh làm tôi nhòm người bàng hoàng. Tôi càng bối rối hơn. Tôi cố giữ vẻ tự nhiên. Bây giờ tôi không nhớ đã trả lời với Thanh như thế nào. Tôi chỉ nhớ mang máng : em nên nhận lời đi, Tiến được lắm. Tôi chấp chờn thấy tôi đang phụ sức đào một cái huyết sâu để chôn mình. Hình ảnh Tiến lộ vẻ lăm lè trên khuôn mặt lại lớn vồn trước mắt tôi. Tại sao Thanh lại hỏi ý kiến tôi về việc ấy ? Tôi không trách Thanh. Tôi không ghét Tiến. Tôi không án ai cả. Tôi chỉ tức cho tôi. Những ngày sau tôi buồn và đi lang thang một mình khắp phố. Thanh có đến tìm tôi vài ba lần nhưng tôi lánh mặt không muốn gặp nàng.

TR I È U cong môi dưới thổi hơi thuốc cuộn thành vòng tròn nói...

— Tại mày ngần ngừ. Đạo mày gửi lá thư nhưng khi tao về nhà thì gia đình đem chuyện Tiến đi hỏi Thanh ra bàn. Tao cố lánh xa không nói gì cả. Vô lẽ một mình tao mà đứng ra phản đối. Hơn nữa Tiến cũng là bạn. Đó là chuyện quan hệ của đời Thanh.

— Thanh cũng có hỏi tao về việc ấy.

— Mày trả lời thế nào ?

— Lẽ dĩ nhiên là tao tán đồng.

Triều vỗ lên bụng tôi nói :

— Mày rõ thật nông nổi. Nếu hôm đó mày cứ tỏ tình với Thanh đi, chưa muộn. Thanh đã có ý muốn nhận lời Tiến rồi nhưng lòng còn yêu mày nên dè dặt của mày ra sao. Thấy mày vẫn đứng trước tình yêu nên Thanh nghĩ mày không yêu nó, chỉ xem nó như một đứa em gái. Thanh vẫn thường nghe bọn mình nói với nhau là không nên lấy vợ sớm. Nhưng tình yêu của Thanh là thứ tình yêu chân thật, đưa đến hôn nhân. Cuối cùng Thanh đành nhận lời Tiến. Sau đám cưới độ một tháng Thanh về đây tao đã nói thật nỗi lòng của mày cho Thanh nghe. Thanh nói trong giọng tiếc thương : Tại anh đó cả ! Em là con gái, em phải kín đáo chứ. Em vẫn quan niệm rằng người đàn bà phải lo tròn bổn phận nội trợ, làm những công việc vặt vãnh trong nhà : Chăm sóc chồng con, quét dọn, giặt giũ, đi chợ, làm bếp. Người chồng đi làm về thấy mọi việc trong gia đình đều hoàn tất thì vui lòng, sung sướng. Do đó hạnh phúc gia đình được bảo đảm. Cho nên việc học đối với em chỉ là

sự trau dồi kiến thức, học cách cư xử với những người chung quanh. Anh còn nhớ đạo em bỏ học mấy tháng để đi học nữ công gia chánh không ? Hơn nữa em đã lớn rồi. Em phải lo liệu lấy thân phải không anh ? ...

G I O N G nói của Triều tôi nghe mơ hồ. Tôi không nói được một lời nào nữa. Đầu óc bắt đầu loạn choạng. Tôi nổi thuốc, rít từng hơi mạnh trong cổ. Hơi thuốc quện lấy chần song cửa sổ rồi bay vạt vờ ra ngoài vườn. Tôi mơ màng nhớ trước đây có gặp Thanh đi phố. Bụng Thanh có thai. Thanh nói : Chồng em đổi về trên đó rồi. Em xuống đây mua thuốc, ít đồ cần dùng cho cháu, sợ ngày sinh không ai lo. Hôm nào mời anh lên trên đó chơi. Anh Tiến hỏi thăm anh luôn. Em không biết anh ở đâu tìm đến thăm. — Cảm ơn em. Đạo này anh bận lắm. Anh dời chỗ ở luôn luôn. Thanh lấy tay nắm dây cao su buộc gói đồ, bắt mấy cái, giọng trầm buồn : Trông anh còm lẹ ! Thôi anh đừng buồn nữa. Em van anh đừng giận em Tại anh tất cả. Nếu hồi đó... Tôi xưa tay nói trong mơ hồ : không, anh không giận ai cả. Anh đang lo buồn việc nhà. Chúng ta nên bỏ qua chuyện đó thì hơn. Anh muốn bao giờ em cũng là em của anh. Thanh cười hiền lành : em vẫn ao ước như thế. Nè, chiếc còng hời anh cho em còn đây. Thanh xoắn tay áo để lộ chiếc còng trên cổ tay trắng. Tôi nhìn lên đầu Thanh thấy mái tóc đã uốn rồi. Tôi nói : em mới uốn tóc ? — không em uốn đã lâu. Anh Tiến

nói con gái có chồng rồi không nên
xõa tóc nữa mà kẹp lên thì chớ
mất quá, chỉ cắt ngắn uốn đi cho đẹp
thôi. Tôi cười : Nếu hồi đó anh có chiếc
lược bằng mây trắng anh tặng em
thì bây giờ đã vô dụng rồi. — Đó, tại anh
hôm ấy lạnh nhạt với em. Em đã nói như
thế rồi. Chẳng lẽ em nói yêu anh sao ?
Nhưng em đã lớn rồi.

Triều ngồi dậy nói lảng sang
chuyện khác :

— Mà biết anh Quán bây giờ ở
đâu không ?

— Đổi về lại dưới đó. Anh Quán
có vợ rồi. Vợ đẹp, con nhà giàu nữa chứ.
Hôm đám cưới có tao dự. Anh cười hề
hề nói : tôi nghèo, tro troi, vào đây không
họ hàng thân thuộc gì cả. Nay may mắn
lại cưới vợ vừa lòng con nhà giàu. Tất cả
những chi tiết đó đưa đến hôn nhân cũng
giống như một người thợ máy ráp một
chiếc xe.

Triều đứng dậy lại gần bàn vặn
radio nói :

— Thích nhỉ ! Anh Quán có vợ rồi

B Ắ N nhạc ngoại quốc trỗi lên. Triều
lại di-van nằm quay mặt vào tường. Tôi
nằm ngửa, hai tay duỗi thẳng trên giường
bố, mắt ngó lên trần nhà. Triều sắp lấy
vợ. Thanh sắp có con. Tất cả đều hạnh
phúc, đầy đủ. Tôi cảm thấy thua sút quá.
Tôi không muốn níu kéo một hình ảnh
của Thanh ngày xưa. Tôi không muốn
Thanh nghĩ nhiều về sự đổ vỡ của mối
tình cảm lạnh giữa tôi và nàng. Tôi
không muốn an ủi, vỗ về tôi. Tôi
không muốn Thanh ngoại tình bằng
tư tưởng, dù với tôi. Những người
quen biết thường hỏi tôi : dạo này làm
gì ? Tôi nghĩ chưa xót, hổ thẹn lạ
thường. Tôi chưa làm gì cả. Tôi vẫn còn
ăn bám vào mẹ già. Tôi nhớ trước đây
có người giới thiệu tôi dạy một số giờ
Viết văn của một trường tư thục. Tôi
rất mừng vì dịp may để mình kiếm tiền
giúp gia đình trong cơn túng thiếu. Cuối
cùng người ta đã từ chối không cho tôi
dạy vì những lý do không chính đáng.
Lại một nỗi buồn nữa kéo đến bên tôi.
Bận bê bây giờ mỗi đứa một nơi, một chí
hướng, một cuộc sống riêng biệt. Tôi
thiếp vào giấc ngủ trưa giữa tiếng nhạc
êm dịu.

Qui - Nhơn 7 - 65

nói với tuổi hai mươi

NHẤT HẠNH

IV

CHẮC hẳn là em không muốn đi quanh quẩn trong những vòng lý luận. Tôi cũng vậy. Chúng ta hãy tìm một con đường, tìm bằng tất cả những kinh nghiệm và những khổ đau của chúng ta, trong tình trạng hiện tại và trong bài toán hiện thời của chúng ta. Không có bài toán nào là không chứa đựng đáp số của nó nếu quả đó đích thực là một bài toán, nghĩa là có chứa đựng đủ những dữ kiện để đi tới đáp số. Chúng ta quả đang sống trong một cuộc sống khó sống. Và chúng ta cũng biết rằng không phải vì cuộc sống vốn là khó sống mà chính vì chúng ta, tất cả chúng ta đã làm cho cuộc sống trở thành khó sống. Cuộc

sống khó sống ấy không thể biến mất dễ dàng được bởi vì nó không phải là một ác mộng: nó rất hiện thực; nó có những dấu vết trong ta và nó mang những dấu vết của tâm hồn ta. Không có cách chi hay hơn cho chúng ta là hãy bình thần lại và tìm cách thoát khỏi, một cách từ từ, tình trạng hiện tại. Tình trạng do con người tạo ra đã trở lại khống chế con người; vậy thì công cuộc giải phóng của con người ra khỏi sự khống chế đó của tình trạng cần phải được đi đôi với công cuộc giải phóng của nội tâm con người. Con người và hoàn cảnh làm bóng và làm hình cho nhau nên sự giải phóng không thể được quan niệm một chiều.

Và do đó, khởi điểm của công cuộc giải phóng nằm ở ý thức giác ngộ, nằm ở ý chí chuyển hóa nội tâm và chuyển hóa cuộc đời.

Tuổi trẻ luôn luôn ước ao thực hiện một cuộc thay đổi mau chóng nhưng sự diễn tiến của mọi dòng hiện tượng không phải bao giờ cũng đáp ứng lại được dễ dàng cho sự nóng nảy đó. Không, chúng ta đang không ở trong một hoàn cảnh dễ dàng. Chúng ta phải có rất nhiều bình tĩnh, rất nhiều kiên nhẫn. Những lúc khó khăn và nguy nan nhất đòi hỏi nhiều bình tĩnh và kiên nhẫn nhất. Em đừng bức bối, đừng thất vọng, đừng oán trách. Dù sao thì chúng ta vẫn còn là chúng ta mà. Dù sao thì chúng ta cũng vẫn còn nở được một nụ cười mà. Để cho những đường nhăn trên trán chúng ta mất đi, để cho thần kinh ta bớt căng thẳng, để cho tâm hồn ta êm dịu lại. Và cũng để cho sự êm dịu ấy tỏa rộng đến một vài người quanh ta. Cái trán của em nóng hổi như thế, hai mắt em đỏ ngầu như thế thì em cần phải ngồi xuống, cần phải hướng về tiếng gọi của thiên nhiên, cần phải trở về hơi lợi tẩm mình trong giòng nước mát của tâm linh để tìm sức mới. Em đừng vội vàng, miễn là em không quên lãng.

TÔI biết em sẽ còn tranh đấu. Tuổi trẻ không bao giờ chịu thua. Nhưng nếu muốn thành công, chúng ta không thể tự đốt cháy chúng ta bằng những thất vọng, những bất mãn, những đòi hỏi vô lý. Em không nên đòi hỏi, nhất là đòi hỏi hơi nhiều ở những

người lớn. Người lớn cũng chỉ là người, nghĩa là cũng bị buộc ràng trong những điều kiện của tình trạng hiện tại. Người lớn cũng đang vùng vẫy, cũng đang mắc kẹt như em vậy. Sở dĩ chúng ta có ít tự do là vì cái bản ngã đích thực của chúng ta đã bị phong tỏa trong một cái vỏ giả tạo mà ta tưởng lầm là chính bản ngã của chúng ta. Nó ưa thích, xét đoán mà ta cứ tưởng là ta ưa thích xét đoán. Nó vâng theo mệnh lệnh của những điều kiện đã tạo nên nó mà ta cứ tưởng là nó vâng theo mệnh lệnh của chính ta. Lầm rồi, lầm rồi, chúng ta phải xét đoán lại, phải kiểm điểm lại. Tất cả chúng ta đều đã là nạn nhân rồi. Không nên kết án nhau. Chỉ nên kết án tình cách phi nhân bản của những ước lệ, những khuôn đúc, những guồng máy. Người lớn có khi còn tệ hơn em ở chỗ bản ngã đích thực của họ còn bị phong tỏa nhiều hơn, sự hồn nhiên cương trực và trong trắng của tâm hồn họ còn bị sứt mẻ và tiêu diệt một cách thảm bại hơn. Đứng ở địa vị người lớn, họ có vẻ như là có thể có quyền lực hơn em, có thể làm được nhiều việc tốt đẹp hơn em. Và em oán trách họ chỉ vì em nghĩ rằng họ có quyền lực ấy mà họ không chịu làm, họ không chịu làm cho họ, cho đất nước họ, cho đàn con em của họ. Kỳ thực đứng vào chỗ đứng của họ em mới thấy được rằng họ cũng lúng túng khó khăn không khác gì em. Họ có một mớ thẩm quyền nhưng họ chẳng làm gì được nhiều bởi vì họ bị ràng buộc nhiều hơn em và do đó cũng cảm thấy bất lực như em đã từng cảm thấy.

TÔI thấy là các em không nên đòi hỏi ở họ, hoặc nếu có thì nên đòi hỏi họ *một chút ít* mà thôi. Đừng nói cho họ nghe bõn phận của họ. Họ biết chán cái bõn phận ấy là gì rồi. Điều cần thiết là xét xem họ có đủ sức làm «bõn phận» ấy hay không. Em thử nghĩ xem họ đã có thể làm trọn được *bõn phận của họ đối với họ* không đã, đừng nói đến những bõn phận của họ đối với em. Họ cũng có những vấn đề ray rứt, khổn nạn của họ và họ có thể cũng đang vùng vẫy tuyệt vọng trong cái tình trạng của họ. Hãy thương hại họ cũng như có lần em đã thương hại chính em. Thấy được hình dáng thực của họ em sẽ không còn đòi hỏi quá đáng ở họ, hy vọng quá đáng ở họ đề rồi tiếp tục thất vọng và bất mãn vì họ. Đừng đòi hỏi, đừng thất vọng, đừng bất mãn : như thế em đã tiết kiệm được biết bao nhiêu năng lực của em rồi. Và bởi vậy tôi đã đề nghị với em là đừng tự thiêu đốt em vì những đòi hỏi, những thất vọng, những bất mãn vô ích, không cần thiết. Để mặc cho người lớn làm những việc *người lớn* trong khả năng người lớn. Em phải làm việc của em, trong khả năng tuổi trẻ của em. Những gì em thực hiện được trong phạm vi hoạt động của em, tôi biết, cũng có thể chuyển được tinh thể và mở lối thoát cho cả người lớn nữa. Điều đó tôi tin chắc như tin chắc ở khả năng vô biên của tuổi trẻ.

Tình trạng của chúng ta đòi hỏi một cuộc cách mệnh mọi mặt về kinh tế cũng như về giáo dục, văn hóa, xã hội. Em đừng tưởng chỉ có bằng con đường quyền bính ta mới có thể thực hiện được cách mệnh. Em đừng nghĩ rằng chỉ

khi nào có được một chính quyền chủ trương cách mệnh xã hội thực sự khi ấy ta mới có cách mệnh xã hội thực sự. Em đừng tưởng, ví dụ, có làm bộ trưởng bộ giáo dục mới có thể có cơ hội làm cách mệnh giáo dục. Cố nhiên là làm bộ trưởng thì sẽ có một số quyền năng nào đó và một số phương tiện nào đó (dù là những quyền năng và phương tiện ấy rất giới hạn) nhưng nếu vì vậy mà ta nghĩ rằng chỉ có quyền bính mới thực hiện được cách mệnh thì đó là một điều lầm lẫn to lớn. Vì lầm lẫn như thế nên chúng ta mới đề phi ngày giờ và tâm lực của chúng ta mà hy vọng, mà hoan hô, mà đả đảo, mà trông chờ trong khi chúng ta có rất nhiều quyền lực và phương tiện mà chúng ta không sử dụng để xây dựng bằng chính bàn tay và tâm não của chúng ta. Tuổi em không phải là tuổi làm thủ tướng, làm bộ trưởng; tuổi em không phải là tuổi làm người lớn, làm những việc của người lớn. Nhưng có phải chỉ những việc « người lớn » là quan trọng nhất đâu. Em cứ làm đi, làm những việc của tuổi hai mươi, làm cách mệnh văn hóa giáo dục xã hội bằng tuổi hai mươi. Tôi tin rằng em sẽ thành công, và em sẽ làm được những việc mà người lớn không thể nào làm được, vì một lý do duy nhất họ : đã là người lớn mất rồi. Tôi muốn đàm đạo với em về sự xây dựng nền tảng cách mệnh mà chính tuổi trẻ là tuổi có thể xây dựng được nhiều hơn hết bởi vì tuổi trẻ nhiều cương trực và bất mãn hơn hết, và cũng vì không có cương trực không có bất mãn thì không thể có cách cách mệnh đích thực. Đừng quan

niệm rằng cách mệnh là một trận mưa
ân huệ từ trên tưới xuống mà hãy theo
con đường xây dựng từ dưới lên trên.

CHÚNG ta hãy nói đến việc học hành. Trước hết tôi rất không muốn khuyên em nên *chăm học*. Chăm học để làm chi? Đề thi đỗ để có bằng cấp, để tìm được một địa vị xã hội? Quả thực tôi cũng muốn em thi đỗ, có bằng cấp, tìm được việc làm, có được một địa vị trong xã hội. Nhưng nếu mục đích của sự học mà chỉ như thế thì thời gian nấu sủ sôi kinh của em sẽ trở thành một phương tiện mất, và trở thành một cách oan uổng. Thời gian học tập là một thời gian quý báu, không thể được xem như một thời gian khổ sai. Biết bao nhiêu người rời học đường bước vào trường đời rồi mới nhận thấy rằng thời học trò là thời sung sướng nhất. Thế nhưng hầu hết chúng ta đều mong cho cái thời gian loạn lạc kim cấn qua mau để chóng được giải thoát khỏi sự học. Như thế là chúng ta đã nhận thức sự học tập như là một công việc quá nặng nhọc và không có sinh thú. Điều đó là một sự đại đột và thiệt thòi. Chỉ cần một thời gian chiêm nghiệm và một vài phương pháp áp dụng là chúng ta có thể chuyển đổi sự học hành thành một nguồn lạc thú. Tôi biết rõ tất cả những bức mình của các em về chương trình, về lẽ lối giảng dạy thi cử, về tiêu chuẩn xét định giá trị học lực và bằng cấp. Tôi sẽ nói đến những vấn đề ấy, nhưng trước tiên tôi muốn em hãy nhìn lại sự bức mình của chính em. Những sự bức bối kia sờ sờ có ra cũng do em một phần không nhỏ. Và cũng do những người

thực sự yêu thương em nữa. Như các bậc phụ huynh chẳng hạn. Họ muốn em chăm học, nhưng mà họ không biết làm cho em tìm thấy lạc thú trong sự khám phá kiến thức. Động cơ của sự ham học hầu chỉ nằm ở mảnh bằng, ở địa vị tương lai của em trong xã hội. Động cơ của sự học, trước hết, đáng lẽ phải được tìm nơi những lạc thú của khám phá, đi tìm kiến thức, mở rộng chân trời kiến thức.

EM than phiền về chương trình, em than phiền về lẽ lối giảng dạy của các giáo sư. Cổ nhiên là chương trình ấy, lẽ lối giảng dạy ấy có những khuyết điểm. Tuy nhiên xét lại ta vẫn thấy rằng tại vì ta thiếu khao khát tìm học hỏi. Chương trình tú tài hoặc những chứng chỉ đại học mà em đang theo học, thực ra, không đến nỗi dở, không đến nỗi « bỏ đi ». Chúng chưa đựng những đề tài rất hay nhưng tại em thiếu sự khao khát tìm hiểu cho nên chúng trở nên nghèo nàn. Em cũng biết ngày xưa có người học sinh ngữ mà không có tự điển nghiên cứu, không có thư viện, không có tài liệu. Thế mà vì khao khát học hỏi họ thành công hơn những người hiện có trong tầm tay mình hầu hết các phương tiện để thành công. Đã có khi nào em thăm cảm ơn sự hiện diện của một cuốn tự điển chưa, một tài liệu tham khảo, một cuốn sách hay chưa? Chúng ta giàu quá, và chúng ta đã khinh thường. Cái môn sử địa hay công dân ấy có lúc ta thấy nó đến tận cổ, là tại vì ta thiếu sự ham thích, sự khao khát. Có một lúc nào đó ta sẽ lục lại sách vở, tìm mình trong biển tài liệu để đi tìm những điều ta khát khao hiểu biết về các môn đó. Tôi có nói với em một lần rằng trong ta luôn

lòan có nhu yếu khám phá tìm hiểu. Chỉ tại vì ta đã tiêu phí năng lực của ta vào những hoạt động không chính đáng và không cần thiết ta mới trở thành lơ lửng không thiết tha đến sự học hỏi tìm biết. Em hãy tìm nếm hương vị ngọt ngào và say mê của sự học hỏi, và em sẽ thấy chúng cũng có hấp dẫn lực lớn lao như các bộ môn thể thao hay nghệ thuật vậy. Nếu không tại sao đã có những người đề ra hai ba mươi năm hay trọn đời đề mà chỉ nghiên cứu về vấn đề ?

NẾU em không thích học thì em không thể chăm học được. Vì vậy phải đánh thức sự khát khao hiểu biết trong em dậy. Có những phương pháp giúp em thực hiện, trong đó tôi thấy có một phương pháp giữ gìn sinh lực đừng cho phân tán vào những hoạt động không đâu và hai phương pháp gần gũi với những người thích học. Cố nhiên những người này không phải là những người « học gạo » — những người này trong số đó có giáo sư và sinh viên hay tìm gặp nhau để đàm luận, trao đổi và chia xẻ những lạc thú của sự khám phá. Tôi đã có đi dạy học và nhiều khi nhờ tiếp xúc với vài ba người sinh viên ham chuộng hiểu biết thôi, thế mà tôi cũng được lấy sự hăng hái và có thêm nhiều lạc thú trong sự nghiên cứu và trao đổi. Tôi cảm ơn họ và tôi nghĩ rằng trong một lớp học mà không có một vài người học với tinh thần đó thì lớp học sẽ rất buồn tẻ. Có nhiều lớp học buồn tẻ thật vì sinh viên trong lớp chỉ muốn học đề thi đỗ. Rất ít khi họ hỏi tôi về tài liệu và phương pháp khảo cứu ;

họ cứ hỏi tôi về bài giảng để họ có thể học thi. Như vậy thì chính tôi cũng phải xuống tinh thần. Tôi thường nói : thi đỗ thì không khó, nhưng mà học không phải chỉ là đề thi đỗ. Học là đề biết, đề khám phá. Có những lớp học mà tôi giảng không biết mệt, đàm luận không biết mệt, chỉ vì trong đó có vài người thích học. Tôi đã dạy trong một chừng chỉ triết và tôi ưa chừng chỉ này lắm chỉ vì có một người lớn tuổi ham học. Người này là một bà khoảng gần sáu mươi tuổi, học cố nhiên không phải vì muốn có bằng cấp mà vì sự hiểu biết. Bà theo dõi tôi rất chăm chú và hai con mắt của bà chứng tỏ rằng bà tìm thấy rất nhiều hứng thú trong sự học. Hồi tôi giảng về triết Duy Thức ở Columbia, có một bà mẹ Công giáo, mother Fiske, giáo sư trường nữ đại học Manhattanville, đến dự thính. Bà không bỏ qua một giờ nào. Lại có một người bạn họa sĩ cũng đến ghi tên học. Thành thử chúng tôi đã làm việc hăng hái với nhau trong suốt giảng khóa. Mỗi người đều viết một thiên tiểu luận, và trước khi viết ai cũng có dịp trình bày đề tài và phương pháp của mình trong lớp để mọi người có thể góp ý của họ cho thiên tiểu luận. Kỳ thi ấy, ai cũng đỗ điểm cao.

Nhưng mà sự khát khao hiểu biết đôi khi có liên hệ tới những yếu tố khác, ví dụ tính cách cấp thiết và thực dụng của một số kiến thức. Cố nhiên ta khát khao hiểu biết về mọi sự, nhưng trong tình trạng sinh hoạt xã hội ta, ta thấy có nhiều vấn đề cần được giải quyết. Ước muốn giải quyết

các vấn đề ấy cũng là một động lực đẩy ta đi tới khảo cứu, khám phá và tìm tòi giải đáp. Cuộc sống luôn luôn nhắc nhở ta, thúc đẩy ta đi khảo cứu học hỏi và tìm tòi những lời giải đáp. Ít khi chúng ta có thể sống trong tháp ngà được. Ta phải sống hiện thực trong cuộc đời và do đó ta phải đi tìm giải đáp, đi tìm lối thoát cho những vấn đề của chúng ta. Quốc gia Việt Nam là một quốc gia đang phát triển (đang phát triển có nghĩa là chưa phát triển, và cũng có nghĩa là chậm tiến) ta có những đề tài học hỏi vô cùng quan trọng, cấp thiết, và thực dụng : những vấn đề thuộc phạm vi kinh tế, xã hội, văn hóa, chính trị, lịch sử... Những năm gần đây, tôi bắt buộc phải xếp bớt các sách về Phật học, về triết học tôn giáo, để chong đèn đọc về phát triển cộng đồng, y tế cộng đồng, giáo dục cộng đồng, hợp tác xã, phân bón, nuôi gà vịt vân vân... Cũng tại vì tôi thấy cần đóng góp một phần vào công việc xây dựng nông thôn. Bốn năm trước đây, tôi không có hứng thú gì về các vấn đề đó. Nhưng gần đây tôi đã biết đọc, biết tìm hiểu một cách say mê về chúng, cũng bởi vì tính cách thực dụng của các kiến thức kia thúc đẩy. Tôi lấy tôi làm thí dụ để cho em thấy một trường hợp có thể tin cậy. Vậy thì trong niềm khao khát hiểu biết, ta không thể không quên rằng trong tình trạng đất nước hiện thời, có những đề tài cấp thiết cần được tìm hiểu, khảo cứu để ta có thể đóng góp vào sự xây dựng lại đất nước bằng sự hiểu biết và bằng sự thực hành của chúng ta. Cái học biết hướng về hiện thực ấy, tôi gọi là cái học

« khế cơ ». Với lại chúng ta cần có tinh thần phê phán độc lập và khách quan. Chúng ta đừng tin tưởng quá ở giá trị của các sách giáo khoa. Chúng ta phải cố gắng sưu tầm thêm, nghiên cứu thêm, và đừng bao giờ cho rằng ta không thể vượt cao hơn sách và hơn thầy. Chúng ta phải vượt chứ, và vượt sau khi đã biết rõ sách và biết rõ thầy. Rồi chúng ta đừng ôm chặt lấy mở kiến thức đã thụ lượm được và cho đó là hay nhất, cao nhất. Phải nhớ rằng chúng, chính những kiến thức ấy, cũng cần được vượt. Như thế ta có thái độ cởi mở, cầu tiến, không bo bo cố thủ, không giữ độc quyền chân lý, không trở nên độc tài và cuồng tín. Thái độ đó tôi gọi là thái độ « phá chấp ». Và cuối cùng, ta không được tự mãn với một số những lý luận thiếu kiểm chứng. Phải coi chừng cái biết lý thuyết, cái biết sách vở. Cái biết đó không chắc thực, không có nền móng vững chãi ở hiện thực, có thể đi lạc rất xa, không phù hợp với hiện thực. Hãy dừng mắt liên lạc với thực tại, hãy gần gũi với các dữ kiện của thực tại, hãy luôn luôn kiểm chứng lại và chỉ tin tưởng ở những hiểu biết nào có tính cách phù hợp với thực tại. Tôi gọi cái học ấy là cái học « thực chứng ».

Bằng cách ham học của em, bằng những khát khao hiểu biết của em hướng về nẻo khế cơ, phá chấp và thực chứng, em có thể chuyển đổi được cả không khí của lớp học. Em sẽ làm cho các vị giáo sư thêm hứng khởi, em sẽ làm cho họ biết lo học thêm lên, lo nghiên cứu thêm lên, và đối với những vị xem dạy học là một

công trình đổi khác, em cũng có thể khiến cho họ thay đổi hẳn. Em không biết rằng em đóng một vai trò khá lớn trong việc cách mệnh giáo dục. Cách mệnh giáo dục không hẳn đã có thể được thực hiện bằng những đạo luật thay đổi chương trình, mở lớp tu nghiệp cho giáo sư, thay đổi thể chế thi cử ... Em đóng một vai trò quan trọng lắm mà em không biết. Điều này tôi mong em chiêm nghiệm cho kỹ lưỡng. Nếu em thực hiện được sự ham học hướng về kẻ cơ, phá chấp và thực chứng thì chính từ chương trình tú tài hay chương trình đại học hiện thời cũng có thể xuất hiện những sinh khí mới, những giác sắc mới. Thế rồi những môn mà em thấy « ứ đến cổ » ấy cũng sẽ trở nên hấp dẫn vô cùng, cần thiết vô cùng. Đề rồi em thấy chúng có liên hệ mật thiết đến đời sống em, đời sống dân tộc em; liên hệ nhiều hơn em đã tưởng. Còn nếu em không thực hiện được điều đó thì tôi tưởng chương trình có thay đổi ba mươi lần cũng không tạo được một cái gì đáng kể. Nếu em học như là đi mua một ít kiến thức để đi thi thì vị giáo sư cũng sẽ dạy như là bán cho em một ít kiến thức để đi thi. Đó là một điều có thực và rất đáng buồn cho hiện tình giáo dục.

EM nói : sở dĩ em phải học theo kiểu ấy là tại vì em đang cần bằng cấp. Em khinh thường bằng cấp, em biết rõ giá trị thực của bằng cấp ; nhưng sở dĩ em phải « giạt » cho được bằng cấp cũng là vì em phải có bằng cấp mới « sống » được. Điều đó tôi cũng hiểu. Em cứ việc giạt bằng cấp đi, tôi có nói sao đâu. Nhưng mà đồng thời em cũng vẫn có thể học theo tinh thần khám phá được mà. Càng học

như thế em càng phát triển nhân cách em ; càng học như thế thì em càng trở nên cao thượng, nhiều tài năng, đạt được nhiều mẫn chuông nhiều kiêng nê. Đó há không phải là những yếu tố lớn để thành công sau này sao ?

Tôi không thể không đồng ý với em về việc chúng ta phải xét lại vấn đề thi cử và bằng cấp. Có người nói : dù chúng ta có ý kiến gì hay đi nữa về vấn đề thi cử và bằng cấp thì chúng ta cũng chỉ nói cho nhau nghe chơi vui vậy thôi, chứ ta có quyền gì mà thực hiện. Tôi không nghĩ như thế. Tôi tưởng chưa chắc làm bộ trưởng bộ Quốc Gia Giáo Dục mà đã có quyền thực hiện những gì mình ước muốn trong lĩnh vực cách mệnh giáo dục. Tôi trở lại ý kiến trước kia là chính các em, chính tuổi trẻ, có thể đóng góp phần quan trọng nhất vào việc cách mệnh giáo dục mà không cần phải nuôi mộng làm bộ trưởng hay làm thủ tướng. Đề tôi trình bày em nghe. Chúng ta không dễ gì trong một sớm một chiều mà xô ngã được những tiêu chuẩn những khuôn khổ hiện thời xã hội đang dùng, bởi vì hiện có cả một sự thông đồng cấu kết của những thành phần được ưu đãi để bảo vệ cho những tiêu chuẩn và những khuôn khổ ấy. Bức thành thật là khó phá, dù cho đối với những người có chức vị có thẩm quyền như một ông bộ trưởng. Em cứ thử nhìn hiện tượng gian thương ở xứ ta. Những kẻ gian thương mạnh mẽ khiến cho cả một nội các dù có thiện chí cũng vẫn thấy khó lòng loại họ ra ngoài vòng pháp luật. Vậy nếu không có một phong trào quần chúng và một kế hoạch có quần chúng tham dự, ta khó lòng thực hiện

nổi những điều ta ước mơ. Ta vẫn phải kiên nhẫn đặt nền tảng cách mạng ngay ở hạ tầng, phải bắt đầu xây dựng từ dưới lên trên. Cái bằng tú tài hay cái bằng cử nhân tự nó nó không xấu ; nhưng cách xử dụng những thứ bằng cấp ấy để làm những bức tường hạn chế, những bức tường giai cấp, những cơ sở bảo vệ cho quyền lợi của những giai cấp — ta gọi là những giai cấp bằng cấp — thì quả thực rất xấu xa. Hầu hết những người có bằng cấp dù không nói ra vẫn cứ âm thầm muốn bảo vệ cho quyền lợi của kẻ có bằng cấp và luôn luôn muốn cho ít người leo lên được địa vị của mình. Bởi vì nếu họ leo lên nhiều quá thì giá trị của bằng cấp sẽ không còn bao lâu nữa, tiền bạc và địa vị do bằng cấp bảo đảm sẽ không đáng là bao lâu nữa. Thành ra sự học hành chỉ là những khó nhọc cần thiết để mua một địa vị, một quyền lợi, và sự thi cử là những hạn chế cần thiết để bảo đảm cho địa vị và quyền lợi đó. Một nền giáo dục mà như thế thì thực là một niềm tủi hổ. Tuy vậy đó không phải là lỗi của kẻ đặt ra chương trình đặt ra sự thi cử. Đó là tội ác của sự cấu kết thông đồng của những kẻ được xã hội ưu đãi nhờ bằng cấp của họ. Để đập vỡ sự cấu kết thông đồng ấy, chúng ta phải có những cuộc vận động rộng rãi trên bình diện quần chúng. Chúng ta phải biết làm cách mệnh bằng cách không chịu thần phục những tiêu chuẩn những khuôn khổ hiện thời về thi cử. Chúng ta có thể không thừa nhận chúng, và không thừa nhận một cách tập thể. Chúng ta hãy vạch rõ cho giới tuổi trẻ và cả mọi giới thấy rằng để bảo vệ quyền

lợi và địa vị họ, những kẻ được ưu đãi kia đã thông đồng cấu kết với nhau để chặn đứng cả đà tiến thủ của một dân tộc gây bao nhiêu điều đứng cho một đa số những người trẻ tuổi và làm cho cả một nền học vấn trở nên xa cách lạc lõng và không thiết thực. Một mặt khác, chúng ta tạo nên tiêu chuẩn mới, giá trị mới và hồ hào tuổi trẻ, đồng bào và những u hà trí thức chân chính hãy can đảm nhìn nhận các tiêu chuẩn mới, các giá trị mới ấy. Ngoài công cuộc vận động ấy, không có cách gì để chúng ta có thể thực hiện được cách mệnh giáo dục, kể cả cách năn nỉ, viết thỉnh nguyện, viết kiến nghị cho các nhà hữu trách. Công việc khó nhọc, cần phải được thực hành một cách kiên nhẫn và có phương pháp, nhưng tuổi trẻ có thể làm được. Điều cần thiết nhất là đừng tìm con đường dễ dãi, con đường đầu hàng những tiêu chuẩn và những khuôn khổ hiện hữu.

ĐỂ tôi nói với em về một vài chi tiết của vấn đề. Lề lối thi cử bây giờ chỉ là những phương tiện hạn chế, ngăn cản người học sinh và người sinh viên không cho số người thi đỗ vượt lên quá mức cần thiết. Có nhiều cuộc thi tốt nghiệp hoặc thi vào trường mà được tổ chức như những cuộc thi tuyển. Số người đáng đỗ thì nhiều, nhưng số người cần lấy đỗ thì ít. Ta biết rằng nhờ có thi cử mà người sinh viên biết lo học. Nhưng ta không thể chấp nhận được lối thi cử như lối thi cử hiện tại. Thi cử, như được tổ chức lâu nay, làm tổn của công quỹ một số tiền hết sức lớn lao. Có

những lớp không thi, như đệ ngũ, đệ tam chẳng hạn, trong đó người học sinh thấy mình nhàn hạ hơn những người trong các lớp phải thi, như đệ tứ đệ nhị, rất nhiều. Và thời gian học thi làm tiêu phí thật nhiều sức khỏe của người học. Ốm mòn, bệnh tật, yếu đuối, mất ngủ, thần kinh suy nhược cũng vì học thi. Uống thuốc không ngủ tàn phá sức khỏe để mà học thi. Chỉ cần biết đến đồ hay rớt chữ không cần biết đến cái học khám phá, cái lạc thú hiểu biết, cái tinh cách cần thiết của các kiến thức. Chỉ cần biết học vẹt, học tủ, nhảy hai lớp trong một năm. Cái đỗ và cái không đỗ cách xa nhau một trời một vực : đỗ là tất cả, và không đỗ là không gì hết. Hằng hà sa số người thất chí, không bước vào trung học hay đại học cũng vì một ít hơn kém nho nhỏ, một ít may rủi nho nhỏ. Có những người thông minh học ít nhưng khi vào thi, có thể làm nên chuyện mười lần hơn những kẻ suốt năm cùn cù. Đánh hỏng vì thiếu chỗ học và vì giữ quyền lợi cho kẻ đã đỗ. Mọi tiêu chuẩn xét định giá trị con người, ngoài tiêu chuẩn bằng cấp, đều bị bỏ quên. Tất cả những khuyết điểm to lớn ấy của chế độ thi cử hiện nay không thể nào được bù lấp bằng một ít lợi ích mà người ta nêu lên : lợi ích khuyến khích học hành, lợi ích có phương tiện tuyển lựa người có thực học. Ta vẫn có thể áp dụng những thể chế học tập và thi cử khác. Chúng ta có thể hủy bỏ thể lệ thi cử và cấp phát các thư bằng cấp tú tài và cử nhân hiện nay mà vẫn có thể kiểm soát được sự làm việc của người sinh viên. Thay vì thi một lần ở cuối năm, ta có nhiều kỳ thi trong một năm, để kiểm soát sự làm việc ấy và cũng để

thúc đẩy người sinh viên làm việc đều đặn. Trường học phải kiểm soát sự chuyên cần và sự làm việc của người sinh viên. Giáo sư phải theo dõi sự tiến bộ của sinh viên. Tất cả các thành tích đều được ghi vào học bạ. Môn nào kém thi không đủ điểm thì học sinh chỉ cần học và thi lại môn đó mà không cần phải bỏ phí cả một năm để « ở lại ». Mùa hè có thể là thời gian trau dồi môn mình kém để thi lại. Như thế những oan uổng do thi cử gây nên sẽ được loại trừ gần hết. Học xong trung học, người học sinh sẽ được cấp phát chứng chỉ tốt nghiệp trung học, và tỷ số người nhận chứng chỉ tốt nghiệp trung học so với tỷ số người đỗ tú tài toàn phần bây giờ sẽ cao hơn nhiều. Như thế có nghĩa là số người thi hỏng, bỏ học trở nên bất đắc chí sẽ trở thành không đáng kể. Trên thực tế, ta thấy có những người giỏi hơn những sinh viên đại học nhưng không có điều kiện vào đại học cũng chỉ vì họ là nạn nhân của sự thi cử. Ở xứ ta, hình như ai cũng nghĩ rằng học sinh các trường trung học công lập là giỏi hơn các trường tư. Thực ra, ta chỉ có thể nói rằng trường công có kỷ luật hơn trường tư, và không có hiện tượng nhảy lớp và phát chứng chỉ bất hợp pháp như một vài trường tư. Thế nhưng không thể nói rằng học trò trường công giỏi hơn học trò trường tư. Một trường tư nếu biết xây dựng nghiêm chỉnh uy tín mình thì sẽ không bao giờ mời những giáo sư dở vào dạy và cũng sẽ không bao giờ vi phạm kỷ luật của chính mình. Giá trị của chứng chỉ tốt nghiệp trung học được thành lập trên uy tín của trường trung học mà người ta theo học. Nếu các trường được tự

do phát triển và cạnh tranh về mặt uy tín thì nền học vấn càng ngày càng trở nên nghiêm chỉnh, tiến bộ. Các trường dở và thiếu kỷ luật học tập sẽ tự nhiên bị đào thải. Thi vào đại học hoặc thi vào một công hay tư sở chẳng hạn, chỉ có những ai tốt nghiệp ở các trường trung học danh tiếng mới có thể đỗ. Chứng chỉ tốt nghiệp của một trường trung học danh tiếng, lắm khi đã có thể bảo đảm cho người thi sinh được rồi. Và thành tích trong học bạ nữa. Tỷ số những người được nhận vào các đại học hay vào các công tư sở bảo đảm cho uy tín của trường trung học đã phát bằng tốt nghiệp cho họ. Những trường không có uy tín ấy sẽ không có ai theo học và phải đóng cửa. Bộ Quốc gia Giáo dục có thể làm công việc kiểm soát và nâng đỡ các trường tư thục. Chắc chắn là có nhiều tư thục sẽ trở nên danh tiếng hơn cả các trường công lập. Vấn đề học nhảy và vấn đề cấp phát chứng chỉ và học bạ không đứng đắn là hai vấn đề phải giải quyết trước tiên. Thi cử nếu tổ chức đều đặn thì học sinh sẽ làm việc đều đặn, ngay từ đầu năm, và không phá hoại sức khoẻ mình để học rút ở cuối năm. Ngân khoản tổ chức thi cử sẽ đề dành lo những việc hữu ích như học bổng, như sách giáo khoa như nhân viên kiểm soát lưu động. Khi số người bị loại bởi các kỳ thi tú tài không còn nữa thì số người có chứng chỉ tốt nghiệp trung học sẽ nhiên hân lên và xấp xỉ số người học ở các lớp đệ nhị, đệ nhất. Không ai theo học đàng hoàng mà lại không tốt nghiệp cả. Ta loại bỏ được các hiện tượng bất đắc chí, tự tử, mặc cảm, may rủi, những hiện tượng đáng kể đang rạch nát thế hệ tuổi trẻ. Số người tốt

nghiệp trung học đồng thì số trường đại học cũng tăng lên. Nước ta cần chừng mười trường đại học, những trường này có đường lối phát triển riêng của mình. Những trường này cũng cần xây uy tín của họ, cũng cần cạnh tranh về uy tín chuyên môn và bổ túc cho nhau. Nếu ta chỉ có một trường đại học thôi thì những trường ấy sẽ làm trời làm đất và không chịu nghe lời xây dựng của kẻ khác để cải tiến và phát triển. Chính quyền phải nâng đỡ cho các trường đại học được thành lập trên toàn quốc, cung cấp điều kiện, mời giáo sư giỏi và đào tạo giáo sư giỏi cho mỗi trường.

Các trường đại học căn cứ vào giá trị và uy tín của trường trung học đã cấp phát chứng chỉ tốt nghiệp trung học để nhận sinh viên vào trường. Học bạ cũng sẽ được dùng làm tài liệu xét định. Nếu cần, sẽ có thêm một cuộc thi trắc nghiệm nữa.

Ở các trường đại học, các chứng chỉ mười giờ, hay mười hai giờ, cần được chẻ ra làm nhiều chứng chỉ nhỏ. Có thể gọi những chứng chỉ đó là những giảng khóa; những giảng khóa như thế chỉ có chừng ba giờ học mỗi tuần và thi ít nhất là hai lần trong một năm. Chương trình sơ cấp đại học (cử nhân bảy giờ) sẽ có chừng mười tám giảng khóa như vậy. Thi đủ điểm được hai mươi giảng khóa như thế thì được cấp văn bằng tốt nghiệp. Thi thiếu điểm giảng khóa nào thì chỉ cần học và thi lại giảng khóa ấy. Chứ không phải vì thiếu điểm môn ấy mà các môn khác cũng « rớt » theo. Chúng ta tránh được sự « ở lại » oan uổng trong một năm. Mỗi năm sinh viên có thể

heo học năm giảng khóa (15 giờ học mỗi tuần) và như vậy trong bốn năm có thể học xong được hai mươi giảng khóa — Họ không cần lo lắng đến xanh người mỗi khi kỳ thi cuối năm tới. Nhưng họ phải đọc sách, nghe giảng, thuyết trình, viết tiểu luận và thi trắc nghiệm suốt từ đầu đến cuối năm.

N H I È U nước tiên tiến đang áp dụng lề lối học tập và thi cử như thế và số người tốt nghiệp sơ đẳng đại học (undergraduate) so với tỷ số sinh viên tốt nghiệp đại học của ta thì nhiều hơn bội phần. Do đó số người theo học cấp cao đẳng đại học (graduate) cũng nhiều và cơ hội cho nhân tài xuất hiện cũng nhiều hơn trong trường hợp ta gấp bội. Ở xứ ta, len được vào đại học đã là « oai » lắm rồi ; tốt nghiệp cử nhân thì lại càng hiếm lắm. Có bao nhiêu người được ghi tên học cao học và tiến sĩ ? Các kỳ thi tú tài và cử nhân, lợi khi bảo vệ cho quyền lợi thiểu số có bằng cấp, là mồ chôn của bao nhiêu thanh niên thiếu nữ. Tôi thù ghét độc địa thể lệ học hành thi cử ấy. Tôi oán trách những lưỡi dao ác nghiệt, những cánh cửa sắt uy nghiêm và lạnh lùng ấy. Tôi đang nghe người ta nói: phải giữ giá trị cho bằng tú tài, phải giữ giá trị cho bằng cử nhân. Chúng ta có cần giá trị ấy đâu. Chúng ta chỉ cần phá tung những gông cùm tàn ác bít lấp đường tiến thủ của một số rất lớn những người tuổi trẻ. Ở các nước người tốt nghiệp đại học (college graduate), kể cả ở Phi và ở Úc, nhiều như khoai lang bèn xứ mình.

Nhiều thi cử cố nhiên là mất giá. Nhưng nếu chỉ vì sợ mất giá mà kìm hãm bít lấp đường tiến thủ của tuổi trẻ thì đó là một tội ác với dân tộc, với tổ quốc.

T A cần có thêm hằng ngàn bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư, giáo sư và chuyên viên khác. Cố nhiên số người tốt nghiệp càng nhiều thì giá trị (giá trị ? thực ra là quyền lợi) sẽ xuống bót — Ta cần phát triển quốc gia, phụng sự dân chúng nghèo khổ, hơn là cần bảo vệ quyền lợi cho những người có bằng cấp. Không phải nhờ đánh hỏng thật nhiều mà bằng cấp trở thành có giá trị. Cần tổ chức sự học và sự thi cử lại cho hợp lý, cần phải làm cách mệnh tận gốc rễ. Có nhiều bác sĩ chẳng hạn, thì số lượng bác sĩ giỏi sẽ được tăng lên, và ta mới có được nhiều bác sĩ chuyên môn. Ta mới có thể loại trừ được hiện tượng độc quyền, làm giàu trên mồ hôi nước mắt người nghèo. Công bình xã hội mới có thể được thực hiện từ từ, và tinh cách phục vụ và hữu hiệu của học vấn mới được chú trọng tới.

T R O N G khuôn khổ và khả năng của tuổi trẻ, ta có thể làm được gì ? Tôi đã nói với em rằng chúng ta phải có can đảm bắt đầu bằng một sự « không chấp nhận » những khuôn khổ những tiêu chuẩn cũ. Nghĩa là bằng thái độ « không đầu hàng ». Không đầu hàng ở đây có nghĩa là phải chịu hy sinh quyền lợi của mình để dám đi trên những con đường gai góc nhưng hứa hẹn nhiều cho tương lai dân tộc. Trước hết em hãy thử

quan sát, nghiên cứu và tổ cáo những tội ác của sự cấu kết bảo vệ quyền của lợi ích số những người có bằng cấp. Bằng học tập, thảo luận, báo chí, em nêu lên cho quần chúng thấy rõ những khuyết điểm lớn lao trong chế độ học hành và thi cử hiện tại. Bằng những con số, những tài liệu chính xác, sống động mà em có thể thu lượm được rất dễ dàng, em trình bày cho quần chúng thấy cái lưới thi cử đang bóp chẹp xuống đầu thế hệ trẻ tuổi để hạn chế sự tiến thủ của họ, để gây nên bao nhiêu tấn kịch thảm thương giữa họ. Em hãy liên kết với những bạn đồng chi hướng, gần gũi các bậc phụ huynh nào biết lo cho nền giáo dục mới, ủng hộ họ, nâng đỡ tinh thần cho họ. Em sẽ học thật giỏi và từ chối không dự những kỳ thi hiện tại. Em sẽ cổ động cho những tiêu chuẩn mới để xét định giá trị con người. Các tư sở, các trường đại học tư thực sẽ chịu ảnh hưởng phong trào mới, dư luận mới, và cũng sẽ đi tiên phong trong việc áp dụng những tiêu chuẩn mới ấy. Rồi đến các công sở và các trường đại học công lập. Một số những bài báo viết rải

rác đó đây không đủ để tạo nên cách mệnh giáo dục. Nhu yếu cách mệnh đường lối học tập và thi cử đã trở nên cấp bách rồi, ai cũng thấy như vậy. Nhưng chỉ có em, chỉ có sự liên kết của tuổi trẻ để vận động để đòi hỏi, để tự tạo cho mình một thái độ một phương pháp mới có đủ sức giáng những đòn khá nặng trên sự cấu kết vừa ý thức vừa vô ý thức của những phần tử được xã hội ưu đãi. Việc là việc của đa số, của tuổi trẻ, của em. Em hãy bị ết rủ bỏ, biết khinh thường, biết đứng dậy. « nổi loạn » bằng cách ấy đòi hỏi can đảm, kiên nhẫn, hy sinh và thời gian. « Nổi loạn » bằng cách ấy sẽ đóng góp lớn lao vào công việc giải phóng tuổi trẻ, giải phóng con người. Còn nếu chỉ phá phách đôi chút, biểu lộ thái độ bất mãn, bất cần, hoặc giả chỉ đầy dọa thân thể em tâm hồn em thì em chỉ gây thêm khổ đau cho em và cho tất cả chúng ta, chứ không thay đổi được gì. Những « người lớn » như chúng tôi sẽ rất sung sướng tiếp tay với các em. Em hãy đứng dậy để cho chúng tôi cùng được đứng dậy.

(Còn nữa)

võ hồng

CHIM LỒNG

TH O Á T khỏi bốn trạm kiểm soát của quân đội Nhật, Thúy bước vào vùng đất của  bên ta. Suốt một quãng dài ngót hai cây số không có bóng người gặp trên đường. Sự im lặng dờn dờn như cũng ngập ngừng không dám lắng đọng xuống. Sự sống như chơi vơi ở giữa lưng chừng. Có một hòng súng đen ngòm nào sắp nhả đạn ? Ở từ sau lưng tới ? Từ trước mặt lại ? Ở ngang hông bên tả ? bên hữu ? Sự im lặng làm Thúy thấy lạnh ở sống lưng. Muốn nói chuyện với bạn đồng hành nhưng ai nấy cùng cảm thấy tắc nghẽn ở cổ. Cùng đi với Thúy có năm người đàn bà gánh gồng lễ mễ. Trong gánh chắt ngồn ngang rương hòm, gói xách, nôi niêu. Trong một đầu gánh có gà vịt, chó nhỏ và trẻ con mới bỏ bú. Họ đều quần áo rách nát. Nghèo thật. Chỉ có Thúy mới phải hoá trang cho

vừa xấu vừa nghèo. Nàng đội nón lá, Quần áo bà ba bằng vải đen đã bạc màu. Tất cả đều mượn của chị bếp. Mặt mũi bôi một lượt đất cát. Tuy vậy, những người lính Nhật cũng tò mò đề ý đến nàng. May là họ đã bại trận không còn tâm trí đâu để kiểm chuyện lời thôi.

Đến trạm kiểm soát bên ta, nàng được giữ lại.

— Cô tên gì ?

— Phan thị Cầm Thúy.

— Có phải cô là Geneviève Cầm Thúy không ?

— Vâng.

— Sao bây giờ cô mới xuống ?

— Tôi dò hỏi tình hình đường sá chắc chắn mới dám đi.

— Cô khai nghề nghiệp.

— Tôi đi học. Hiện giúp cho đội Hồng thập tự.

— Cô ngồi đợi ở đây một lát để tôi điện thoại xin chỉ thị của Ban Chỉ huy.

NGƯỜI trưởng trạm đi sang phòng bên. Những người cùng một chuyến đi với nàng đã được cho tiếp tục đi khi hỏi qua loa hình thức. Riêng nàng ngồi đó một mình. Một người đội viên cầm súng đứng gác ở cửa ra vào. Chân đi đất. Một cái chần dạ màu xám đánh đai ở ngang lưng. Hai quả lựu đạn đeo ở hông bên mặt.

Qua khung cửa, nàng nhìn những đồi núi xa gần. Từng vạt rẫy vừa khai phá làm trọc đi những mảng đồi. Thân cây đổ ngã xuống, đốt không cháy hết còn nằm ngổn ngang tạo cho khung cảnh những nét đen đui tàn phá. Chiến tranh khắp cả. Giữa người với người. Giữa người với thiên nhiên.

Người trưởng trạm trở ra ngồi ở bàn.

— « Tôi được lệnh của ban Chỉ huy mặt trận giữ cô lại để đưa về phòng Đặc vụ.

— Thưa ông...

Nàng kêu lên, thất vọng. Như một tiếng than vô ích không biết gửi cho ai. Chiến tranh. Gián điệp. Khai thác. Sự thực quan trọng như vậy sao ? Nàng đã đi vào chiến tranh. Đi bằng những bước vô tình, vô tình như khi mình tiện tay ngắt vò một cái lá chia ra bên đường, không biết đó là lá gì và ngắt vò để làm gì. Mình không có tham vọng, không có định kiến. Mình chưa kịp suy-nghĩ nữa. Chỉ có sự kiện là dồn dập đến. Chạy xa Saigon để tránh bom đạn. Con Caroline láu táu dễ thương. Bà Mai Kim: Đội Hồng Thập-tự. Ban chỉ huy Mặt trận ra lệnh giữ lại. Khai thác. Không.

mình chưa kịp suy nghĩ. Sự kiện đến nhanh hơn ý nghĩ. Nhanh quá.

CHIỀU đó, một người đội viên áp giải nàng xuống Cầu Đất, đưa lên Sở trà, Phòng Đặc vụ làm việc ở đây. Gian nhà chứa trà, gian nhà sấy trà tạm dùng làm trại giam. Trưởng phòng bắt khai tên họ, nghề nghiệp địa chỉ rồi giáng xuống một câu hỏi đột ngột :

— Con Caroline phải cô xuống đây làm gì ?

Nàng mở to đôi mắt lên nhìn người trưởng phòng.

— Thưa ông tôi đâu có biết nó ?

— Cô nói cô không biết con Caroline ?

— Ý tôi muốn nói là tôi không hề gặp nó... nghĩa là... nó không nói gì với tôi hết. Nó không phải tôi đi đâu hết.

— Con Caroline hiện tại làm liên lạc cho tụi Pháp kiều ở Cité Decoux và nhóm Việt gian để thành lập cơ quan hành-chánh. Điều đó cô có biết ?

— Thưa ông tôi có nghe nói.

— Caroline có đến tìm cô ?

— Điều đó tôi không rõ. Từ ngày mặt trận Trại Mát vỡ tôi không dám ở nhà với bà nội mà tôi phải xuống ở chung nhà với chị Năm, bạn tôi, đường Hàm Nghi.

— Sao cô không ở chung nhà với bà nội ?

— Vì tôi sợ người Pháp họ lùng bắt. Tôi có chân trong đội Hồng Thập tự.

NGUỒI trưởng phòng đứng dậy cho hai tay vào túi quần, đi đi lại lại. Hai hàm răng nghiến lại khiến xương quai hàm hằn lên dưới làn da mặt.

— Cô quen với con Caroline hồi nào ?
— người trưởng phòng vừa đi những bước dài vừa hỏi, mắt không rời khỏi mặt đất.

— Nó là bạn học của tôi suốt sáu bảy năm nay.

— Học ở đâu ?

— Ở Lycée.

— Hai người có thân nhau không ?

— Dạ thường thôi. Nó là người Pháp tôi không muốn...

— Thôi được rồi, — người trưởng phòng ngắt lời. Cô hãy trả lời cho tôi câu này. Cô tiếp tế cho Pháp theo chỉ thị của ai ?

— Đầu có ?

— Cô chớ làm bộ ngây thơ. Điềm chỉ viên của chúng tôi có đủ tài liệu.

— Nhưng thực tế là tôi không có làm việc ấy.

— Cô mua thịt, mua trứng.

— Vâng. tôi có mua dùm cho con Caroline, bạn tôi. Người ta không bán thịt cho nó, sợ nó trả theo giá chính phủ. Tôi thấy tôi nghiệp, mua hộ cho nó theo giá chợ đen.

— Như thế gọi là tiếp tế.

— Nhưng đó là thời chính phủ Trần Trọng Kim, chưa có lệnh cấm. khi Cách-Mạng lên, có lệnh cấm, tôi không mua hộ nữa.

— Như thế gọi là tiếp tế, người trưởng phòng nhắc lại câu nói.

SAU cuộc thăm vấn, Thúy được đưa vào trại nữ. Nhiều người đàn bà chạy lại bầu xung quanh nàng.

— Chị mới bị bắt hả ?

Nàng gật đầu, chán nản không thiết nói.

— Tội gì ?

— Tôi vô tội.

— Bị bắt ở đâu ?

— Tôi ở Đalat xuống.

Muốn tránh những câu hỏi, nàng đi lại cửa sổ đứng nhìn xuống đồi chè. Những thân chè mọc thành bụi nhỏ chạy dài từng hàng, chạy vắt qua lưng đồi này kể tiếp sang lưng đồi khác. Gió thổi tạt vào mặt nàng cái lạnh ẩm ướt tê cóng. Rừng thông xa u tối. Nàng nhớ đến bà nội bây giờ ở Đalat. Nội đâu có ngờ mình hiện giờ bị giam cầm ở lưng đồi chè. Nội định ninh là mình đi theo Ủy ban, được Ủy ban trọng dụng và tín cần. Khi nàng lên về già từ bà nội đề đi xuống vùng giải phóng, hai bà cháu ngồi bên nhau.

Nàng phải an ủi :

— Nội cứ yên tâm. Nội đừng phiền. Con ở lại không được.

Đi theo Ủy ban một thời gian ngắn rồi tình hình yên con về.

Bà nội gạt nước mắt nhiều lần nhưng mỗi khi mở miệng nói là bệu bạo khóc òa ra không nói được thành lời.

— Con có nhờ chị Năm thỉnh thoảng lại thăm chừng Nội.

— Sao con Năm nó không đi theo Chính phủ ?

— Chị ấy được lệnh ở lại để hoạt động.

— Sao con không ở lại như nó !

— Con không nhận được lệnh. Không có lệnh mà ở lại là làm Việt gian.

— Ờ, thôi con đi. (nước mắt tuôn và miệng bệu bạo) Con nhớ coi trọng thân mình. Phận con gái, ra đi xa nhà một thân, nội không yên tâm được.

CUỘC già từ làm đắm nước mắt. Nàng bước xuống thang gác ôm chầm lấy chị bếp khóc và dặn dò. Chị bếp cũng khóc, nhận lời dặn và chúc nàng bình an. Mỗi một gốc hoa, mỗi một phiến đá đều

như có linh hồn. Nàng nhìn chúng già từ, không muốn mắt mình và tâm hồn mình bỏ sót một vật gì quen thuộc. Bà nội đứng ở vế đường nhìn theo, chị bếp thấp thò ở cổng, nấp sau chùm hoa.

Trên đường ít thấy bóng người đi. Ai cũng rình mò, lén nhìn nhau im lặng và nghi kỵ. Nhưng kết quả cuối cùng là hiện nàng đứng ở đây, lạnh lẽo bơ vơ với những ngày vô định trước mặt. Nước mắt lặng lẽ tuôn từng giọt dài.

MỎ I mệt, uể oải, nàng lại nằm ở đây sập kê bằng ván ngo, đầu gối lên chiếc túi vải đựng quần áo mang theo. Một chị đứng tuổi ngồi bó gối ở góc phòng đưa mắt nhìn nàng. Nàng thấy có cảm tình với khuôn mặt u sầu đó nên dịu dàng hỏi :

— Chị bị bắt lâu chưa, chị ?

— Mười ngày nay rồi, cô à.

Rồi chị kể lể :

— Tôi buôn bán thịt heo. Ai mua thì mình bán đâu có biết ai ngay ai gian. Thành ra tôi bán lầm cho Việt gian.

— Gia đình chị hiện ở đâu ?

— Chồng con còn ở Cầu Queo.

— Chị được mấy cháu ?

— Năm đứa. Con nhỏ chút mới giáp nôi. Chắc nó nhớ tôi nó bỏ ăn. Tội nghiệp, nó năng bệnh, ốm nhách.

Chị xì mũi, kéo ống quần lật sang mặt trái để lau.

— Vậy là chị cũng mới bị nghi. Có ai bị bắt với tài liệu đích xác không ?

Người đàn bà ngược mắt ra hiệu về phía một cô béo đen đang đi đi lại lại ngoài. Chị hạ thấp giọng :

— Nghe nói cái chị béo béo đó có giấy tờ trong mình.

Bốn, năm chị cười đùa âm ỉ ở bậc cấp đi xuống dốc. Một chị lặn vào ôm một chị khác vừa lạnh lạnh cất giọng Huế.

— Mi đang dợ (nhớ) thằng Dứt bộn (Nhứt bộn) râu xồm đó (đó). Tao biết hết (tao biết hết).

Chị kia vừa gỡ tay vừa phát mạnh vào hông.

— Tao gan thẳng đó quá xá rồi. Đồ nghèo mà ham.

Mày tấp vào thằng Tây nhà đèn là mày khôn.

— Khôn răng mà ngồi tù như ri ?

Thúy hất hàm hỏi chị đàn bà.

— Mấy cô này... ?

— Đi. Bị nghi làm liên lạc.

NÀNG đưa mắt nhìn một lượt gian nhà rộng, trống trải. Nhiều xi-líp may-ô hàng Valisière chẳng ở giày và xú chiêng treo móc khắp nơi như những cái gương đeo mắt cỡ lớn. Đúng là cốt cách của những cô gái giang hồ. Những món đồ lót được trưng bày không ngượng.

Những cuộc thăm vấn kế tiếp. Nàng không có gì để khai, còn người trưởng phòng thì cứ phải lặp lại câu « như thế nghĩa là tiếp tế » để làm kết luận. Trong khi đó, ở bên ngoài, tin đồn bắt được Cầm Thúy làm Việt gian được loan truyền đi. Cán bộ đội viên thích nhắc đến tên nàng. Mỗi khi nói đến người Việt gian trẻ đẹp ấy, họ thấy tâm hồn vui vui như một căn phòng có bày biện hoa. Thực tại chiến tranh chỉ có màu xám của chấn dạp, bộ mặt gồ ghề của con đường sỏi đá, vị mặn rát của những bữa cơm ăn với cá khô.

— Tên này thì Việt gian chính cống rồi. Quen toàn những Tây và Đăm.

— Xử tử thì cũng hơi phí. Da mặt cứ trắng hồng.

— À, tầm bõ bằng bơ sữa của thực dân thì chẳng đẹp sao được ? Cho tụi mình tầm bõ xem có thua gì ai.

— Bắn đi cho nó rồi đời.

NH Ữ N G ý kiến đó, ở sở Trà, Thúy không hề biết. Nàng không ngờ mình là đầu đề cho người cán bộ, đội viên thảo luận trong lúc nhàn rỗi. Chỉ có một hôm nàng nghe lóng được một câu chuyện trao đổi giữa hai người đội viên canh giữ trại. Hôm đó là chiều chủ nhật, các nhân viên nghỉ việc, phòng giấy đóng cửa. Một người đội viên nói với bạn đồng đội.

— Hôm kia mình mới đi coi xử tử Việt gian.

— Xử ở đâu ?

— Ở bãi cỏ sân vận động dưới Dran. Thăng cha can tội lừa bò về bán cho Pháp. Nó khôn, lừa đi toàn bằng ngựa Ankroert. Bị đặc vụ của ta bắt dẫn về dưới này. Ban chỉ huy mặt trận xử tử.

— Nó có sợ không ?

— Sợ như cha chết. Dẫn nó ra cột ở cây trụ xử bắn, nó khóc lác giọng, khản tiếng. Giọng nói khan đặc và cứ gào « Trăm lạy Chánh phủ ! Chánh phủ tha cho con. Trăm lạy đồng bào, đồng bào xin dùm với Chánh phủ tha cho con, con đội ơn đồng bào. Con đội ơn Chánh phủ.

— Đồng bào đi coi có đông không ?

Đông như kiến. Cầu đất, Fimnom, Trạm-hành đều dòn về hết. Lần đầu tiên xử bắn mà.

— Nó lạy đồng bào rồi đồng bào nói sao ?

— Mỗi lần nó kêu khóc nhờ đồng bào xin dùm với chính phủ thì đồng bào lại hô to « Bắn ! Bắn ! » Nó sợ quá khóc rống lên.

Khi trời nó lại bịt mắt thì tiếng khóc nghe dễ sợ.

IM lặng một lát. Có tiếng bật lửa đánh xẹt xẹt nhiều lần. Tiếng môi bập bập vào điệu thuốc.

— Trong tiểu đội hành quyết có một nữ du kích

— Ngon há.

— Tất cả quì xuống nhắm. Thăng Việt gian thì cứ khóc than xin Chính phủ tha tội xin đồng bào cứu dùm. Nó đang kêu khóc thì bên nay tiểu đội trưởng giơ tay ra hiệu. Súng nổ đoàng đoàng. Miệng nó im thin thít. Súng nổ một loạt nữa. Nó ngoẻo đầu xuống. Tiểu đội trưởng lại kể bắn thêm một phát súng lục vào mang tai. Cả sân vận động im lặng. Minh thấy ngộp thở. Minh không ngờ đồng bào hăng thế. Một bà cụ đứng bên cạnh mình cứ ôm ngực mà mửa thốc mửa tháo. Chiều đó mình ăn cơm nuốt vô hết nôi.

Lại im lặng.

— Thấy bắn cũng tội nhưng mà phải bắn. Chính lũ Việt gian làm hại mình, hôm nọ anh Đại đội trưởng có giảng cho anh em nghe như vậy. Bữa nào cũng phải lựa mấy thằng, mấy con Việt gian ở đây đem ra bắn bớt.

Thúy rung mình, tưởng như câu nói đó ám cả mình. Những trang sử nước Pháp viết về cuộc Cách mạng 1787 như cất lên giọng nói. Bao nhiêu câu chuyện xung quanh cái đoạn đầu dài lịch sử, Jacobins, Montagnards, Robespierre, Danton.

.... Thermidor, Brumaire... Những tên riêng lẫn lộn quay cuồng trong màn sương mờ đục của quá khứ và tang tóc. Thịnh thoảng loé lên màu lửa, màu máu. Marat, Bailly, Hebert, Lavoisier, André Chenier với bài thơ «Thiếu nữ bị giam cầm». Nàng

mường tượng nghe lại giọng của con Marguerite Bouvier đọc bài «Thiếu nữ bị giam cầm» run run ở nhiều chỗ khiến cả lớp có nhiều đứa xúc cảm sứt sùi. Nàng lắm nhâm những đoạn đau xót thiết tha nhất.

« Et moi, comme lui, belle et jeune comme lui

*Quoique l'heure présente ait de trou-
ble et d'ennui*

Je ne veux pas mourir encore.

*... Mon beau voyage encore est si loin
de sa fin.*

*Je pars et des ormeaux qui bordent
le chemin.*

J'ai passé les premiers à peine.

Au banquet de la vie à peine commencé

*Un instant seulement mes lèvres ont
pressé*

La coupe en mes mains encore pleine »

« Và tôi, đẹp và trẻ như cảnh pho kia

*Cho dù hiện tại đây bất an và
phiền não.*

Tôi chưa muốn chết,

*Cuộc hành trình của tôi còn xa lắm
mới tới đích.*

*Tôi mới khởi hành, mới đi qua mấy
cây du đầu tiên mọc ở đường.*

*Trong bữa tiệc của đời vừa bắt đầu.
Môi tôi chỉ mới kề vào ly rượu còn đầy
trên tay ».*

NÀNG đề cho hai giọt nước mắt chảy dài xuống má, ngửa ngửa mà không buồn lau. Minh là cô bé bị giam cầm trong bài thơ, «Tôi chưa muốn chết !» Tôi chưa muốn chết.

Ở Dran, Luân nghe tin Thúy bị bắt giam. Các nhân viên thích bàn tán về chuyện nàng. Anh ngồi tưởng tượng lại về mặt Thúy, thấy vui vui vì màu trắng, đôi môi tươi. Nhưng nụ cười nhạt và giọng giận dỗi của nàng hôm đầu gặp tiên vụt hiện đến

làm anh hơi khó chịu. «Cho đáng kiếp» anh nghĩ. Nhưng chợt nghĩ sang trường hợp của mình. Tất cả đều chỉ là rủi may. Minh có thể bị đưa lên sở Trà nếu có ai muốn, thay vì ngồi làm kẻ có cộng lao, ở đây. Minh chả có giá trị gì để được ngồi đây. Anh đưa mắt nhìn sang vài người khác đang ngồi hí hoáy trước bàn giấy. «Cả những người kia cũng vậy.

Anh tự nhủ. « Thôi, hôm nào lên cầu Đất, ghé lại thăm một lát.»

Chưa có dịp đi cầu Đất thì Dran nổi lên dịch hạch. Dran vốn có duyên với bệnh dịch hạch, mỗi năm bệnh phát một lần, có khi đôi năm một lần, chẳng mấy khi sốt, Dân chúng quen đi, gan lì với bệnh.

— Khi nào sốt, cứ vạc vỏ cây gòn sắc nước uống. Khỏi nguy.

Họ làm ăn bình tĩnh như thường. Họ rắc vôi trước nhà đúng theo mệnh lệnh của sở Cảnh-sát. Họ lần bắt từng con bọ chết một, kê giữa hai móng tay đánh « tách » một tiếng nhỏ, mặt thản nhiên. Đến lúc trong trại binh sĩ có một người chết về bệnh dịch hạch họ mới phát hoảng. Một cái nhà nhỏ bị đốt để tránh truyền nhiễm. Mấy cái nhà lân cận bị đóng cửa. Thật là khổ sở cho dân chúng địa phương và dân chúng mới tản cư đến. Dân địa phương thì trồng rau lên rồi bỏ đó không bán được. Khoai tây chắt để mọc mộng. Dân tản cư thì một số mới đến khi mặt trận Trại Mát vỡ. Họ đi từng đoàn mười, mười lăm người, quần áo rách bần, mặt mũi bơ phờ. Họ đi suốt bốn, năm ngày mới từ Dalat xuống đến đây, đi ngã Ankroet, xuyên qua rừng. Không ai biết rõ đường lối nên đã có lần họ đi suốt cả đêm ngày mà vẫn quanh quẩn leo lên tuốt xuống một quả núi. Quần áo phải bỏ lại hết vì mang theo, lính Nhật sẽ cho là « một hai » mà bắt giữ lại. (Những ngày đầu cách mạng khắp các ngã đường dân quân lo tập đi đều

cứ hô mãi « một hai... một hai » cả ngày. Do đó mỗi khi muốn nói đến quân dân thì lính Nhật gọi là « một hai ». Lính Nhật ghét « một hai » lắm vì sợ « một hai » phá rối trật tự, trật tự mà Đồng minh buộc quân đội Nhật phải lo gìn giữ. Đến Dran vừa chạy thuê được ngôi nhà, vừa sang lại được sạp hàng thì bây giờ lại phải bỏ mà đi. Chỉ có công sở là dứt khoát, nhẹ nhàng. Khi ngôi nhà đầu tiên bị đốt để tránh truyền nhiễm thì công sở dời về cầu Đất. Sau lưng đoàn ô tô, Dran nằm gan lì chịu đựng giữa cái thung lũng đọng đầy sương mù.

LÊ N CẦU ĐẤT, Luân tìm dịp ghé lại thăm Thúy. Từ ngày bị giam cầm ở đây, không có ai thăm hỏi nàng cả nên khi thấy Luân đến, nàng vui mừng ngơ ngác. Luân không chỉ là một người, Luân là hiện thân của một quá khứ là Nhung là Mai Kim, là Đalat là cuộc đời êm đềm có hoa nở và có nắng.

— Tôi nghe cô bị phiền phức ở đây mà mãi hôm nay mới đến thăm được.

— Xin cảm ơn ông. Tôi sợ rằng việc ông đến thăm tôi có thể làm ông bị nghi ngờ lời thôi.

Luân lắc đầu.

— Điều đó thì không lo. Ở Ủy ban và ở đây đều là chỗ quen cả.

— Tôi cứ tưởng là ông đã về quê rồi.

— Tôi thấy về lúc này chưa tiện. Tôi tạm ở lại giúp cho Ủy ban vài việc.

— Ông có nghe rằng tôi bị kết tội nặng không ?

— Hình như chưa có bằng cứ cụ thể để buộc tội.

— Tuy vậy, tôi có cảm tưởng là tôi có thể bị bắn vào bất cứ lúc nào.

Luân mỉm cười để trấn an.

— Đâu có dễ vậy ?

— Toà án Cách Mạng thì đâu có luật sư biện hộ, đâu có luật lệ nào để căn cứ vào đó mà xử ?

— Cố nhiên là điều cô nói có thể đúng. Nhưng dầu chưa có luật lệ mà vẫn còn có lương tâm. Lương tâm là một thứ luật lệ.

— Ông có được tin chị Nhung không ?

— Chị Nhung về Phan Thiết. Chắc là sống yên ổn. Ở huyện Hàm Tân của chị thì cũng như con cá nằm dưới đáy cái hồ mặc kệ cho sóng gió ở trên mặt nước.

— Như thế là sung sướng.

— Tùy mỗi người quan niệm. Đối với trường hợp cô thì ít nhất cũng phải trải qua một cảnh lao đao như thế này cô mới bảo rằng như thế là sung sướng.

— Bây giờ thì dù cho tôi có muốn như thế cũng không được nữa.

— Cô chớ nên bi quan.

Im lặng một lát, Luân hỏi ;

— Cô có cần nhắn gì về bà nội ở Dalat không ?

Thúy suy nghĩ :

— Có lẽ không nên cho Nội biết là tôi bị giam cầm ở đây. Biết được, Nội sẽ lo lắng sinh bệnh mất.

— Đúng thế. Cô cứ ghi là cô hiện ở Cầu Đất, vẫn khoẻ mạnh để Nội yên tâm. Tôi sẽ nhờ liên lạc của ủy ban trao thư cho.

— Đề hôm nào tôi sẽ nhờ ông.

— Vâng, cô cứ viết rồi đưa anh Trưởng phòng gửi xuống cho tôi. Ngoài phong bì cô đề tên tôi, gửi xuống ủy ban là tôi nhận được.

Luân đứng dậy.

— Tôi có món quà nhỏ mua biếu cô,

— Luân chỉ xuống một gói quà anh đặt trên bàn, từ lúc bước vào — kẹo sô-cô-la và nuga. Chúc cô mạnh giỏi và mong cô sớm được thả về.

THÚY nghẹn ngào không nói được lời cảm ơn. Cuộc viếng thăm ngắn ngủi quá mà thì giờ của nàng ở đây thì quá nhiều, biết lấy gì mà choán cho hết ! Nàng can đảm nhìn lên khuôn mặt Luân, coi như đó là khuôn mặt bạn hữu cuối cùng. Từ nay cho đến ngày bị cột vào trụ hành quyết, bị bịt mắt, nàng chỉ còn biết có khuôn mặt đó. Một khuôn mặt xương xương. Đôi con mắt hoài nghi và lục lục. Nàng bật oà ra khóc không kịp giữ lại.

(trích Hoa Bướm Bướm)

hải triều

ĐẤT SÔNG

HẢI ra khỏi phòng làm việc. Gió chiều thổi tung mái tóc bông bênh của chàng ra đằng sau. Chàng thấy tâm hồn khoan khoái, cái khoan khoái chàng vẫn thường bắt gặp trong những buổi chiều đồng quê. Chàng đi vào khu xóm dọc theo bờ ruộng. Một đám trẻ con đang chơi thấy chàng đi ngang vội lễ phép thưa :

-- Thưa Thầy ạ.

Rồi chúng chạy vào trong các ngõ đứng nhìn ra, nửa như muốn làm quen, nửa như sợ sệt. Hải mỉm cười với bọn trẻ. Sự việc xảy ra gần như thường xuyên lâu ngày đã trở thành một thói quen.

Trong xóm không một đứa trẻ nào khi biết mặt Hải. Mỗi lần chúng đau ốm đến chữa tại bệnh xá của chàng, chỉ có chàng mới chăm dứt được những tiếng khóc thét của chúng khi chúng được tiêm thuốc. Vì thế chúng rất sợ chàng, Nhưng nhờ Hải vui tính, chúng cũng mến chàng không ít và Hải cũng biết rõ từng đứa một. Đứa nào khoẻ, đứa nào ốm, nhà có mấy anh em... Những tình cảm từ trẻ nhỏ đến người lớn tạo thêm sự yêu mến của chàng đối với những người dân quê ở đây. Một đứa học trò tiểu học từ trường về, thấy chàng vội thưa :

— Thưa Thầy.

HÀ I biết đó là thằng Khoai, con bác Năm ở đầu xóm. Chàng mỉm cười. Đời sống của dân quê như gắn liền với mảnh đất của họ, cái gì cũng mang đặc tính của đồng quê. Ở đây là thế, cha mẹ thường dùng những tiếng như Môn, Mít, Khoai, Trâu, Bò để đặt tên cho con cái. Họ chỉ biết được những tên đó vì đó là những danh từ đầu môi của họ.

Chàng nhớ lại thằng Khoai. Đó là một đứa bé gầy và bệnh tật, là hình ảnh gần như tượng trưng cho những sự gầy ốm ở làng này. Dân quê ở đây còn quá nhiều bệnh tật. Hải nhớ lại ngày mới được đổi về đây hình ảnh một quê hương nghèo xơ xác, đất đai cằn cỗi. Dân chúng lại quá thiếu thốn về thuốc men nên đau ốm liên miên. Lần thứ nhất tình yêu quê hương dâng lên trong tâm hồn chàng một cách mãnh liệt. Chàng tự nguyện sẽ đem tất cả thiện chí để nâng cao trình độ y tế ở đây. Tại bệnh xá của chàng đã có những giờ làm việc lẫn sang giờ nghỉ. Chàng chỉ mong sao phục vụ hết mình cho dân chúng. Những ngày nghỉ việc chàng thường đi vào các xóm thăm viếng từng gia đình để săn sóc thêm cho sức khoẻ của dân chúng. Nhưng hoàn cảnh vẫn chẳng đổi thay. Đã một năm trời trôi qua, dân chúng ở đây vẫn còn quá nhiều bệnh tật. Niềm thao thức đưa chàng vào những suy tư với những câu hỏi chưa bao giờ được giải quyết. Tại sao ? Chiến tranh ? Nghèo ? Đói ? Có lẽ thế. Nhưng có lẽ đói là một kẻ đồng loã với bệnh tật đã dim thấp trình độ y tế ở đây

HÀ I đi đến gần cuối xóm, một tiếng kêu từ đầu vắng lại :

— Thầy Hải.

Chưa ngẩng đầu lên chàng biết ngay đó là tiếng bác Lành, người chủ nhà trọ của chàng.

— Hi, hi... Thầy về sớm rứa à ?

Hải đưa tay vẫy cười :

— Dạ cháu vừa về.

Bác Lành đang cùng với các nông dân bó lúa trên một thửa ruộng đằng xa. Bác Lành, hình ảnh một người nông dân chất phác, đã góp một phần mồ hôi của mình tưới lên đồng ruộng để tạo nên đời sống của dân quê. Hải bước xuống ruộng. Những cuống rạ mới cắt kêu xào xạc dưới mỗi bước chân của chàng như tiếng chuyển mình của đất mẹ êm ái, đầm ấm. Mùi lúa chín từ xa, mùi đất ẩm hoà lẫn trong làn gió mát. Hải hít mạnh. Chàng nghe như mùi quê hương thấm dần vào buồng phổi. Xa xa trên một thửa ruộng hơi cao, bác Lành và mấy nông dân đang làm việc. Ánh nắng vàng buổi chiều còn sót lại soi rõ hoạt cảnh của đồng quê, mà những nông dân là những diễn viên linh động. Ánh mặt trời chiều còn đẹp hơn ánh đèn sân khấu. Lối diễn xuất hồn nhiên và linh động hơn những diễn viên sân khấu. Tiếng chim kêu và lời ca của các cô thôn nữ là một bản nhạc bất hủ của quê hương. Hải thầm khen : một bức tranh tuyệt đẹp.

Đến nơi, Chàng niềm nở.

— Chào bác Lành. Chào các bác

— Chào thầy.

MỘ T vài cô thôn nữ nghỉ tay nhìn về phía chàng rồi lại tiếp tục làm việc như không hề hay biết gì. Tâm hồn của thôn nữ thường vẫn thế. Tình cảm ít khi được biểu lộ bên ngoài. Những đôi trai gái yêu nhau thầm kín trao gửi lời tình tự qua tia nhìn trêu mếu, qua nụ cười «ngậm kim». Nhưng tình cảm của người nông dân nói chung và của trai gái ở đây sẽ biểu lộ một cách dạt dào qua điệu hò câu hát trong những đêm trăng giã gạo, tát nước. Niềm vui của họ lúc nào cũng hoà vào công việc đồng áng.

— Các bác chưa nghỉ tay ?

— Dạ chúng tôi cũng sắp về chỉ còn bó lại mấy bó lúa.

— Thầy chưa về ?

— Dạ cháu đang về. Đợi bác cùng về cho vui.

Trên con đê vào làng, một đoàn nông dân vai nặng trĩu lúa vàng cúi đầu đếm bước. Họ đi một cách âm thầm nhưng vững chắc. Lúc nào họ cũng âm thầm, lầm lì nhưng siêng năng và nhẫn nại. Họ đã làm việc với từng nhịp thở với tất cả sức lực lẫn tâm trí. Nhưng rồi cuộc đời của họ vẫn đen tối, nghèo đói, bệnh tật. Lúc nào họ cũng :

« Râu tôm nấu với ruột bầu

Chồng chan vợ húp lác đầu
khen ngon »

Họ về tới nhà trong ánh hoàng hôn.

oOo

— Nè Bác...

BÁ C Lành ngưng đôi đũa. Miếng cơm còn trong miệng bác. Bác hỏi lại :

— Chi Thầy ?

Bà Lành đang gấp miếng rau muống định nhúng vào chén nước chấm tự nhiên cũng dừng lại lắng nghe. Hải định nói một điều gì quan trọng, nhưng nghĩ thế nào chàng lại nói sang chuyện khác :

— Bác ăn canh nắm đi chứ. Tự nhiên mà Bác. Của mẹ cháu gửi ra đó.

Vì ở xa chợ, nên mặc dầu nấu cơm tháng cho Hải, những bữa cơm gia đình bác Lành lúc nào cũng đạm bạc với rau, cá khô, canh bầu... ít khi có được món ăn sang. Hải cũng biết thế nên không bao giờ than phiền mà đôi khi còn thấy ngon miệng trong tình gia đình đầm ấm. Bác Lành lại có tính rụt rè, mỗi khi có món ăn ngon, bác vẫn thầm nhường cho Hải. Hôm nay có nắm cơm của mẹ chàng gửi ra. Bà Lành đã lặn lội mua cho được thịt bò và một rổ rau « tập tàng » để nấu canh cho chàng ăn. Chỉ một bát canh tương đối sang đó đã làm cho Bác Lành mất tự nhiên. Vì thế Hải biết nếu chàng không mời, bác Lành không bao giờ chịu ăn

NG H E Hải mời, Bác Lành vội nói như bào chữa :

— Dạ tui ăn đó chứ. Ngon quá. Chắc bà cụ mua mô đặc lắm.

— Dạ không nắm ở nhà cháu đây.

— Nắm nhà !

— Dạ, hồi cháu còn làm việc gần gia đình, nhờ có một người bạn cháu bày, cháu đã làm năm đó. Ban đầu nói làm để ăn cho vui. Nhưng sau năm thành một nguồn lợi của gia đình cháu.

— Lợi quá hí.

Rồi trong bữa cơm, câu chuyện được xoay qua vấn đề làm năm. Nào cách ủ rơm (rạ), cách làm vòng, cách tưới nước, giá tiền một chai men....

CƠ M tối xong, Hải và bác Lành ra ngồi nói chuyện trước hiên. Trăng lên cao sau rặng tre trước ngõ. Gió về đêm đem hơi mát đồng ruộng vào. Hải nhìn lên bầu trời. Ánh trăng xanh tỏa sáng khắp thôn dã. Hình ảnh một thôn quê thanh bình phát hiện lơ mơ trong ký ức chàng. Nhưng, Hải biết đây không phải là cảnh thanh bình ; tiếng súng từ xa vọng về xoáy sâu vào tâm hồn chàng. Chàng nghĩ đất mẹ còn nhiều đau thương.

— Nè... bác.

— Dạ chi rứa.

— Năm nay trông có vẻ được mùa bác nhỉ?

— Dạ, khá hơn năm trước.

— Mỗi năm bác làm chỉ có một mùa?

— Dạ hai mùa đó chớ. Dạ, ngoài hai mùa lúa chúng tôi lại còn trồng chen thêm khoai, sắn. Rồi giọng bác như trầm hẳn xuống, đôi mắt bác như tối lại, bác chép miệng:

— Thế mà vẫn không đủ ăn. Nhiều lúc chúng tôi phải đi mượn gạo của hàng xóm!

Hai người im lặng:

— Nè bác, tôi có ý định...

Hải nói chưa dứt lời bác Lành đã vội xua tay:

— Dạ tôi biết thầy muốn giúp đỡ tôi lắm. Nhưng thầy đã giúp đỡ quá nhiều... Bác Lành định nói nữa nhưng Hải đã ngắt ngang lời bác:

— Không, tôi chỉ định bàn với bác một việc.

— Dạ.

— Bác có nhớ câu chuyện làm năm cháu đã nói lúc ăn cơm?

— Dạ nhớ.

— Cháu đề nghị bác nên làm thêm năm để kiếm lợi.

Bác Lành buồn bã:

— Nhưng chúng tôi không có vốn.

— Không cần vốn lắm bác ạ. Điều cốt yếu là phải có men. Nhưng men lại rẻ. Việc này để tôi lo. Bác chỉ cần làm đất, ủ rơm cho kỹ. Nhưng đầu tiên bác thử làm một ít đã, nếu thấy có lợi, bác phá những đất hoang để làm nhiều hơn.

Rồi hai người tiếp tục bàn định kế hoạch. Câu chuyện càng lúc càng hứng thú. Ngoài kia, trăng đã lên khỏi rặng tre.

oOo

HẢI đứng trên bờ đê. Tóc chàng bay tung trước gió chiều. Chàng nhìn ra xa: đồng ruộng bát ngát. Bên cạnh những ruộng lúa mới cắt là những đám đất mới khai phá đã được làm thành từng mô trên có phủ rơm. Hải nghĩ đến bác Lành. Chàng nhớ nét mặt vui tươi của bác lần đầu tiên bán được năm. Kết quả của lần thí nghiệm khiến bác hăng hái xúc tiến công việc làm năm. Chàng nhìn những luống đất. Một cái gì hứa hẹn đang tiềm ẩn trong đó. Hải nghĩ đến một ngày mai... Chàng nghe như trong lòng đất có sự chuyển mình, cái chuyển mình êm ái của những hoa năm đang muốn vươn mình lên khỏi mặt đất để đón gió mát và trời xanh.

lan đình

ĐEN DUYÊN

Bố thật khó tính và nóng tính, động một tí đã quát nạt, đập phá. Trái lại, mẹ thì hiền lành, hồn nhiên quá, đến nỗi cứ hay vô tình đụng chạm phải con người khó tính và nóng tính của bố, để bố lại nhân dịp “bé xé ra to”

Mỗi lần nổi giận, bố lại càng cố chấp chỉ tìm cách kéo dài cơn giận, có khi bố nói dai hàng giờ. Hình như lúc nào bố cũng để dành sẵn một số âm ức trong lòng cho nên bất cứ lúc nào bố cũng có thể trở thành lỗ mãng, hung hãn được.

Trong khi bố xỉa xói, day nghiêng bao giờ mẹ cũng ngồi im hoặc khóc thầm. Nhưng chính vì mẹ tốt nhịn, bố mới càng thêm. Bố vẫn bảo « không gì uất bằng nói với người câm » !

Tuy vậy, nhất định không phải là bố không thương mẹ. Chính bố đã tự ý làm quen với mẹ trước, năn nỉ mẹ suốt một năm rồi mẹ mới bằng lòng để bố cưới mẹ. Chứ có ai bắt bố phải lấy mẹ đâu ?

Những lúc ngồi một mình, ngẫm nghĩ bố vẫn tự biết mình, đã vô lý. Hơn nữa, bố còn tự biết mình là kẻ hèn nhát, chỉ hay bắt nạt vợ. Bố lại hối hận. Nhưng không hiểu sao bố chỉ hiểu ngầm như vậy thôi, và chưa chịu thốt ra lời để xin lỗi hoặc an ủi mẹ.

Có lẽ bố ngượng mồm ngại khơi lại cái xấu của chính mình. Và chẳng bố đã từng ước lượng, và nhận thấy những điều muốn nói nhiều quá, dài giòng quá và hết sức xa lạ đối với mẹ. Nhất là bố vẫn thương mẹ tới mức gặp chuyện buồn chỉ buồn một mình, chứ không muốn để mẹ

dự vào đề mẹ phải buồn lây. Thế mà bố vẫn làm khổ mẹ.

Bà cụ có năm người con lớn rồi, bằng đi hàng chục năm, mới đẻ thêm Trịnh. Bây giờ gia đình lại đang sa sút, vì gặp phải thời buổi « người khôn của khó » Bà cụ thường nói nửa đùa nửa thật : « Số thằng Trịnh vất vả, giá mà nó được đẻ sớm hơn thì có phải cũng sung sướng như các anh các chị không. Đúng là *giàu con út khó con út*.

Trịnh rất bực tức vì cái trường hợp « cắn còm cắn sứt » của mình. Tuy cả nhà vẫn yêu chiều hết lòng. Nhưng Trịnh cứ phải nhận phần « nhường cơm xẻ áo » như áo dài cũ của hai chị sửa thành áo sơ-mi cho Trịnh, quần tây cũ của hai anh gạn lấy quần soóc cho Trịnh, cả áo rét của Trịnh cũng chấp nối bằng đủ thứ len.

Cho đến khi Trịnh học vỡ lòng chỉ vì mỗi cái tật cầm đũa tay trái. Khó tận viết tay phải, mà ông cậu đã dần thọc lim sừng tím từng đốt xương. Thế mà người lớn vẫn bảo « yêu cho vọt, ghét cho chơi »

Người lớn đã bắt công với Trịnh đủ thứ. Chẳng hạn, một chị chết vì tội làm hộ; kín, rồi có lẽ bố buồn quá phát bệnh qua đời, thì mẹ cũng qui lỗi cho Trịnh : « Số con xung khắc với cả nhà. Con ra đời thì bao nhiêu người chết...

Đã đành, Trịnh hằng biết, mẹ chỉ tin tưởng vào những người con lớn nhưng họ đã chết hết, chỉ còn Trịnh bé dại thôi, chắc gì nhờ cậy được. Nhưng Trịnh vẫn thấy mẹ vô lý.

Nghĩ thế, Trịnh đi cố lo lấy thân càng sớm càng hay, để tỏ ra mình mới chính là đứa con có hiếu là lẽ sống còn lại của mẹ. Bởi vì dù sao Trịnh cũng thương mẹ. Chẳng hạn, Trịnh vẫn thương mẹ qua một kỷ niệm trong quãng đời tản cư về quê ngoại, hồi chiến tranh mười năm trước. Những ngày

mưa dầm gió bắc, mẹ phải khoác áo tơi lá, quây gánh trâu, đi chợ tận bên kia sông. Đêm nào mẹ cũng than tiếc ngôi nhà bị bom ở ngoài tỉnh.

Nhưng Trịnh vừa lớn lên thì đã phải đi lính vào Nam. Hết chiến tranh cũ đến chiến tranh mới. Trong khi đó ở ngoài Bắc mẹ cứ già thêm mãi, hơn bảy mươi tuổi rồi hơn tám mươi tuổi.

Mẹ vẫn tự hào với mức độ sống lâu của mình, rằng « mẹ chưa chết đâu, vì mẹ còn phải chờ đến ngày Trịnh có vợ, để xem mặt cô dâu út của mẹ.

Mẹ thường phác họa « con dâu út của mẹ thì phải tốt đẹp, hiền hậu thế nào, chứ không hỏng như cái con cô dâu vợ thằng cả.

Mẹ cứ thách đố cả thời gian và thời cuộc. Nhưng cuối cùng tất nhiên mẹ sẽ chịu thua.

Bây giờ lâu rồi Trịnh vẫn giữ nguyên tấm ảnh cưới định gửi về cho mẹ, để coi như một bằng chứng thất bại của đời mình. Ngay trong khi mãn nguyện nhất cũng buồn.

ooo

NỮA đêm, bố với thằng Cu Trắng đang ngủ ngon, chợt nghe mẹ gọi khẽ :

— Bố ơi, hình như Cu Đen nóng đầu hay sao ấy !

Nằm trên tay mẹ, Cu Đen đang bị bỏ « nói chuyện » với ngọn đèn ngủ, đôi mắt to tròn múa máy trong vùng ánh sáng mờ ảo trông càng đen ay áy. Bố vừa áp con mắt vào trán Cu Đen, vừa nói đùa.

— Cu Đen mà cũng biết nóng đầu cơ à !

Cu Đen nóng đầu thật. Bố mở tủ thuốc, vẫn nói đùa :

— Hâm hấp thôi chưa ăn thua gì với « ông ấy » đâu.

Sở dĩ bố không chịu tin Cu Đen sẽ sốt to, chỉ vì từ lúc sinh ra đến bây giờ, sáu tháng rồi, nó khỏe lắm, cứ bú một mạch,

ngủ một mạch, và xề sữa « tù lù » ra. Nó « anh hùng », chứ không khó nuôi như Cu Trắng.

CU Trắng đã làm khổ bố mẹ khi nó còn ở trong bụng. Hồi có mang Cu Trắng, mỗi tuần mẹ phải đi bác sĩ hai lần. Đến tháng thứ tám, Cu Trắng còn bắt bác sĩ vắn mãi nó mới chịu nằm vào chỗ tử tế trong bụng. Mẹ đang đẻ Cu Trắng mới khiếp, suốt một ngày, một đêm, liên miên từ sáu giờ sáng hôm trước đến sáu giờ sáng hôm sau.

Bấy giờ Phật giáo đang chống đối chính phủ Ngô-đình-Diệm. Có giới nghiêm ban đêm. Thế mà nhà hộ sinh tư cũng đành chịu khó chở mẹ vào nhà hộ sinh công giữa lúc một giờ khuya. Bố phóng về-lô chạy theo, đến nơi, đã ngồi chờ ở góc vườn hút hết một bao thuốc lá, sương ẩm cả vai áo, người sắp hóa ra bia đá rồi, Cu Trắng vẫn chưa chịu lọt lòng.

Mãi đến khi trời sáng hẳn, bố mới thấy chị vú lừ đừ bước ra, vừa thở vừa nói :

— Con trai, cậu, ạ, bốn, ký, bầy...

Bố vùng dậy, nhảy một bước lên thêm dán mặt vào cửa kính. Bên trong, hai cô nữ khấp hộ phải làm hô hấp nhân tạo cho Cu Trắng, trông như chơi đàn phong cầm nhưng nó cứ « thản nhiên » Trông Cu Trắng bẻ bết máu và máu, bố đã thất vọng chép miệng bỏ đi tìm xuống phòng lạnh thăm mẹ.

Ai ngờ, lát sau, chị vú đã bế Cu Trắng về, nó khóc toang lên.

Cả bố mẹ đều tưởng rằng Cu Trắng to con như thế thì sẽ khỏe lắm. Trái lại cứ vào khoảng một tháng, Cu Trắng lại « nhõng nhẽo » một lần.

Rút kinh nghiệm từ Cu trắng, khi có mang Cu Đen, mẹ không uống thuốc bổ nữa. Duy tháng cuối cùng, nghe lời một

chị bạn, mẹ mới uống 3 thang thuốc bắc đầu bảo trong đó gồm toàn những vị làm cho dễ đẻ.

Đang ăn cơm trưa, mẹ thấy « nhối » một cái trong bụng. Nhưng mẹ vẫn cho rằng Cu Đen « chỉ đùa dai một tí thôi », chứ chưa đòi ra đâu.

Bấy giờ Phật giáo lại chống đối chính phủ Trần văn Hương. Cũng có giới nghiêm ban đêm. Muốn chắc ý, bố bảo bà u già — mới mượn thêm dành riêng cho Cu Đen — đưa ngay mẹ vào nhà hộ sinh.

Lát sau, chờ Cu Trắng ngủ trưa xong bố phóng về lô đi thăm chừng, thì Cu Đen đã « có mặt » rồi. Từ lúc chuyển bụng đến lúc đẻ chỉ trong vòng ba mươi phút. Bà u già vẫn nựng Cu Đen rằng « tí nữa thì mọ ị ra chú ngay giữa nhà này này » !

Cu Đen chỉ có ba ký rưỡi năm chục thôi, không được « éc cuyn » như Cu Trắng, nhưng nó « chì » nhất nước. Đen mà hồng đúng nước da màu đồng hun, nước da thềm muốn của giới lực sĩ, đã từng tắm nắng xoa kem mãi cũng không bì kịp Cu Đen. Có điều, nước da của Cu Đen đã làm mẹ ngạc nhiên :

— Hay là chỉ vì mấy thang thuốc bắc mà nó đen thế, bố nhỉ !

Bố phì cười :

— Nói chẳng khoa học tí nào cả !

Mẹ lườm bố :

— Thế tại sao em trắng, bố cũng không đen mấy, mà nó lại đen quá như vậy ?

Bố chặc lưỡi :

— Thì tại nó đen chứ sao. Đen « tính tiền » đen, ăn thua gì ! Đen mà có duyên ạ !

Mẹ chép miệng, nhại lại lời bố :

— Nói chẳng khoa học tí nào cả !

Quả thật nước da đã « chứng minh đầy đủ » sức mạnh của Cu Đen. Tuy lúc đẻ ra, nó nhẹ cân hơn Cu Trắng, nhưng cứ thế nó « bóp kèn qua mặt » thắng anh. Bây giờ thì cổ tay nó đã to gấp đôi cổ tay thằng anh, và cứ đà này thì còn có triển vọng gấp ba nữa !

Tuy vậy, không phải là Cu Đen chưa hề biết đau ốm. Đạo mới được ba tháng, nó đã đi ỉa nửa tháng liền, nhưng vẫn tỉnh như thường, cứ ăn, cứ ngủ, không sút. Người lớn đã tưởng nhầm nó đi « lỏng » chứ không phải đi ỉa. Mỗi nó mới tỏ ra hơi hơi mền mẹt, ăn bỏ mứa một chút, ngủ dờ giấc một chút. Đem nó đi bác sĩ là chỉ cốt cho đỡ thắc mắc thôi, ai ngờ bác sĩ kêu đẩy lên :

— Trời đất, nửa tháng rồi mà đề yên à ?

Nhưng cả bác sĩ cũng không ngờ, chỉ cần một mũi tiêm, một liều thuốc. Cu Đen đã « lập lại quan hệ bình thường ». Cười nguếch cái mồm ra ! Mọii có 5 tháng mà đã mọc hai răng, vớ đâu cắn đấy, ón luôn !

Nhưng không phải là Cu Đen không biết yêu sách. Nó có một cái thú đặc biệt là, cứ vào khoảng 4 giờ đêm, lúc mà trời đã man mát, ai cũng ngủ ngon, thì nó thức dậy, chân nào tay ấy, vừa « đánh võ » vừa « nói chuyện ». Mặc, người lớn cứ ngủ. Đâu được ! Độc thoại một hồi, mà chưa thấy ai đáp lời, thì nó be ầm lên. Rút cục, bố mẹ và hai người làm phải « chia phiên gác đề hầu chuyện nó. Như thế cho đến sáng bạch, « làm » một chai, rồi nó mới ngủ lại.

Đây là lần đầu tiên Cu Đen nóng đầu.

ooo

ĐẾN sáng, Cu Đen đã sốt tới 40 độ. Nhưng bố vẫn gan, tự chữa cho Cu Đen bằng vốn liếng hiểu biết của mình. Cả ngày

Cu Đen cứ lên lên xuống xuống trong vòng 38 và 40 độ. Mẹ sốt ruột, đem Cu Đen đi bác sĩ. Bác sĩ bảo Cu Đen lên ban, không thể nào chữa cho mát hẳn được, chỉ cần canh chừng cho nó đừng làm kinh thôi, bao giờ trở mụn thì nó mới khỏi.

Đề mẹ đỡ lo, bố cũng nghỉ ở nhà, cùng theo dõi Cu Đen. Vả chăng, bố nghỉ, Cu Đen chưa từng được hưởng thụ chút gì, quần áo tã lót đều mặc thừa của Cu Trắng, cả cái nôi cũng thế, cho nên bố muốn đền bù cho nó, bằng cách đích thân săn sóc trong khi nó nóng đầu.

Bố viết mấy chữ, đưa người làm đem đến sở, xin nghỉ ba hôm. Thế thôi, bố đã yên trí cấp trên sẽ bằng lòng cho bố nghỉ. Bởi vì bố vẫn được tin nhiệm ở sở mà chưa từng đòi hỏi điều gì, trừ lần này Cu Đen nóng đầu, bố mới xin nghỉ phép đặc biệt.

Hết ba hôm, Cu Đen bớt nóng, bắt đầu trở mụn, nhưng vẫn quấy khóc và biếng ăn. Bố tự ý nghỉ thêm ba hôm nữa, rằng cha nó đã làm khổ con.

Một tuần, không biết ai đã « đầy cây » ông giám đốc, rằng bố đem gia đình đi nghỉ mát. Bố đã phân trần hết buổi sáng, ông giám đốc vẫn không tin. Buổi chiều, bố lại phân trần, ông giám đốc vẫn không tin.

Bố chẳng cần biết đến kẻ nào đã vu oan cho mình. Nhưng bố thất vọng vì một cấp trên cả nghe, quên hết công lao của bố. Bố chặc lưỡi, trở về thái độ im lặng.

Tan sở, bố tạt vào một hiệu kem, ngồi lì, uống bia, hút thuốc vệt, cho đến hơn tám giờ tối, mới về.

Muộn thế mà mẹ vẫn chờ cơm. Trông cái mâm đầy lồng bàn, và hai người ngồi buồn so nhịn đói ở góc nhà, bất chợt, bố đập đổ cái quạt điện, và hét lên :

— Sao không ăn cơm trước đi ? Định dùng khổ nhục kế để bắt tôi phải về đúng giờ hả ? Tôi có quyền sống cho tôi nữa chứ ?

Con giận đang được đã, bố buột miệng mắng luôn Cu Đen, bằng lẽ thật không ngờ :

— Mày còn sống nữa cơ à ? Tao tưởng mày « tịch » rồi !

Mẹ hốt hoảng ghì Cu Đen vào ngực, vừa giạt lùi, vừa mếu máo :

— Trời ơi, em vô ý, em xin lỗi bố.

GƯƠNG mặt và lời nói của mẹ quạt mạnh vào cơn giận của bố tắt ngấm. Đây là lần đầu tiên bố trở lại điềm tĩnh sớm thế. Cũng là lần đầu tiên bố cảm thấy ân hận đến nguội ngất, tê điếng. Bởi vì bố đã tự xét không xứng đáng với độ lượng của mẹ. Mẹ ở phải mà vẫn nhận lỗi. Bố ngượng quá, hơn nữa, còn cần phải đi đâu để lảng tránh thái độ khiếp đảm của mẹ. Bố quay ra, cố bắt giọng từ tốn, nói với lại :

— Anh đi việc này một lát.

Bố có thói quen, khi buồn là đi xem phim cao bồi. Phim tối nay dở quá. Hoặc bố chẳng còn lòng nào để biết phim hay ở chỗ nào.

Tuy vậy, bố đã thuộc lòng hai đoạn.

Một góa phụ đứng khóc trước phần mộ của cha mẹ nàng :

— Con con nó giống tính cha nó. Chính vì thế mà con lại càng thương nó. Dù rằng cha nó đã làm khổ con.

Một thằng bé con bị bắt cóc, đi trong bọn cướp, nó vẫn tin chắc, đằng sau, phía xa, cha nó đang đuổi theo. Đến giữa sa mạc, nó đã hy sinh phần nước uống của mình, một cái túi da dẫu bọn cướp, vứt lại ở dọc đường, để hy vọng cha nó khỏi chết khát như bọn cướp đã đoán với nhau.

Bố chạy bay về nhà, tông cửa, ủa vào. Cu Trắng đang ngủ say. Nhưng mẹ còn bế Cu Đen, ngồi chờ bố. Bố cúi xuống hôn Cu Đen trong lòng mẹ :

— Bố xin lỗi mẹ. Bố xin lỗi Cu Đen

Khỏi nóng, Cu Đen lại bắt đầu « cùi cùi như con sâu đất », « yêu đời » và « khoan dung ». Nó cười nguệch ra một cái, hai chiếc « răng chuột » thon xinh, trắng muốt.

Bố phát một cử chỉ giao hẹn :

— Cu Đen đã thay mẹ tha thứ cho bố rồi đấy nhé ?

Mẹ khẽ gật đầu, đôi môi mím mím vừa có vẻ khóc vừa có vẻ cười.

MÙA XUÂN HỌC TRÒ

AN CHÂU LAN

CÙNG với những trận mưa phùn cuối năm, mùa xuân đã bắt đầu trở về với núi đồi và cây cỏ vùng cao nguyên đất đỏ heo hút này. Trời đã bớt lạnh và thỉnh thoảng có nắng hanh vàng. Tuần trước rét đến 14°. Hơi đá núi xông ra xen lẫn với những ngọn gió nhẹ, thật nhẹ, làm buốt xương thịt.

Trường tôi dạy nằm kề bên dãy núi cao luôn luôn có mây trắng phủ đầy, cũng vì vậy nên những hôm nào lạnh như thế thì việc dạy dỗ hầu như đứng lại. Học trò của tôi toàn là những đứa trẻ nghèo, nghèo xơ nghèo xác. Mặc dầu thời tiết đến như vậy nhưng số những đứa có áo ấm đếm trên đầu ngón tay. Tôi vẫn thường gọi riêng mấy đứa đó là con nhà «tư bản miền núi». Số học sinh còn lại thật đáng thương hại. Đứa nào cũng chỉ một chiếc sơ mi chẳng chít lỗ vá rách và một cái quần đùi cộc lốc.

Mặt đứa nào đứa nấy tái đi và tay chân nổi da gà. Những hôm đầu tôi tưởng chúng không muốn mặc quần áo dài và áo ấm, chúng mặc như vậy để đùa giỡn nghịch ngợm nên cứ mỗi khi vào lớp là đưa lời nạt nộ. Vài ba ngày sau tôi mới rõ được những hoàn cảnh đó. Nhưng biết đề mà biết tôi cũng chẳng giúp chúng được gì. Nhìn những khuôn mặt xanh xao, run rẩy của chúng, tôi nghĩ đến những trẻ em ở thành thị. Thật là cả một cách biệt xa vời. Tôi không biết đến bao giờ ở đây mới có những chiếc áo ấm đủ màu sắc sờ sờ những khuôn mặt trẻ nhỏ này được hồng hào sung sướng. Có một điều đáng hãnh diện với đám học trò của tôi là dù mưa gió lạnh thế nào chúng vẫn đi học đầy đủ và thuộc bài hiểu bài rành mạch. Có hôm nhiều đứa đến lớp ướt như chuột lột. Nguyên nhân là chúng không có nylon. Ở đây không có áo mưa

đẹp dễ như ở «miền dưới» — đồng bào ở đây dùng chữ «miền dưới» để chỉ thành thị — Áo mưa ở đây chỉ là một tấm nylon dầu vuông vức, khi nào mặc thì quần vào mình và cột thắt hai múi ở cổ. Dĩ nhiên không làm sao tránh được ướt át gặp khi mưa to hoặc lúc vừa mưa vừa gió. Hôm nào mưa lớn lớp học thường thừa thớt. Tinh thần hiếu học của chúng đã bị gió mưa ngăn cản.

CÓ một hôm mực hàn thử biểu treo ở tủ văn-phòng tụt xuống 130. Biết không thể nào dạy được vì tay chân tê cứng, tôi cho kiểm củi khô đốt ngay giữa lớp để sưởi ấm. Hơn ba mươi học trò và tôi chen chúc ngồi quanh đồng lửa đốt cháy vừa ca hát vừa vỗ tay. Tôi kể cho chúng nghe chuyện những người sống ở Bắc Bạng Dương quanh năm tuyết phủ. Đứa nào cũng vui lên và mắt sáng ngời. Khung cảnh ấm cúng đó làm tôi sung sướng. Cũng vì vậy nên khi thấy bóng nắng hanh về, tôi mừng thầm cho đám học trò khốn khổ. Như thế là đã qua được những ngày rét mướt. Cây mừng trước mặt trường đã bắt đầu ra lá. Rừng núi đã có dáng màu xanh. Những hàng chè đều đặn chạy thoải thoải xuống các triền đồi.

CÒN mấy hôm nữa thì hết một năm. Một năm trôi qua thật yên lành và đi bao giờ không biết. Nếu không có những đổi thay của mưa nắng, của thiên nhiên, nếu không có những cành lá non xanh đâm chồi cùng với hoa mai nở, tôi chẳng thấy không khí Tết khi nhìn đám học trò không một chút thay đổi. Cũng áo quần đó, cũng bàn chân đen đui đầy bùn và những mo cơm bới thường lệ để ở lại buổi trưa vì nhà ở xa trường.

Những ngày cuối cùng tôi cho học trò chơi nhiều hơn học. Khi tôi vào lớp thì bọn chúng ngồi yên lặng nhìn tôi. Tôi thấy có một cái gì khác lạ nơi chúng. Trông mặt

đứa nào cũng có vẻ vui hơn thường ngày. Tôi lật sổ điểm nói đùa với chúng :

— Bây giờ thầy gọi các em đọc bài. Em nào không thuộc thì không được ăn tết nghe.

Cả lớp lao xao. Hình như chúng đang nói với nhau những gì. Tôi hỏi :

— Sao ?

Thằng Sừng, đứa lớn nhất mà tôi đã chọn làm trưởng lớp, đứng dậy nói :

— Thưa thầy, hôm qua thầy bảo ngày ni cho chơi khỏi mang sách vở nên tụi em không học bài.

— À, các em nhắc thầy mới nhớ. Thôi được, cho các em chơi nhé.

Cả lớp vỗ tay reo mừng. Những nụ cười của chúng tôi thấy dễ thương hơn bao giờ cả. Tôi nói :

— Nhưng bây giờ các em làm gì nào ?

Như đã có sắp đặt và có ai hướng dẫn trước, thằng Sừng đứng dậy nói :

— Thưa thầy hôm nay là ngày học cuối cùng trong năm ngày mai thầy sẽ trở về để ăn Tết với gia đình, chúng em xin kính chúc thầy một năm sức mạnh và may mắn.

Tôi cảm động trước những lời chúc và cử chỉ rụt rề của thằng Sừng. Tôi đứng dậy khoanh tay trước ngực định nói vài lời thì thằng Sừng đã đi lên cạnh tôi và bên tay trái nó có hai ba đứa đứng khuất vào góc tủ. Thằng Sừng nói :

— Thưa thầy, Tết đến chúng em chẳng có gì, xin có ít đồ này để thầy dùng cho vui gọi là chút cảm ơn công lao khó nhọc của thầy đã dạy dỗ các em.

THẮNG SỪNG nói xong thì thằng Trị và Thằng Sâm đặt hai khay đồ trái vào giữa bàn. Tôi mở lớn mắt ngạc nhiên.

Tôi không ngờ, chúng làm như vậy. Trước đây mấy ngày tôi đã nhắc đi nhắc lại là cấm tuyệt đối không được bày đặt việc đi Tết để tránh mọi phiền phức và tốn tiền học trò một cách vô ích. Tôi biết rằng ở vùng núi này dù thật nghèo nhưng hề nghe việc gì liên quan đến nhà trường, phụ huynh cũng như học sinh đều đóng góp một cách sốt sắng vui vẻ. Kỳ mới đến nhận việc được non một tháng, người bạn tôi bị bệnh không đi dạy được, phụ huynh đã đến thăm chặt cả nhà và cam chuối ăn luôn hai ba ngày không hết. Chúng tôi vẫn thường nói đùa là thỉnh thoảng cũng nên đau vài trận như thế ! Thấy tôi nhìn vào khay thăng Sừng nói :

— Chúng em xin thầy vui lòng nhận cho.

Tôi nói :

— Được, các em về chỗ.

Tôi nhìn lại vào bàn. Những nải chuối thật to bậm và chín vàng. Những trái cam cuối mùa vừa độ chín nên da đã ngả màu. Hai trái đu đủ cuốn còn dính mũ nằm choáng gần nửa góc khay trông thật ngon lành.

Tôi nhìn về phía học trò và nói :

— Mấy bữa trước thầy đã nói với các em là đừng có làm như thế này, các em đã vô tình không nghe những lời căn dặn của thầy bày về lời thôi. Thầy không bằng lòng việc làm của các em.

Mặt đứa nào đứa nấy xịu xuống. Có đứa nhìn nhau như dò hỏi điều gì. Thăng Sừng đứng dậy nói :

— Thưa thầy chúng em luôn luôn vâng theo lời dạy bảo của thầy và không bao giờ dám làm điều gì phật lòng thầy. Những đồ trái chúng em đem đến đây là những thứ có sẵn trong vườn chứ không

phải chúng em đi mua. Chúng em xin thầy tha lỗi cho chúng em.

Tôi cười :

— Thôi các em đã nói vậy thì thầy cũng tha lỗi cho các em. Nhưng thầy hỏi các em, tại sao các em không để cho cha mẹ đi bán lấy tiền mà lại đem đến những nải chuối tốt như vậy.

Không cần giọng tay ba bốn đứa đứng dậy thì nhau nói :

— Thưa thầy dạ nhiều lắm bán không hết, có khi chất từng đống các em ăn « bắt ớn ».

Một đứa khác nói :

— Thưa thầy ở nhà em chở mấy xe cũng không hết.

KHÔNG khí lớp học trở lại vui vẻ. Tôi vỗ hai tay vào nhau để chúng im lặng rồi nói :

— Thầy cảm ơn các em đã có lời chúc tụng thầy. Trong niềm vui của một năm mới sắp đến, thầy cũng chúc các em sang năm học hành tiến bộ, sức khỏe dồi dào. Thầy rất thông cảm với các em là ở đây tất cả chúng ta đều nghèo. Tuy thế các em hãy vui lên để đón mừng Tết đến. Người ta giàu sang thì đón Tết rộn ràng sang trọng, mình nghèo mình ăn Tết nghèo.

Tôi nhìn ra ngoài một lúc, rồi hỏi :

— Các em có thích Tết không ?

— Dạ thưa thầy thích — cả tụi trả lời.

— Nhưng các em thích đến Tết để làm gì ?

— Thưa thầy để được ăn đồ cúng, ăn bánh tét, ăn mứt.

— Mứt gì ? Mứt khoai làm với đường đen phải không ?

— Dạ thưa thầy phải.

— Ngoài mức khai các em còn được ăn mức gì nữa ?

Không một đứa nào trả lời. Tôi hỏi :

— Các em đã có khi nào được ăn mức bí, mức dưa chưa ?

— Dạ chưa.

— Thế Tết đến các em có được mặc quần áo mới không ?

— Thưa thầy dạ mặc như thế này rồi a. Dạ trò Túy trò Vinh trò Phong có rất nhiều quần áo mới.

Túy, Vinh, Phong là ba đứa thuộc con nhà «tư bản miền núi». Tôi hỏi thằng Túy :

— Có phải vậy không Túy ?

— Dạ thưa thầy chú em may có một bộ thôi ạ.

Để tránh cho học trò có ý tưởng so sánh rồi hồ thẹn, tôi nói sang chuyện khác :

— Bây giờ cũng đã trưa, thầy có ý kiến như thế này. Đáng lẽ ra hôm nay các em được ăn bánh kẹo nhưng vì đường xá quá xa xôi vấn đề chuyên chở khó khăn nên thầy hẹn các em bữa nào sắp nghỉ hè các em sẽ được ăn thật nhiều. Giờ sẵn có chuối cam đây thầy phân phát ra cho tất cả các em để cùng với thầy, chúng ta ăn liên hoan tất niên và chuẩn bị mừng năm mới. Dù ít dù nhiều, dù các em đã từng ăn «bắt ớn» — có tiếng cười — nhưng chưa bao giờ các em được cùng ăn chung với nhau đông đủ như thế này và nhất là các em chưa có dịp ăn với thầy các em đồng ý không ?

— Thưa thầy đồng ý đồng ý !

— Sừng, em lên cắt ra và chia cho các bạn đi. Nhớ cắt hết và chia cho đều nhé.

Trong lúc chờ đợi tôi đi xuống phía học trò và ngồi vào một góc ghế. Thằng Xuân hỏi :

— Thưa thầy bao giờ thầy về ?

— Sáng mai thầy về sớm.

Thằng Chiến hỏi tiếp :

— Thưa thầy sao thầy không ở lại đây ăn Tết với các em cho vui.

Tôi cười :

— Thầy cũng muốn ở lại nhưng thầy sợ thầy ăn nhiều lắm không có em nào nuôi nổi !

Chúng nhao nhao :

— Thưa thầy dạ thầy ăn mấy ngày cũng được hết Gạo thì nhà em không thiếu, chỉ thiếu có đồ ăn.

Tôi nói :

— Thầy nói đùa đấy. Sỡ dĩ thầy phải về ăn Tết ở nhà vì nhà thầy không có ai hết. Mẹ thầy cũng trông thầy như mẹ các em trông các em vậy.

Thấy thằng Sừng phát xong, tôi đứng dậy đi lên bảng, xoa hai tay vào nhau và nói :

— Trước khi cùng ăn các em hát một bài cho vui nhé. Bài gì nào ? Sao ? À, bài Bạch Đằng giang nhé. Nào, hai ba... « Trên sông Bạch Đằng...

Khi tiếng hát dứt, tôi nói :

— Bây giờ thầy hô một hai ba thì tất cả đều ăn nhé. Nào, một — Ấy, sao mới một mà trò Phong đã cầm trái chuối — cả lớp cười — một hai ba, ăn !

Tôi cầm trái chuối bóc vỏ cùng ăn với chúng. Đứa nào ăn cũng ngon lành, vui vẻ. Nhìn đám học trò tôi nghĩ rằng giả dụ tôi trúng được một triệu đồng, tôi sẽ may cho một đứa một bộ quần áo, một cái mũ, một cái cặp đầy đủ sách vở bút mực và cho chúng một bữa thật thịnh soạn với đầy đủ thịt cá tôm cua. Chắc không còn gì sung sướng hơn.

Mười hai giờ. Tiếng trống bãi học nghe thật đều. Cả lớp cùng hát bài chúc thầy, vang lên những lời ca vừa triu mến vừa kính trọng. Trong giờ phút đó tôi cảm thấy nôn nao, bồi hồi.

Nắng chói trên đầu. Nắng đã về. Mùa xuân đã về. Học trò của tôi từ đây không còn sợ lạnh nữa.



Để M hôm ấy tôi nằm mộng thấy mình trúng số một triệu đồng. Nhưng đồng thời tôi cũng thấy tôi đi lạc vào một miền hoang vu đồng khô cỏ cháy và mùa xuân đã đi quá sau lưng tôi tự bao giờ.

vương hồng sen

CON NGỰA GIÀ

CỦA THẦY ĐƯỜNG TAM TẠNG

TỪ đời Đường đời Tống trở về trước, sự đi lại giao thông giữa các nước lớn Đông Tây rất là khó khăn hiểm trở. Phương Đông có Trung hoa là nước lớn nhất và có tiếng là đông người hơn cả. Phương Tây có nước Ấn-độ có tiếng là nhiều voi tượng ; nước Ba-tư thì nhiều châu báu ; nước Thổ nhĩ Kỳ lại có nhiều ngựa giống tốt. Xét ra từ sau khi Trương Khiên sang đi sứ nước Tây-vực, Ban siêu đi bình phiên, Phó-Giới-tử sang lập công ở nước Lâu lan, từ ấy lần hồi từ phương tây có nhiều nước từng thông sang Trung quốc, nhưng người Trung quốc, vốn sẵn tánh lo xa và tỵ hềm, vẫn lấy sự « hòa-nhung » làm mối hại, và nếu có lúc thống sứ đi lại với nhau, ấy chẳng qua nội vấn đề triều cống cho Trung hoa hoặc

gì Trung hoa có việc can qua với nước nào đó. Ngoài ra cũng có khi tàu thuyền vượt bể Nam lai, hoặc đoàn công voa lạc đà sang đông-chí, từng thấy nước Đại-Nguyên cống gậy trúc trượng cho vua Hán, hoặc kẻ thương nhân cung quạt đoàn phiến cho Sư Hiền, chứng rằng Tây và Đông biết lấy tài-hóa giao thông với nhau và những việc ấy đã xảy ra từ đời Hán đời Tấn kia rồi. Nhưng đó chẳng qua là giao thông về thương mại, nhất là việc ấy không do chính-phủ tổ chức hay nhìn nhận, cho nên sự phát triển đôi bên và sự biết lẫn nhau không có tiếng dội nhiều.

Lấy gương một cá nhân mạo hiểm qua chơi tận cõi xa, chân trời núi Tu-Di, mắt xem qua thành Xá-vệ, khiến cho học

thuật đất Trung-hoa được nhờ ảnh-hưởng bờ cõi Đông-Á được rõ về thực nghiệm từ đây, lấy một mình lên giảng-đàn biện-luận bằng ngoại ngữ chiết phục trên năm nghìn chúng, lại được vua các nước ngoài lấy lễ hậu đãi, thực làm vẻ vang cho nước Tàu rất lớn, việc ấy xét ra công thầy Đường Tăng Trần-huyền-Trang là đáng kể nhất.

Trong bài này tôi không kể lại gốc gác sự tích thầy Tam - Tạng duy nhấn mạnh về kỳ công của một sức ngựa già và đánh chính đôi chỗ trong vài sách không đúng sự thật.

Tôi cũng gác lại một phen phác, vì không đủ chỗ :

a) những chi tiết và tài liệu đã nói về vua Đường-Thế-Dân buổi trẻ đồng xông tày đục vát và quá sức nên trở về già bị bệnh mất ngủ, nên sai đi tìm cửa Phật ở hướng Tây thỉnh kinh về cầu siêu độ cho các oan hồn uổng-tử ;

b) tích Huyền-Trang nhờ Kim cô nên trị được Tôn-Ngộ-Không nguyên là con khỉ dữ, tượng trưng cho trí khôn loài người ;

— Huyền-Trang lấy đức tin mộ đạo mà độ cho Trư-ngộ-Năng cốt là con heo và tượng trưng lòng dục vọng trong con người ;

— Huyền-Trang giữ vững lòng từ thiện mà độ con yêu sa Ngộ-Tĩnh, tượng trưng cho lòng sám hối ăn năn trong mọi người (những sự ấy có nhiên. dị-đoan nên không cần bàn vội).

CỨ theo truyện Tây Du chép thì thầy trò Tam Tạng là 4 người và một con ngựa đi Tây phương mười bốn năm, thỉnh được kinh rồi, được tám vị Kim-Cang dâng vân đưa về Trường-An, vừa đi vừa trở lại Tây phương chỉ trong tám ngày.

Và sự thật đúng ra Tam Tạng chỉ đi một mình, và phải đi đến mười bảy năm : đúng ra đi hai năm, về hai năm, mười ba năm ở lại du học tại Ấn Độ. Đi từ năm 629 sau kỷ nguyên, rồi qua năm 645 (sau k.n.) mới về đến Trường An. Tính ra đi trên năm vạn dặm đường, trải qua một trăm hai mươi tám nước lớn và nhỏ ; và khi về nước mang về sáu trăm năm mươi bảy bộ kinh, cùng một số bảo vật khác, trong ấy có một trăm năm chục xá lợi tử, sáu tượng Phật nhỏ v.v...

Đường đi trên thực tế, không có yêu tinh cản trở (có chăng là bọn mọi dữ ăn thịt người); nhưng những khó khăn cản trở lẫn vật chất và tinh thần hết sức nhiều và lớn. Có lúc thầy Huyền Trang nhịn đói nhịn khát suốt bảy tám ngày liền giữa trảng sa mạc trời nắng chang chang không một bóng cây, không một dáng người qua lại. Nhưng ý chí của thầy thật là sắt đá. Có lần đói khát khổ quá, bụng tính quay trở về phía đông để tìm chỗ xin mở nước uống đem theo rồi đi nữa, nhưng vừa quay đầu ngựa trở về Đông một đôi đường, thầy lại tự nhủ : « Trước kia đã thề nếu qua không đến Ấn Độ quyết không trở về Đông một bước. Nay thà là đi về Tây mà chết, chớ lẽ nào đi về Đông để sống hèn ? »

MỘ T lần khác, đến nước Cao Xương, vua nước ấy muốn giữ thầy lại, hết lời dụ dỗ qua đến hăm dọa, nhưng son sắt một lòng, thầy quyết tuyệt thực cho đến khi nào được phép đi mới thôi. Thầy nói :

« Thần đã không nại đường xa đi cầu Phật, nay Đại Vương cản đường. Đại Vương có thể giữ được thề xác và hải cốt chớ Đại Vương không thể giữ được tinh thần và ý chí của thần. Thái sơn dễ dời chớ ý quyết định của thần không đổi thay được. »

Một lần nữa gặp bọn ăn thịt người (tức bọn yêu tinh trong Tây Du). Thầy sẵn lòng hiến thân làm món ăn, nhưng giữa lúc ấy mưa to sấm sét... Bọn kia kinh sợ bảo cho thầy đi, thầy không chịu, một hai đôi bọn kia : hoặc hãy ăn thịt thầy nếu quả thịt của thầy có phép làm cho họ được trường thọ mãi, hoặc nếu muốn cho thầy lên đường, thì hãy ăn năm tám hổi chưa thú tánh ăn thịt người từ đây. Và thầy đã cải hóa được bọn chúng.

Trong thời gian mười ba năm ở Ấn độ, thầy đi viếng hầu hết các di tích của đạo Phật, đặc biệt nhất là thầy ở lại chùa Na Lan Đà học đạo trong sáu năm. Tất cả những kinh điển của phái Đại thừa, Tiểu thừa, Kinh Phệ đà (veda), các sách thuốc, sách thiên văn, địa lý, kỹ thuật, v.v., đều tập trung tại chùa này. Chùa do pháp sư Giới Hiền chủ trì và đếm trên mười ngàn tín đồ. Sau sáu năm học tập, Huyền Trang thành một trong ba người học trò giỏi nhất của sư Giới Hiền.

CHÀNG những là một nhà sư đạo đức, Huyền Trang còn tỏ ra một học giả uyên thâm, một nhà du thám kỳ tài, một nhà sử học uyên bác, một địa lý học chơn tài, một ngôn ngữ học xuất chúng, và một nhà phiên dịch không ai bằng.

Lúc ở Tây phương, đi đến đâu thầy cũng nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình từng địa phương. Khi về Trường An thầy viết lại thành bộ « Đại Đường Tây Vực Ký » gần 12 quyển, ghi lại đầy đủ lịch sử, địa lý phong tục, tập quán, v.v., của một trăm hai mươi tám nước đã trải qua hoặc trú ngụ. Ngày nay những tài liệu của thầy để lại vẫn còn giúp ích cho các chuyên gia khảo cổ Ấn Độ không ít và ai ai cũng công nhận là những điều nghe thấy và ghi chép của thầy Huyền Trang rất là đích xác.

Từ khi về Trường An, thầy Huyền Trang bắt tay vào công việc phiên dịch suốt mười chín năm (từ năm 645 s.k.n. đến năm 664) ; dịch được tất cả bảy mươi lăm bộ kinh, gần một ngàn ba trăm ba mươi lăm quyển từ Phạn tự qua Hán tự, và một bộ Đạo Đức Kinh cùng một bản Đại thừa Khởi Tín Luận (nguyên văn Phạn tự đã thất lạc ở Ấn) nay thầy dịch lại từ chữ Hán trở lại chữ Phạn.

Trưa ngày mồng năm tháng hai năm 664 s.k.n., thầy Huyền Trang gác bút ngàn thu tại chùa Ngọc Hoa, vì bệnh hoạn, vì già yếu. Thọ sáu mươi chín tuổi.

Ngày mười bốn tháng tư, thi hài Huyền Trang được an táng tại Bạch-Lộc-Nguyên. Ngày cử hành tang lễ, có đến một triệu người ở Trường-An và các vùng lân cận về tiễn chân thầy về nơi Cực-Lạc. Sau đó, có đến ba vạn người cất lều cư tang gần mộ phần. Chưa có vị đế vương nào được ngưỡng mộ bằng vị thánh tăng này.

oOo

CHUYỆN thầy Huyền Trang đi thỉnh kinh Tây Phương có thật. Thầy là một nhân vật sống và đã vào sử.

Thầy từng làm tôi vua Lý Thế Dân, là một bậc minh-quân đời Đường, vua này từng mời thầy theo chơn đi đánh nước Cao ly nhưng thầy từ chối khéo : « Bệ hạ là chơn mạng đế vương, ra binh tất thắng. Thần như chiếc thuyền gỗ, còn để dưới nước thì hay, đem lên bờ thì vô dụng. Nay thần theo bệ hạ chinh đông thì không bằng để cho thần ở lại Kinh lo dịch kinh cứu độ tinh thần thế gian ». Đường Thái Tôn tự tay có đề tựa trên bộ « Đại Đường Tam Tạng thánh giáo kinh », chẳng những văn hay mà đến nay còn lưu truyền điệu chữ của vua làm khuôn phép.

Thầy Huyền-Trang cũng từng làm tôi bà Vũ Hậu, và tích này chứng tỏ nếu Vũ Hậu không phải là một bà vua giỏi tài trị nước thì chưa ắt trung thần như Địch Nhơn Kiệt và cao tăng như Tam Tạng khứng lạy và chịu xưng thần.

oOo

D U Ở I đây tôi xin kể một đoạn đường cam go lúc sơ khởi của thầy Tam Tạng, nhờ sức một con ngựa già quen đường mới qua được một bãi sa mạc hiểm trở :

Nhắc lại vua Đường Thái tôn dẹp yên nhà Tùy, trong nước đã trị yên, uy thanh xa kịp đến nước ngoài, phía bắc bình rợ Đột-quyết, phá nước Diên đà, phục nước Hồi hột, phía tây dẹp nước Thổ-phồn, hàng nước Cao xương, không những là có hết cả cõi đất Tây-Vực của thời Hán mà uy-thanh lại kịp đến cả nước Thiên-trúc, nước Đại-thực ; song tuy quốc uy vững chãi, nhưng kẻ lữ du độc thân như Huyền-Trang vẫn là gian nan nhiều bề, nhứt là ra đi không có mạng vua cho phép.

Thân làm kẻ cô khách, phía tây ra cửa Ngọc-Môn, lội suối qua đèo, đi cầu làm bằng dây treo, lội qua bãi cát nóng, qua toàn những chỗ bỏng da cháy thịt, trông thấy toàn là xương ngựa khô, cốt người chết, phong tục lạ, dị ngôn, dị phục, không kẻ hiểm trở gian nan đủ thứ.

Huyền Trang cốt lấy sự đi cầu kinh Phật làm trọng, xem sinh mạng làm khinh, thiên nan vạn nan nào sá kể chi ! Nhưng đã nói hữu chí cánh thành. Năm Trinh quán thứ ba đời vua Thái tôn nhà Đường (629 s.k.n) (kỷ sửu) sau khi tập làm mọi sự khổ sở để thử lòng mình, và đều kham được cả, và tự tin lấy mình bền quyết lòng ra đi. Có thầy tăng ở Tần Châu là Hiếu Đạt sắp tự kinh đô trở về làng. Huyền Trang theo cùng đi. Đến Tần châu trọ một

đêm lại gặp bạn là người Lan châu, Huyền Trang theo đến Lan châu, trọ đây một đêm, kể gặp người Lương châu đem ngựa của quan trở về xứ, ông lại theo đi, đến đó trọ hơn một tháng. Khi ấy quan đô đốc Lương châu là Lý Đại Lương phụng chiếu lệnh vua Đường cấm dân không cho ra ngoài đất Phiên, và cuộc phòng cấm dân không cho ra ngoài đất Phiên, và cuộc phòng cấm rất nghiêm. Bấy giờ có người báo với đô đốc ; « có một thầy tăng tự thành Trường an đến, ý định sang Tây khưong, không biết muốn làm gì ! » bộ Lương sai người đuổi theo định bắt ép trở về kinh. May có thầy tăng là Tuệ Uy nghe thầy Huyền Trang có chí đi cầu pháp, rất khen phục và tán thành, nên mật sai học trò là Tuệ Lâm và Đạo chính ám trợ giúp Huyền Trang đưa đường sang hướng Tây. Từ đây Huyền Trang ngày ăn núp đêm mới dám ra đi, lần mãi đến Qua châu (nay là huyện An tây ngoài cửa ải Gia Cốc. May thay quan thứ sử Qua châu tên là Độc cô Khai, nghe tin Huyền Trang đến cõi mình, không có ý làm khó chi cả, Huyền Trang cả mừng xin hỏi hành trình sang tây phương, Khai nói : « Từ đây về phía bắc hơn năm mươi dặm có con sông Hồng lô (nay đổi là Giác hà) (nước chảy xoáy mạnh và sâu lắm. Phía trên là Ngọc môn quan, chính là yết hầu cõi tây vậy. Ra khỏi ải về phía tây bắc có đồn Ngũ Phong, chỗ ấy có đặt các vọng canh cách nhau chừng non trăm dặm, trong quãng đường không có cây cỏ mọc và cũng không có một giọt nước uống. Ngoài đồn Ngũ Phong trở ra là bãi cát Mạc hạ diện, tức là cõi nước Y Ngô (sau đổi tên là Y Châu), Huyền Trang nghe thuật làm vậy trong lòng buồn rầu, thêm nỗi con ngựa tự Trường an đến đây đau rồi chết, Huyền Trang chưa biết làm sao lên đường kể lấy tờ truy nã lại đến nơi, sức cho các châu huyện phải canh tuần

nghiêm ngặt xét hỏi và bắt giữ Huyền Trang không cho đi. May mắn làm sao là người châu lại mang tờ truy nã mặt điệp ấy tên là Lý Xương có lòng thành mộ Phật, nên hỏi gạn Huyền Trang : « Thầy có phải là Huyền Trang chăng ? » Ban đầu còn tri nghi chưa trả lời, nhưng Lý Xương lại thúc : « Thầy phải nói thật, tôi sẽ liệu cho » Huyền Trang khai thật. Xương lấy làm khen ngợi, cầm tờ mặt điệp xé phăng mà rằng : « Thầy mà thực hay đi được như thế, thì tôi xin thầy mà phi tang tờ truy nã này. Thầy hãy liệu mà lên đường cho gấp. »

LÚC ấy trong hai người tiểu tăng thì Đạo Chính đã trở về Đôn Hoàng, còn lại tăng Tuệ-Lâm, vẫn biết sức không thể bạt thiệp theo xa hơn nữa, nên Huyền-Trang cũng cho trở lại nốt. Tuy vừa mua được con ngựa mập để làm chơn ngựa không người nào dẫn dắt mới biết làm sao ? Chợt đâu có một kẻ Hồ nhân (người Hồ) lại, xưng tên là Thạch Bàn Đa, đến xin thụ giới làm đệ tử. Huyền Trang nhận lời. Hồ-nhân mừng rỡ, cáo từ đi độ một lát kể thấy trở lại đem quà bánh dâng lên. Huyền Trang thấy Hồ nhân người hùng-khến, có vẻ cung kính, biết lễ phép, bèn tỏ ý sắp đi về Tây. Hồ nhân chịu theo hộ tống đưa thầy qua chặng núi đôn Ngũ-Phong. Huyền Trang cả mừng, sắm cho quần áo hành trang và mua thêm một con ngựa nữa hẹn ngày cùng đi. Ngày hôm sau, là ngày quan trọng nhứt, vì Hồ nhân lại đưa đến một lão Hồ nhân già khác cỡi một con ngựa sắc đỏ nhưng đã già và gầy (Tây Du tả con long mã của Tam Tạng sắc bạch). Hồ-nhân thưa : « Lão ông này quen thuộc đường đi về Tây-phương lắm, vì đã đi quen vài lần, nên tôi mời ông lại đây nói chuyện » Hồ Nhân già mới thuật : « Đường đi Tây-phương rất là hiểm ác, nào là ngăn sông cách núi, bãi sa mạc mênh mông như biển

cát không bờ, cơn bão nóng, gió nhiệt, loài thú dữ như quỉ, lở gập thì phải bỏ mạng. Rất đồi đi có nhiều bạn lữ đồng hành mà còn sợ mê mẩn sai lầm, huống chi nhà sư cô thân độc mã, đi như vậy sao thấu ? Hay là sớm tự liệu kéo đề hoà thân mất mạng. » Huyền Trang đáp : « Ta chỉ cốt đi cầu Phật pháp, nên chỉ mong đến được Tây Phương. Nếu không tự đi đến nước Bà La môn thì nguyện không trở về đông nữa. Túng sử chết dọc đường cũng không ân hận. » Hồ nhân già thấy chí đã quyết, mới nói thêm : « nếu nhà sư đã kiên quyết thì nên đổi với tôi ngựa. Ngựa của thầy tuy mập khỏe mà không thuộc đường. Ngựa của tôi đây tuy già nhưng từng vãng phản con đường Tây vức — Y ngô ngót mười lăm lần, đã còn khỏe chân thêm được thuộc đường nằm lòng, không ngựa hay nào bì. » Huyền Trang nghe đúng lý, nên vui lòng đổi ngựa. Hồ nhân già được ngựa mập cũng mừng rỡ lạy tạ giã từ.

ĐÊ M ấy Huyền Trang sắp sửa cùng chú Hồ nhân định lên đường đang đêm, nhưng chừng quá canh ba thì hai thầy trò đi đến một bờ sông nọ, trông xa đã thấy cửa Ngọc môn quan lộ lộ trên thượng lưu còn độ chừng mười dặm. Hồ nhân dùng đao vắn đốn cây gác làm cầu, rải cỏ rải cát cẩn thận cho ngựa sang sông. Qua được một con sông ấy, Huyền Trang mới sai mở ngựa cho xả hơi, còn mình trải đệm ra nằm ngủ, cách Hồ nhân chừng năm mươi bước. Được hồi lâu, Hồ nhân tung giới đao trở dậy sẽ bước tới gần Huyền Trang. Nhưng khi còn cách độ mười bước nữa thì quay trở lại. Huyền Trang cứ thần nhiên không sợ hãi gì cả. Trời gần sáng, liền gọi Hồ nhân trở dậy, sai lấy nước súc miệng rửa mặt xong, sắp sửa lại ra đi. Hồ nhân thưa : « Trong đêm tối tôi muốn xúc phạm

nhưng lại sợ... Đệ tử nghĩ đường đi còn xa lắm và hiểm nghèo vô cùng : Không eo ngựa ăn người không nước uống. Ở dưới năm đồn mới là có nước, tất phải đi đêm, qua đó lấy trộm nước mà đi mới có thể lọt. Song nếu một chỗ vọng canh mà đã biết, thì bị giết liền ; không gì bằng trở về là yên ổn hơn cả ». Huyền Trang không nghe. Hồ nhân tiếp : « Nếu vậy thì đệ tử không thể đi theo thầy được thêm nữa, phép vua tôi không dám xúc phạm. » Huyền Trang hiểu ý bèn cho y trở về. Hồ nhân đi được một đổi, trở lại hỏi gần : « Thầy đi không đến nơi được, nếu rủi bị bắt thì thầy làm sao ? Liệu thầy sẽ khai đến tôi đây còn gì ? » Huyền-Trang nói : « Phóng thử cái thân này có bị cắt vụn ra như cám, cũng không chịu giết lùi trở lại và nguyện không tố cáo người ». Chẳng ấy Hồ nhân mới chịu rút lui. Và nhờ sức con ngựa già của lão Hồ nhân, đã quen thuộc đường cũ, nên thầy Huyền-Trang qua lọt năm đồn Ngũ Phong, qua sa-mạc cát nóng và sau đó tuy còn vất vả khó khăn trăm đường ngàn nỗi, nhưng nhờ nghị lực sắt đá, thầy tìm đường đi đến Tây phương và đã thành công.

N G H Ỉ cho lúc ra đi còn có Tuệ Uy sa hai đệ tử theo phò. Rồi nửa chừng hai trò thối chí đều bỏ về cả. Sau gặp kẻ Hồ nhân tưởng đầu làm bạn đường lâu bền, té ra chữa ra khỏi đồn Ngũ Phong, kẻ Hồ nhân lại bỏ đi mất. Từ đây chỉ trở một mình, quanh lượn trên bãi sa mạc với con ngựa già, như thế đối với người khác ắt đã bại húng nhưng với Huyền Trang lại thêm kiên gan lập chí. Cho hay phạm việc gì, chỉ chắc ở mình ; trông cậy vào người ngoài mãi không được.

Đến đây tôi tưởng không nên dài dòng, vì sự tích thầy Huyền Trang, ai lại không biết ? Chỉ xin nhấn mạnh ở chỗ ngày xưa việc gì cũng tin nơi sức Thiêng liêng huyền bí cho nên viết chuyện Tam Tạng y như sự thật thì ắt không hấp dẫn và kém phần linh động hơn nhiều, chỉ như ngày nay, với óc tân tiến, chúng ta có phận sự tìm cho ra sự thật. Và biết như vậy càng kính phục một bậc thiên tài là tích thầy Trần Huyền Trang, một người một ngựa, đi thấu từ Trung hoa qua Ấn độ, thỉnh được kinh Phật rồi trở về nước, quả là làm một việc thể gian hãn hữu

Vân Đường (Gia định)
ngày 18-11-1965

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ ★ LÁ BỐI XUẤT BẢN

Chủ Nhiệm : VÕ THẮNG TIẾT

**Thư từ, bài vở,
ấn phẩm gửi về:**

HOÀI KHANH

190, Lg thái Tò — SAIGON

Bưu phiếu xin đề:

Cô CAO NGỌC THANH

ĐT. : SG. 026

ruth jhabvala

NHƯ CHIM NHƯ CÁ

RAJ đến đô thị với nhiều hi vọng cao xa, nhưng hi vọng đó đã tiêu tan. Trước hết, đời sống đô thị cũng không mấy khác với những gì mà Raj đã có ở quê nhà. Chàng ở với người anh, tên là Shankar, khá già hơn chàng và có một gia đình năm con, đứa con lớn nhất của họ chỉ nhỏ hơn Raj vài tuổi. Cậu bé này tên thân mật gọi là Munna là bạn duy nhất của Raj — và chú cháu hay đi chơi với nhau, khi có tiền thì cùng đi xi nê. Munna vẫn còn đi học, bởi vậy không bao giờ nó có tiền cả ; và Raj thì có rất ít, vì anh chàng luôn luôn giữ gìn lương hằng tháng, trừ một ít cho Raj và một ít gửi về nhà cho bà mẹ ; sau đó không mấy đồ tiền được đem ra dùng.

Raj làm việc suốt ngày sau ghi sê một tiệm giặt ủi khô. Viên chủ tiệm là một

người họ hàng xa và bằng cách nào đó Raj đã có công việc làm. Nhưng chàng không thích công việc. Tiệm chỉ có một phòng nhỏ không có gì trong đó trừ một cái ghi sê và một cái tủ áo mà Raj treo áo quần rồi áo quần này đem ra sau giặt nơi phòng giặt. Suốt ngày một mình chàng ở tiệm, và khi khách hàng đến chàng phải xem xét quần áo họ mang đến và ghi chép mọi chi tiết rồi cấp biên nhận. Nhưng khách hàng không có nhiều bởi đó là một tiệm nhỏ tồi tàn lại không cố gắng trang hoàng bất cứ những gì mới mẻ, tân tiến. Phần lớn người ta thích đến tiệm Rite-Wite đối diện, tiệm này rất bảnh với ánh đèn nề-ông và một tấm cắt-tông hình người phụ nữ đẹp trên cửa sổ và có mấy thu thanh ca hát suốt ngày.

Về đêm chàng được gửi đến theo một lớp ở trường trung học. Chàng

thường vắng mặt luôn, vì chàng không chỉ nhận thấy những giờ học này khô khan nhưng về đêm chàng cũng mệt và không cảm thấy muốn cải thiện bản thân chàng. Điều đó, Shankar anh chàng luôn luôn thúc dục chàng cố gắng cải tiến cho chàng và dĩ nhiên mẹ và cả gia đình chàng cũng mong đợi nữa. Tất cả họ đều muốn chàng trúng tuyển một cuộc thi nào đó, nhờ vậy chàng có thể trở nên một công chức giống như Shankar, và được đặt một chỗ ở một Bộ nào đó với tiền hưu bổng và số lương căn bản đã dự liệu. Hết thấy gia đình đều mong chàng trở thành y như anh chàng mà theo họ, công việc rất tốt lành cho anh chàng ; người anh cũng nghĩ như vậy, và ông ta luôn luôn tỏ ra là một tấm gương cho Raj. Nhưng Raj không chịu nghe theo. Đó là sự thực, Shankar là một công chức và đã mang về nhà một số lương đều đặn, nhưng tuy vậy, ông rất ít khi có đủ tiền để xem xi nê hoặc mua bộ quần áo mới nào, và đến cuối tháng vợ ông thường phải mượn trả và đương ở những người hàng xóm.

HỌ ở trong một cư xá cửa chánh phủ, một căn nhà màu vàng rất nhỏ với những cửa sổ có song nổi liền với những căn nhà vàng nhỏ như nhau trong một giầy giống như trại lính. Một ngày nọ người hàng xóm của họ di chuyển về miền Nam và ngày hôm sau có một gia đình mới dọn đến. Khi Raj từ tiệm giặt ủi khô về nhà, chàng nhận thấy một cô gái đang đứng ở ngoài nhà gần cánh cửa. Nàng xây lưng xuống phố và nghiêng đầu úp vào vách căn nhà, và nàng đang khóc. Thoạt tiên Raj muốn vội vã đi và giả vờ chàng không chú ý, nhưng có một cái gì rất đáng yêu trong dáng dấp nàng đứng ở đó, gầy ốm như thế và khốn khổ với bím tóc dài xoắn xuống lưng và phát phơ khi nàng khóc. Chàng tăng hắng mấy tiếng và gọi nàng « Cô ớn hả ? ».

Nàng tiếp tục khóc nhưng sau đó mặt nàng ngẩng mặt lên và nhìn vào mặt chàng. Chàng thích cái mặt nàng và hài lòng vì nó không phải như mẫu lệ mà chàng đã sợ. Nàng nhìn chàng hoàn toàn kỹ lưỡng và bỏ đi vào nhà. Nàng gầy nhưng cặp mông nàng nở nang đẹp để và rung rung theo nhịp bước chân nàng.

Ở trong nhà nàng gọi « Anh có thể vào nếu anh thích ». Khi chàng vào nhà, chàng nhận thấy rằng gian phòng không được thu xếp gì cả và chỉ có vài cái ghế và hai cái ghế xếp dựng đứng và một vài cái rương và vài gói đồ. Nàng vòng tay đứng giữa những vật này « Căn nhà xấu xí làm sao ! » Nàng đá sàn nhà và nói với một giọng khinh miệt, khóc lóc : « Nền xi măng ! Ở nhà chúng tôi luôn luôn lót gạch bông ! »

« Tôi ở bên cạnh đây » chàng nói, như thể để làm vơi lòng nàng với lời nói đó.

Và không hề thẹn, nàng nhào xuống một trong những gói đồ và úp mặt trong hai bàn tay. « Làm ơn đi ngay lập tức ».

Raj nhận thấy chàng không muốn đi chút nào. Đề kéo dài câu chuyện chàng nói « Cha mẹ cô ở đây ? »

Nàng nhìn lên và thay vì khóc lóc, nàng cười. « Nhưng tôi ở với chồng tôi ! »

Raj bỗng nhiên thẹn thùng. Chàng đã tưởng nàng là con gái của một gia đình và bây giờ chàng nhận thấy rằng nàng là người vợ, một người đàn bà đã kết hôn. Nàng càng cười nhiều hơn, đứng dậy và với hai tay chống nạnh đi khệnh khạng quanh phòng :

« Vâng, tôi là con gái đã có chồng, vậy tôi hi vọng anh sẽ rất tôn kính đối với tôi. Nàng đứng lại trước mặt chàng và nhìn chàng một cái nhìn tốt lành khác. « Anh bao nhiêu tuổi ? »

«Mười chín tuổi, chàng nói, về đâu khô?»

«Và tôi mới mười bảy tuổi thôi, nhưng tôi kết hôn được ba tháng rồi. Anh thích xem vài món quà cưới của tôi không?» Nàng bắt đầu mở một trong các gói đồ và mang ra một cái đèn có hình người đàn bà trần thể với một con chó ở dưới chân và đang cầm một chùm tua tui che khuất trái cam «Đó là quà tặng của chị cả tôi» nàng nói «Chị ta kết hôn với một người rất giàu, một đại lý phim chiếu bóng. Nàng đưa ra một số nhiều đồ vật — ba con voi có ngà đang đi qua cầu, một cái bếp điện, một cái đèn móc quần áo bằng lụa. Raj hết sức cảm động.

«Nhưng những vật này để vào đâu trong một căn nhà quá xấu xí này!» nàng la lên.

«Có lẽ anh sẽ mở ra và chỉnh đốn các thứ?» Nhưng nàng hình như đã mất hi vọng để làm vậy nữa. Chàng cảm thấy một ý muốn mạnh mẽ giúp nàng.

Tức thì chàng kéo chiếc giường đem vào phòng bên cạnh và sắp đặt những chiếc ghế và một cái bàn nhỏ trong một bộ dạng hấp dẫn với sự có thể của chàng. Nàng vẫn ngồi trên sàn nhà và không nhìn đến chàng trong khi chàng sắp đặt đồ đạc, dù nàng đề nghị chàng làm theo ý thích của chàng. Nàng cũng không nói với chàng trừ một lần hỏi tên chàng và nói với chàng tên nàng là Nilima, cái tên mà chàng cho là một tên đẹp dễ và phù hợp với nàng.

KH I chàng sắp đặt xong, chàng nhìn quanh gian phòng và rất bằng lòng với kết quả. Gian phòng có lẽ là một cái phòng bé nhỏ trống trải, vách tường và trần nhà lại không được sơn trắng nữa, nhưng quà cưới của nàng xem rất đẹp. Chàng nhìn nhanh xuống chỗ nàng, nhưng cái môi dưới của nàng trề ra ngoài và hai dòng lệ rơi xuống

từ cặp mắt nàng. «Nếu anh thấy nhà cha mẹ tôi... Chúng tôi có một bộ đi vắng xanh và vàng và có những tấm màn ở trước các cửa sổ!»

Raj cảm thấy xấu hổ như thế là tại lỗi của chàng mà những vật đó không được đẹp hơn.

Khi chàng về nhà điều đầu tiên là lấy ra quyển Kinh, đếm tiền chàng để trong đó và gói lại trong một cái khăn mu xoa. Chàng luôn luôn đếm tiền khi chàng cảm thấy lo lắng hoặc chán nản. Điều đó là một sự an ủi rất lớn. Bây giờ được sáu mươi ba đồng ru-pi, phần lớn đã có dấu vết và một hoặc hai đồng bạc giấy bị rách. Những đồng tiền mà chàng đã dành dụm bởi việc không mua thức uống lạnh hoặc ăn trà và thường đi bộ mười cây số để đến chỗ làm việc và đi trở về. Chàng không có ý kiến rõ ràng muốn làm gì số tiền đó; nhưng khi chàng nghĩ đến nó luôn luôn lẫn lộn với việc nghĩ đến Dev, bạn chàng mà y đã trốn nhà bỏ đi công việc gia đình đã tìm cho y. Nhiều tuần đồn đãi về Dev đã được nghe và đời sống mạo hiểm của y. Một lần y là người dẫn đường tới hang Ajanta và lần khác y bán những bức hình màu thần thánh ở các hội chợ và đại nhạc hội. Y đã ăn bất cứ món nào bất cứ ở nơi nào và mất quyền hưởng sự biết ơn của một giai cấp trong xã hội và rồi thu lại được, nhưng dường như y rất hạnh phúc, lãng du từ cuối xứ này đến xứ khác và làm bất cứ việc gì y thích. Tin cuối cùng được nghe về y là y đã trở thành một Sa-dhu, cạo đầu và mặc một chiếc áo choàng dài màu cam. Một lần Raj nhận được một tấm thiệp của y, vốn vẹn vài chữ: «Như những con chim như những con cá, con người cũng vậy», mặc dù Raj không thể hiểu hết được phần sâu sắc của ý nghĩa thông điệp này, nhưng chàng cảm thấy chàng thay đổi sâu đậm bởi nó.

CHÀNG không gặp lại Nilima một thời gian, nhưng lúc nào chàng cũng luôn luôn nghĩ đến nàng. Chàng ao ước được biết nhiều về nàng. Đôi khi chàng hỏi người chị dâu một cách ngẫu nhiên : « Có người mới ở bên cửa ? » Họ thích gì ? » Nhưng ngay đến bà cũng không thể cho chàng biết tin tức gì — điều này là cả một sự kinh ngạc, vì nếu có người nào mà thường thường họ có thể được tin nhiệm ở việc biết tất cả những người hàng xóm người đó phải là bà Shankar. Bà là một người vui vẻ, một người đàn bà có tài xã giao, với cặp gọng kiếng đeo mỏng manh lệch một bên và hàm răng hô, lớn khiến khuôn mặt bà giống như lúc nào cũng mỉm cười. Bà đề nhiều giờ trong ngày đi dạo quanh vùng, uống trà và vui vẻ tán gẫu với bạn của bà, và do đó bà luôn luôn bận bịu ăn mặc kény và chải chuốt. Nhà bà không lấy gì làm gọn và sạch, tuy nhiên đứng trước khi chồng bà về nhà trong buổi chiều, bà luôn luôn rất hối hả dọn dẹp đồ đạc lại chỗ cũ với sự giúp đỡ của người con gái lớn. Cả hai mẹ con đều sợ và cười gượng giống như hai cô nữ sinh sợ bị bắt phạt. ■

Bà Shankar và các bạn của bà rất thất vọng người hàng xóm mới này. Không chỉ nàng từ chối nói chuyện với họ thôi, phiên hơn nữa hình như không ai có thể tìm ra bất cứ điều gì về nàng — nàng xuất thân ở hạng gia đình nào và cha nàng kiếm tiền bao nhiêu và của hồi môn đã được cho nàng ở đám cưới là bao ? Dĩ nhiên họ chắc chắn không sớm thì muộn một người nào đó sẽ tìm ra, kẻ đó ở tỉnh nhà của Nilima và biết tất cả về gia đình nàng ; nhưng trong khi đó đối diện với sự hiện diện của nàng ở đó mà không biết gì về nàng. « Cô ta ngay cả đến việc không đề chú vô nhà » bà Shankar phàn nàn với Raj. « Khi chú gõ cửa, cô hé ra một chút và rồi nói rằng cô ta đang nghĩ ngợi.

Đối xử với hàng xóm bằng cách đó hả ? » Raj cảm thấy bị khêu gợi như đề khoe khoang với bà chị rằng chàng dù sao đi nữa đã được phép vào nhà đó và chàng đã sắp đặt đồ đạc của nàng và được xem quà cưới của nàng. Nhưng chàng tự ngăn cản ; chàng không kể bất cứ cho ai nghe về chuyện đó, ngay đến Munna cũng không nữa.

Chàng luôn luôn nhìn đầy hi vọng về phía nhà nàng khi chàng đi qua đó, nhưng nàng thì không bao giờ trông thấy. Khi chàng đi chơi với Munna, chàng tìm cách đi rất chậm bên ngoài nhà nìng và nói cười rất lớn, khuỷu tay chàng đặt trên vai Munna trong một cử chỉ thanh nhã. Munna không bao giờ chú ý những mưu mẹo này, thỉnh thoảng chỉ hỏi chàng, « Tại sao chú đi chậm vậy ? » Hãy nhanh lên tới giờ ăn cơm của chúng ta rồi ».

Sau cùng điều Raj hi vọng đã xảy ra, và nàng xuất hiện nơi cửa trong khi chàng đi qua với Munna. Nàng gọi chàng, « Anh có thể vào nhà nghe ra-di-ô nếu anh thích » Munna rất ngạc nhiên, cậu ta nhìn quanh xem thử có ai mà nàng đang nói chuyện đó. Nhưng Raj kéo cậu ta vào nhà.

Gian phòng đúng y như chàng đã sắp đặt trừ một vài bộ quần áo nằm đầu đó, mấy cái tách trà và một hộp giấy gạt tông kẹo tròn tròn mở để trên ghế. Chiếc máy thu thanh transistor đang hòa tấu nhạc luân vũ tây phương. Munna gương cặp mắt và cúi mồm há hốc nhìn máy thu thanh : « Sao nó nhỏ thế ! »

« Có lẽ nó nhỏ thật » Nilima nói « nhưng cậu có thể bắt tất cả các đài phát thanh trên thế giới trong đó. Tích Lan Trung Hoa, Anh Quốc... » Munna tiến tới gần và nhìn nó với vẻ sợ hãi và cảm phục.

NILIMA ngồi trên sàn nhà cạnh chiếc ghế có đề kẹo bòn bon và bắt đầu ăn kẹo. Vào khoảng giữa nàng nói : « Đây là một nơi kinh khủng để ở và bức mình làm sao là không có ai để nói chuyện với họ ! »

Raj muốn hỏi những gì về chồng nàng ? Nhưng chàng thấy rằng đó là một câu hỏi bất nhã.

Tuy nhiên nàng đã đồng ý nói về y. Nàng nói với một cái thở dài « Anh ta suốt ngày ở sở và tối đến còn gặng theo học lớp tối. Anh ta rất muốn cải thiện bản thân anh ấy » Raj nghĩ đến lớp học tối của chàng nơi mà chàng phải cải thiện cho chính chàng nữa.

« Dĩ nhiên » Nilima nói, « Anh ta phải cải thiện cho chính anh ta—trời ơi !, tôi không muốn tiếp tục ở đây mãi mãi, anh ta phải được thăng chức nhanh chóng và lúc bấy giờ chúng tôi sẽ dời đến một căn nhà tốt hơn, nơi người tử tế và sang trọng ở. »

« Tôi cũng chăm chú theo lớp học tối » Raj nói « Chẳng bao lâu nữa ô hi vọng ; kiếm được một chỗ tốt trong công việc của Chánh phủ ! »

« Anh nên thấy những gì như trong nhà tôi ! »

Mỗi ngày thiên hạ đến thăm chúng tôi người giàu thì những chiếc xe hơi và những buổi tiệc tùng hội họp — « Nếu cậu xoay cái nút » nàng nói với Munna, cậu ta vẫn còn nhìn trần trối chiếc máy thu thanh, « cậu sẽ bắt được tất cả các đài phát thanh khác nhau trên toàn thế giới ! »

Raj nói « Ở Diwali, Liên đoàn cư dân khoảng ba tháng tổ chức một cuộc hội họp. Ở đó có một cái lầu lớn bằng vải và có nhiều thức ăn cũng như có một chương trình ca hát và khiêu vũ. »

Nilima nhìn tỏ vẻ khinh thường ; nàng ăn một viên bòn bon khác. Và khi nàng hết nhai nàng nói, « Cảm ơn, những cuộc hội họp buồn tẻ như thế không vui thú gì cho tôi ».

« Không buồn tẻ đâu » Raj nói với vẻ hăng hái.

« Nếu anh đã thấy những cuộc hội họp trong nhà tôi — ô, » nàng nói, bỗng nhiên chán nản, « anh biết gì về các cuộc hội họp về tất cả bất cứ việc gì ? » Nàng lấy một viên kẹo khác và ăn nó trong một dáng điệu giận dữ.

Raj cũng nổi giận, và chàng sắp trả lời ; một lời gì thích hợp, khi đó Munna đưa một ngón tay lên và nói « Hãy nghe ! Máy thu thanh đang nói đều đều một thứ tiếng lạ. »

« Đó là tiếng Trung Hoa » Nilima nói.

Raj nói, « Không, đó là tiếng Nga ! »

NANG bật cười : « Ngu sao đâu, không thể biết sự khác nhau giữa tiếng Nga và tiếng Trung Hoa. »

« Đó là tiếng Nga ! »

« Làm ơn đừng la trong nhà tôi. »

Raj lẹ làng quay đầu về phía cửa và nói với Munna, « Tối đây, chúng ta tiếp tục đi. »

Nilima khẽ kéo gói kẹo bòn bon : « Anh có thể ăn một viên nếu anh thích » — mặc dù gói kẹo chỉ còn một vài viên và đó không phải là một thứ ngon. « Anh chơi bài không ? » Chúng ta có thể đánh bài chơi.

Raj bước ra cửa, với Munna miễn cưỡng theo sau.

Nàng gọi theo họ, « Ngày mai anh có thể đến chơi bài với tôi ! » Munna thúc Raj một cái « Tôi yêu cầu anh đến » nàng gọi Raj, chàng tự đắc đi ra với hai tay thọt túi quần,

chỉ hơi quay đầu một chút để nói qua vai chàng. « Chắc hẳn tôi sẽ quá bận rộn ! »

Ngày hôm sau chàng đến lớp học của chàng. Ở đó rất buồn tẻ và chàng không thực sự nghe giáo sư nhưng chàng chịu đựng nó cho đến cuối cùng. Trên đường về nhà, chàng đi qua nhà Nilima khá nhanh và không cả thoáng nhìn về hướng đó. Và ngày hôm sau chàng lại đến lớp học, và ngày kia và ngoan ngoãn hết thấy những ngày đó trong một cách gương mẫu. Nhưng buổi chiều sau khi chàng về nhà, chàng nhận thấy rằng nàng đã đến thăm viếng và đang vui vẻ uống trà với bà Shankar. Nàng đang ngồi trên chiếc ghế đá của bà Shankar và nhẹ nhàng đưa cặp chân nàng.

« Chị tôi cũng sống trong lối sống rất tốt lành », nàng nói.

Lợi tức chồng chị ta là 2.000 đồng ru-pi một tháng !

Bà Shankar xiết chặt tay bà : « hai ngàn ru-pi ! » Bà thúc cùi chỏ vào Raj, « Chú nghe không ? » và bà cười thú vị ở chỗ nghĩ đến sự giàu sang của một người nào khác. Raj nhìn chòng chọc không chớp mắt vào cái khuôn bằng cấp B. A. của người anh treo trên tường.

« Chỉ có phần số của tôi là không tốt được như vậy ! » Nilima thở dài và đang đưa cặp chân nàng đi đi lại lại trong một dáng điệu ưu sầu.

BÀ Shankar tức thì bắt đầu thở dài với nàng : « Phải làm gì ? » Số mệnh một người được ném ra ánh sáng mặt trời và kẻ khác ở trong bóng tối. Đời sống nó cũng như vậy ! » Bà có vẻ buồn bã, bộc lộ lòng trắc ẩn với tất cả những người đó (có lẽ thêm chính bà) mà số mệnh đã ném vào bóng tối.

Nilima ngừng đang đưa chân và nói trong một giọng kiêu hãnh : « Dĩ nhiên sau vài năm anh ta sẽ đạt tới một địa vị rất cao, và lúc bấy giờ đời sống sẽ rất khác cho chúng tôi. »

Và bà Shankar có vẻ sung sướng với bà, bà hơn hờ nhìn qua cặp kính và mỉm cười với bộ răng hô to lớn ; mặc dù chính bà khó vượt qua tình trạng hiện tại và không bao giờ thay đổi mấy dù bất cứ việc gì khác.

Nhưng Raj đã cau mặt lại. Chàng không thích nghe Nilima nói như thế. Có lẽ chàng không thích nghĩ đến sự bay bổng của nàng đến một miền cao hơn và sự còn lại của họ ở đằng sau như chúng luôn luôn là vậy.

Nàng chú ý sự bất bình của chàng và chỉ tới chàng và nói : « Tôi nghĩ anh là một chàng trai xấu tính ! » và rồi nàng cười một cách không tự nhiên.

« Ô không », bà Shankar nói « chú ấy là một người con trai tốt ! »

« Tôi sẽ đi ngay » Nilima nói và nàng đã thực sự đứng dậy. « Tôi nghĩ anh ấy không thích tôi ở lại ! »

Bà Shankar bắt đầu cãi lại, nhưng Nilima đã đi ra ngoài. Raj theo nàng.

« Tại sao anh không đến khi tôi mời anh ? » nàng nói.

« Buổi chiều tôi luôn luôn bận ».

« Nói láo như gì ! »

Bà Shankar đứng trong cửa mỉm cười và gọi : « Ngày mai đến chơi nhé ! Hãy đến mỗi ngày ».

NI L I M A vờ nhăn mặt lại nom thật dễ tức cười : « Bà nói làm sao ấy — bà vờ vờ làm sao và xấu xí nữa ! » Quay về phía Raj nàng nói : « Tôi cảm thấy buồn trong buổi chiều khi anh ấy đã đi học ». Nàng nhìn chàng và rồi lập tức nàng cúi xuống,

mắt nàng lướt qua khỏi chàng, thoáng nhìn xuống và gấp lại chiếc sa-ri phủ xuống một cách xinh xắn trên gót chân nàng : «Xin hãy đến» nàng nói.

Vì thế nên ngày hôm sau chàng không học. Thay vì đến lớp chàng đi thẳng về nhà đánh giầy và chải tóc với dầu. Chàng không nói gì đến Munna nhưng yên lặng đi qua bên cửa. Nilima đặt bộ bài ra và nàng cũng có một hộp kẹo bòn bon mới và chiếc máy òn ào hát những bài ca tình yêu của những cuốn phim mới nhất. Họ có một trò chơi kỳ cục. Nilima hết sức tập trung tinh thần vào trò chơi, le chiếc lưới ra giữa hai hàm răng và khi nàng thắng cuộc nàng cười dữ và lắc lư lên xuống trong chỗ ngồi nhưng khi nàng thua nàng rất khổ sở như một việc gì bi đát đã xảy ra cho nàng. Họ sát phạt khá lâu cho đến khi họ mệt mỏi vì đánh bài và lúc bấy giờ họ ăn kẹo và tán đủ mọi thứ chuyện.

Chàng không đi học trở lại. Thịnh thoảng chàng không cả đến lo lắng việc về nhà, nhưng đi thẳng tới nhà Nilima. Về nhà gặp một vài trở ngại, vì nếu anh chàng thấy chàng, ông ta sẽ luôn luôn hỏi chàng «Tại sao cậu không đến lớp học?». Lúc bấy giờ chàng phải bày đặt một vài điều chữa lỗi, như là trường trung học đóng cửa để tỏ lòng kính trọng người mẹ ông hiệu trưởng qua đời. Anh chàng cũng giảng cho chàng một bài học trong việc chàng phải chăm học như thế nào, như vậy chàng có thể có một nghề tốt trong công việc của Chánh phủ và sẽ cưới vợ và trở nên một gia trưởng giống như Shankar. Trên tường treo một cái khung thêu treo trên chữ đỏ nguyên văn *Gia đình Hạnh phúc* trên nền xanh. Shankar mua lại ở tiệm bán hàng hóa rẻ tiền Thieves giá một đồng rưỡi rupi và nó không chỉ che kín sự ướt át trên bức tường nhưng cũng như một tượng trưng

và một cái bung xung cho đời sống gia đình Shankar. Shankar luôn luôn chỉ lên đó và nói : «Đó là điều hãnh diện nhất cho sự thành đạt trọn vẹn của tôi ! Một ngôi nhà hạnh phúc, một gia đình mãn nguyện — với một người như thế trở nên một ông vua ! Bà Shankar luôn luôn nhìn lên đó như thể là một cơ hội khiến bà tức cười, nhưng dĩ nhiên bà không cười, thay vì thế bà dọn một bộ mặt nghiêm trang và gặt đầu lia lịa.

TRONG nhà Nilima hoàn toàn khác. Ở đây không ai nói về lớp học của Raj hoặc bồn phạt của chàng trong đời sống. Thay vì chàng nói cho chính chàng — về bà ngoại chàng mà chàng rất hãnh diện và bà đã kể cho chàng nhiều câu chuyện về Mahabharata và tất cả những cuốn sách cổ ; ở quê nhà thỉnh thoảng chàng chèo thuyền trên sông với bạn bè ra sao ; về sáu mươi ba đồng ru pi chàng để dành và cất trong cuốn kinh của chàng ; và về Dev bạn của chàng mà y đã trốn nhà bỏ đi và trở thành một Sadhu. Chàng không luôn luôn chắc rằng Nilima đã nghe chàng nhưng chàng cũng cứ nói như vậy. Nàng ngồi trên sàn nhà hay thỉnh thoảng ngồi trên ghế với bàn chân kéo lên trên chỗ ngồi và chơi với những ngón chân nàng. Chàng trở nên rất quen thuộc cách thức nàng xoay cái đầu và cổ của nàng, mà nó có một ít tóc phủ mỏng xõa xuống phía phải ở sau lưng nàng. Thịnh thoảng nàng vuốt ve má nàng hoặc tay nàng rất chăm rãi ân cần, như thể cảm thấy làn da nó thật là êm dịu. Chông, nàng không bao giờ có ở nhà. Raj rất đổi ngạc nhiên sự vắng mặt này, chàng nghĩ rằng nếu chàng cưới được một người vợ như Nilima, chắc chắn chàng sẽ muốn có mặt với nàng rất thường nếu chàng có thể được như vậy.

Thỉnh thoảng Munna cũng đến nữa. Thực ra thì cậu không làm phiền chi cả

nhưng luôn luôn hoàn toàn vui sướng ngồi với chiếc máy thu thanh và cố gắng bắt tất cả các đài phát thanh khác nhau. Cậu không tỏ ra chú ý đến việc đàm đạo của họ, nhưng hình như cậu chú ý đến Nilima nhiều hơn là cậu thường làm vậy với những cô gái khác; vì một lần trong đêm, khi chú cháu nằm với nhau trên giường cậu nói nhỏ với Raj « Nếu cô ta không gây như vậy, cô ta sẽ hoàn toàn đẹp ».

Một buổi chiều như thường lệ, Raj và Nilima ngồi chơi trò chơi kỳ lạ và Munna bận bịu với chiếc máy thu thanh, chồng Nilima vào nhà. Anh ta thấp, ốm và mang cặp kính lớn với cặp vành dày màu nâu, làm y giống như một cậu học sinh ăn mặc quá cầu kỳ, xuất hiện như một người già và thông minh hơn. Y không tỏ ra ngạc nhiên trước sự hiện diện của Raj và Munna nhưng bộc lộ sự hết sức chú ý đến việc muốn chơi bài. Tức thì y ngồi xuống và chơi với họ. Y thắng mỗi ván. Y chơi bài hết sức nhanh chóng và không hề thì giờ cho họ sắp đặt nước bài cho thích đáng hay nghĩ con bài nào sẽ đánh tiếp theo đó. Y bảo Munna tắt máy thu thanh bởi vì y không thể tập trung tinh thần với tiếng động được. Sau mỗi ván y tự cho phép y khe khẽ cười và lập tức gom nhặt bài lại và trộn rất là tài tình. Raj ao ước họ có thể nghỉ và Nilima xem chừng như muốn khóc; và sau cùng nàng khóc thật và ném các con bài xuống và nói nàng không muốn chơi bất cứ gì nữa. Chồng nàng bảo Raj, « Hai đứa mình chơi vậy » Và họ lại chơi, dĩ nhiên là Raj tiếp tục thua. Chàng trở nên rất nóng nẩy và tức đỏ mặt, đến lượt chàng cũng muốn khóc nữa. Nilima và Munna đã ngáp, nhưng chồng nàng tiếp tục chơi bài với tất cả tài ba và khúc khích cười sau mỗi ván bài. Sau cùng, y thấy chơi đã đủ y gom những con bài lại thành bộ, bỏ vào hộp và nói : « Nếu anh thường chơi với tôi

một ngày kia anh có thể học được cách chơi hay ».

Bà Shankar đang đợi chàng trong một tình trạng hết sức sốt ruột, nóng nẩy : « Cha nàng bị ở tù » bà nói khẽ trong một cách nghiêm trọng.

« Cái gì ? » Raj nói.

« Ở tù » bà vẫn nói khẽ và há cái miệng rộng ra để phát âm cho rõ ràng.

Đó là một câu chuyện đáng chú ý hơn là một câu chuyện thường nghe về người ta. Cha Nilima là một viên thư ký thông thường nhưng được giao công việc cấp giấy phép nhập cảng. Như vậy, ông ta ở vào một địa vị ban bố đặc ân đối với nhiều thương gia giàu có và đã được ban bố đặc ân trở lại. Ông xây cất nhà cửa cho ông, mua một tủ lạnh, máy thu thanh và sắm quần hàng áo lụa cho vợ và con gái ông ta. Ông cũng đặt đề con trai ông trong một việc làm có lợi lộc, tổ chức lễ cưới rất trọng thể cho con gái ông ta. Nhưng tất cả việc này cũng như ông ta đã làm quá trịch thượng, ngạo mạn. Những lời đồn đãi lằng nhằng xoay quanh căn nhà đẹp đẻ của ông và quần áo bằng tơ lụa những người đàn bà của ông; ngay cả đến những người khách được mời dự lễ cưới cũng tham dự vào việc lén lút xì xào bàn tán về đám cưới tung bưng trọng thể của con gái ông trong đám đông. Cả ông lẫn gia đình không bao giờ chú ý đến bất cứ việc gì : họ quá bận rộn vui thú với họ. Nhưng sau cùng khi những lời đồn đãi thấu đến giới chức trách, ông ta bị ngưng chức và một cuộc điều tra đã bắt đầu. Vào lúc việc tố tụng được xác định và đưa ra tòa án, chỉ một người con gái là Nilima chưa kết hôn và một việc gì phải làm cho nàng khá gấp rút. Chàng rể đã tìm ra và đám cưới cử hành xong một cách vội vã.

Đó là đồng tiền cuối cùng của người cha, và ông phải làm việc gì để chứng tỏ rằng ông có thể dùng nó, vì thế hôn lễ Nilima — mặc dù không thể so sánh với những người chị của nàng — vẫn còn một vài ảnh hưởng và chắc chắn vừa đủ hấp dẫn chàng rể và gia đình rất tầm thường của chàng. Người cha vẫn còn ở đó để góp phần trong sự hoan hỉ nhưng đó là giây phút xuất hiện giữa công cộng cuối cùng của ông ta. Sau rồi, một vài ngày sau đó, trước tòa nghe đâu ông ta đã bị kết án.

Shankar chỉ lấy lời phê bình trong câu chuyện này : « Sự thực thà » ông nói, « là điều khôn ngoan nhất » và lúc bấy giờ ông nhìn nghiêm khắc Raj và Munna và lập lại bài học để tìm ra một sự thu nhận thích đáng. « Nhớ đó các cậu, và còn đường của các cậu trong đời sống là lâu dài ». Munna có vẻ là người đức hạnh và lưu ý, nhưng Raj bận đuổi những con ruồi đang bu đường.

TU Y vậy, chàng cũng cảm kích quá sâu đậm bởi nguồn tin mới này về Nilima. Khi nàng khoe khoang cách thức thường có về những gì như ở nhà cha nàng, chàng thấy khó chịu và xấu hổ cho nàng. Chàng phần nộ hơn nửa bởi Munna mà trí tưởng tượng bắt lấy ý kiến về cha nàng ở trong tù « Chú nghĩ trong tù họ cho ăn những gì ? » « Họ có cạo đầu ông ta không ? » « Chân có bị còng lại không ? ». Đó là những câu hỏi hấp dẫn Munna và cậu ta nhìn chăm chú vào Nilima trong sự mê hoặc nửa, như thể thu nhận một vài hình ảnh rõ ràng về cha nàng (bị trói bị cạo đầu) qua nàng. Nhưng nàng cư xử như thể không có gì giống như việc đó đã xảy ra bao giờ. Dù vậy nàng luôn luôn than phiền về địa vị hiện tại của nàng, nàng không có gì trừ việc nhớ lại dĩ vãng của gia đình nàng. Bao nhiêu lần, giữa lúc chơi bài thành linh nàng ném các con bài rồi ngáp và than thở về tất cả mọi vật buồn tẻ

như thế nào ! Và lúc bấy giờ nàng hồi tưởng một vài sự vui thú bất ngờ của đời sống gia đình nàng — một vài cuộc vui cắm trại họ đã đi ở gần cái hồ, những thức ăn họ đã ăn và các trò chơi họ đã chơi, những bài hát họ đã hát; chiếc xe với chỗ ngồi bọc bằng da đỏ và những con ngựa gầy lông chim trên đầu họ đã đưa họ đến đó. Nàng ít có bao giờ đề cập đến chồng nàng. Chỉ thỉnh thoảng khi nàng thua bài nàng gật gật cái đầu một cách quí quyet và nói vâng, dễ dàng cho Raj thắng nàng, một cô gái thật thà, nhưng bây giờ hãy để anh gắng trở tài ăn thua với chồng nàng nhưng đó lại là một chuyện khác. Raj đã làm cách tốt nhất để giữ sự bình tĩnh và chỉ tráo bài có thể thôi và chia lại. Nhưng nàng không bao giờ hài lòng cho đến khi đã chọc tức chàng. Nàng sẽ tiếp tục nói chồng nàng thông minh ra sao, y làm việc khó nhọc như thế nào, y sẽ được thăng chức nhanh chóng ra sao, làm thế nào y sẽ trở nên giàu có và quan trọng và nàng với y, còn trong khi đó Raj — nàng trẻ môi dưới ra cái điều rằng đã biết chàng hết cả rồi : « Anh là người quá làm biếng ngay cả việc đi tới lớp học tối ! Suốt đời anh sẽ mãi mãi là tên thư ký quèn trong tiệm giặt ủi khô ! » Nàng nhìn chàng dưới cặp mi hé mở trong khi nàng nói tất cả điều này và cười sáng sủa. Nhưng nếu chàng giận dữ, ném bài xuống và bỏ đi ngay, nàng sẽ đứng phắt dậy và chạy theo sau chàng nắm tay áo sơ mi chàng và khấn cầu « Nhưng đó chỉ là một trò đùa cốt làm anh cười mà thôi ! » Và nàng cười, vồn vã làm sao, mặc dù đôi mắt nàng đã lộ vẻ ưu phiền, và nếu chàng thoát khỏi nàng, lúc bấy giờ cặp mắt đó sẽ đầy những lệ, và thường thường nàng sẽ tự ném mình quí xuống, úp mặt vào chiếc ghế và từ đó mà khóc than : « Nếu anh đi ngay, đâu còn ai nữa ở đây trò chuyện với tôi ? ». Sự chú ý của Munna vào chiếc máy thu thanh đã đổi chiều và cậu ngạc nhiên chăm chú nhìn

nàng, hết nhìn nàng tới nhìn Raj đầy những trách móc; và cậu bắt đầu e rằng bây giờ sắp sửa có một trận cãi nhau to và vì thế họ sẽ không bao giờ có thể trở lại và những buổi chiều thú vị của cậu sẽ bị chấm dứt. Nhưng việc này không bao giờ xảy ra: dù cho có cãi nhau đi nữa và dù Raj có giận đến thế nào, buổi chiều hôm sau họ cũng luôn luôn trở lại.

MỘ T lần họ nhận thấy một chiếc ta-xi đậu bên ngoài cửa nhà nàng. Họ rất ngạc nhiên, và khi họ vào nhà, họ nhận thấy rằng có một người đàn bà mập phì mà nàng nói là chị nàng ở tận Bombay kết hôn với viên đại lý phim chiếu bóng. Người chị chăm chú nhìn họ với sự nghi kỵ, rõ ràng là bà ta nhận thấy ngay rằng họ rất thấp kém dưới bà trong xã hội và khả năng tài chánh. Bà ta vào khoảng lớn hơn Nilima mười tuổi với cái mặt đầy đặn, mạnh khỏe và cái cổ to béo; bà mặc một cái áo choàng tơ lụa xanh rục, đôi bông tai bằng vàng to lớn và cả xâu vòng vàng đeo đầy hai bên tay bà. Bà và Nilima đang uống một vài ly nước trái cây giải khát thứ thượng hạng và họ đang bận bịu mở chiếc hộp đựng những đồ trang sức. Nilima lấy ra đôi bông tai, cặp xuyến đeo tay và một chiếc vòng vàng đeo cổ rồi đeo cả vào người và nhìn vào trong gương, mỉm cười xoay qua xoay lại, trong khi bà chị với hai tay vòng đề trên bụng. Raj và Munna lần quần bên cửa và Munna nhìn nước trái cây hai chị em đang uống một cách thèm khát. Nilima rất linh hoạt và nói chuyện không ngớt; một lần nàng thoáng nhìn họ và nói: «Hôm nay tôi bận rộn quá không thể chơi bài với anh» và rồi trở lại cuộc nói chuyện của nàng. Người chị cũng thoáng nhìn Raj và Munna, tương tự như bà đã nhìn lúc họ mới vào, và bà ta nói: «Bọn họ chơi bài với em à?»

Nilima cười: «Chỗ gì đâu ghê sợ quá — chị không biết chứ không có ai, không

có một người để nói chuyện, không có gì để làm! Người chị gạt đầu và đưa cái nhìn cay nghiệt khác đến Raj và Munna, «Tốt hơn em nên đi ngay!»

Nilima gọi theo họ, «Anh có thể thấy đó, hôm nay chị tôi đến và chúng tôi có nhiều chuyện nói với nhau.»

Raj đã tức giận. Nhưng tuy vậy ngày hôm sau chàng trở lại. Và Nilima thừa nhận rằng, chàng sẽ như vậy: mọi việc cũng như trước và Munna được phép nghe máy thu thanh trở lại. Nàng kể cho họ nghe tất cả về chị nàng — chồng bà ta lãnh lương một tháng bao nhiêu và hạng người nào bà đã biết, những nơi bà đã đến, quần áo bà ta mặc như thế nào. Raj nghĩ đến bà chị mập phì và cái lối nhìn chàng của bà ta.

Nilima nói, «Tháng tới tôi sẽ đi và ở lại với chị tôi tại Bom-bay, và lúc bấy giờ những gì là thời giờ tốt lành tôi sẽ có!» Nàng duỗi tay dài ra và hai tay chập lại đề trên đầu và cười trong sự sung sướng. «Nếu tôi có chút ít thì giờ rảnh? — và nàng nhìn về phía cạnh chàng với cặp mắt sáng vui vẻ — Tôi sẽ nghĩ đến anh và cảm thấy buồn chán cho anh!»

Thình lình Raj nói, «Và cha cô? Cô cũng sẽ nghĩ đến ông?» Munna giật mình ngừng đầu lên từ chiếc máy thu thanh.

Nilima nói trong một giọng can đảm mặc dù hơi run run; «Tại sao lại cha tôi?»

Raj nhớ cái kiểu cách nàng và chị nàng uống nước giải khát trái cây và nhìn một cách thận trọng vào hộp nữ trang. Chàng nói «Mọi người đều biết» trong một giọng tàn bạo, khinh miệt.

«Biết cái gì đó?» Đó không là một điều xấu hổ! Ở xứ tôi mọi người đã từng vào tù — Chính Gandhi --»

Munna nghiêng về phía trước một cách khao khát : « Họ ăn gì ở trong tù ? »

« Và Panditji cũng vậy ! »

« Vì hối lộ và mua chuộc » Raj nói.

« Đó là một danh dự ! Chỉ những người họ đã ở tù mới có thể giữ địa vị cao ! »

VÀO lúc đó chồng Nilima về đến. Y có vẻ vui thích khi thấy bộ bài trên bàn và xoa tay :

« Đến đây tôi sẽ dạy anh làm sao để chơi bài giỏi ! »

Nilima nhặt bộ bài và ném chúng về phía y, bởi vậy nó văng tứ tung khắp sàn nhà. Chồng nàng sửa lại cặp kính lớn trên lỗ mũi nhỏ của y và tăng hăng trong trạng thái bối rối. Y nhìn chăm chú đến Raj như thể mong sự giúp đỡ. Munna bắt đầu nhặt những con bài, cậu bò quanh sàn nhà để làm như vậy.

« Hôm nay lớp học tôi xong sớm », người chồng cất nghĩa với Raj « Tôi có mang vài chồng giấy tờ về nhà — » y đang ôm chúng trên tay và bây giờ y cầm chúng đưa lên như một chứng cứ.

« Công việc khẩn cấp » y nói và lại sửa cặp kính của y.

« Tôi rất hạnh diện về cha tôi và nơi ông ở ! » Nilima nói.

« Xuyt », người chồng nói.

Nàng dậm chân. « Tôi rất hạnh diện ! » Munna cẩn thận nhặt con bài rớt gần chân nàng. « Không có gì phải xấu hổ ! »

Chồng nàng nhìn trộm Raj. « Có người họ không hiểu, nghĩa là tại sao tốt hơn không — »

« Anh chỉ suy nghĩ những gì họ nói trong công sở của anh ! Anh sợ rằng họ sẽ tìm ra và đình chỉ sự thăng chức của anh ! Nghĩa là tất cả những điều anh có thể nghĩ đến mãi mãi — sự thăng chức của anh ! »

Munna e lệ hỏi : « Những người trong tù có được phép cho khách đến thăm không ? »

« Anh có thể thăng quan tiến chức, nhưng anh sẽ không bao giờ kiếm tiền dù chỉ bằng nửa số tiền mà cha tôi đã kiếm được. Không một ai kể cả anh sẽ bao giờ được giống như cha tôi ! »

« Một viên thư ký hạng ba, người chồng chế diễu

« Một thư ký hạng ba không có gì lỗi cả, » Raj nói : Chàng không mong được nói nhưng lúc đó chàng đã phải lên tiếng, chàng nóng nảy nói tiếp : « Sai lầm là những gì ta luôn luôn nghĩ đến tiền bạc và địa vị, và ai tốt hơn, ai xấu hơn, đó là điều sai lầm ! »

« Tôi xem anh có vẻ là một triết gia chống lại khuynh hướng vật chất ! » người chồng nói. Raj không biết ý nghĩa này là gì nhưng chàng cảm thấy một ý muốn giật mạnh lấy cặp kính của kẻ kia và đập lên đó.

Nilima nói : « Bởi vì anh vừa biết những lời nói bóng gió dài dòng, anh cho rằng anh rất vĩ đại ! » Cả hai, nàng và Raj giương cặp mắt sáng quắc giận dữ về phía chồng nàng.

« Em sẽ thấy tôi sẽ đi xa như thế nào » người chồng nói với cái mỉm cười, nhưng nó không có vẻ gì là một nụ cười cả, bởi vì mặt y gần như cái vẻ nghiêm nghị như thế, Raj và Nilima cả hai ngoảnh mặt khỏi y cùng một lúc và cặp mắt họ gặp gỡ nhau. Raj nhận thấy rằng chàng và nàng cùng ở vào một phe. Im lặng một lúc.

Rồi Nilima thét lên với Raj « Tại sao anh không về nhà ? Ai mời anh tới đây ngày này qua ngày nọ để làm phiền tôi ? »

xxx

NHỮNG chàng biết rằng chàng sẽ trở lại, luôn luôn trở lại và đó cũng là điều nàng mong đợi. Lúc này chàng thích nghĩ đến nàng luôn, và chàng đã dự định nhiều kế hoạch. Những kế hoạch này không có thêm phần đến lớp học tối của chàng hoặc duy trì công việc ở tiệm giặt ủi khô. Chàng nghĩ đến Dev bạn chàng mà hẳn đã rời bỏ tất cả và đã đi đến bất cứ nơi nào hẳn thích, và rồi Nilima và chính chàng sẽ làm một việc tương tự. Rất nhiều chốn xa xăm nơi người ta có thể đi đến và không bao giờ cần ngó lại, nhưng chính là chốn tự do và hạnh phúc như những con chim như những con cá.

Ít được tự do và hạnh phúc xiết bao khi chàng cứ mỗi chiều phải vác mặt về nhà, khi chàng sắp sửa rời ngôi nhà của Nilima. Anh chàng về nhà, ông ta có vẻ nghiêm khắc và không bằng lòng, nói ngay : « Tại sao chú không đến lớp học ? »

« Mẹ ông hiệu trưởng chết ! »

« Bà đã chết nhiều tuần trước rồi »

« Bây giờ họ mang tro hỏa thiêu của bà tới Hardwar ». Nhưng chàng thấy rằng anh chàng không chỉ bất bình về trường trung học mà thôi nhưng về một việc gì khác nữa.

Bỗng nhiên Shankar thét lên, « Tôi nghe chú và Munna sang nhà bên cạnh ». Ngay sau khi nghe người cha của chúng lớn tiếng, những đứa nhỏ hơn chạy ra ngoài xa an toàn và nhìn vào qua song cửa sổ ?

Munna rất sợ hãi. Cậu ta nói, « Họ có máy thu thanh, chúng tôi đến nghe — »

« Khi người chồng không có ở nhà ! » Shankar hò hét như sấm. « Vợ y phải vào nhà bếp. Bà ta phải nhồi bột làm bánh và việc đó làm bà bận rộn, bởi vậy bà ta không rỗi rảnh được như thế ».

« Đó là câu chuyện tôi nghe trong sở ! » Ông ta nắm tay Munna và bắt đầu vặn nó. Munna ré lên và xin lỗi, trong khi những đứa em cậu nhìn vào, sợ hãi và im lặng từ bên ngoài cửa sổ.

« Chúng đã chơi bài ! » bà Shankar nói, « Việc đó không có chi hại cả ». Bà ta mím môi và trông như ứa nước mắt nhưng không biết nói gì thêm để làm nguôi cơn giận của chồng bà.

« Người ta đã nói — về gia đình tôi. Tôi phải làm gì ở vào một địa vị công chức ? Hãy trả lời tôi ! » Ông la lên, hết sức vặn mạnh tay Munna, bởi thế cả Munna và mẹ cậu òa khóc lên nức nở.

« Hãy tha nó, » Raj nói — gần như là một mệnh lệnh, như thế chàng là người anh cả. Mọi người nhìn chàng sững sờ, cả Shankar, ông cũng bắt đầu thả tay Munna. Khi ông ta lấy lại sự quân bình, ông càng tức giận hơn bao giờ hết và lập tức ông đưa tay lên để đánh Raj. Nhưng khi ông đưa tay lên, ông giật mạnh trở lại phía sau và bằng lòng không la lối gì.

Raj ngoảnh mặt đi và bước vào căn phòng nhỏ nơi về đêm chàng ngủ với Munna và những đứa em của nó. Chàng lấy quần áo của chàng trên kệ và đôi giày — Bà chị dâu theo chàng và hỏi, « Chú đang làm gì đây ? » trong một giọng lo lắng sợ hãi. Shankar vẫn còn la lối phòng bên cạnh ; ông ta la lối về danh dự, tư cách đáng kính và truyền thống gia đình đề lưu ý thánh giá Munna và những đứa trẻ khác mà chúng đứng an toàn bên ngoài cửa sổ

RAJ nhét những đồ vật của chàng vào cái bao cạt tông rồi chàng xếp mền chiếu trên giường. Bà Shankar nói trong một giọng cầu khẩn « Chú có thể đi đến nơi đâu ? » Sau cùng chàng lấy

ra 63 đồng rupi gói trong khăn mu xoa để trong cuốn kính. Chàng bỏ cuốn kính lại. Bà Shankar nói: «Chú sẽ bị chết đói. — chú sẽ phải ăn xin người ta trên đường phố!»

«Điều bất khả xâm phạm của gia đình phải được tôn kính trước nhất và quan trọng nhất!» Shankar đang la lối ở phòng bên cạnh.

Raj buộc giây quanh cái bao và xiết lại. Bà Shankar giúp chàng, bà để ngón tay bà giữ cái mối chàng buộc và đồng thời bà nói, «Mọi người thỉnh thoảng cảm thấy thích trở đi nhưng điều đó không dễ dàng như vậy. Chàng vác đồ ngủ lên vai và bà ta giúp chàng giữ chặt nó. «Người ta cũng phải ăn» bà nói, «và có một chỗ nào đó để ngủ và ở?»

Chàng đi sang phòng bên cạnh. Shankar vẫn còn nói với những đứa bé về luân lý, truyền thống và danh dự của người công chức. Khi ông thấy Raj vác mùng mền trên vai, ông la «Tôi cấm chú! Tôi cấm chú rời khỏi căn nhà này!» Dĩ nhiên đó là tiếng kêu than trong giọng điệu của ông sẽ không được chú ý đến.

Nilima cũng ngạc nhiên thấy Raj với hành lý của chàng. Nhưng chẳng bao lâu nàng rất kích thích và điều đó không để nàng tri hoãn quyết định cuốn gói đồ đạc của nàng nữa. Nàng có một cái vali rất đẹp và cứng cáp, với ống khoá và chìa khoá để khoá nó, trong cái vali này nàng vội vã ném những cái áo choàng và vật trang sức của nàng vào. Suốt thời gian nàng đang thu xếp đồ đạc nàng vẫn nói chuyện, «Trước tiên chúng ta hãy đến Agra — chúng ta sẽ viếng đền Taj Mahal và nhiều dinh thự đẹp để khác. Nàng kể chàng nghe một lần cha nàng đưa gia đình đi Agra ra sao và họ đã ăn một vài thứ cơm chiên tuyệt diệu trong một khách sạn và đã mua một cái đèn Taj Mahal nhỏ bằng cẩm thạch

mà nó có thể đốt cháy với một bóng đèn ở bên trong. Cái va li của nàng đóng không được, bởi vậy Raj phải đem mọi vật trở ra và xếp lại một cách gọn gàng và rồi đóng lại hoàn toàn dễ dàng. «Và từ Agra chúng ta có thể đi đến Jaipur, tôi có người anh em họ ở đó, họ sẽ rất vui sướng gặp tôi». Vừa lúc Raj khoá va li xong, có một người nào đó đến ngoài cửa. Đó là Munna.

Cậu đưa 5 đồng giấy bạc ru-pi xếp cẩn thận: «Mẹ tôi gửi số tiền này cho chú». Nó nhìn đến vali của họ và nói: «Làm ơn cho tôi cùng đi với!»

«Hãy về nhà đi» Raj nói:

Một hàng lệ rờn rờn chảy xuống má Munna.

Bỗng nhiên Nilima nắm lấy máy thu thanh của nàng đẩy mạnh vào tay Munna: «Em có thể giữ lấy nếu em thích» Nét mặt cậu thay đổi lập tức. Cậu cầm chiếc máy thu thanh đứng sững như thê đó là một trái bom sẽ nổ tan trên tay cậu và lòng cậu ngập tràn một nỗi vui sướng vô tận.

Raj nhìn quanh chàng. Chàng thấy ngọn đèn, đó là quả cưới Nilima, của người chị, và chàng rút công tắc ra và chắt vào tay Munna trên cái máy thu thanh «Cho mẹ cháu» Raj nói:

Nilima đi quanh gian phòng tập trung những quả cưới khác của nàng. Ba con voi đang đi qua cầu, cái ầm điện, một cái khung móc áo bằng lụa, tất cả mọi vật đều đem cho Munna — Cậu phải ngồi xuống để có thể cầm tất cả; cậu ta hoàn toàn bị bao phủ bởi những quà tặng.

Ở nhà ga Raj mua hai cái vé hạng ba, đi một bận mà thôi. Nilima hoãn hoãn hơn bao giờ hết, vì nhà ga đông nghẹt và kẻ tới người lui với những cuộn mùng mền, bao vải và những cái lu to lớn. Nàng nói nàng thích đi du lịch, nàng

thích nhà ga và xe lửa. Có những người với những chiếc xe kéo bán rượu mạnh và cà rem cây, tạp chí và tượng thần thánh bằng thạch cao. Nàng muốn mua tất cả : nàng nói nàng đói và khát, và hiện giờ nàng đã cho tất cả quà cưới của nàng, nàng thích có một bức tượng thạch cao của Krishna và Radha ; và chắc chắn nàng phải có một cái gì để đọc trên xe lửa, nếu không nàng sẽ rất buồn. Chàng mua cho nàng hai tờ tạp chí điện ảnh và phải đổi tờ giấy năm đồng ru-pi của người chị dâu gởi cho chàng.

Còn tới nửa giờ trước khi chuyển xe lửa đi Agra khởi hành, nhưng phòng vé hạng ba đã đông vô số : Tất cả các băng đã bị chiếm và người ta ngồi chồm hổm trên sàn và chồm mình ra ngoài cửa «Hết phòng» họ la lên, nhưng Raj dùng sức chen đi qua và tìm được một chỗ trong góc Nilima có thể ngồi xuống trên chiếc vali của nàng. Trong tàu rất nóng nực và mùi hôi nồng nặc của những người và nhà vệ sinh không chùi rửa sạch sẽ. Những hành khách vẫn còn cái cọ chỗ của họ với những người khác và nhiều cuộc cãi nhau vẫn tiếp tục. Nhưng Raj cảm thấy an toàn ở trong góc của họ ; chàng nghĩ đến ngày mai chàng sẽ không phải đi đến tiệm giặt ủi khô ra sao, hoặc không phải về nhà người anh để ăn cơm. Chàng thoáng nhìn xuống Nilima và xúc động khi thấy nàng đang khóc.

C H À N G cúi xuống và nói khe khẽ, «Cô ốm hả ? »

Nàng khóc lặng lẽ với mình. Khoảng giữa nàng nói, «khi cha tôi đưa chúng tôi đi du lịch, chúng tôi luôn luôn đi hạng nhất và cả một phòng dành riêng cho chúng tôi!»

«Chỉ có một vài giờ thôi mà»

Sau một lúc nàng nói «Tôi muốn về nhà» Nàng nói thật to, bởi vậy người ta bắt đầu chăm chú nhìn cả hai người.

«Hãy đưa tôi về nhà» nàng nói còn to hơn nữa.

« Tôi có thể đi đổi vé hạng nhì cho chúng ta »

« Tôi muốn về nhà với chồng tôi ! »

Người ta bây giờ phần nộ nhìn Raj. Một vài người trong bọn họ nói, « Có lẽ đó là một trường hợp bất cóc. Nilima đứng dậy từ chiếc vali của nàng. Nàng nói với những hành khách đang đứng xung quanh, « Hãy cho tôi đi qua » tôi muốn trở lại « với chồng tôi » Người ta xô đẩy lẫn nhau nhường lối cho nàng đi xuống trở lại. Nàng đi xuống xe lửa và Raj theo sau với vali của nàng. Tất cả mọi người rất chú ý đến họ và những người đang cãi lộn nhau cũng dừng lại và thay vì bàn luận về việc bất thường tình cờ này.

Raj theo sau với chiếc vali của nàng, tiếp tục nói, « Tôi có thể đổi lấy vé hạng nhì » Nàng không thèm quay trở lại. Khi họ ra đến cửa, nàng nhảy xuống tàu, nhưng chàng vẫn ở lại đằng sau và đưa vali xuống cho nàng. Tất cả những người ở trên tàu bu lại đông nghẹt quanh cánh cửa sau lưng Raj và những người mà họ không có chỗ xô đẩy tới các cánh cửa sổ và thò đầu họ nhìn qua những song cửa. Họ giảng giải hoàn cảnh cho bạn bè họ và những người thân thuộc đến đưa họ không còn trên sân ga và họ rất chú ý và họp thành một đám đông vây quanh Nilima.

« Hãy đến » Nilima nói với Raj « Hãy xuống đây ».

C H À N G nhìn đồng hồ nhà ga và thấy rằng đã quá mười phút, giờ chính thức cho chuyển tàu bắt đầu. Một người đội nón thối một tiếng còi và phát phát lá cờ xanh.

« Một mình anh anh sẽ đi đến đâu ? » Nilima nói : « Anh sẽ làm gì ? »

« Họ là anh em » những người trên sân ga nói, nhưng những người ở trên tàu la xuống với họ « Y đã mang nạng đi từ nhà chông nạng ! »

Một giọng nói che miệng qua một giọng nói với hai tay che miệng to hơn, những cánh cửa đóng mạnh lại đánh sầm, và những phu khuân vác la lên.

« Anh có thể đến thăm tôi mỗi ngày ! » Nilima la lớn lên qua tiếng ồn ào. « Chúng ta sẽ chơi bài và nghe máy thu thanh ! sẽ giống y như trước vậy ! »

Raj nhận thấy rằng chàng vẫn còn đang cầm những tờ báo điện ảnh của nạng. Chàng nhìn họ, rồi nhìn nạng và chàng ném chúng xuống cho nạng không nói một lời. Nạng cúi xuống nhặt lên. Những người đứng xem nói, « Nạng trẻ quá mà đã trốn bỏ chồng rồi ! » Những người khác nói, « Họ bắt chước khá nhiều ở phim ảnh xi nê ». Và người khác nữa, « Điều đó rất khác với trong thời của chúng ta » Chuyển tàu bắt đầu chuyển bánh, Nilima la lên trong một giọng đầy nước mắt « Tất cả sẽ giống y như trước » và nạng chạy theo một ít bước sau khi chuyển tàu chuyển bánh. Người ta la lên những lời chúc tụng sau cùng và khuyên bảo lẫn nhau — nhưng họ không thể nghe được, vì chuyển tàu đang lấy tốc độ nhanh và làm ồn ào quá sức.

Các hành khách rời các cánh cửa tàu và các cánh cửa sê. Họ đang bàn luận về những vụ bắt cóc và những vụ trốn nhà bỏ theo nhân tình họ đã nghe hoặc đọc ở đâu đó trên các báo chí. Họ đồng ý rằng ngày nay nền luân lý đã rất suy đồi. Nhiều người chú ý những câu chuyện kể trong việc trình bày điếm này, và họ lắng nghe với sự kính cần. Ngay đến những người mà họ đã cãi nhau trước đó về chỗ ngồi của họ bây giờ đã là những người bạn và biểu thức ăn lẫn nhau lấy ra từ những cái bao vải của họ.

RAJ không chú ý chút nào đến bất cứ những cuộc nói chuyện này. Chàng vẫn đang còn đứng cạnh cửa và nắm lấy thanh sắt. Chàng tự hỏi Nilima sẽ lấy chiếc máy thu thanh, cái đèn và những quà tặng khác hay không, và chàng hình dung Munna và bà Shankar thất vọng biết bao khi sẽ phải mất lại những quà tặng đó sớm đến đường ấy. Một cơn gió do tốc độ nhanh của chuyển tàu ủa vào qua cánh cửa mở và thổi tung qua tóc chàng và toàn thể thân thể chàng ; bởi thế trong một giây phút, điều này rất dễ dàng làm cho chàng tưởng rằng chàng chỉ là một mảnh giấy, miếng giẻ rách cộng rơm đã được thổi tung bởi cơn gió, ngoài ra không có gì nữa cả.

QUẾ THANH dịch

đương nghiêm mậu

THƯ VIẾT TỪ MỘT XÓM QUÊ

BÀ đi tôi gánh gánh hàng hấp tấp vào khỏi cổng, đặt gánh hàng xuống chỗ chuồng gà rồi trở ra đóng cửa, nhưng sau một lúc ngần ngừ bà lại mở rộng cánh cửa, dẹp gánh hàng vào hiên nhà ngang, khi bước chân lên hiên nhà trên thấy ông tôi đang ngồi nơi tràng kỷ, bà nói giọng run, sợ sệt.

— Ở đồn Tây nó về nhiều quá, chợ hôm nay vỡ chạy, người ta bảo nó sắp bắn người nơi chỗ Cầu Đầm. Hóa ra đêm hôm du kích lại đào một chặng đường, đặt mìn phá cầu và bắn chết ông Lý Chương.

— Cầu có sập không ?

Ông tôi hỏi, nét mặt lo âu, trên

trán nơi giữa hai hàng lông mày đã nhăn lại.

— Phá cầu, bọn nó nghĩ sao mà làm vậy.

Bà đi tôi uống một ngụm nước rồi trở ra :

— Chợ húa bữa họp bữa không, buôn bán khổ quá. Hàng quà cấp mang về ăn, lỗ vốn. Cái cầu không rõ ra sao.

Tôi hỏi :

— Ông Lý Chương bị bắn chết à, đi có thấy không, chỗ nào. Hồi hôm ông ấy mới ghé chơi. Tội nghiệp.

— Không thấy nhưng có người nói. Lúc về gặp bà ấy bị ngất, hai người

con đang vực về nhà, mặt xám ngắt, bà ấy mới sinh nở, yếu máu chờng lại bị vậy có khi chết mà coi.

Ông tôi mỗi lần tra xe vào điệu và hút, tiếng kêu ròn trong chiếc điệu bát, để xe xuống ông thở khói ra một cách chậm rãi :

— Họ phá mãi cái cầu đến sắp mất — Ông tôi hỏi vọng ra — con thấy cầu có đồ không.

— Con đi vòng phía làng không biết có việc gì không. Lúc sớm, Tây chưa lên, chợ đã nhốn nháo mấy lần, họ nói không rõ ràng.

— Hồi đêm nghe tiếng nổ ông tưởng họ chỉ phá đê ngăn xe thôi. Vậy ra họ lại phá cầu, mùa này mất nữa thôi. Cơ khổ lại đời, đến đi ăn mày, rồi mùa nước tháng tám mà lớn thì con đê cũng không chịu được mà vỡ. Quái, họ đào đê mà không thấy họ bắt dân. Họ mang người ở làng khác đến chắc ?

— Hồi gần đây họ thay đổi rồi, dân chỗ này mang đến chỗ khác và ngược lại. Cháu thấy họ sợ dân chúng không cố gắng, vì đào tới thì sáng họ lại phải lấp. Một cỗ hai tròng họ lấy đầu hăng hái.

Một tràng đạn nổ phía cầu. Bà đi tôi đang cúi khom xếp hàng ngang lên :

— Tây nó bắn người rồi.

Tôi chạy ra cổng, bà đi kêu dật lại :

— Chạy đâu vậy Thuấn,

— Con đóng cửa.

Bỏ đó, đóng lại Tây nó vào nó sinh nghi, bỏ đó, chẳng biết gì cả.

Tôi trở vào ngồi thu mình nơi đầu hiên nghe ngóng. Không khí bất trắc đe dọa vây lấy tôi, rời bỏ Hà nội, tôi thấy rõ chiến tranh tàn khốc bi thảm, vô lý đang diễn ra trên quê hương. Một chiến tranh mà xen giữa tiếng súng đủ loại, giữa tiếng gầm của xe tăng, máy bay còn âm ỷ tiếng kêu rên của con người nhỏ bé, yếu đuối. Tàn sát âm ỷ như giòng máu rỉ trên cườm tay. Những cái chết không chờ đợi, không tiếng gọi. Bố tôi hiện ở đâu ? Tôi rời rã trong một bộ mặt thực tế kỳ cục. Từ hôm tôi có mặt, liên tiếp những cái chết. Bởi một viên đạn lạc, bởi một trái mìn gài trên đường ruộng, bởi một mũi mả tấu, bởi một sợi thừng tròng vào cổ, bởi một khúc tre nhọn đóng sâu vào mang tai như sọc vào một con cá để nướng. Làng tôi nằm ở phía trái con đê, bên kia đê là một giải đầm dài và rộng, giải đầm là kết quả của việc đắp con đê ngăn giữ cho nước của con sông Đáy không tràn vào ruộng, bên kia đầm là một khu bãi rộng do đất phù sa của sông nên gọi là Bãi Bồi. Sau đó là giòng sông. Từ làng sang khu bãi một cây cầu được bắc, ngoài việc dùng làm đường đi còn là để giữ lại nước ở đầm sau mùa nước, nước giữ được đó một sự cần thiết nhằm cứu cánh đồng bên này con đê mỗi năm gặp hạn hán. Do đó dân làng tôi bảo vệ cây cầu và con đê như bảo vệ chính đời sống của

họ. Trong làng có những luật lệ đặt ra bắt buộc dân chúng phải tuân theo. Những luật lệ coi nhỏ nhưng cần thiết như cấm nhặt đá trên mặt đê, cấm thả trâu bò ăn cỏ nơi ven đê khi trời mưa để tránh sụt đất. Nhưng từ ngày chiến tranh, luật lệ của dân chúng đã bị phá bởi nhiều cách. Dưới áp lực của mũi dao, họng súng họ phải tự đào đi và lại phải lấp đi. Cây cầu đã bị phá mấy lần nhưng may chưa sập... Chỉ có dân làng lo âu cho số phận mình. Ông tôi ngồi hút thuốc liên tiếp tôi nghĩ chắc hẳn ông đang lo về cây cầu, cây cầu mà ông cụ tôi đã góp công xây cất, cùng với việc xây cất ngôi đình làng. Ông tôi đã kể lại một cách hào hùng và kiêu hãnh về việc cụ tôi và chín người trong làng đã lên rừng mua gỗ, đóng bè theo con nước mang cây về dựng đình, những cây to lớn một người ôm. Sau chuyến đi ít lâu cả mười người đều lần lượt chết vì sốt rét, tóc rụng, da vàng, nhưng ở thời ấy ai cũng cho là bị ma rừng làm chết. Mười người có công ấy được khắc tên vào bia đá và thờ ở đình. Sự nhớ ơn của dân làng được nhắc nhở bởi sự thờ cúng trong những ngày sóc vọng, tuần tiết... sự nhớ ơn lưu truyền trong nhiều đời.

TIẾNG súng nhỏ nổ ba phát cách quãng nhau, tiếng nói, tiếng bước chân ngoài đường đê, tôi ngó ra và nhận thấy đoàn lính Tây đang đi lần, mỗi đứa đều cầm súng ngang tay đi rời rạc, chúng dắt trong đoàn một con bò vàng nhỏ, chúng lại mới cướp

của ai. Số phận con vật không thoát trong buổi sáng hôm nay. Tôi ngồi im, ông tôi ngồi im, bà dì tôi ngồi im, chân tay không ai dám cựa quậy, đó là một bài học cho bất cứ ai ở gần tầm nhìn của bọn lính, một cử chỉ vô tình cũng có thể mất mạng vì sự nghi ngờ. Đoàn lính đi và không dừng lại, tôi thở ra dễ chịu. Đã mấy ngày nay chúng chỉ đi ngang qua mà không vào làng lục soát. Một người đàn ông từ cổng đi vào, tôi nhận ra bác Nhiều Đốm, bác để chiếc cuốc nơi đầu nhà dưới, ông tôi cất tiếng hỏi :

— Bác đi làm sao ?

— Tôi vừa định sang bãi, ra đến Cồng Búa phải quay lại. Tây nó bắn đèn mạng ông lý hai tên du kích. Nó treo người buồng lỏng trên cây gạo trông mà khiếp; không ai dám qua cầu.

Bác Nhiều lên hiên, vào nhà và ngồi vào tràng kỷ, nét mặt bác bình thường, tôi không thấy dấu hiệu gì về một sự ngạc nhiên hay sửng sốt, chừng như sự chết chóc đã quen với bác, bác lấy ra khỏi túi hộp thuốc, mở nắp và vờ một điếu. Ông tôi hỏi với dáng chờ đợi :

— Cầu đầm có sập không.

 Bác Nhiều kéo chiếc điếu lại gần, thông điếu, bỏ thuốc và cầm xe điếu đưa lên dựa vào cằm :

— Chưa, mìn của họ nhẹ quá, họ đặt ở một phía đầu chỉ làm sạt một khoảng đất lớn, móng cầu xây chắc quá nên không ăn thua gì. Cái thứ vôi

trộn mật với muối mà xây thì như đá tảng, phá khó lắm.

-- Thế là may.

Dáng ông tôi bình thản hơn. Bác Nhiêu mời lửa và hút thuốc, bác thở khói ra một hồi lâu đáng khoan khoái :

-- Bác biết ai bị bắn không ?

-- Không, bọn nó treo cao tít trông chẳng rõ gì cả. Họ chỉ cho tôi thấy ở trên cổ xác chết đều có gài lựu đạn. Ai mà dám gỡ xuống, động vào nó nổ cho mất xác. Bọn nó đặt bẫy đấy mà, có khi chết vào đấy mấy mạng nữa.

-- Còn ông Lý Chương ?

-- Chẳng hiểu đêm qua ông ta nằm đâu mà họ bắt được, mọi đêm vẫn lên đồn mà...

-- Ở thì lâu lâu nhớ vợ cũng lên vậy. Ông ta có dao găm với lựu đạn mà sao dễ bị bắt dễ quá...

-- Họ bắn chết và chặt mất đầu.

Bà dì tôi nghe nói kêu lên :

-- Thật khờ, thế thì làm sao. Chẳng lẽ họ mang đi.

-- Cứ gì, có khi họ tức mà vứt xuống đầm cũng có. Lại người trong làng cả chứ ai. Tôi nghe nói ít lâu nay ông ta làm khó mấy gia đình mà có người đi vắng, chừng như vậy nên họ về trả thù... Ngán quá, bỗng nhiên thù oán đầy ra, người theo bên này, người theo bên kia. Em ông Chương cũng làm lớn lắm ở ngoài khu đó, đầu là chính quy kia đấy. Chỉ ngó bà vợ

ngắt đi mà tôi lo thay cho đứa nhỏ còn ở trong bụng. Mấy tháng con ông ta rồi để yên cho mấy người giết bố chúng nó à. Vậy là lại trả thù nữa, rồi thế nào chẳng biết ai giết ai. Cứ như thế nghĩ mà ớn tới xương sống. Có lẽ rồi vô số những mối thù truyền kiếp, thanh niên chết sạch cho mà coi. Tôi một lúc cả làng chỉ còn toàn đàn bà với con nít, người nào cũng có tang. Chỉ mới có mấy năm thôi mà đó, coi nhà nào cũng có người chết bấp. Chết ở nhà, chết ở đường, chết ở chợ. Chết mất xác. Thật là một thời đảo điên. Thằng thiên độn thò gi cũng chết... Thật tôi chưa nghe các cụ nói về một thời kỳ giặc giã nào như thế này...

-- Tôi cũng không biết nữa là bác. Hồi giặc cò đen cò vàng thì tôi cũng đã biết, giặc nó về đầu làng thì đốt pháo, mình chạy từ nhà trên xuống nhà dưới... Mới từ đó đến nay...

BÁC Nhiêu mời thuốc hút nữa. Bà dì tôi chợt nhớ điều gì ngắc lên định nói nhưng sau tôi lại thấy bà thôi.

-- Bây giờ người ta làm sao về cái xác ông Lý Chương ?

-- Làm sao bây giờ, lúc tôi ra thị thấy nằm nơi chỗ đầu nhà làng. Bọn nó ghê thật, nó xả ông ta ra từng mảnh khoảng đất bị cào sát, chừng như trước đó họ vật lộn với nhau. Mỗi lúc tôi về người nhà mới mang một cái chiếu ra phủ tạm bên trên và trông chó mèo. Họ còn xuống dưới chợ mua quan tài. Không có cái đầu mới thật là

mệt, có lẽ phải làm một cái điều gì mà liệm vậy chứ sao. Con cháu sau này gọi là khó mà mở mày mở mặt ra được.

Tôi len lén xuống nhà dưới rồi lặn ra cổng đi vội ra phía nhà làng. Tôi gặp nhiều người đi lại hấp tấp bàn tán về cái chết của ông Lý Chương. Vượt khỏi con đường nhỏ sau đình tôi đã trông thấy một đám người tụ tập ở đó. Khoảng đất trống đó nằm ngay đầu ngõ Bứa, bên cạnh chiếc ao sen, chỉ đi một khoảng ngắn là đến chân đê và phía bên kia là Cầu Đầm. Tôi nhận ra rằng du kích đã lựa chọn một địa điểm thuận lợi nhưng cũng rất nguy hiểm, thuận lợi vì dễ rút một cách nhanh chóng, họ chỉ cần qua đê, vượt qua cầu Đầm là cả một cánh bãi mía ngút ngàn che chở cho họ. Nhưng nguy hiểm nếu gặp ba trui Pháp ngang qua. Mãi phía ngoài đám người đứng mà tôi còn nhận thấy những dấu chân dẫm nát trên cỏ và nhiều giọt máu. Tôi chun vào đám người đứng, trong đó tôi thấy một chiếc chiếu hoa còn mới phủ kín xác ông Lý Chương, tôi không nhìn thấy một tí gì ngoài những vết máu phía ngoài. Tôi thấy người con thứ hai của ông Lý Chương ở đó, anh ta ngồi bệt dưới đất, khuôn mặt thiểu não, da mặt tím lại, đôi mắt lơ đãng nhìn vào mép chiếc chiếu, tay mân mê khóm cỏ gà. Anh ta đang nghĩ gì? Hình dung về khuôn mặt ông bố? nghĩ về những lưỡi dao bằm trên một thân thể. Sao không thấy bà Lý Chương đâu? Ai đã giết ông ta? Sao ông ta không có thể

chạy thoát? Ông ta đã không thể kháng cự với rất nhiều người? Sao người ta có thể giết nhau như vậy? Họ không góm tay sao? Người ta bàn với nhau:

— Rõ ràng lúc chập tối tôi thấy ông ấy đi ngang qua cửa nhà, tôi hỏi ông xuống bốt phải không. Ông ấy nói phải tôi xuống bốt ngủ. Thế mà sao ông ấy lại không đi.

— Như vậy tối hôm qua ông ấy ngủ ở đâu? Ông ấy dám ngủ ở nhà sao?

— Không, ở nhà đâu có biết ông ấy bị giết. Mãi sáng nay có người qua đây nhìn thấy, vì nhờ cái áo dài trắng và đôi giày mà nhận ra ông ấy. Khi đó bà ấy ra mới biết chồng chết.

— Tối qua ông ấy đi xuống bốt, nhưng ra tới nửa đường mới nhớ tờ giấy tờ gì đó bỏ quên trở về lấy, rồi tối ông ấy không đi, ở nhà một lúc rồi ông ấy đi tìm chỗ ngủ. Thỉnh thoảng ông ấy vẫn ngủ ở làng mà.

— Kinh quá, ông ấy thật liều.

— Không thể tưởng tượng được...

LÚC sau tôi thấy bốn người khiêng một chiếc quan tài đỏ đang từ trên bờ đi xuống dốc, người con cả của ông Lý Chương đi theo dáng tất tưởi. Đám người loăng ra và chiếc quan tài được đề xuống bên. Người ta lại bàn tán về chuyện không có cái đầu. Một người lớn tuổi, chừng như chú bác gì trong gia đình người chết và người con cả bàn luận. Ông cụ đòi kiểm

phầy chùa mới liệm được nhưng người con không chịu :

— Không liệm gì cả, để mãi như thế này thương tâm lắm. Con nhập quan ngay, nhập tạm vào đó đã.

Nói xong anh ta mở chiếc chiếu ra. Tòì kinh hoàng nhìn thấy cái xác bị banh cả bụng, không đầu, và hai cánh tay bị chặt rời ra. Chiếc áo dài, quần và áo lót đều đầm máu đã khô lại. Hai người con bê chiếc xác bỏ vào áo quan trước, người con thứ cố kéo những mảnh áo che lại cho khuất chiếc bụng rồi nhặt hai chiếc tay để vào vị trí, anh ta cố gắng như để phân biệt xem tay nào tay trái, tay nào tay phải. Cái xác được để lui xuống phía chân và phía đầu để hở, người con cả để chiếc khăn đóng vào vị trí cái đầu. Tòì liền tưởng đến những hình quan ôn bằng giấy người ta làm để cúng vào mùa hè trong các chợ. Ông già hỏi :

— Còn cái đầu thì sao ?

Người con cả :

— Chắc bọn nó vứt đầu đây, phải tìm mới thấy. Cháu muốn mang quan tài về nhà làm lễ phát tang đã.

Chiếc ván thiên được đóng tạm lại, chiếc quan tài được khênh đi. Đám người tản mát dần. Tòì theo một vài người tò mò leo lên đi sang Cầu Đầm, bờ đê dốc khiến tòì bị trượt chân mấy lần liền. Đứng trên mặt đê tòì ngó ngang chung quanh. Mãi về phía dưới chợ, bên những chiếc quán nhỏ tòì nhìn thấy một vài bóng người rất nhỏ đi

động. Khu đất trống của chợ không có một người nào. Tòì đứng xuống ven đầm ngó lên. Con đường bắt từ đê xuống cầu bị phá một quãng ngắn, chân cầu bị sạt đi một chút. Cây cầu hơi cong vẫn còn đứng nguyên. Trên cây gạo tòì nhận thấy hai người bị treo ở đó, tòì cố gắng để nhìn xem có phải có hai quả lựu đạn kèm với xác chết không nhưng ánh nắng chói lòa trên ngọn cây không lá khiến tòì không sao nhìn rõ được.

TIẾNG súng nổ từ xa, phía trên, tòì vội chạy qua đi theo đường tắt trở về, chợt tòì thấy một con chó đen đang gặm một cái gì ngang phía trong nhà làng. Tòì lại gần, con chó nhồm dậm gặm gù rồi cúi xuống tòì nhận ra chiếc đầu người, chiếc đầu ông Lý Chương. Con chó cắn vào chiếc đầu và định chạy nhưng nó lòi mãi không được vì nó không cắn được chắc. Tòì dậm chân, tòì nhặt một hòn đất ném và con chó cấp đuôi chạy. Tòì đi tới cúi xuống với ý định xách lấy cái đầu, nhưng máu me, những sợi tóc bết lại, hai mắt bị khoét đau mắt, trên má đầy những vết cào sây sát khiến tòì rùng mình. Tòì chạy vội về nhà ông Lý Chương. Trong căn nhà đầy những người, bà Lý Chương đang lăn khóc, tòì tới gặp người con cả. Tòì nói :

— Anh theo tôi, tôi vừa nhận thấy cái đầu.

— Ở đâu vậy ?

— Ngay chỗ nhà làng. Tôi thấy một con chó nó đang gặm.

Chúng tôi ra khỏi nhà chạy vội ra, tới nơi không thấy chiếc đầu đầu. Chúng tôi lại lục lọi, mãi sau tôi mới thấy nó cùng với con chó lúc nãy. Người con ông Lý Chương cầm cái gậy đánh đuổi con chó rồi ôm lấy cái đầu một vẻ tội nghiệp. Tôi thấy anh ta chảy nước mắt, quên cả tôi mà đi về nhà.

B UỔI trưa im vắng rồi rã. Ông tôi nằm trong võng nơi nhà ngang, tiếng võng đưa uể oải có những lúc gần như im hẳn, tôi đoán chừng đó là lúc giấc ngủ trưa đến, như những cơn gió rất nhẹ từ phía cao thổi vào. Tiếng di tôi gọi phía nhà bếp, tôi lên tiếng thưa rồi chạy vào. Di tôi đang lùi húi đầu những tấm vải trong chiếc cối đá mãi phía góc sân bên kia ngay bên cửa bếp. Tôi đứng nhìn qua khoảng sân gạch ánh nắng chói lòa :

— Di gọi con ?

— Mày ra căng vải hộ tao chút.

Tôi cầm lấy chiếc nón đội lên đầu rồi bước chân xuống sân, những viên gạch bị nung nóng bỏng khiến tôi không dám bước mạnh và đi thật nhanh. Tôi đứng vào cửa bếp. Di tôi dẫn những tấm vải vào trong lòng chiếc cối đá, nước nâu đục lờ lờ sàu bọt. Vải đã qua một vài nước phơi màu nâu còn nhợt nhạt như một màu gạch non. Tấm vải cuối cùng đã được mang ra khỏi, di tôi vắt cho khô, những giọt nước bắn ra ngoài thoáng cái đã mất dấu vết trên nền gạch.

Nhìn tôi đứng lóng ngóng trên thềm bếp, di tôi kêu lên :

— Mày không đi guốc vào cho bằng chân sao. Đi vào đôi dép dứa kia đi.

Vừa nói di vừa chỉ vào phía sau, đôi dép của ông tôi, tôi đi vào rồi xuống sân. Tôi cầm lấy đầu một tấm vải đi lên phía hiên nhà thờ. Sau khi đã căng thẳng, di tôi kêu : cầm cho chắc, rồi di tôi rũ mạnh tấm vải uốn cong, võng xuống, và tôi đặt tấm vải xuống gạch. Trên khoảng sân, tôi thấy như khói trắng bốc lên nghi ngút. Có lúc tôi trông di tôi ở cuối sân như những giọt nước màu rung rinh, cây cối phía bờ ao mỏng và mờ hồ. Căng xong sáu tấm vải, chạy được vào trong bóng mát mắt tôi hoa lên không nhìn ra được chung quanh. Di tôi vào ngồi ngay trên cối giã gạo mò hời nhè nhại tay cầm chiếc nón quạt một cách mệt nhọc. Tôi ngồi hẳn ra ngoài bậc cửa, chiếc cửa để xuống cầu ao. Hơi nước theo những cơn gió thổi vào làm tôi dễ chịu. Lúc sau di tôi ngồi chọn thóc trong nüt gạo nếp. Chợt di tôi hỏi :

— Sáng mày có ra ngoài Cầu Đàm chơi không ?

— Vâng. Con có thấy cả cái đầu của ông Lý Chương. Chó nó tha ngoặm mất cả mắt.

— Tội nghiệp. Hồi xưa ông ấy là đàn em của Thầy mày. Bây giờ họ kết qn ông ấy là Việt Gian. Cách đây ít

lâu họ có dân ở ngoài đình một bản án tử hình. Không ngờ thành sự thực.

— Họ phanh bụng ông ấy ra và chặt lia hai cánh tay. Con ở nhà thêm ít bữa nữa rồi con ra tỉnh. Con sợ

— Bốn năm nay rồi. Chạy giặc, tản cư rồi về tề, cứ như thế. Mới đầu sợ rồi cũng quen... Mà cũng nên ra ngoài ấy mà học hành chữ ở nhà có ích lợi gì.

— Di không được tin gì của thầy con.

— Không. Sợ cũng chết rồi.

G I O N G di tôi thản nhiên, dáng cầm cuì, ngón tay chỗ gầy gầy những hạt gạo như không chú ý tới câu nói. Di đã lấy thầy tôi, thầy tôi đi, di vẫn sống quanh quẩn bên ông tôi như một cái bóng. Cuộc sống chăm chỉ tháo vác khiến cho ông tôi rất hài lòng. Di còn trẻ sao chịu đựng được cuộc sống cô đơn như thế? Câu thăm hỏi này vẫn khiến tôi thắc mắc, mãi rồi tôi chỉ có thể kết luận: di là một người an phận, như vô số những người khác đang sống nơi những vùng quê hẻo lánh.

— Gió mát quá. Lúc trước ông đã tỉnh xây phòng khách ở chỗ này.

Di tôi ngừng lên nhìn ra ngoài mặt ao, vẻ mặt hơi tư lự. Tôi nói:

— Di chắc thầy con đã chết thật sao?

— Chẳng có tin tức. Hồi nào người ta nói đến cái chết của ông

Lâm dưới Vạng. Một chiếc thuyền chở mấy người đi họp hội nghị gì đó bị chìm, di nghĩ có lẽ cả thầy mày ở trên đó. Sau nghe nói chính du kích họ đánh đắm thuyền thủ tiêu một số người mà họ cho là cứng đầu, phản động. Nhưng không có bằng chứng gì rõ ràng. Chẳng biết ra làm sao. Có lúc di coi như đã chết rồi.

T O I nằm xuống nền gạch mát. Khoanh hai tay lên đầu làm gối. Di coi như thầy tôi đã chết rồi.

Tiếng võng trong nhà kéo kẹt rờ rã. Tôi nhắm mắt lại. Xưa kia trong chỗ này thầy mẹ tôi vẫn đi lại, ra vào. Có thể trong những buổi trưa mùa hạ thầy tôi cũng nằm ở đây hóng mát và qua một giấc ngủ. Khi ấy chưa có di tôi. Tôi hình dung về những người bạn trong thành phố. Ở đây cuộc sống như tách rời khỏi tất cả nếu không có tàu bay trên đầu, những tiếng súng nổ và những cái chết thật tàn bạo. Nếu không loạn, tôi sống ở đây, thầy mẹ tôi và những người thân yêu khác. Nếu không loạn... Tôi không thể nào nghĩ tới được một cuộc sống như thế nữa. Bây giờ hai cái thấy treo trên cây gạo... Tôi ngồi dậy hỏi:

— Rồi người ta làm sao hai cái xác gài trên cây đó di?

— Làm sao? Làm sao bây giờ? Ai mà dám động vào đó. Trước đây đã có một vụ tương tự như vậy. Tây nó cũng bắn chết người ở dưới chợ đó, phơi xác không cho chôn có đến gần tuần lễ. Sau người ta phải chôn lên. Đây nó về thấy không còn xác nó đấy

cháy cả nửa làng. Đây cũng là một cái nạn đây...

— Như vậy rồi ai còn dám sang bãi làm nữa.

— Ồ, rồi họ cũng cứ đi. Ai chết cứ chết, ai lo làm ăn cứ làm ăn chứ biết làm sao. Bao nhiêu năm rồi...

Tôi xuống cầu ao khua văng nước rồi vục nước lên tay rửa mặt. Nước hơi ấm. Tôi lên nằm nơi chiếc phản lúc sau tôi thiếp đi.

Ngay đêm khuya hôm đó, có hai tiếng nổ rất lớn ngoài phía Cầu Đầm. Tôi thức dậy nghe ngóng nhưng không khi im lặng sau đó. Sớm hôm sau người ta mới biết ngoài Cầu Đầm thêm một người nữa banh xác ngay trên mặt đường cùng với những miếng thịt lớn. Người ta đoán chừng người mới chết đã trèo lên cây định gỡ xác chết và lựu đạn đã nổ. Người ta không nhận được mặt người mới chết, chừng như là người ở một làng khác.

Khanh yêu dấu. Mỗi buổi sáng thức dậy anh đều nhắc anh : hãy viết thư cho Khanh. Nhưng lần nữa anh vẫn không viết được, không viết được không phải vì không có gì để viết mà chính là có quá nhiều điều để viết khiến anh không biết nên chọn những điều gì để viết cho Khanh đọc ? Chọn điều gì để nói về quê hương trong những ngày tháng này.

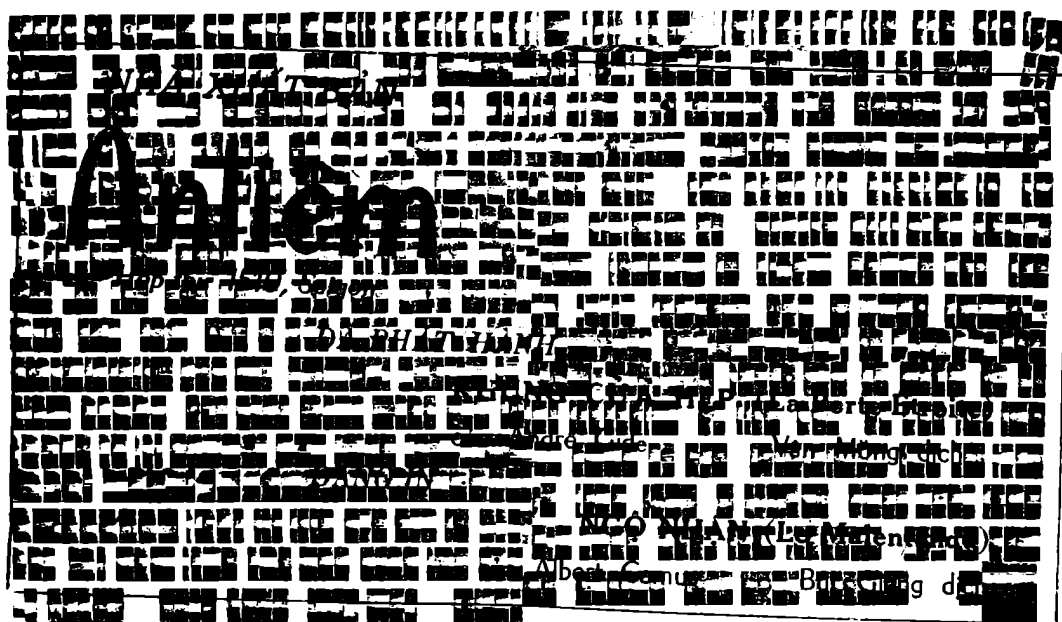
ĐẼ M cũng như ngày, trong làng quê xa xôi cách biệt với em, anh đang sống trong bàng hoàng thảng thốt. Anh sợ anh nói không hết,

không diễn tả được những gì mà anh gặp mỗi ngày đây. Tiếng súng nổ xa rồi gần, những đám cháy, tiếng kêu thất thanh trong đêm, những kẻ chết bị phanh thây, bị treo lên cây, những viên đạn lạng lẽ ghim vào ngực một kẻ đang thở không để lại tiếng kêu... Những chuyện đó anh thấy không nên nói với em, chẳng nên nói với bất cứ một ai, những chuyện đau lòng ấy chỉ nên giữ lại cho một mình mình. Anh muốn tìm kiếm một câu chuyện vui nào đó, bất cứ, hay một niềm hy vọng nào chẳng hạn để nói với em, nói một cách êm đềm ấm ấm trong một sáng yên tĩnh như sáng hôm nay. Lúc anh ngồi viết thư này cho em, buổi sáng đã bắt đầu từ lâu. Ánh nắng đã chỉ còn để lại hơn mười hàng gạch ngoài sân. Ánh sáng trong suốt và êm đềm trên những ngọn cây xanh. Không khi tĩnh mịch... Nếu không có chiến tranh, anh nghĩ thật hạnh phúc biết bao, như những điều chúng ta được đọc trong sách quốc văn, cảnh buổi sáng ở nhà quê nơi không khi rộn ràng, buổi trưa hè oi bức nhưng thơ mộng, buổi chiều ngóng mát trên bờ đê với tiếng sáo diều và tiếng mục đồng gọi nhau trở về... Xóm quê anh vẫn còn cảnh cũ nhưng những êm đềm xưa kia đã chẳng còn. Bây giờ chỉ còn những buổi sáng uể oải, những buổi trưa lo âu, những buổi chiều vội vàng... Ruộng đất bỏ hoang đến hơn một nửa, cả làng chỉ còn hai con trâu già, người ta dùng người cày ruộng thay trâu, những người già cả và ốm đau... thanh niên đã phải ra đi, hoặc chết... Anh

cố gắng tưởng tượng về một quá khứ anh không được sống ở đây, nhưng thật vô ích, anh không thể tưởng tượng được... thực tế vây quanh anh là một quẻ hương ồm ầu. Anh đã sinh ra ở đó nhưng anh đã lạ mặt với nó. Anh về đây để tìm lại quẻ hương ấu thơ của mình trong quá khứ, nhưng anh đã chẳng tìm lại được những gì mà anh ước mong, những yên ả, thc mộng, thân yêu... đã theo với cánh thời gian bay đi, bay đi mãi, có lẽ chẳng bao giờ anh còn được thấy. Mẹ anh đã chết, bố anh đã đi... khuôn mặt một quẻ hương gầy nát, hằm tím, đôn ầu còn đó với một người ông già cả

buồn rầu, một người dì gẻ cô đơn, một họ hàng tan hoang rầu rĩ. Nụ cười tiếng hát tắt trên môi những đứa trẻ ra đời vàng vố vì súng đạn và đói khát. Tiếng súng đã át đi tiếng cười, lửa đỏ và đêm tối bít bùng thẳng thốt làm tái xám những nét mặt. Những mặt đường bị cày nát, những chiếc cầu xập... những phiên chợ tẻ nhạt lèo tèo... Anh thấy mình xa lạ và cô đơn ngay trên quẻ hương mà anh đã được sinh ra... Anh tự hỏi : Khanh yêu dấu của anh có bao giờ cảm thấy như thế.

.
.



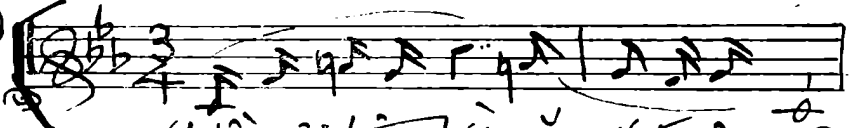
gửi Em

Trống chiến: Lá Rừng

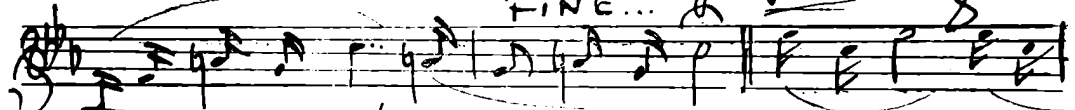
Phạm Huy

Andante con Rabato

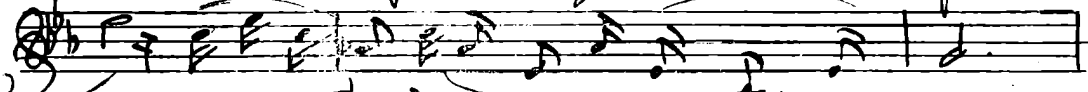
8.



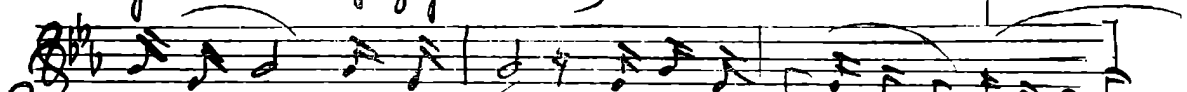
Chiều rơi trên đường vắng Có ta rơi giữa chiều!
FINE...



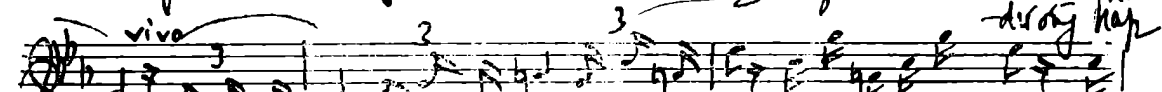
Hồn ta theo vạt nắng theo làn gió đầu tiên! Lá rừng bay lá rừng



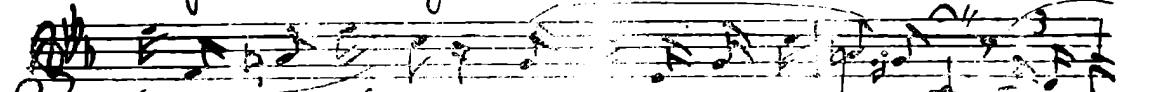
bay... như di rừng gây tốc bước dài bước ra khỏi tình phai...



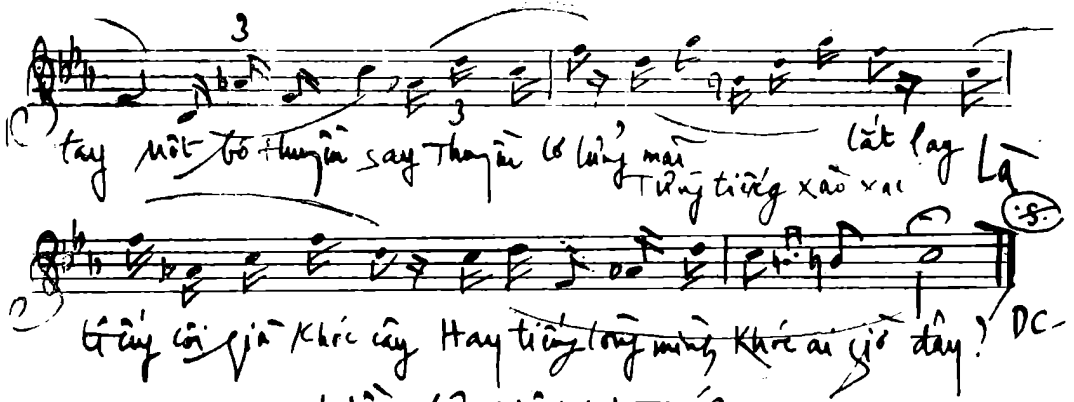
Lá rừng rơi Lá rừng rơi... như chiếc lá người già an dãi trên nền



hồi! Hoàng hôn mở lối rừng khô Thở như hơi người già an dãi trên nền
dương hạp



đốt một lần cuối thôi Cho cánh bướm lòng gió với gió đây! Lá rừng



chiều chưa trôi trôi mãi
 Là chưa buông chết chìm...
 Hồn ta như vút biển
 Bay vờn từng đợt tiền!
 Lá vàng em lá vàng em...
 nhớ như Kim mềm sẽ Khăn Cầm Kín / Khung
 của tình duyên!
 Lá vàng khô lá vàng khô...
 hết mùa già đã nhân cho trời nở tiếng bầy gà
 chiều / không chiều nữa
 và đêm lấm lưa chầy thưng chầy nhỏ
 rồi như đi buồn cái khô
 rồi rồi từ một coi mờ
 nghe đất gọi vì tiếng ru hường hồ...
 Còn lại vàng nữa
 Cánh khô vạt lá thành ngôi mộ u
 cho đến một trận gió mùa
 cho mùa tình già xào xạc
 cho biển thành như sông nuôi tình thơ!
 chiều tàn trên đường tôi
 có ta như ra đi
 Hồn ta như gió mới
 Im l cho phút đầu Thơi.

đường

chiều

lá

rụng

chiều rơi trên đường vắng
có ta rơi giữa chiều
hồn ta theo vạt nắng
theo làn gió dịu hiu
lá vàng bay lá vàng bay
như di vãng gầy
tóc buông dài
bước ra khỏi tình phai
lá vàng rơi lá vàng rơi
như chút hơi người
giã ơn đời
trên nẻo đường hấp hối
hoàng hôn mở lối
rừng khô thở khói
từng chiếc thuyền hồn lướt trôi
neo đứt một lần cuối thôi
cho cánh buồm lộng gió vơi gió
đây ?

chiều ôm vòng tay
một bó thuyền say
thuyền lơ lửng mãi
từng tiếng xào xạc lắt lay
là tiếng cội già khóc cây
hay tiếng lòng mình khóc ai giờ
đây ?

ooo

chiều chưa thôi triu mến
lá chưa buông chết chìm
hồn ta chưa vụt biến
bay vờn trong đời tiên
lá vàng êm lá vàng êm
như mũi kim mềm
sẽ khâu liền
kín khung cửa tình duyên
lá vàng khô lá vàng khô
như nét môi già
đã nhăn chờ
trên nẻo đường băng giá
chiều không chiều nữa
và đêm lần nữa
chẳng thương chẳng nhớ
đề những lệ buồn cánh khô
rơi rớt từ một cội mơ
nghe đất gọi về tiếng ru hững hờ
còn rơi rụng nữa
cánh khô và lá
thành ngôi mộ úa
chờ đến một trận gió mưa
cho rửa tình già xác xơ
cho biến thành nhựa sống ruôi tình
thơ

ooo

chiều tan trên đường tối
có ta như rã rời
hồn ta như gò mối
im chờ phút đầu thai

phạm duy
1965

alberto moravia

CỬA HÀNG BÁN HẠNH PHÚC

NGÀY nào cũng vậy, khoảng nửa chiều là ông Milone, một công chức hưu, cùng vợ và con gái ra khỏi nhà, đi dạo. Bà vợ, Erminia, thì béo và nước da hơi tái, còn cô con gái, cô Giovana, thì gầy và nước da hơi vàng.

Ba người ở khu Liberty, đi dạo suốt con đường Cola di Rienzo. Theo bước chân lạch bạch của bà Erminia họ vừa đi vừa quan sát từng cửa tiệm trên đường. Cứ mỗi lần đến khu Risorgimento thì họ lại băng qua đường, qua phía bên kia và đi về, cũng con đường đó. Cuộc đi dạo kéo dài cho tới giờ cơm tối. Gia đình ông Milone nay nghèo lắm, không

còn đi xem chiếu bóng hay đi uống cà phê với nhau như xưa nữa. Chừ chỉ còn cách đi dạo này giải trí thôi.

Một hôm, như thường lệ, ba người đi dạo chậm chậm theo con đường Cola di Rienzo. Khi gần tới khu Risorgimento thì cả ba chợt chú ý đến một cửa tiệm xuất hiện bất ngờ ngay chỗ đất mà mới hôm qua chỉ là một dãy hàng rào xiêu vẹo.

Vì cửa kính gian hàng chói ánh sáng nên ba người không nhìn rõ được có bày bán gì ở trong. Họ mới bước nhanh đến xem. Lặng lẽ, cả ba người đứng vây quanh trước cửa tiệm dòm xem.

Thì là gian hàng bán Hạnh phúc.

Ba người thường nghe nói đến hạnh phúc, nhưng chưa bao giờ thấy cái thứ hàng này. Người ta thường nói đến món này, như một thứ hàng hiếm hoi. Thực vậy, họ đi trên đời bấy lâu mà không thấy bóng hạnh phúc đâu cả nên họ đâm nghi ngờ. Thì lâu lâu cũng có vài tờ báo viết bài cho rằng món hạnh phúc người ta có thể có được ở nước Mỹ, tuy rằng không thông dụng lắm. Song nước Mỹ nghe như ở xa quá, và các nhà báo thì thường khi ưa nói chuyện trên trời !

Dường như người ta cũng bảo rằng thời xưa hạnh phúc có phần dồi dào phong phú. Nhưng chính bản thân ông Milone mặc dù chưa già đến độ quên lẫn, mà cũng không thể nhớ mình có gặp hạnh phúc chưa !

Thế giờ đây chừng như món đó trở nên thông thường như dày dếp, son cháo; một cửa tiệm có thể bán sản phẩm đó cho khách hàng nào cần kìa ! Cả ba người nhà Milone đứng sững ra ngạc nhiên !

Cửa hiệu thật cực kỳ hấp dẫn. Bên ngoài xây bằng đá hoa óng ánh, bên trong trang hoàng và bàn ghế đều bằng nhôm sáng bóng. Ngay các quầy hàng cũng thon nhỏ và các tên bán hàng, trẻ trung hoạt bát thực là dễ lôi cuốn ngay cả những khách hàng do dự mấy đi nữa. Lại thêm trong tủ hàng bày nhiều thứ hạnh phúc, đủ cỡ, như trứng xanh đỏ ngày lễ Phục sinh. Nhỏ có, vừa có. to tổ bố cũng có, hợp với mọi túi tiền. Co nững cái to như voi, (các cái này thì bày tượng trưng ra đó chứ chắc không bán.)

Mỗi món hạnh phúc có một miếng bìa ghi giá, viết nét chữ rất bay bướm.

ONG Milone, sau khi bày tỏ cái ý chung nghĩ ngợi, liền bảo :

— Cái mới lạ thật !

Người con gái hỏi ông ta một cách ngây thơ :

— Sao vậy Ba ?

Ông già nói có vẻ giận dữ :

— À, tại bao nhiêu năm ở đây người Ý chúng ta đã không cần hạnh phúc vì hạnh phúc quá tốn kém, không thể nhập cảng được. Vậy mà chừ bỗng nhiên ở đây tiệm này không bán chi ngoài món hạnh phúc ; thì cái mới thật lạ !

Cô gái nói :

— Biết đâu họ mới tìm ra được cái mô chứa hạnh phúc !

— Nhưng tìm ra ở chỗ mô, và làm răng mà tìm mới được chứ !

Ông Milone dường như giận lắm trong trí. Ông tiếp :

— Thì chúng ta đã chẳng được nghe nói rằng cái đất Ý này nó là không chứa cái chi cả đó sao ! Không dầu, không than, không hạnh phúc, không chi hết tội nó ! Mà giả có có đi nữa thì mình đã nghe nói rồi ! Mi coi ! Tao biết đọc báo chớ. Có thì báo hấn chẳng viết. Hôm qua hay bữa mô ưo trong iuc đi dọc theo triền núi Cadore, người ta khám phá ra một hầm đầy hạnh phúc thượng

hạng. Nặng chừng nớ chừng kia sâu chừng nớ chừng kia, giá chừng nớ chừng kia.. » Có hần chẳng nói ! Tao đọc báo được kia mà ! Thôi đây chỉ là một thứ hàng ngoại quốc chi đây thôi !

Này giờ, bà Erminia mới từ tởn xen vào :

— Thì có chi mô nà ! Ở mô đó họ có dư hạnh phúc, còn mình đây mình thiếu, thì mình nhập cảng. Có chi lạ mô nà !

Ông già Milon giận lắm, vai run run ; ông nạt :

— Bà thì chỉ có nói xàm. Bà có biết nhập cảng nghĩa là sao không chứ ! Nhập cảng nghĩa là đem cái đồng tiền quý báu mà xài bậy đi, trong khi đáng lẽ ra để mà mua lúa mì lúa mạch ! Nước thì đói gần chết, cần có lúa mì, mà lại không — lại đem tiền dành dụm để mà phải mua cái thứ hạnh phúc này à !

NGUỜI con gái nhận xét :

— Thì hạnh phúc cũng là một nhu cầu cần thiết !

Ông bố cãi :

— Bá láp ! Trước hết người ta phải nghĩ đến thực phẩm. Bánh mì trước. Rồi mới hạnh phúc ! Có cái xư mình là ngược đời, phi lý, hạnh phúc trước rồi mới nghĩ tới bánh mì ! Bá láp !

Bà vợ dịu dàng nhận xét :

— Trời ơi ! mình sao nóng nảy vậy ! Thì cho là mình không cần hạnh phúc đi,

song mọi người họ nghĩ khác mình, biết đâu...

Đưa con gái nói liều :

— Như con đây chẳng hạn.

Ông bố trợn mắt hỏi :

— Mi hà ?

Cô gái như có vẻ tuyệt vọng, nói liều thêm :

— Con, con có thể đổi hết thầy đồ của con để xem hạnh phúc nó là cái gì.

— Tao bảo đi hết ! đi cho rồi !

Bà Erminia và cô gái bị buộc phải đi theo. Ông già coi có vẻ giận hung ; ông la :

— Giovanna, tao không ngờ mi nói như vậy !

— Ba nói sao ?

— Vì cái món hạnh phúc kia người ta chỉ dành cho người giàu, bọn triệu phú. Một công chức quèn không thể và không được mơ ước hạnh phúc. Cái câu nói ngu si của mi, chứng tỏ mi không có ý thức nào cả. Mi coi này — nhà mình thì nhà thuê, lương của tao mấy ngày đầu tháng đã sạch bách, mà mi ôi ! thiệt mi làm tao thất vọng !

Tới đó người con gái ứa nước mắt khóc. Bà mẹ mới lên tiếng :

— Mình thiệt, mình cứ làm tình làm tội con. Nói cho đáng, hần cũng đã được hưởng chi đâu, thì hần thêm hạnh phúc, cái cũng phải.

— Vô dụng ! Cha hấn đã không cần hạnh phúc. Thì tức hấn cũng có thể không cần !

BA người đã tới khu Risorgimento, liền trở về mà không băng qua đường như thường lệ.

Khi ngang qua cửa tiệm một lần nữa, thì ông già đứng lại ; ngó hết cái tiệm một lần, rồi nói : « Bà có biết tại nghĩ sao không ? Tôi cho là cái đồ trong tiệm ni là giả mạo cả !

— Mình có ý nói sao ?

— À, mới hôm qua đây chớ đâu tôi đọc báo thấy bên Mỹ, mình phải nhớ là bên Mỹ đó, một chút hạnh phúc giá

đã hàng mấy trăm đô la. Vậy thì làm sao lại có thể bán ở đây mà giá như thế này... Nội cái tiền chuyên chở không là đủ bao... Đây là giả rồi, mảnh khoé chi của nhà nước rồi đây, không nghi ngờ chi nữa...

Bà vợ lại nói liều :

— Nhưng mà người ta đang mua kìa !

— Tại sao người ta không mua. À, mua rồi về nhà mới biết chỉ vài ngày thôi ! Đồ giả tạo !

Ba người lại tiếp tục đi bộ về ! Giovanna nuốt nước mắt. Nàng nghĩ rằng cho dầu hạnh phúc giả tạo đi nữa nàng cũng ưng thử mua xem.

GIỮ THƠM QUÊ MẸ đóng tập

Thề theo lời yêu cầu của một số bạn đọc, kể từ đầu năm 1966, Tòa soạn sẽ cho đóng tập Giữ thơm quê mẹ 1, gồm 6 Cuốn, từ số 1 đến số 6 với bìa đẹp.

Giá mỗi tập là 120 đ. Cước phí tòa soạn chịu. Vậy bạn đọc nào muốn nhận được tập báo kể trên xin gửi bưu phiếu 120đ. để tên cô Cao ngọc Thanh, các bạn sẽ nhận được tập báo ngay.

nhìn qua thi ca Phi Châu

HOÀI KHANH

TIẾNG gào thét căm hờn, phần nộ. Lòng tiếc nuối một quê hương cũ rã rời, tan tác. Tiếng đoạn trường khắc nghiệt vọng lên nỗi đau đớn của một màu da bị khinh rẻ, miệt thị. Đó là những đề tài rất còn thiếu sót của thi ca Phi Châu. Khởi từ đó, tiếng thơ sẽ bùng lên với mây trắng trời xanh nổi ẩn ức khôn nguôi của muôn đời sa mạc hắt hiu của nghìn đời làm kẻ lạ mặt đi, về trên nẻo quê mình cháy khô mà buốt giá.

Một điều lạ là nền văn chương mới của Phi châu không phải do các nhà thơ nhà văn Phi châu khởi xướng mà lại do các nhà văn da đen từ Caribbean. Tiếng kêu gào vang động và lớn nhất chắc chắn vẫn là tiếng kêu gào quen thuộc của Aimé Césaire :

« Hoan hô những kẻ không bao giờ sáng tạo điều gì

« cho những kẻ chưa bao giờ thám hiểm bất cứ điều gì

« cho những kẻ chưa bao giờ chinh phục bất cứ điều gì

« hoan hô niềm vui

« hoan hô tình yêu

« hoan hô sự đau đớn của những dòng lệ làm người !

Tiếng kêu gào này thoát tiên vang hưởng trên tờ tạp Chí Pháp Volontées vào năm 1937, và trong vài năm sau dần dần nó tìm được một số thánh giả hưởng ứng và tạo ra một phong trào văn chương mới trong những xứ da đen nói tiếng Pháp, đó là phong trào

văn chương mệnh danh là *Négritude* — Vì Césaire đã sáng tạo ra danh từ mới này khi ông viết :

Bản chất đen (1) của tôi không là viên đá diếc dội lại tiếng động của ngày

Bản chất đen của tôi không là đốm trên cặp mắt chết của trái đất.

Bản chất đen của tôi không là tháp chuông và không là giáo đường

Nó cắm sâu vào trong chất đỏ tươi của đất

Nó cắm sâu vào dòng luân lưu nguyên chất của bầu trời

Đám thối qua trọng lượng áp bức với sự kiên nhẫn vùng dậy của nó.

Ý niệm *Négritude* là một nền tảng rất quan trọng trong những tác phẩm của các nhà văn Phi châu dùng Pháp ngữ, không phải chỉ những thi sĩ của lục địa Phi châu nhưng cũng còn có một phần lớn ở khu vực Caribbean, Martinique v.v...

Có thể ý niệm này khơi mào cho cách mạng và nó làm cho các nhà văn da màu tán dương màu da và nguồn gốc châu Phi của họ thay vì khinh miệt chúng ?

Nhưng trước Aimé Césaire, năm 1927, phong trào văn chương này đã bắt đầu ở Cuba với ý niệm *Negrismo* nó cũng tương đương ý nghĩa với *négritude* do tạp chí *Revista de Avance* (1927-30) khởi xướng và dần dần nó ảnh hưởng đến các nhà văn nhà thơ Cuba như Ramón Guirao, Nicolás Guillén và thi sĩ Luis Palés Matos của Puerto Rico.

VÀ trước phong trào này bảy năm Madagascar đã sản sinh một thi sĩ thiên tài là Jean-Joseph Rabéarivelo. Ông là một thi sĩ chịu ảnh hưởng văn chương Pháp sâu đậm cho đến nỗi ông đã tự tử vào năm 1937 khi nhà cầm quyền nước ông không cho phép ông sang Pháp. Thơ Rabéarivela chịu ảnh hưởng nhiều của trường thơ tượng trưng Pháp và nhất là Rimbaud. Nhưng vào thời Rabéarivelo, Madagascar không coi như là một phần của thế giới Phi châu, một thế giới mà đối với quốc gia Madagascar, dù cũng là thế giới của « người Da đen dân tộc yếu hèn đứng lên » nhưng tiếc thay ý niệm về Phi châu rất mờ nhạt. Madagascar còn có hai thi sĩ lớn khác là Flavien Ranaivo và Jacques Rabemananjara. Thơ của Ranaivo bắt nguồn từ truyền thống thi ca của Madagascar một cách mãnh liệt, trong khi thơ Rabemananjara tràn đầy tính chất cách mạng và chính ông đã đóng vai trò anh hùng trong việc giải phóng cho xứ sở ông. Ông đã bị giam cầm trong nhiều năm sau một cuộc nổi loạn bị đàn áp khốc liệt vào năm 1947. Rabemananjara thuộc vào truyền thống các thi sĩ *Négritude* và cùng đường với các thi sĩ chính trị gia khác như Aimé Césaire Léon Damas, Léopold Sédar Senghor và Keita Fodeba.

Lewis Nkosi, một ký giả Nam Phi có viết trên tờ *Observes* gần đây. « Ý thức đen thực sự bắt đầu xói sự xúc động khám phá ra rằng hần không phải chỉ đen thôi nhưng không phải

(1) *Tạm dịch chữ Négritude*

trắng. » Vang hưởng của lời phê bình này đã tìm thấy những hồi âm đặc biệt trong nhiều vị trí khác nhau. Người da đen Nam Phi nhận chân điều này qua sự hoàn toàn bị phủ nhận bởi sự thống trị đầy vẻ thù nghịch của xã hội da trắng. Trong khi đó Phi châu Pháp thì *chấp nhận* — trong những giới hạn chắc chắn. Thái độ đồng thời chấp nhận và phủ nhận này là *Négritude*. Aimé Césaire cho rằng « Tính chất đen không phải là sự khiểm diện, nhưng là sự từ khước ».

Năm 1928 Léopold Sédar Senghor rời Senegal đến Paris và chẳng bao lâu, tại đây, ông gặp hai thi sĩ khác cùng ông đã là những người sáng lập *Négritude*, đó là Aimé Césaire của Martinique và Léon Damas của Guinea thuộc Pháp. Damas đã tìm thấy giọng điệu cho nhóm « lưu vong » ở Paris với tập thơ nhan đề *Pigments*, do nhà Gallimard xuất bản vào năm 1937 và vào năm 1939 đã bị cảnh sát Pháp thiêu hủy :

«... Chúng có dám đối xử tôi như người da trắng

« trong khi tôi không mong muốn gì trừ da đen

« và trong khi chúng cướp phá Phi châu của tôi ?

« làm cho trắng

« chúng cho tôi điều sỉ nhục khả ố

« trong khi chúng tàn phá Phi châu của tôi

« mà nó chỉ muốn hòa bình và không cần gì trừ hòa bình

« làm cho trắng

«... sự căm hờn của tôi đã lớn lên trên bờ mép của văn hóa

« bờ mép của những lý thuyết bờ mép của sự đàm thoại vô hiệu

« mà với những điều đó chúng nhét vào tôi từ khi sinh ra

« dầu cho tất cả trong tôi mong muốn là tên Da đen

« trong khi chúng tàn phá Phi châu của tôi

Năm 1939 Aimé Césaire cho ra mắt tập thơ *Cahier d'un Retour au Pays Natal*. Với ngôn ngữ, kỹ thuật siêu thực mà không lâu sau đó André Breton tán dương là một kiệt tác của trường thơ siêu thực. Nhưng nhà học giả Đức chuyên khảo về văn học Phi châu là Janheinz Jahn lại cho rằng chủ đích của Césaire có nhiều sự hợp lý và dẫn đo kỹ hơn là chỉ « đào sâu vào phần vô thức ». Khi Césaire sắp đặt những chữ chắc chắn trong một nghịch lý siêu thực hiển nhiên là cốt để phá vỡ những tập quán quen thuộc và làm chúng trở nên mới mẻ trở lại.

MẶC dù tư tưởng của Césaire bao gồm *Négritude*, nhưng kỹ thuật của ông không thể lẫn được là kỹ thuật siêu thực.

Trong khi đó những đề tài quen thuộc của Senghor thể hiện tính chất *Négritude* từng chữ một. Đối với Senghor, ông cần sống cả hai nền văn hóa, tình yêu sâu xa và sự hiểu biết của những gì là vĩ đại và lâu dài trong

sự thành tựu của Tây Phương, những gì mà chính ông gọi là « một nền văn hóa lai da đen và da trắng ».

Các đề tài này tuân tự xuất hiện trong những bài thơ ngắn tuyệt tác của Birago Diop, một thi sĩ đồng thời và đồng xứ sở với Senghor, mà ông đã sống tận xa vút Phi châu như một công chức nhà nước. Nhưng trong những vần thơ phần nộ và mạnh bạo của David Diop, thì không có chỗ cho lòng hoài hương dịu dàng hoặc sự dung thứ. Thơ của David Diop là sự xác nhận một cuộc chiến thắng không thương xót. Ông không *hy vọng* cho những sự việc tốt đẹp hơn, nhưng ông *điều khiển* chúng bởi quyền lực của ngôn từ, cũng như Agostinho Neto diễn tả về các đồn điền cà phê ở Angola. Nhưng vào năm 1960, một tai nạn phi cơ ở Dakar đã làm cho nền thi ca Phi châu mất đi một thiên tài lớn nhất của họ ; đó là cái chết của David Diop. Ông mất đi lúc mới được 33 tuổi. Nhà chuyên khảo văn học Phi châu có uy tín nhất là Gerald Moore đã cho rằng David Diop « là Mayakovsky của cuộc Cách mạng Phi châu » (1).

Với các thi sĩ Phi châu dùng Anh ngữ chúng ta hoàn toàn đi vào một thế giới khác, một thế giới sáng tạo rất ít biết đến khuynh hướng Négritude. Ta hãy nghe Ezekiel Mphahlele, một nhà văn Nam Phi : « Đối với chúng tôi trong những cộng đồng tạp chủng — — — Négritude chỉ là một lời nói hoa mỹ, một sự sùng bái » Để chế riễu thái độ Négritude, Wole Soy-

inka, một thi sĩ Nigeria đã viết : « Tôi không nghĩ rằng một con cọp phải chạy loanh quanh để tuyên bố cái cọp tính của nó (2) ». Đoạn kết của một bài tiểu luận đăng trên tạp chí *Encontro* năm 1961, Ezekiel Mphahlele lý luận rằng *négritude* đem đến một sự đáp lại quá chật hẹp trên lãnh vực của nó và vì thế « không phủ nhận dễ dàng cũng như không chấp nhận dễ dàng mà làm cho thơ hay được ». Thật ra, chúng ta phải nhìn nhận điều căn bản này : xác nhận rằng Cảm động là Da đen là điều căn bản cũng vớ vẩn như xác nhận rằng Da trắng là Trí thức. Lại nữa, thi ca Phi châu không chỉ loanh quanh trong những đề tài *négritude* hay siêu thực của Césaire, mà thật ra nó đã được đề cập đến một cách sâu rộng rất có chủ ý của những chủ nhân ông thuộc địa. Có gì lạ, Césaire, Damas và Senghor đã từng là nghị sĩ của Quốc hội Pháp. Ngoài đề tài có khuynh hướng *négritude* — — thi ca Phi châu trong vòng 30 năm trở lại đây đã phát triển rất dồi dào và đa dạng : từ đề tài kể lại các truyền thuyết và lịch sử Phi châu đến phong tục, dân ca và cảnh sắc của Phi châu cùng cố gắng diễn tả sự thử thách chính trị mà Phi châu đã trải qua trong hai mươi năm qua và hôm nay vẫn còn phải trải qua. Dần dà, trong những năm gần đây, thi ca Phi châu đã tìm thấy *chỗ đứng* của họ trong thi đàn quốc tế ; nếu có thể gọi

(1) Có dịp chúng tôi sẽ viết một bài về David Diop.

(2) *Tigritude*

một cách *trường*, *phái* thì ta có thể gọi thi ca Phi châu hiện đại là thi ca *nhân bản dân tộc tính*. Nhưng ở đâu cũng vậy — kể cả ở Việt Nam chúng ta — những vần thơ *nhân bản dân tộc tính* này thường bị những vần thơ đao to búa lớn, ngoại lai, rỗng tuếch bao phủ, trùm lấp. Đó là điều bi đát cho những thi nhân trót sinh ra ở một xứ sở được gọi là *nhược tiểu*. *Đất nước ngàn năm đất nước oi !* Song hành với những đề tài nói trên, chúng ta phải kể đến một đề tài khác không kém phần quan trọng làm cho thi ca Phi châu phong phú, đó là nguồn thơ ảm ức khơi dậy từ tình thần cách mạng. Dường như Sartre đã có viết trên *L'Orphée noir* cho rằng thi ca Phi châu là « thi ca cách mạng thực sự của thời đại chúng ta » Nếu cần phải đan cử thì chúng ta có thể nhắc lại David Diop... và một người đã chết cho cái gọi là *cách mạng*. Con người làm thơ ấy có tên là Patrice Emery Lumumba, từng là Thủ Tướng của Congo, (Léopoldville) bị ám sát vào khoảng tháng Hai năm 1961. Hãy nghe những vần thơ « cách mạng » của Lumumba, xuất bản sau khi ông chết :

« Hằng ngàn năm, Phi châu, người
khốn khổ như con thú

« Di hài người gió mang đi lang thang
khắp sa mạc

« Những kẻ hà hiếp người xây những
đền đài ma thuật sáng chói

« Đề giữ gìn linh hồn người, giữ gìn
sự thống khổ của người

.

« Người có quyền chết, người cũng có
thể khóc

.

« Bình minh đây rồi, hỡi anh em !
Bình minh ! Hãy nhìn vào mặt
chúng ta

« Một buổi sáng mới đã nhập vào
Phi châu cũ kỹ của chúng ta.

« Sự cô đơn của chúng ta hiện giờ sẽ
là đất, nước, những dòng sông vĩ đại.

« Phi châu nghèo khổ bị mất quyền
trong hằng ngàn năm.

« Những ánh đuốc dữ dội của mặt trời
sẽ chiếu đến chúng ta trở lại.

« Chúng sẽ làm khô ráo lệ trong mắt
và thấm qua trên mặt người

« Vào phút giây khi người phá vỡ
xiềng xích nặng nề

.

N G U Ò N thơ cách mạng này đòi cho Phi châu những giá trị truyền thống của nó và chống lại với những giá trị của Tây phương. Rất nhiều thi sĩ Phi châu đã ở một thời gian lâu dài ở Âu châu và thi ca của họ kể lại những kinh nghiệm Phi châu cho Âu châu, đôi khi như một sự phản kháng, đôi khi như lời hài hước và đôi khi chỉ là những đoạn thi ca trữ tình. Nhưng dĩ nhiên không phải tất cả những trận tuyến chánh trị và những sự biến đổi ở Phi châu đã sản xuất nên thi ca. Chẳng hạn như những cuộc tranh đấu ở Nam và Trung Phi châu hiện diện trong thi ca rất ít. Nhưng Thi ca Phi châu dính liền với chính trị, với lòng nhiệt thành của việc xây dựng những *tân*

quốc gia và đem đến sự thay đổi lớn lao cũng như những vấn đề quan trọng trong đời sống cá nhân của thi sĩ. Tuy nhiên, thi ca quan trọng nhất không nhất thiết luôn luôn phải dựa theo những tiêu chuẩn thông thường nào đã được coi như những chủ đề quan trọng nhất... và những chủ đề lớn lao chưa chắc luôn luôn sản sinh được những đại thi hào.

Theo triết gia Heidegger thì thi ca và nhất là yếu tính của thi ca, vượt lên trên bất cứ những đề tài dù quan trọng hay nhỏ nhoi, đề thiết lập cái tự thân của nó là yếu tính thi ca và yếu tính thi ca chính là ngôn từ được gợi dậy trong một hình thái sinh động như thời gian sẽ đến của nhà tiên tri.

Nói thế không phải cho rằng thi ca Phi châu hiện đại đã đến độ trưởng thành để khỏi phải ảnh hưởng đến các nhà thơ lớn của Âu châu. Gabriel Okara, chẳng hạn, đã ảnh hưởng sâu đậm thi hào Dylan Thomas và David Rubardi rõ ràng ảnh hưởng T.S. Eliot.

Hiện nay tại Nigeria và Ghana các thi sĩ như Wole Soyinka, John Pepper Clark, và Awoonor Williams v.v... đã được coi là những thi nhân theo chủ nghĩa chiết trung và họ cũng không ngần ngại chọn những ảnh hưởng của họ. Tác phẩm của họ hoàn toàn thoát ra ngoài tri giác; một tri giác mà Hopkins, Eliot, Pound, Yeats và Dylan Thomas, và những người khác, đã giúp lập thành khuôn mẫu. Nhưng họ biến

đổi những ảnh hưởng này bằng cảm giác mới của họ. Thi ca này không liên quan tới những điệu bộ đao to búa lớn hoặc với những sự bày tỏ tổng quát về chủng tộc đen, về cục diện văn hóa, sự tiêu vong của chủ nghĩa thuộc địa, v.v... Nó chỉ liên quan với kinh nghiệm khốc liệt của cá nhân nó lưu tâm và phản ánh lại những gì thuộc về tâm linh hơn là hùng biện và « công cộng ».

VẬY thì négritude chỉ là sự sai lầm và hành động cầu kỳ lập đi chẳng? Thiết nghĩ, tất cả những phong trào văn chương bao gồm một giới hạn của sự cầu kỳ và sự lựa chọn tự do. Nhưng điều nguy hiểm chủ yếu của phong trào négritude là họ biến vào trong tôn chủ nghĩa như một điều không thể dung thứ được và sự ngạo mạn, kiêu căng. Và với ý thức đó, nên ta không lạ gì khi Léon Damas, một trong ba tay kiện tướng của phong trào négritude, viết những vần thơ đầy vẻ khiêu khích, tự tôn vô lý như dưới đây :

« Da trắng sẽ không bao giờ là da đen
 « vì da đen là đẹp
 « và khôn ngoan là da đen
 « vì da đen là nhẫn nhục
 « và da đen là can đảm
 « vì kiên nhẫn là da đen
 « và da đen là như sắt
 « vì quyến rũ là da đen
 « và da đen là thần diệu
 « vì tình yêu là da đen

« và da đen là bước đi tự do
 « vì nhảy múa là da đen
 « và da đen là âm điệu
 « vì nghệ thuật là da đen
 « và da đen là chuyển động
 « vì tiếng cười là da đen
 « vì niềm vui là da đen
 « vì hòa bình là da đen
 « vì sự sống là da đen.

Chắc chắn nguồn thơ sâu thẳm, vang động, u uất của một Phi châu trong nỗi đau đớn trong, ngoài rời rã không phải và không thể nào là những vần thơ gào thét, phản kháng một cách vô lý như trên. Tiếng thơ chân chính là tiếng thơ bay dậy từ linh hồn rừng núi một âm vọng vừa mơ hồ vừa thao thiết như xương máu bồi hồi trở về nước mắt khổ đau hay trở về dòng sông miên man nghìn kiếp giữa muôn điệp khúc than van của lịch sử kêu gào. Như thế, ta dễ hiểu vị trí của phong trào *négritude* ở Phi châu cũng như của những « trường, phái » ở bất cứ đâu khác, quá lắm chúng chỉ là một tiếng thét, và một tiếng thét xa nguồn, càng gào thét càng lạc lõng, bởi vì chúng không hề tiêu biểu cho nơi chốn đã phát sinh nguồn suối thi ca : nghĩa là một tiếng thét vong bản trắng trợn.

NG HĨ rằng viết về thi ca Phi Châu hiện đại — một nền thi ca đang sinh sắc — không thể chỉ viết trong một bài ngắn và thiếu sót như thể này mà đủ được. Bởi thế, trước khi chấm dứt bài này chúng tôi xin mời quý bạn đọc thưởng thức vài

bài thơ chúng tôi lược dịch dưới đây để bạn đọc rộng đường phán đoán và nền thi ca còn mới lạ nhưng rất gần gũi với nỗi đau đớn chung của hoàn cảnh đất nước nhược tiểu. Một dịp khác, chúng tôi sẽ giới thiệu thêm về nền thi ca này.

PHẢN KHÁNG LẠI SỨC MẠNH

Người, cúi đầu, người, khóc la

Người, chết, như thế đó, một ngày không
biết tại sao

Người, chiến đấu, người nhún qua những
người khác

Người, dường như nụ cười không còn lâu
trên mắt

Người, người anh em tôi, mặt người đầy
sợ hãi và thống khổ

Hãy đứng dậy và la lên KHÔNG !

DAVID DIOP

PHI CHÂU

Phi châu Phi châu của tôi

Phi châu của những chiến sĩ kiêu hãnh trên

đồng cỏ mệnh mông tồ tiên truyền lại

Phi châu của bà tôi ca hát

Trên bờ sông xa vút của người

Tôi chưa bao giờ thấy người

Nhưng mặt tôi đầy dòng máu của người

Dòng máu đen đẹp đẽ của người tươi trên
khắp cánh đồng bao la

Máu của mồ hôi tuông chảy của người

Mồ hôi của công việc cực nhọc của người

Công việc cực nhọc của sự nô lệ của người

Sự nô lệ của những đứa bé của người

Phi châu hãy nói với tôi Phi châu

Có phải thực người cam chịu uốn lưng
khuyết phục như thế đó
Và nằm dưới sức đè nén của sự lẳng nhục ?

Cái lưng kia run rẩy với những lần roi bằm
tím

Nói dạ vâng trước ngọn roi trên những con
đường nóng cháy của buổi trưa ?

Lúc bấy giờ một giọng uy nghi trả lời tôi
« Đứa bé hăng hái trẻ trung và cây cường
trắng kia

Cây đó sự trưởng thành đó

Sự rực rỡ cô đơn giữa màu trắng và những
bông hoa tàn úa

Đó là Phi châu, Phi châu của người đã
trưởng thành

Trưởng thành một cách Kiên nhẫn và Kiên
quyết

Và dần dà hoa quả kết thành

Hương vị của tự do ».

DAVID DIOP (Senegal)

GIẤC MỘNG ẤU THỜI

Họ đã nghĩ như những chàng trai trẻ nghĩ
Của tình yêu, danh vọng vinh quang ;

Họ đã tìm như những người tuổi tác kiếm
tìm

Những câu chuyện tầm thường của đời
sống và câu chuyện quá cỡ

o o o

Họ đã hy vọng như những đứa bé hy vọng,

Đề chọn được đời sống vui thú ;

Và hiện giờ họ đi với những cái đầu cúi
thấp

Giống như những người bị ướt sũng
trong mưa.

RAPHAEL ARMATTOE

(Ghana)

ĐỜI SỐNG TRONG LÀNG CHÚNG TA

Trong ngôi làng nhỏ của chúng ta

Khi những người lớn tụ tập với nhau

Các cậu trai không được nhìn các cô gái

Và các cô gái không được nhìn các cậu trai

Bởi vì người lớn nói

Đó là điều không tốt.

Ngay cả khi đêm đến

Các cậu trai phải chơi riêng ra

Các cô gái phải chơi riêng ra.

Nhưng nhân tính thì yếu đuối

Vì thế nên các cô cậu gặp nhau..

Các cậu trai chơi trò cút bắt.

Và các cô gái chơi trò cút bắt.

Các cậu trai biết nơi các cô gái núp

Và các cô gái biết nơi các cậu trai núp.

Vì thế trong cuộc lẩn trốn và tìm kiếm của
chúng.

Các cậu trai tìm kiếm các cô gái

Các cô gái tìm kiếm các cậu trai,

Và đứa này hát cho đứa kia

Bài hát của tình yêu.

MARTEI MARKWEI (Ghana)

VĨNH BIỆT Ờ GIÂY PHÚT CHIA TAY

Mẹ tôi

(ôi những bà mẹ đen mà những đứa bé của
người đã khởi hành)

mẹ đã dạy con đợi chờ và hy vọng

như mẹ đã làm qua những giờ thảm khốc

Nhưng ở trong con

đời sống đã giết đi mỗi hy vọng huyền diệu
đó

Con không còn chờ đợi nữa

bởi con đã từng đợi chờ

Hy vọng là chính chúng tôi

những đứa bé của mẹ

đi về phía một niềm tin đường nuôi
sự sống

Chúng tôi những đứa bé trần trướng của
vùng đất hoang...

những đứa bé vô học ranh mãnh mà chúng
chơi với những trái banh bằng giẻ rách

trên những cánh đồng trong buổi trưa
chính chúng tôi

Đã được thuê để đốt cháy đời sống của chúng
tôi trên những cánh đồng cà phê

những đàn ông da đen ngu muội
mà họ phải tôn kính những tên da trắng

và sợ kẻ giàu sang

Chúng tôi là những đứa bé của mẹ ở một
phần tư quê hương

xơi mà đèn điện chưa bao giờ đi tới

những đàn ông chết vì say rượu,

đã bị bỏ lơ với âm điệu chết chóc của trống
tom tom

những đứa bé của mẹ

những kẻ đói

những kẻ khát

mà chúng xấu hổ khi gọi đến mẹ

mà chúng sợ hãi khi băng qua đường phố

mà chúng sợ hãi những người đàn ông

đó là chính chúng tôi

mỗi hy vọng của đời sống đã tìm lại được

AGOSTINHO NETO

(Angola)

ĐÀN BÀ

Trong chỗ nước mát lạnh của dòng sông

Chúng ta sẽ có cá to như thế

mà nó sẽ cho một dấu hiệu,

của sự cuối cùng của thế giới có lẽ

bởi vì chúng sẽ làm một sự cuối cùng của
người đàn bà

đàn bà mà họ trang hoàng những cánh đồng

đàn bà mà họ là hoa quả của đàn ông.

Con cá bay làm một cuộc cuối cùng của sự
tìm kiếm

bởi vì đàn bà là vàng của đàn ông

Khi nàng hát nàng mãi mãi có vẻ như

như âm điệu tuyệt vời của chiếc lục huyền
cầm

Khi nàng chết ,tôi sẽ cắt

tóc nàng để giải thoát tội lỗi cho tôi.

Tóc đàn bà sẽ là chiếc mền

bao phủ quan tài khi một nhà Nghệ sĩ khác

gọi tôi về Trời để vẽ tôi

Cặp vú đàn bà sẽ là gối của tôi

cặp mắt đàn bà sẽ mở lối cho tôi về trời

bụng đàn bà sẽ hiển dương sự sinh sản ra tôi
ở đó

và cái liếc nhìn của đàn bà sẽ bắt lấy tôi

Khi tôi đi lên Trời.

VALENTE MALANGATANA

(Mozambique)

(theo GERAL MOORE và ULLI BEIER)

MONG CHỒNG

HỒ HỮU TƯỜNG

LỜI DẪN CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN

TH Á N G tám năm 1953, tại giảng đường của trường Đại học Copenhagen, ngoài năm trăm nhân sĩ từ các phương trời của Phi, Á, Mỹ, Úc, Âu mà đến (giáo sư, bác học, văn sĩ, triết gia, chánh khách,..) còn có thêm mấy ngàn trí thức của kinh đô nước Đan Mạch. Tôi được mời đến để nói quan niệm của người Việt Nam đối với một cuộc thế chiến thứ ba. Xét mình nhỏ bé, đứng trước mấy ngàn người có thể gọi là tinh hoa của nhân loại, thêm chẳng được ai cử đến để thay lời của cả dân tộc Việt, tôi chẳng dám đại ngôn mà nêu ý thức hệ, vạch lập trường chánh trị, tuyên ngôn rầm rĩ chi cả. Khiêm tốn, tôi nói hần như vậy. Nhưng trót đã mang một cái chuông rè mà đánh ở xứ người chẳng lẽ chẳng rán lượm ít tiếng vỗ tay không phải chỉ cho riêng mình mà cho cả dân tộc ? Vì rán ấy, mà tôi đã phạm tội lớn; bởi đã dùng tiêu xảo của « bá đạo ».

Tiêu xảo thứ nhất là «chính tâm» của thanh giả giả ng lời : »... Thưa quý vị muốn biết quan niệm của người Việt mà tôi lại không đủ tư cách để làm thỏa mãn, nên tôi khổ não không biết. Âu là quý vị cho phép tôi đến xứ của Andersen mà kể một chuyện cổ tích, mặc dầu làm như vậy tôi khiếp sợ vô cùng...». Andersen, khắp thế giới ai cũng biết danh, là văn hào Đan Mạch, mà mỗi chuyện cổ tích là một hột kim cương lóng lánh. Nghe tôi nói như vậy tất cả thánh giả nhất là người Đan Mạch vỗ tay kịch liệt, chưa chắc để khen lời tôi nói hay mà chắc là để tỏ ý rằng mình muốn xem cái trò của kẻ xách rìu đến múa nơi xứ của thợ.

Tiêu xảo thứ hai, quá «bá đạo» là vận cớ, treo cánh một chuyện cổ tích của nước nhà cho nó ăn vào cái đề mà mấy ngàn thích giả đang đề ý. Chuyện cổ tích ấy ai cũng biết là sự tích «Hòn vọng phu». Mỗi tình ngang trái giữa hai anh em ruột dẫu có gì hấp dẫn ? Tôi bẻ cái đầu đề mà quăng đi; mà đem cái đầu đề khác lấp vào... cốt đề lãnh một tràng pháo tay kéo dài cả năm phút.

Vậy, trước khi kể chuyện này, tôi xin muôn vãn chịu tội với quý vị khảo cớ, vì cái thủ đoạn «bá đạo» ấy.

Ngày xưa...

TR Ư Ớ C công của một làng nọ, một đám trẻ tuổi năm, tuổi bảy, đang nỏ đùa chạy giỡn. Xa xa đó, một thằng con trai đang lui cui cắt cỏ, để đem về cho thỏ ăn. Khi nó ngược đứng dậy, thì vóc dáng nó độ mười hai tuổi và trong làng ai cũng biết nó là Kha.

Thình lình, từ xa, một toán người ph ngựa đến, đông không biết cơ man nào mà kể. Vó ngựa búng đất, làm cho bụi bay mịt trời, nên đám trẻ không biết họ là ai và ăn mặc thế nào, cầm gì trong tay. Chúng chưa kịp tránh sang bên lộ, thì đám người ngựa ào đến chém giết lung tung. Tiếng nạt nộ, hò hét lẫn với tiếng ngựa hí, tiếng khóc than, tiếng kêu trời, làm cho Kha khiếp sợ mất hồn, té trong đám cỏ mà bất tỉnh...

Sương lạnh ướt áo, làm cho chàng tỉnh dậy. Nhìn sao, nó thấy đã quá khuya. Đáng lẽ gà đã gáy chập đầu, nhưng chẳng có tiếng gà. Chỉ có tiếng tre cháy lộp bộp nổ và cả làng là một vùng lửa đỏ rực. Không còn người. Không còn thú. Không còn nhà. Đến cái lũy tre xanh cũng bị lửa cháy lan...

Từ đó, Kha rày đây mai đó, xin ăn ở mướn làm thuê. Tuổi quá hai mươi lăm, chẳng dành dụm được một món tiền. Lòng nhớ bà con, làng mạc, canh cánh. Chàng bèn lần lần trở về chốn cũ. Không còn cái gì là cũ cả. Người toàn là lạ. Nhà thầy đều mới. Đến cái lũy tre cũng thay đổi khác đi. Chàng xưng tên là Kha để hỏi thăm người quen, mà chẳng có ai quen cả. Chàng hỏi tên làng. Khi trước, chàng nghe người lớn nói với nhau làng này là Làng Hòa. Còn bây giờ tên không phải vậy. Tên là Hòa An. Chàng nghĩ ngờ mười mấy năm qua, trí nhớ của chàng không đủ sức giúp cho chàng tìm quê cũ. Chàng đến một gốc cây, ngồi nghỉ dưới bóng mát, cố tìm một cái mốc nào để phẳng cho gặp được người quen.

Có một thôn nữ quảy một đầy to tướng vừa trờ tới. Nàng đầu chít khăn mỏ quạ, ngực che yếm trắng, váy mặc màu nâu, hai vạc áo dài buộc nơi trước thân, thả lỏng thông lẫn lộn với hai mối đầu của sợi dây lưng lụa màu cánh sen. Nàng chừng như cũng mới, nên đặt đầy dưới gốc cây mà nghỉ. Kha gọi chuyện:

— Cô là người xứ này?

— Thưa ông, cũng phải mà cũng không. Tôi hồi nhỏ, đến bảy tuổi là người ở làng này. Thì giặc đến, giết người cướp của, bắt thú, đốt làng. Cả làng chết hết. Tôi lúc ấy chơi giỡn trước cổng làng, bị giặc chém nơi trán, té nhào bên ven lộ, chết giắc. Chúng tưởng tôi đã chết, không chém nữa. Sáng hôm sau, tôi tỉnh dậy, cả làng chỉ còn là đồng tro. Tôi mang cái mặt đầy máu me, với vết nơi trán mà đi ăn xin nơi khác...

Nói đến đây nàng mở khăn, chỉ cái sẹo to tướng nơi trán cho Kha xem. Rồi tiếp tục:

— Từ đó, tôi hết ăn xin, lại đi ở mướn. Đến chừng khôn lớn, có chút vốn, lãnh hàng vải lụa, mà đi bán dạo, để có dịp trở về quê cũ, mà tìm bốn người quen. Vì, thưa ông, tình quê hương không sao gột được.

— Và cô đã gặp ai chưa?

— Chưa. Tôi qua lại nơi đây hơn mười lần rồi, mà không gặp ai là người xưa cũ. Những người hiện ở đây, toàn là người xa lạ mà đến, không một ai biết truyền thống của làng.

TÊ N cũ của làng là làng Hoà, họ còn không biết thay, lựa họ biết được lời hát, câu hò, giọng ca, chuyện cổ tích mà tôi nghe từ thuở bé. Tôi đã trở nên là người xa lạ. Nhưng có một sức quyến rũ mãnh liệt

mỗi lần tôi quảy đày đi gần đây nó hút hai chơn tôi quá bước mà ghé đây. Hôm nay tôi gặp ông, mang mang đá như đá thấy ông lần nào, nên tôi dừng lại và muốn hỏi:

— Tôi là Kha đây ! Cô có nhớ không ?
Kha con của bà Dung nuôi thả ấy ! Còn có phải là Lan không ?

— Phải !

Hai người mừng quýnh, mừng cho đến nổi rơi lệ. Chàng kể mười mấy năm lưu lạc nằng thuật cảnh chật vật của mình. Chẳng còn có bức tường nào ngăn cách hai tâm hồn. Họ trao đổi ước mơ với nhau, rồi thành chồng vợ và yêu thương nhau đến nỗi ở xứ tôi không có thi sĩ nào có đủ tài mà tả tình yêu của cặp vợ chồng này cho nổi.,.

oOo

XỨ của tôi là xứ nhỏ bé, trước đây quý ngài chưa từng nghe tới tên bao giờ. Nước tôi lại ở cạnh một nước to lớn nhất trong thế giới, mà tên lại ở đầu mũi chót lưỡi của mỗi người. Và luôn luôn sự độc lập của dân tộc chúng tôi bị ông láng giềng khổng lồ đe dọa mãi. Và khi việc mà tôi kể đây xảy ra, thì nước tôi đang bị ách đô hộ của người phương Bắc. Còn ở làng Hoè nọ, có nhóm người toan nổi lên khởi nghĩa, thì cơ mưu bại lộ, nên toán quân nhà Đường kéo đến mà diệt cả làng, ngay cả tên làng. Và hết làng này, sang làng kia, dân tộc chúng tôi bắt khuất, chẳng ngừng tổ chức những cuộc khởi nghĩa nho nhỏ. Vì vậy mà giặc giã liên miên.

Hai vợ chồng Kha và Lan, bởi yêu nhau, vốn thấy là nạn nhân của giặc giã nên rủ nhau kéo vào núi, lựa vào chỗ trũng đất tốt, mà phá rừng trồng dâu nuôi tằm, kéo tơ, dệt lụa, rồi lâu lâu mang hàng xuống

chợ mà bán và mua gạo gánh vào núi, để sống một vài tháng. Tính rằng sống xa làng mạc có lẽ ít bị nạn của giặc giã. Một hôm hai vợ chồng cùng xuống chợ. Lan gặp một bà bán đủ thứ vật nhỏ nhỏ, xinh xinh mời nàng mua và nói :

— Mỗi người đàn bà đều nên bảo chồng chọn một vật mọn gọi là vật kỷ niệm. Khi chồng đi vắng, thì nhìn vào đó mà nhớ chồng khỏi phải tựa cửa mà ngóng trông.

Lan nghĩ mình luôn luôn ở bên chồng, nên không mua làm gì. Rồi nàng lại có một gái mà Kha đặt tên là Huệ. Khi Huệ được giáp thời nôi, thì chồng nàng lại đi xuống chợ mà bán lụa. Nhưng hôm ấy, Kha đi đã cách đêm mà không về. Lan ẩm Huệ leo lên chót núi, mà ngóng xuống đồng bằng. Vội vội, nàng thấy dường như người ta tập đề kéo đi đâu. Nàng nghĩ rằng Kha ở trong đám và đoàn người sẽ đi đánh giặc. Nhưng nàng không dám quyết vẫn ẩm Huệ đứng ở chót núi mà mong chồng về... Bởi nàng có món kỷ niệm nào để nhìn vào ?

Xứ tôi, trời nắng như đốt. Mặt trời; mỗi lần đi ngang, thấy đề các ánh mình dọi xuống, thì mẹ con Lan Huệ chịu sao nổi ? Mặt trời bèn dịu mát lại, bởi thương hại người vô tội nên không nỡ đốt. Thần mưa cỡi mây bay ngang qua sợ tưới nước xuống, ướt lạnh mẹ con nàng... Dân chúng thấy chẳng nắng chẳng mưa, mùa màng thất bát, bèn cầu nguyện tới Ngọc Hoàng.

Ngài bèn triệu các Thần đến hỏi. Các Thần đều tâu giống nhau. Hai mẹ con con có tội tình gì mà dọi ánh nắng đề đốt thiêu, tưới nước mưa đề cho rung lạnh ? Chỉ chờ cho chồng Lan về, thì nàng hết mongg, vào nhà, thì nắng mưa sẽ thuận hòa :

Ngọc Đế hỏi :

— Chồng nàng đi đâu mà nàng mong như vậy ?

Các Thần thấy sợ sệt, không dám tâu, vì lời tâu thế nào cũng có ý tránh móc đấng Sáng Tạo. Nhưng Thượng Đế vốn là toàn trí, hiểu ngay cơ sự Thượng Đế phán rằng :

— Loài người bảo ta toàn năng. Thế mà, khi tạo ra loài người, ta không ngăn được sự loài người say mê việc chém giết lẫn nhau. Ta mong một ngày kia, trong loài người xuất hiện được NGƯỜI làm nổi việc ấy. Còn bây giờ thì theo lòng thương hại của các Thần đối với mẹ con Lan Huệ. Ta truyền lệnh biển mẹ con nàng thành đá. Các

Thần mặc tình nắng, mưa. Đá vốn không sao với nắng mưa. Chừng nào NGƯỜI xuất hiện, mẹ con nàng sẽ hoàn trở lại làm người...

Q U Ý vị nếu đi tàu gần bờ biển xứ tôi các ngài sẽ thấy xa xa, có một hòn núi tạc hình một người mẹ ẵm con. Các ngài hiểu kỳ, hỏi người bản xứ, họ sẽ nói cho các ngài biết núi ấy tên là Hòn Vọng Phu. Bởi vì hơn một ngàn năm nay, Lan vẫn ẵm Huệ mà mong Kha về. Nhưng mà NGƯỜI chưa hiện ra, thì Kha một đi, biết bao giờ trở lại ?

giữ thơm quê mẹ

TẬP SAN VĂN NGHỆ SỐ 9

PHÁT HÀNH NGÀY 1.3.1966

VỚI NHIỀU BÀI VỞ ĐẶC SẮC

phạm công thiện

BA Ý TƯỢNG SIÊU HÌNH HỌC

1

NHỮNG lực lượng vô hình đã tàn phá nước Việt Nam. Đó là những lực lượng nào ? và tại sao gọi là vô hình ? và thái độ của con người thời đại đối với vô hình như thế nào ? Người ta thường bủi môi chối bỏ *vô hình* vì cho rằng đó là một cái gì trừu tượng, không cụ thể, không thực tiễn. Vậy thì trừu tượng, không cụ thể, không thực tiễn có phải là *xấu* không ? Và *xấu* là gì ? Và khi đặt lên câu hỏi *xấu* là gì là tự nhiên chúng ta đã bị đưa vào thế giới trừu tượng, không cụ thể, không thực tiễn, nói tóm lại là thế

giới *vô hình*. Tại sao con người thời đại đều quý trọng đến *hữu hình, xác thực, thực tế, cụ thể* ? Tinh thần ấy là tinh thần gì ? Ngay cả những người Phật tử đã vô tình hiểu sai dụng ý của đức Phật và cứ cố gắng trích mãi một câu chuyện ngụ ngôn của đức Phật về chuyện một người bị tên, vấn đề đặt ra không phải là cấp bách cứu người bị tên bắn. Đó là *bon sens*. Vấn đề cấp bách là phải biết mũi tên đã được bắn từ đâu ? Từ cõi nào, từ hướng nào mà không thấy hình tượng trong hiện cảnh, như vậy cõi ấy ở ngoài hình ảnh một người bị tên bắn hiện nay, mà, trong danh từ triết học cõi ở ngoài

hình ảnh hiện tại được gọi là *cõi siêu hình*. (1)

Như thế muốn giải quyết trận chiến tranh hiện nay ở Việt-Nam, không thể chỉ giải quyết bằng bom đạn, bằng vũ lực hoặc bằng cái đối nghịch lại... Phải đặt lại một nền tảng *siêu hình* và từ nền tảng ấy mới có thể thiết lập lại *cõi hữu hình*, tức là tình cảnh bi đát của nước Việt-Nam hiện nay ?

Và nền tảng siêu hình ấy là nền tảng nào ? Tôi xin nêu ra câu hỏi và chờ đợi sự đối thoại tính ngôn. Tôi đã có dịp làm sáng tỏ vấn đề trên trong việc tổ cáo sự thao túng của thể điệu tiền tượng — *représentation* (mà Heidegger gọi là « *das vorstellen* ») trong một bài tôi viết bằng Anh ngữ cho tập *Dialogue* (nh.x.b.L.B. 1965) nhan đề là « The ontological background of the present war in VN ».

2

Khi đặt lên câu hỏi về sự *tác dụng* của siêu hình học, vân vân... là đã bị lôi vào một bối cảnh siêu hình đặc biệt nào đó rồi.

Tại sao lại bắt buộc phải hỏi về *tác dụng* của — thay gì về *vô tác dụng* của — tại sao không thể có thứ *passion de l'inutile* của Jean Giono chẳng hạn

3

TÌNH yêu ban đầu có thể coi — phải được coi như là việc sáng tạo ý nghĩa

(danh từ triết Đức gọi là *Sinn*) ; lần đầu tiên, người con trai (hay con gái) yêu đương là lần đầu tiên họ bắt đầu bị đánh lạc vào *thế giới ý nghĩa* (S. I. Hayakawa gọi thế giới này là « the verbal world ») một cách mãnh liệt và bi đát nhất. Hẳn tự tạo ra một *ý nghĩa* và hẳn đặt sự *tương quan « thiên nhiên »* giữa *ý nghĩa*, (tức là lời) và người yêu (tức là thực thể hay thực tính), nói một cách khác, người con trai *yếu ý nghĩa*, chứ không phải yêu người yêu ; nói một cách khác nữa, người con trai yêu *lời* chứ không yêu *thực tính thể* (yêu lời — nói theo Heidegger thì có nghĩa là bị rơi vào *bavardage*, mà chữ Đức gọi là *Gerede*)

Hai người yêu đi đến với nhau không phải bằng « tính ngôn » hay « Nguyên ngôn » (*Ursprache*) mà bằng « hình ngôn » hay « thể ngôn » (*Sprache*). Do đó sự tính cảm đã bị đánh mất. Đó cũng là lý do để cắt nghĩa tại sao tất cả những mối tình đầu đầu đổ vỡ từ tính nguyên — *fondement* (*Grund*), vì không

Chú Thích (1) « *siêu hình* » và « *siêu hình học* » là những tiếng đã bị bôi nhọ. Hơn nữa dịch « *métaphysique* » là « *siêu hình* » hay « *siêu hình học* » là dịch sai, vì chính chữ « *hình* » đã là « *siêu hình* » rồi vì « *hình* » là *siêu thực* (danh từ triết Đức gọi hình là *Bild*. Xin đọc cuốn *Holzwege* của Heidegger). Tôi xin đề nghị dịch chữ « *Métaphysique* » là « *Siêu thể học* », nghĩa là vượt lên trên thể và tính thể để trở về *Tính* (*Sein*) của Heidegger hay về *Chân Ngôn* (*Logos*) của *Héraclite* (mà Heidegger gọi là *ontologique* theo nghĩa *Uyên nguyên* là nổi lên đồng hóa *Sein* với *Logos*, vì thể *ontologique* nên dịch là tính ngôn) (chữ *Hy Lạp* : *to on* : tính *Logos* : ngôn).

có sự nối liền (*Fugen*) giữa ngôn ngữ và tính — *Matt fondement*, Heidegger gọi là *Bodenlosigkeit*.

SỰ nối liền ấy, Heidegger gọi là *Fugen* đứng trên bình diện *Sein* ; còn Jaspers gọi là *Verbindlichkeit*, đó cũng là vai trò cốt yếu của *Vernunft* theo nghĩa của Jaspers (cf. K. Jaspers, *Von der Wahrheit* Piper, 1947 pp. 113, 114, 115, 131) hay (cf. K. Jaspers, *Philosophie* 2e ed. Springer, 1948, 275).

Chất tính của Tình yêu là đợi. Tình yêu có hai loại : tình yêu *mong đợi* và tình yêu *chờ đợi*. Tình yêu chờ đợi là tình yêu nối liền, còn tình yêu mong đợi là tình yêu mất sự nối liền. Tình yêu chờ đợi là tình yêu về tính (tức là *tính ái*) ; còn tình yêu mong đợi là tình yêu về thể (tức là *thể ái*). Chờ đợi là không chờ đợi cái gì cả ; còn mong đợi là mong đợi một cái gì rõ ràng ; mong đợi có đối tượng ; còn chờ đợi không có đối tượng, vì chính đối tượng của nó đã là sự chờ đợi rồi. Tình yêu mong đợi mất tính nguyên ; còn tình yêu chờ đợi nằm trên tính nguyên (*Grund*), nhưng vượt lên trên cả hai thứ tình yêu này là tình yêu không *chờ* không *mong* ; tình yêu này là tình yêu giải thoát hay giải thoát tình yêu : tình yêu yêu này hủy diệt *eros* và *agape* ; tình yêu

không *mong* không *chờ* là tình yêu vượt lên trên *thể ái* và *tính ái*.

— thể ái : quên mất tính nguyên.

— tính ái : tìm lại tính nguyên (*Grund*)

Còn tình yêu vượt lên trên *thể ái* và *tính ái* thì gọi là *vô ái*.

Vô ái phá hủy *Tính Nguyên* và nhảy vào *nguyên huyết*. Nói theo danh từ triết học Đức thì phá hủy *Grund* để nhảy vào *Abgrund*.

Triết lý của Heidegger đánh dấu sự tìm về *tính nguyên* ; Heidegger tiêu diệt hai ngàn năm triết lý Tây phương để chuẩn bị cho ngày mai xuất hiện,

Ngày mai ấy sẽ không bao giờ xuất hiện.

Do đó, triết lý của chúng ta phải là *Triết lý Hồ Thắm*.

Hồ Thắm tiêu diệt Tính và Thời.

Hay nói khác đi thì Hồ Thắm (*Abgrund*) tiêu diệt *Sein* và *Zeit*.

Vô ái sẽ xuất hiện cùng lúc với *Vô ưu* và *vô ưu* cùng lúc với *vô tâm* và *vô tâm* cùng lúc với *vô trước* ; sau cùng, *vô trước* cũng có nghĩa là *vô ngôn*.

VÀ bởi vì *vô ngôn* cho nên ba ý tưởng siêu hình học chấm dứt nơi đây.

chính ba

PHO TƯỢNG LINH MAI

người

TRÂM.— Thiếu phụ có học thức, 26 tuổi.

HANH.— Em Trâm, sinh viên, 22 tuổi.

NHÃ.— Điều khắc gia, 30 tuổi

4 người đàn ông mặc sắc phục Cảnh sát, chia hai tốp:

— 2 người có thể là cảnh sát giả

— 2 người có thể là Cảnh sát thật

cảnh

Phòng khách khá sang trọng, trong một căn phố ở Thị xã Biên Hòa. Góc phòng nằm sâu vào đáy sân khấu, do hai bức tường màu vôi hồng nhạt chắn góc 120°. Tường bên trái có cửa sổ buồng màn voan mỏng màu vàng cam, kê sát tường một radio-meuble cao độ 1 thước, trên radio có bức ảnh bán thân của một sĩ quan Không quân trạc 30 tuổi; nối theo radio một ghế sofa bọc nệm đỏ. Tường bên phải treo bức tranh sơn dầu của phái họa trừu tượng, kết hợp nhiều màu đen và đỏ, đặt dọc chân tường một tủ sách thấp, chứa độ vài mươi cuốn bìa da mạ vàng nằm nghiêng ngả, xô lệch, trên tủ có một mẫu phi cơ phản lực nhỏ, mũi nghếch lên cao. Giữa sân khấu là bộ salon cùng màu với chiếc sofa, gồm 2 ghế dựa quay lưng vào tủ sách và một chiếc bàn con, phủ vải thêu trắng trên bàn có bình hoa lay—on màu hồng nhung, bên trong bộ salon, gần góc tường, dựng pho tượng mỹ nữ khỏa thân bằng thạch cao, lớn như người thật.

Một tia nắng quái buổi chiều lọt qua màn cửa sổ rọi vào phòng xiêng 45.0 Độ xiêng hạ thấp dần, ánh nắng cũng nhạt dần.

HỒI 1

MỞ MÀN : Hạnh ngồi thu mình trong ghế salon, mặc bộ pyjama màu hoa lý, viền đen. Tóc uốn cao, không chải, để lộ chiếc cổ dài, trắng. Người tròn trịa, đầy đặn, da hơi xanh. Hừng hờ lật tờ tuần báo. Từ máy thu thanh phát ra điệu vọng cổ thâm sâu. Nàng vút tờ báo xuống bàn, vội đi chân trần đến tắt máy thu thanh, đúng lúc ca sĩ đang ngon đà xuống câu «ly ơ ơ tình»

HẠNH : (càu nhàu : khóc mãi thế này trời !). Trở về chiếc ghế, cầm tờ báo lên toan mở ra, lại ném xuống, lần chân vào dép, đến mở máy thu thanh. Xoay mau chiếc nút bắt đài. Từng tràng tiếng hú của máy, và những điệu nhạc kịch động cắt xén nhau vang lên chói tai. Cau có tắt máy rồi một mối, chán nản ngã mình trên chiếc ghế sofa .

Từ hậu trường tiếng phản lực cò rú lên mỗi lúc một to. Nàng đưa tay ôm đầu.

TRÂM : (Vào từ phía bên phải sân khấu. Mặc pyjama màu rượu chát đỏ viền trắng. Hai tay bịt tai. Mặt nhăn nhó khó chịu. Tóc uốn dài đồ lòa xoa xuống vai, che khuất nửa mặt. Da trắng bệch, không trang điểm, nhưng đẹp cách u buồn và cao quý. Mắt to, tròn, sâu, có quầng thâm, hiện rõ vẻ bệnh hoạn về tâm thần. Nàng buống người trên ghế salon, đầu gục xuống, hai tay vẫn ôm chặt mang tai. Tiếng máy bay xa dần. Nàng rút tay xoa mạnh trên ấn đường,

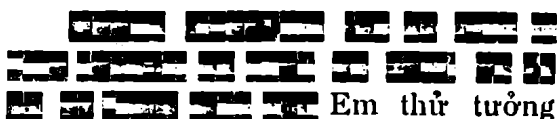
vuốt xuống cằm, rồi chấp tréo mười ngón lại, duỗi lật bàn tay về đằng trước, đưa ngược ra phía sau đầu, mình uốn ngửa trên ghế. Thở dài) Thế này thì đến phải điên mất thôi !

HẠNH : (ngửa mặt lên trần) Hay chúng mình trở về Saigon hờ chị ? Vùng này gần phi trường quá, nhà lại ở ngay dưới vòng lượn của máy bay, không thể nào chịu nổi đâu.

TRÂM : (lắc đầu trầm giọng) Ở đây tiện đường cho anh Sơn đi về. Vả lại dưới trời này trốn đâu cho khỏi tiếng rú của máy bay, tiếng gầm của bom đạn, tiếng rít của chiến xa...

HẠNH : (vẫn ngửa mặt lên trần, trầm giọng) Tiếng rên của đất, tiếng than của cỏ cây, tiếng thở dài của con sông, tiếng nức nở của lòng mình, tiếng gọi chơi vơi của người yêu trong những làn gió từ các mặt trận thổi về...

TRÂM : (cười héo hắt) Em lại làm thơ rồi ! Sau này có thành thi sĩ thì phải nhớ ơn chú Hải đấy nhé ! Anh chàng họa sĩ của em có lẽ giờ này đang bấm cò súng vẽ tranh lập thể trên da thịt kẻ thù.

 Em thử tưởng tượng những bức tranh ấy như thế nào !

Nắng tắt trên cửa sổ. Căn phòng còn ánh sáng lơ mơ. Những đồ vật màu đỏ hiện vẻ quái đản

HẠNH: (ngồi bật dậy, hai tay bùm mặt) Em thấy rồi, không cần phải tưởng tượng. Em thấy hàng chục bức tranh đồ trên bờ sông Saigon. Bọn cuồng sát chỉ cần nổ hai khối plastic thôi, bao nhiêu là bức tranh được vẽ ra. Bây giờ thì em thấy nhan nhản khắp nơi. Trên đỉnh màn, trên trần nhà, trong ly nước, trong chén cơm, trong hai bàn tay, nhắm mắt cũng thấy mà mở mắt cũng thấy. (buông tay ra, nhìn Trám) Em thấy cả trên người chị nữa kìa! Trời! sao chị mặc bộ đồ đỏ! (Đứng dậy, nhìn Trám, kinh hãi; Trám cũng đứng dậy nhìn theo cái nhìn của Hạnh, kinh hãi theo nỗi kinh hãi của Hạnh) Sao chị lại thích màu đỏ quá thế! (Đưa tay chỉ quanh). Cái gì cũng đỏ! Cái gì cũng đỏ! (chỉ vào bức tranh) Như một vũng máu! Rõ ràng là một vũng máu trên đường Bạch Đằng hôm ấy! (thấp giọng). Tiếng nổ thứ nhất em ngã xuống, bất tỉnh. Tiếng nổ thứ hai đánh thức em dậy. Em thấy vũng máu này. (thở hỗn hển). Nó làm nền cho cái đầu của con Xuân. Con bạn em không còn là Mộng Xuân nữa, nó thành bức tranh lập thể.

Tiếng phi cơ rú to và gần lại, lẫn với tiếng đại bác nổ xa xa. Hai chị em dlu nhau ngồi xuống ghế. Mãi đến khi dứt hết những tiếng đó, Trám mới đứng dậy.

TRÁM: (cúi xuống rút bó hoa đỏ trong bình, đi về phía cửa sổ) Em đại quá, gọi ra làm gì cái hình ảnh khủng khiếp ấy. Em đang dưỡng bệnh, ư

cần yên tĩnh tâm hồn, cần phải quên (vén màn đem ném hoa ra ngoài)

HẠNH: (vội đến bên Trám níu tay chị, giằng lấy bó hoa, giọng tỉnh táo) Vô ích chị Hạnh ạ! Chị đâu có thể vứt hết những đồ đạc trong nhà này. Chị cũng không thể nào xóa hết được những vũng máu đỏ, những đồng thịt người nhầy nhựa trong ký ức của em! Chị cũng đã nói không làm sao tránh được những thứ tiếng khủng khiếp (cắm hoa vào bình) có lẽ em không cần phải quên, vì thực ra muốn quên...

TRÁM: Nhưng... dù sao cũng chẳng nên gọi những hình ảnh đó ra làm gì.

HẠNH: (đưa má mơn trớn những đóa hoa) Có lẽ cũng nên chị ạ! Đề tập làm quen với nó để bớt khiếp sợ nó, cho tới lúc mình lấy nó làm nệm làm chăn, làm màn, đem cả nó vào giấc mộng. Sống chung đụng với sự thật không thêm trốn tránh nữa. Trong hoàn cảnh của chị, chị cũng phải chọn thái độ ấy. Chị phải nhận thức rằng anh Sơn đã chết rồi (Trám nhìn Hạnh sưng sốt)

TRÁM: (Đứng lên, giọng trách móc) Em điên hử Hạnh! Em có hiểu em vừa nói gì không?

HẠNH: (nhìn Trám thương hại) Bốn tháng rồi còn gì! Chị vẫn chưa

dám nhìn thẳng vào sự thật đó sao ?
Chị vẫn chưa tin anh Sơn đã chết sao ?

TRÂM : (ngồi ghé trên tay ghế của Hạnh, ồm ồm em vào lòng, vuốt tóc, giọng thương xót) Thật khổ cho em ! Sự ra đi của Hải và tai nạn trên bờ sông Saigon đã làm điên đảo tâm trí em rồi. Em mất cả ý niệm về thời gian. Em cố nhớ lại xem, có phải anh Sơn vừa chia tay chúng ta vào buổi sáng ngày hôm kia không ? Máy trục trục hay thời tiết xấu, phi cơ phải đáp xuống một phi trường xa xôi nào đó, là chuyện thường !

HẠNH : (úp mặt trên đùi Trâm, khóc nức nở) Suốt mấy tháng rồi, em không giúp được gì cho chị cả ! Chị vẫn không thoát khỏi trạng thái thác loạn kỳ ức...

Tiếng phi cơ từ xa vọng lại.

TRÂM : Lặng im ! Đề chị nghe thử nào ! (Lắng nghe tiếng máy bay, rồi gở nhẹ Hạnh ra, đến bên cửa sổ, tay trán vào song cửa, nhìn ra ngoài trời) Đúng là tiếng máy bay 2 động cơ của anh Sơn

Tiếng máy bay réo gần, trời xa, rồi lặng im đột ngột. Hạnh vẫn gục đầu trên ghế khóc.

TRÂM : (quay đầu vào trong) Hạnh ơi ! Em dám đánh cuộc với chị không nào ! Chỉ chốc nửa thôi, anh Sơn về đến nhà. Anh đã đáp xuống phi trường rồi đó (vào phòng, cúi xuống chiếc bàn nhỏ, sửa lại những cành hoa).

— HỒI 2 —

Tiếng dấy cửa phía trái sân khấu một người đàn ông đột ngột tiến vào,

Trạc 30 tuổi, tóc lòa xòa không chải, mặt dài ốm, hai lông mày cao, mắt thụt sâu. Người gầy rạc. Mặc sơ mi xám bỏ vào quần, không có thắt lưng, chân đi dép.

TRÂM : quay phắt người lại, reo lên) Anh Sơn, anh Sơn ! (chạy bỏ đến ôm người đàn ông) Em biết chắc đến giờ này thì anh về !

HẠNH : (hỏi to) Phải anh Sơn không ? (chạy vào góc phòng bật đèn).

NGƯỜI ĐÀN ÔNG : Ừ, Sơn đây !

Căn phòng bật sáng. Trâm huơng người đàn ông, kinh ngạc lùi lại.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG : (Trầm giọng) Mà có lý nào tôi lại là Sơn (ra dáng suy nghĩ, rồi lắc đầu) Không, tôi không phải Sơn, tôi là Nhã chứ !...Ừ phải tôi là Nhã.

Trâm lùi mãi, chân chạm phải chiếc ghế cạnh pho tượng thì ngồi xuống. Hạnh bước vòng ra sau lưng ghế của Trâm, hai tay tỳ vào vai chị.

HẠNH : (hướng về người đàn ông, cao giọng) Ông là ai ? Vào đây làm gì mà đường đột quá vậy ?

NHÃ : (cười khì) Tôi là ai, tôi đã nói rồi. Còn vào đây làm gì thì... (đưa tay bóp trán, thấp giọng) Tôi vào đây làm gì nhỉ : Ừ, vào đây làm gì.... (vỗ bẹp vào trán, cười) À, thăm thẳng Sơn

TRÂM : Sơn nào ?

NHÃ : Thế Sơn ở nhà này là Sơn nào ?

HẠNH : (gần giọng) Còn ông muốn tìm Sơn nào ?

NHÃ (ngồi xuống ghế sofa, tay ngắt một nụ hoa trong bình, đưa lên mũi ngửi) Hẳn đi đâu rồi ? (vứt hoa xuống nền)

TRÁM : (gắt) Ai ?

LÊ NHÃ : (bình thản) Mai Ngọc Sơn, họa sĩ, rồi sĩ quan không quân. Bây giờ nó là gì, Thiếu úy, Trung úy hay Đại úy ? (nhìn Trám rồi Hạnh). Trong hai cô ai là Trám ? Hà Bích Trám đẹp duyên cùng cậu Mai Ngọc Sơn...? Không biết từ hồi nào và ở đâu, tôi có nhận được thiệp báo hỷ của hai người mà không đến chia vui được.

TRÁM : (đứng lên, ngượng ngịu cố vui vẻ) Thế ra anh là Lê Nhã (Nhã hững hờ đưa mắt nhìn quanh phòng) Chúng tôi vì sợ hãi mà đâm ra vô lễ với anh quá... Nhà tôi vẫn nhắc đến anh mãi...

NHÃ ; (chợt đứng lên hướng về góc phòng, sợ hãi) Trời ! Linh-mai ! lùi lại, rồi với chụp lấy bình hoa trên bàn, thẳng tay ném vút vào pho tượng, phải đập vỡ nó ra phải ngiên nát nó đi.

Bình vỡ loảng xoảng, nước bắn tung toé, vài cành hoa vò tỉnh vương lại trên cánh tay pho tượng. Trám và Hạnh kinh hoàng lùi ra phía sau lưng ghế.

TRÁM : (lớn tiếng) Anh Nhã, anh làm sao thế ?

Nhã, dáo dác nhìn khắp phòng, rồi xông đến tủ sách, toan chụp chiếc máy bay trên đầu tủ, mắt vẫn trông chừng pho tượng.

HẠNH : (vội đứng án trước tủ sách quát) Chuyện gì vậy ? Anh điên sao ?

NHÃ : Ấy chết ! Đừng nói tới tiếng ấy chứ ! (lo sợ nhìn quanh, thấp giọng) Bọn giám thị nghe được thì phiền đấy ! (trở lại chỗ ngồi, mắt lăm lét, hết nhìn ra cửa lại nhìn pho tượng)

TRÁM : (ngạc nhiên) Anh nói gì vậy ? Tiếng gì ? Bọn giám thị nào ? Ở đâu ?

NHÃ : Tiếng điên, khủng. Những tiếng gở như thế cấm nói đấy (ngáp ngừng một chút) Trong xưởng điêu khắc của tôi có cả hằng trăm người... nên phải đặt hẳn một bọn giám thị để kiểm soát lời ăn tiếng nói, nhân đấy kiểm soát luôn cả việc làm.

HẠNH (cười to) Thật hết hiểu nổi rồi ! Anh khôi hài mà y như là thật vậy

NHÃ : Tinh tôi thế. Mỗi hơi thở có ngụ một ý khôi hài.

TRÁM : Thật lạ lùng ! Dễ chừng hành động của anh vừa rồi cũng là một lỗi khôi hài đấy hẳn.

NHÃ : Không, chuyện vừa rồi không khôi hài chút nào ! Cái gì có dính dáng nghệ thuật thì tôi nghiêm chỉnh lắm (đứng dậy hướng vào pho tượng) Phải đập vỡ nó ra ! Cho tôi xin một thanh sắt hay một khúc củi cũng được... (xăm xăm đi về phía bên phải sân khấu) tôi sẽ giải thích sau.

Trám và Hạnh vội theo Nhã, kéo hẳn về chỗ ngồi, rồi trở lại ghế của mình.

TRÁM : Một tuyệt tác phẩm như thế sao anh lại nỡ muốn phá đi ? Anh Sơn vẫn gọi nó là *Vénus de Milo* của nền nghệ thuật Á châu đấy.

NHÃ : Thế... Sơn nó không nói cho chị biết lai lịch của pho tượng này sao ?

HẠNH : Có nói là tác phẩm duy nhất của anh từ sau ngày về nước. Nói anh là một thiên tài, đã từng được *Prix de Rome*. Anh có hai bàn tay của Michel Ange, có óc sáng tạo của Rodin (cười). Nhưng không nói anh có bộ thần kinh của Van Gogh.

NHÃ : (cười xòa) Cô này nói chuyện nghe hay đấy ! Tuy rằng cô nói bậy (đưa hai tay kéo hai vành tai lên) Nếu tôi có bộ thần kinh của Van Gogh thì làm sao còn đủ hai vành tai nguyên lành như thế này (cả ba người cùng cười)

TRÁM ; (quay sang Hạnh) Em quên mời anh Nhã dùng nước. (Quay sang Nhã) Trong khi ngồi chờ anh Sơn về, anh nói cho chúng tôi nghe lai lịch pho tượng *Linh Mai*. Trong đó có lẽ có lý do để anh muốn hủy phá nó ?

HẠNH : (đi hút về phía phải sân khấu, nói với ra) Hãy khoan đã ! Đợi em mang nước ra rồi hãy nói.

NHÃ : (nhìn pho tượng) Dài dòng lắm, mà tôi thì không có thì giờ. Tôi phải trốn về Saigon ngay bây giờ.

TRÁM : (trở mắt) Sao anh phải trốn ? Có chuyện gì thế !

NHÃ : (lúng túng) Không, không có chuyện gì cả. Nói trốn là nói một cách khôi hài đó mà.

HẠNH ; (vừa vào đến, đặt cái đĩa có ba cốc nước xuống bàn) Mời anh. (trở lại ngồi, nhìn **LÊ NHÃ** chờ đợi câu chuyện)

NHÃ : (nốc cạn một cốc nước, giơ chiếc cốc lên cao, đón bắt, úp xuống đĩa : bùng liền cốc thứ hai, rồi thứ ba, đều làm như thế ; Trám và Hạnh đưa mắt nhìn nhau, nhíu mày vừa mỉm cười) Khát quá ! Chạy bán sống bán chết hàng ba bốn cây số. Khát quá. Uống thế mới đã khát. (cười)

HẠNH : (lo lắng) Vì sao mà chạy dữ vậy ?

NHÃ : Nói chạy cũng là nói một cách khôi hài. Xin cứ yên tâm (Đột ngột) Các chị về ở đây được bao lâu rồi ?

TRÁM : Từ ngày lấy anh Sơn, đã hơn một năm nay. Còn Hạnh thì (quay sang Hạnh) mới 1 tuần nay em nhỉ ?

HẠNH : (như nói riêng với Nhã) đã hơn bốn tháng rồi, từ ngày anh Sơn chết...

TRÁM : Hạnh, em...

NHÃ : (cười to) Có thể chứ ! Thế mới là tư thái của *Triết nhân* ! Thế mới biết thế nào là «ba thu dọn lại một ngày

dài ghê». Bốn tháng bằng một tuần thẳng Sơn sống cũng là thẳng Sơn đã chết. Lấy lòng mình mà đo thời gian, lấy lòng mình mà định sự sống chết cho kẻ khác (lại cười) Ngồi nói chuyện với mấy người như thế này thì không lấy gì làm xấu hổ cả. Khen cho thẳng Sơn biết chọn người tri kỷ ! (Đứng lên, đến thùng radio lấy bức chân dung của Sơn, ngắm nghía, quay sang nhìn bức trên vách, rồi ngó lại khung cảnh) Cái này không giống thẳng Sơn bằng cái kia (bỏ bức ảnh nằm ngửa trên mặt thùng chỉ tay về bức tranh) Nó sống trong đó, nó chết ở đây (dừng đứng bức ảnh lên ngồi vào ghế) Còn tôi thì không sống mà cũng không chết, từ một năm nay rồi, tôi ở giữa hai trạng thái ấy, tôi ở trong cái trạng thái gọi là X. Không có một quyền lực nào hại được tôi (đứng lên đến gần pho tượng) Thế thì tôi không đại gì mà sợ con ma này (sờ và nhìn sát vào vai bức tượng) Lúc này tôi đã làm xẽ mình nó rồi ! Tôi nghiệp !... Nếu nó không tự làm lành lại được thì hôm nào tôi lấy thạch cao vá lại cho nó. (Trở lại ghế ngồi nhìn dò xét Trám và Hạnh) Vừa rồi tôi nói gì mà nhiều thế nhỉ ? Hai chị nghĩ về tôi ra sao ?

TRÁM : (mỉm cười) Anh sơn lắm lúc còn nói nhiều hơn anh, nhưng cái về kỹ bí khó hiểu thì kém anh một tí.

HẠNH : Anh không có về gì đáng ghê sợ như lúc mới vào. Cũng không đáng ghét. (cười) Nếu anh chịu khó kể rõ tiểu sử của Linh Mai thì tôi có cảm tình với anh là đằng khác.

NHẢ : (ngắt mặt cười to) Cần quái gì thứ cảm tình của các cô ! (ngó Hạnh) Ấy đừng giận nhé ! Tôi nghĩ thầm như thế, chứ nói ra thì phải nói khác. Tôi nói tôi cần tình thương yêu của hết thấy mọi người. Và vì vậy mà tôi xin chiều ý cô kể chuyện Linh Mai.

Muốn nói tới Linh Mai thì phải nói về người yêu của tôi trước. Tôi gặp Kim Chi thì yêu ngay. Vì nàng đẹp, nếu viết chữ đẹp này ra thì phải viết hoa cả đầu lẫn đuôi, và viết bằng sừng bằng khó chứ không viết bằng bút Paker được. Vẽ đẹp đó rất xa cách mỹ thuật, nó vượt lên trên mỹ thuật, tôi gọi là siêu mỹ thuật. Trước vẽ đẹp đó, mở mắt thật to cũng không thấy, mà mang kính tốt cũng không thấy, phải nhắm mắt lại, hoặc là ngủ hử đi thì mới thấy được. Còn tôi thì tôi thấy tất, thấy rất rõ, vì lúc nào tôi cũng nhắm mắt, (đứng dậy cúi mình đưa mắt tới gần Trám và Hạnh) Nhìn kỹ xem, đừng nhìn cái bề ngoài, nhìn sâu vào trong mới thấy cái cách nhắm mắt của tôi như thế nào. (ngồi xuống) Nghĩa là mắt tôi nhắm lại dưới hình thức mắt tôi mở ra...

TRÁM : (cười) Phải nhận rằng đòi mắt anh kỳ quặc. Nhưng...

NHẢ : (khoa tay) Đừng ! Đừng nói gì cả lúc tôi nói chuyện, tôi không muốn ai chen vào. Tôi đâu nhĩ ? ... À... nếu tôi tạc một bức tượng thật đẹp đúng theo hình ảnh siêu mỹ thuật của Kim Chi thì chẳng ai thưởng thức nổi, vì mắt ai cũng mở ra nhìn, mà không nhìn thấy chi cả. Không thể lấy

Kim Chi làm mẫu cho loại tác phẩm dành cho người đời, tôi phải đi tìm một vẻ đẹp phẩm tục. Kẻ phẩm tục mà đẹp thật phẩm tục thì rất khó tìm. Một hôm tình cờ đứng xem Sơn nó vẽ tranh tĩnh vật, tôi bỗng thấy một cô gái hiện ra trên cành mai làm mẫu của Sơn. (chỉ pho tượng) Đó, nàng hiện ra như vậy đó, nhưng sống động hơn và nụ cười có hồn hơn. Tôi ra dấu mời nàng theo về xưởng điêu khắc của tôi, nàng vâng lời. Cái xưởng đó ở sau căn nhà này, chỉ cách xưởng vẽ của Sơn một tấm vách. Bây giờ có còn không ?

TRÁM : Còn nguyên vẹn. Chúng tôi không dời đổi một món đồ nào của anh. Khóa cửa kỹ. Thỉnh thoảng chỉ vào để quét dọn bụi bặm...

NHÃ : (vui) Tốt, tốt ! Thế nào cũng có ngày tôi trở lại làm việc. Tôi sẽ..

HẠNH : (thúc dục) Nàng theo anh về xưởng rồi sao nữa ? Tiếp đi !

NHÃ ; Hồ đất sét vừa ngấm nước đều, vừa đúng cái độ dẻo cần thiết. Nàng thì tự động lên đứng trên bục, đứng y như vậy đó, tôi khỏi phải sửa đổi gì hết. Vốc đất sét ra, tôi yên lặng say sưa làm việc. Cả hai tuyệt nhiên không nói gì với nhau. Từ đó bất cứ giờ nào vào xưởng tôi cũng thấy có nàng đứng đó rồi. Chỉ nửa tháng thì xong. (lật ngửa chiếc cốc trong đĩa, chỉ cho Hạnh, toan nói tiếp)

HẠNH : (bưng đĩa đứng dậy, một tay đưa ngón trỏ đề lên môi) Suyt ! đợi tôi ra đã. (mỉm cười đi vội vào nhà trong)

TRÁM : (đăm đăm nhìn pho tượng đầu khế gập gù, chột hời) Suốt nửa tháng có tâm tình gì với nhau không ?

NHÃ : (nhại lại cử chỉ của Hạnh) Suyt ! (lắc đầu)

Hạnh mang ba cốc nước đề lên bàn, im lặng ngồi vào ghế.

NHÃ : (uống vội, đặt cốc xuống đĩa, hai tay nâng trán, cùi tay tỳ trên đầu gối, lặng im chột ngắc dây) tôi đầu rồi nhỉ ?

HẠNH : Hoàn thành pho tượng rồi !

NHÃ : Chưa ! Còn phải làm khuôn sáp và đúc thạch cao nữa. Một tháng sau mới xong. Thì vừa lúc Kim Chi đến thăm. Tôi đưa nàng vào xưởng để giới thiệu nàng với Linh Mai. Tôi quên nói Linh Mai là cái tên do Sơn đặt cho. Cố nhiên là Kim Chi phải khen ngợi, và hôn tôi cạnh bên pho tượng. Thình lình cánh tay phải của Linh Mai gây ra, bổ mạnh vào trán Kim Chi đến chảy máu. Vết thương không nặng, nhưng dấu sẹo cho tới nay hãy còn.

Một luồng gió tung màn cửa sổ thổi tạt vào phòng, mấy cành hoa vương trên tay pho tượng dong đưa rồi rơi xuống nền chạm phải những mảnh thủy tinh vỡ gây ra những tiếng động lạ tai. Cả ba người giật mình. Trám rời chiếc ghế cạnh pho tượng sang ngồi chung 1 ghế với Hạnh. Nhã vội nhồm lên bưng cốc nước, rồi ngồi xê ra đầu cùng chiếc sofa.

NHÃ : Tôi mang cánh tay gãy đặt dưới chân pho tượng định ngày mai sẽ gắn lại. Nhưng sáng hôm sau thì thấy cánh tay đã được gắn liền vào pho tượng như cũ rồi.

TRÂM ; (trố mắt) Ai gắn ?

NHÃ : (sè giữa hai bàn tay, rùn vai) Kim Chi sợ quá, bỏ về Saigon. Đêm đó tôi khó ngủ thao thức mãi đến nửa đêm mới chợp mắt được. Lúc gần sáng, tôi có cảm tưởng như có người nằm chung giường với mình, đoán là Sơn đi chơi về, lười giăng màn nên chui đại vào giường tôi. Việc đó vẫn thường có. Tôi cứ đánh thẳng giấc cho tới sáng. Không ngờ lúc mở mắt ra lại thấy cô ta nằm gối đầu trên tay tôi. Tôi hét lên một tiếng rồi chết giấc.

HẠNH : (Sửng sốt) Pho tượng này nằm trên giường anh ?

TRÂM : Nghĩa là nó phải đi từ xưởng đến phòng ngủ ở tận...

NHÃ : Trên lầu này (chỉ tay lên trần) Thế mới đáng cho mình chết giấc đi chứ ! Lúc tỉnh dậy, tôi thấy Sơn đang ỉ-ạch mang pho tượng đi ra cửa phòng (uống cạn một cốc nước) Ngay sáng hôm đó, chúng tôi đập nát pho tượng rồi dẫn nhau đi Dalat, ngót ba tuần mới trở về

HẠNH : Thấy pho tượng ra sao ?

NHÃ : Ghê gớm thay, pho tượng đã lạnh lặn. Nó nằm úp mặt vào chiếc gối lên giường tôi. Chiếc gối ướt sũng nước mắt.

HẠNH : Nước mắt ?

NHÃ : Chứ gì ? Chúng tôi đánh bỏ hoang căn nhà này. Cuốn gói về Saigon.

TRÂM : Thế bây giờ anh làm gì ?

NHÃ : Tôi vẫn làm nghề của tôi. Ở tại xưởng điêu khắc của tôi, cách đây chừng 3, 4 cây số.

TRÂM : Anh có còn nhớ pho tượng đó không ?

NHÃ : (cười) Ồ, đương nhiên rồi. Đó là pho tượng đầu tiên tôi làm. Nó đã đi qua bao nhiêu gian khổ. Tôi nhớ nó như nhớ một người bạn. Nó đã đi qua bao nhiêu gian khổ. Tôi nhớ nó như nhớ một người bạn.

TRÂM : Anh có còn nhớ pho tượng đó không ?

NHÃ : (cười) Ồ, đương nhiên rồi. Đó là pho tượng đầu tiên tôi làm. Nó đã đi qua bao nhiêu gian khổ. Tôi nhớ nó như nhớ một người bạn. Nó đã đi qua bao nhiêu gian khổ. Tôi nhớ nó như nhớ một người bạn.

— HỒI 3 —

Đột nhiên, 2 viên cảnh sát từ bên trái, tiến vào sân khấu. Phục sức y hệt như những cảnh sát viên ta thường thấy, chỉ có một điểm khác là chân đi dép Nhật, cả hai chìa súng về phía Lê Nhã.

CẢNH SÁT A : *(quát)* Đứng dậy đưa tay lên !

CẢNH SÁT B : *(cười gằn theo điệu cải lương)* Rục rịch tao bắn nát óc bây giờ !

(Nhã hoảng hốt đứng dậy, riu riu đưa tay lên, mặt thất sắc. Trám và Hạnh sợ hãi đi lùi vào góc bên phải.

CẢNH SÁT A : *(hướng về Trám và Hạnh)* xin hai cô đừng sợ chúng tôi. Kể đáng sợ là tên này (mũi súng nhịp nhịp về phía Nhã) Hắn là một thằng điên hạng nặng, hung dữ như gấu chó đã từng giết chết hai người đồng bệnh. Hôm nay lại phá phòng giam trốn đi.

CẢNH SÁT B : *(nói với Nhã)* Đã thế, người lại dám xâm nhập gia cư trái phép. Ta sẽ bắt người về bắt đánh cho một trận, rồi đưa ra tòa để cho người đền tội trước pháp luật.

TRÁM : *(bớt sợ hãi, bước đến gần 2 cảnh sát)* Thưa hai ông...

CẢNH SÁT A : Đừng e ngại gì cả. Nếu nó đã vô lễ với hai cô, hoặc đã phá phách đồ đạc trong nhà này thì xin hai cô cứ cho chúng tôi biết. Tôi sẽ bắn nó ngay tại đây, cho hai cô vừa lòng.

TRÁM : Xin lỗi hai ông. Hai ông đã lầm chăng ? Người này là LÊ NHÃ bạn thân của chúng tôi, có điên khùng chi đâu ! Đang nói chuyện vui vẻ với chúng tôi thì hai ông vào !

CẢNH SÁT A : *(cười to lắc đầu)* Không thể làm được cô ạ ! Nó ở Xà lim số 24B, đối diện với xà lim của

hai đứa tôi, tôi thấy nó mỗi ngày mà làm sao được !

HẠNH : *(vội kéo Trám lùi lại, thoàng nhìn xuống chân 2 viên cảnh sát)* Phải rồi, đúng rồi ! Hai ông ở xa lim đối diện với anh Nhã đây, thì hai ông không thể nào làm được. Xin hai ông cứ dẫn anh Nhã về bót đi.

CẢNH SÁT B : *(với A)* Giờ này còn xe về Saigon không mấy ?

CẢNH SÁT A : Hết xe thì đi bộ. Mệt thì bắt taxi này công.

TRÁM : *(ngạc nhiên)* Sao hai ông lại...

HẠNH : *(vội kéo vai Trám, ra dấu bảo đừng nói, rồi nhỏ giọng)* Chị cần thận đấy ! Hình như chúng nó điên.

Từ hậu trường bỗng có tiếng còi thổi, tiếng người chộn rộn, lẫn tiếng kèn-rú của xe cảnh sát. Các thứ tiếng to lên dần.

NHÃ : *(bỗng cười to)* Hai thằng ngu ! Bọn lính đi với giám thị tới tóm cổ hết bây giờ ! Không chịu chạy đi sao ?

Hai cảnh sát tái mặt, hốt hoảng rút súng vào túi quần, đồng la lên : Chạy mau ! Chạy mau ! rồi phóng ra cửa.

NHÃ : *(chạy theo hai cảnh sát, đến cửa bỗng trở vào)* Hai chị đóng cửa lại giùm, đừng cho Linh-Mai nó chạy theo tôi. *(quay ra chạy luôn)*

TRÁM : *(thở mệt, vịn vào vai Hạnh đi loạng choạng đến ghế salon, gieo mình xuống, bàng hoàng)* Thế là thế nào ! ?

HẠNH : Thế là diễn hết !

TRÂM : Lê Nhã thế mà diễn sao ?

HẠNH : Thế mới là diễn

TRÂM : Hai người cảnh sát...

HẠNH : Không phải cảnh sát, hai người diễn.

TRÂM : Còn câu chuyện về pho tượng Linh Mai của Lê Nhã, em nghĩ sao ?

HẠNH : Em đang tự hỏi, vì câu chuyện đó mà Lê Nhã diễn, hay vì Lê Nhã diễn mà có câu chuyện đó. Em còn nghĩ đến,, (ngừng ngang, lắng nghe)

Ngoài những tiếng động ồn ào kéo dài từ này đến giờ, lại có thêm tiếng giày của nhiều người chạy gần đến. Chợt hai người cảnh sát tiến vào, tay cầm ma trắc, lưng mang súng, y phục chỉnh tề. Trâm và Hạnh đứng dậy, lùi vào góc phòng.

CẢNH SÁT 1 : Thưa hai cô, hình như có một bọn diễn vào nhà này ?

TRÂM : Một người tên Lê Nhã và hai viên Cảnh Sát, không rõ họ có diễn không

CẢNH SÁT 2 : (nói ra cửa) Anh em cần thận ! Có ba t bằng trong nhà này

HẠNH : (vội vã to) Không, không Họ chạy ra cả rồi ! Trước đây chừng 3 phút.

CẢNH SÁT 1 : Còn nói có hai Cảnh sát ?

TRÂM : Vâng

CẢNH SÁT 1 : Có súng không ?

HẠNH : Có, cả hai.

CẢNH SÁT 2 : Trước đây 3 phút ? Về ngã nào ?

HẠNH : (lắc đầu) không rõ

CẢNH SÁT 2 : xin cảm ơn (đi vội ra cửa ?

CẢNH SÁT 1 : (toan theo, chợt dừng lại) xin hai cô thận trọng gài cửa kỹ lưỡng. Đừng mở cho ai vào cả. Bọn diễn sống ra nhiều lắm. Toàn là bọn hung dữ... nguy hiểm lắm !

TRÂM : (thắc mắc) Làm sao lại có Cảnh sát trong ấy nữa ?

CẢNH SÁT 1 (cười) Chúng xong ra thỉnh linh bắt trời bốn người Cảnh sát gác trong nhà thương điên, lột hết quần áo, mặc vào, giả dạng Cảnh sát đi trốn.

HẠNH : Thế là có 4 tên giả Cảnh sát ?

CẢNH SÁT 1 : Bốn tên, có hai tên không mang giày. Còn hai tên kia thì trang phục đầy đủ như chúng tôi.

HẠNH : (đột ngột) Thế ông ở xà lim số mấy ? 24 B hay 24 A ?

CẢNH SÁT 1 ; (cười thật thà) Không, tôi gác ở cửa nhà thương. Có hỏi chỉ lạ vậy ?

TRÂM : Xin lỗi ông ! (cười) Em tôi nó hơi ngờ ngẩn đấy ! (nhìn Hạnh cười kín đáo) Các ông đi lòng kiếm thế này nhọc lắm nhĩ ?

CẢNH SÁT 1 : (kể lể) Khổ lắm ! Năm nào cũng vậy, cứ đến mấy ngày

gần tết thì chúng nó tỉnh táo lại để mưu toan trốn ra ngoài. Năm nay chúng lại lựa đúng cái đêm 30 tết này khiến cả một vùng không ai dám mở cửa rước ông bà. Từ đầu hôm tới giờ chúng tôi chỉ tóm lại được có phân nữa. Kiểu này thì phải thức tới sáng (lắc đầu cười khó khăn) Thôi, xin chào! À, sẵn đây năm mới chúc hai cô mạnh giỏi (đi ra khỏi cửa còn nói vọng vào) Đóng cửa chặt lại đi hai cô !

HẠNH : (đi ra cửa) Em đóng cửa.

TRÂM : (dừng lên) Đừng, đừng em để cửa cho anh Sơn về.

Hạnh vẫn đi khuất về phía trái sân khấu. Tiếng cửa đóng. Tiếng then cài Trâm hơi bực tức ngồi xuống ghế.

HẠNH : (từ cửa vào ngồi đối diện Trâm) Đóng lại mới bớt lo (thấp, buồn) Anh Sơn có về thì thế nào cũng gọi. Em mở ngay.

TRÂM : (chợt) Hẳn cũng điên sao ?

HẠNH : Chị nói ai ?

TRÂM : Người Cảnh sát vừa rồi.

HẠNH : (bật cười) Có lẽ không.

TRÂM : Sao hẳn nói đêm nay là hai mươi chín tết.

HẠNH : (trầm ngâm) Có lẽ 29 tết thật !

TRÂM : Em nói chi lạ vậy ! Chị vừa ăn bánh trưng thu với anh Sơn vào tuần trước đây mà ?

HẠNH : (thật buồn, như muốn khóc) Thế thì hẳn cũng điên rồi !

TRÂM : (giọng xa xôi) Không cần đến tết mới ăn tết. Có anh Sơn về thì có tết. Những ngày có anh Sơn là mùa xuân.

HẠNH : (bật khóc) Còn mùa xuân của em...

TRÂM : (vuốt tóc em, thương xót) thì cố nhiên phải có Hải.

HẠNH : Chưa đủ ! Phải có mùa xuân của chị nữa

Bống có tiếng gõ cửa.

TRÂM : (vội chạy về phía cửa, reo) Anh Sơn ! Anh Sơn về !

HẠNH : (theo niu giữ Trâm lại, hỏi to) Ai ? tiếng gõ cửa

HẠNH : (thật to) Ai ?

Vẫn tiếng gõ cửa

HẠNH : (to đến lạc giọng) Ai ?

Tiếng gõ cửa nhạt hơn.

Hai chị em kinh hãi lùi lại, lùi mãi vào góc phòng. Hạnh với tay lên tường tắt đèn. Sân khấu tối sầm lại,

Một luồng ánh sáng đỏ bầm, thật yếu, từ bên trái rọi vào hình ảnh sau cùng của vở kịch : Trâm và Hạnh đứng ôm nhau, run sợ, cạnh pho tượng Linh Mai.

Màn từ từ hạ giữa lúc tiếng gõ cửa dồn dập, tiếng súng đại bác ầm ầm ở xa, và tiếng phi cơ tuần thám âm vang đều đều.

tóc • tóc • tóc • tóc • tóc

WILLIAM FAULKNER

CON bé đó, con bé Susan Reed đó, là một đứa bé mồ côi. Nó sống với một gia đình tên là Burchett, mà họ đã có hơn vài đứa con, hai hoặc hơn ba gì đó. Một vài người nói rằng Susan là cháu gái hoặc em họ hoặc là gì đó; những người khác căn cứ vào sự phi báng thông thường trong đặc tính của Burchett và cả của bà Burchett; ông biết mà. Những người đàn bà này phần đông là vậy.

Con bé vào khoảng lên năm lúc Hawkshaw đến tỉnh lần thứ nhất. Đó là mùa hè đầu tiên của y ở phía sau cái ghế trong tiệm hớt tóc của Maxey mà bà Burchett đã mang Susan vào tiệm lần thứ nhất. Maxey đã nói với tôi về việc y và các người thợ hớt tóc khác đã nhìn bà Burchett đây cố gắng trong ba ngày ra sao để dẫn Susan (lúc bấy giờ nó là một con bé gầy ốm, với cặp mắt

to lớn hoảng sợ và ngay thẳng này, tóc mềm mại không vàng nhạt và cũng không đen) vào trong tiệm. Và Maxey đã nói làm thế nào sau đó Hawkshaw ra phố và làm quen với con bé vào khoảng mười lăm phút cho đến khi y dắt con bé vào tiệm và ngồi trong ghế của y—y là người không bao giờ nói nhiều hơn tiếng có hoặc không với bất cứ người đàn ông hoặc đàn bà nào trong tỉnh, chưa hề có một ai thấy việc này bao giờ. «Là thái quá nếu không giống như Hawkshaw đang đợi chờ con bé bất thần tới», Maxey nói với tôi.

Đó là lần cắt tóc đầu tiên của nó. Hawkshaw cắt tóc nó, và con bé ngồi đó dưới tám vài choàng y như một con thỏ bé hoảng sợ. Nhưng sáu tháng sau con bé đến tiệm

một mình và để Hawkshaw cắt tóc nó, vẫn còn trông như một con thỏ già nhỏ bé, với cái mặt hoảng sợ và cặp mắt to lớn nọ và tóc bên trên tấm vải nọ không biết phải gọi bất cứ tên đặc biệt nào. Nếu Hawkshaw mắc bận, Maxey nói rằng con bé sẽ vào và ngồi trên cái băng, đợi gần cái ghế y với cặp chân duỗi thẳng trước mặt nó cho đến khi Hawkshaw hót xong. Maxey nói họ nhìn nhận con bé là khách hàng của Hawkshaw đồng thời như thế con bé là một khách hàng đã cạo mặt trong đêm thứ bảy. Ông nói rằng một lần bác phó cạo khác là Matt Fox, đòi cắt tóc con bé trong khi Hawkshaw mắc bận, và lúc đó Hawkshaw ngược nhìn lên, như một tia chớp. «Tôi sẽ xong nội trong một phút mà», y nói. «Tôi sẽ sẵn sóc cho nó,» Maxey nói với tôi lúc bấy giờ Hawkshaw đã làm việc cho ông gần một năm, nhưng đó là lần thứ nhất, bởi ông chưa bao giờ nghe y nói giọng quả quyết về bất cứ việc gì.

MÙ A thu năm đó con bé bắt đầu đến trường. Mỗi buổi sáng và trưa con bé sẽ phải đi qua tiệm hớt. Nó vẫn còn e thẹn đi thật nhanh như các đứa gái khác với cái đầu vàng sậm của nó lướt qua ngang với cánh cửa sổ và nhanh như nó trượt trên nước đá. Thoạt tiên, con bé luôn luôn đi một mình, nhưng chẳng bao lâu đầu nó sẽ lơ nhố trong những cái đầu khác, tất cả đều nói chuyện, không nhìn tới cửa sổ gì cả, và Hawkshaw đang đứng trong cửa sổ nhìn ra ngoài. Maxey nói ông ta và Matt sẽ không phải xem đồng hồ gì cả mà cũng nói đúng lúc nào là tám giờ và ba giờ kém năm bởi vì họ cứ nhìn Hawkshaw là đủ hiểu. Y sẽ rất thích thú đứng đó nơi cạnh cửa sổ một cách vô tâm và nhìn ra ngoài vào giờ những đứa học trò bắt đầu đi qua. Khi con bé

phải đến tiệm để cắt tóc, Hawkshaw sẽ tặng cho nó hai hoặc ba viên kẹo bạc hà trong khi y chỉ cho các đứa trẻ khác đúng có mỗi một viên. Maxey nói với tôi.

Không; đó là Matt Fox, bác phó cạo khác nói với tôi việc đó. Hẳn ta là người đã nói với tôi về con búp bê mà Hawkshaw cho con bé trong dịp lễ Giáng sinh. Tôi không biết làm thế nào hẳn tìm ra được việc đó. Hawkshaw không bao giờ nói với hẳn. Nhưng hẳn đã biết một vài chuyện; hẳn biết nhiều về Hawkshaw hơn là Maxey đã biết. Chính Matt là một người đàn ông đã kết hôn. Một mẫu người béo mập, yếu đuối, với cái mặt nom như bột và cặp mắt trông như một mối hoặc buồn rầu — một cái gì đó. Một người vui tính và gần như là một bác phó cạo giỏi như Hawkshaw. Hẳn cũng không bao giờ nói nhiều và tôi không hiểu làm sao hẳn có thể biết nhiều về Hawkshaw đến như thế, trong khi mọi người nói nhiều cũng không thể biết gì mấy về y. Tôi cho rằng có thể là một người nói nhiều không có thì giờ để mãi miết quan tâm về bất cứ điều gì trừ những lời nói

Dù sao, Matt đã nói với tôi về việc Hawkshaw tặng quà cho con bé mỗi cuộc lễ Giáng sinh như thế nào, ngay cả sau khi con bé đã là một cô gái lớn. Cô bé vẫn còn đến với y, chiếc ghế của y. Và y nhìn cô bé mỗi buổi sáng và buổi trưa khi cô bé đi lại từ trường học. Một cô gái lớn và cô ta không còn e thẹn gì nữa.

Bạn không nên cho rằng cô ta là cô gái thông thường. Cô ta đã lớn nhanh chóng. Quá nhanh. Đó là điều phiền phức. Một vài người nói rằng vì là một đứa trẻ mồ côi và đó là tất cả. Nhưng không phải điều đó. Những cô gái thì khác với các cậu trai.

Những cô gái sinh ra là bị đứt sữa và những đứa con trai không bao giờ được

dứt sữa. Bạn xem một người già sáu mươi tuổi và là cả một sự đầy ải nếu ông lão sẽ không được đi trở lại chiếc xe bốn bánh đầy trẻ em mà lại giữ vẻ bình tĩnh như không.

Điều đó không phải lỗi cô ta. Việc đó không có bất cứ điều gì như là một người đàn bà sinh ra xấu xa ở trong họ. Có điều là, đã đề họ kết hôn trước khi sự xấu đứnẽ đầu một cách tự nhiên. Nhưng chúng ta cố gắng làm cho hợp với một hệ thống mà cho rằng một người đàn bà không thể kết hôn cho đến khi cô ta đạt đến một số tuổi nhất định. Và tự nhiên, đừng chú ý đến hệ thống nào hãy để tự các bà đề ý lấy, hoặc với bất cứ việc gì khác. Nàng chỉ có mỗi một điều là lớn nhanh quá. Nàng đã đạt đến cái điểm mà nơi bản chất xấu xa đứng đầu trước hệ thống cho rằng đó là thời gian để cho nàng làm như thế. Tôi cho rằng họ không thể làm gì được. Chính tôi đã có một đứa con gái và tôi nói như thế đó.

NHỮU vậy nên nàng là thế. Matt đã nói với tôi họ đã tính ra và nàng ông thể có hơn mười ba khi bà Burchett quất nàng một ngày nọ vì dùng son phấn, và trong suốt năm đó, hắn nói, họ sẽ thấy nàng cùng với hai hoặc ba cô gái khác cười sằng sặc ầm vang trên đường phố suốt những giờ mà lẽ ra chúng phải ở nhà trường ; vẫn gầy, với tóc đó vẫn không vàng nhạt và không đen, cái mặt nàng như bánh ngọt với son phấn cho đến khi ông sẽ phải nghĩ rằng nó sẽ gãy nứt trông giống như bùn khô khi nàng cười, với thứ vài bông hạc xoàng và ăn mặc như thể đó một đứa con nít mười ba tuổi lẽ ra phải mặc quần áo có dây đai và lê gót pho trương những gì mà nàng không nên phô trương, như các cô gái lớn hơn đã làm như thế với quần áo lụa và nhiều của họ và chung chung như vậy

Matt nói hắn đã nhìn thấy nàng một ngày nọ đi qua, khi đó bỗng nhiên hắn nhận thấy nàng, hắn nhận ra rằng nàng không bao giờ có mang vớ dài gì cả. Hắn nói hắn nghĩ về việc đó và hắn nói hắn không thể nhớ rằng nàng luôn luôn mang vớ dài trong mùa hè, cho đến khi hắn nhận ra những gì hắn đã chú ý là không thiếu đôi vớ dài, nhưng cặp chân nàng thì giống như cặp chân của một người đàn bà : một thiếu phụ. Và nàng chỉ mới có mười ba tuổi thôi.

Tôi nói nàng không thể tự giúp nàng được. Việc đó không là lỗi của nàng. Và nó cũng không phải lỗi của gia đình Burchett. Tại sao, không một ai có thể dụ dỗ như vậy đối với họ, những kẻ xấu xa, những người mà sự bất hạnh đến trong đầu quá sớm, như những gã đàn ông. Hãy xem cách thức của họ—vất cả những người đàn ông trong tỉnh—đối xử với Hawkshaw. Ngay cả sau khi người ta đã biết rõ cuộc câu chuyện đã bắt đầu, không có lấy một người của bọn họ nói trước mặt Hawkshaw. Tôi đoán rằng họ nghĩ y đã biết rồi, đã nghe một vài câu chuyện, nhưng bất cứ lần nào họ nói về nàng ở trong tiệm, là trong lúc Hawkshaw không có ở đó. Và tôi đoán những người đàn ông khác cũng vậy, bởi vì không có lấy một người trong bọn họ chưa hề thấy Hawkshaw ở cửa sổ, chăm chú nhìn nàng khi nàng đi qua, hoặc nhìn nàng trên đường phố ; việc ân cần xảy ra là lúc cuốn phim chấm dứt khi rạp xi nê mở cửa và nàng sẽ ra ngoài với vài người ; bắt đầu đi với họ trước khi nàng mười bốn. Người ta nói nàng sẽ phải lên ra ngoài và gặp bọn chúng như thế nào và lên vô nhà trở lại với bà Burchett, mà bà tưởng rằng nàng ở nhà của một cô bạn gái.

HỌ không bao giờ nói về nàng trước mặt Hawkshaw. Họ sẽ đợi đến khi y đi khỏi, đi ăn cơm, hoặc một trong những

kỳ nghỉ hai tuần lễ nợ của y trong tháng Tư mà không bao giờ bắt cứ người nào có thể tìm ra nơi y đến hay bất cứ việc gì khác. Nhưng y sẽ đi biệt và họ sẽ nhìn cô gái đi quanh quần với vẻ băn khoăn; bị bắt buộc phải vào trong nhà sớm hơn hoặc sau đó, như thể Burchett không nghe một chuyện gì trước đó. Nàng đã bỏ học một năm trước đây. Bởi vì trong một năm Burchett và bà Burchett tưởng rằng nàng sẽ tiếp tục đi đến trường mỗi ngày, ngay cả những khi nàng không có ở nhà. Một vài người—có thể là một trong những cậu học sinh trung học, nhưng nàng không hề vẽ bất cứ dòng nào : những cậu học sinh, những người đàn ông có vợ, bất cứ một ai — sẽ cho nàng một tờ học bạ mỗi tháng và chính nàng sẽ ghi đầy vào đó và đem về nhà cho bà Burchett ký tên. Ma xui quỉ dục hay sao mà những người họ yêu một người đàn bà lại để y thị lừa gạt họ.

Bởi thế nàng bỏ trường học và đi làm việc trong cửa tiệm mười xu. Nàng sẽ đến tiệm để cắt tóc, tất cả đầy màu sắc trong một bộ quần áo hơi mỏng, màu sắc lờ lợt phô trương thân hình nàng với cái mặt ưa nhìn, bạo dạn và bỗng nhiên đâm ra thận trọng, và tóc nàng dính lại và xoắn về trước mặt nàng. Nhưng ngay cả bộ đồ nàng mặc nó cũng không thể đòi cái màu da vàng nâu đó. Tóc nàng cũng không thay đổi gì cả. Nàng sẽ không luôn luôn đi đến cái ghế của Hawkshaw. Ngay cả khi cái ghế của y trống, thỉnh thoảng nàng sẽ ngồi trên cái ghế khác, nói chuyện với các bác phó cạo, làm ồn cả tiệm lên và mùi thơm nước hoa và chân nàng duỗi thẳng ra ở dưới tấm vải. Lúc bấy giờ Hawkshaw không nhìn đến nàng. Cả đến lúc y không mắc bận, y có một cách nhìn như nhau : chăm chú và nhìn xuống trông như y chứng tỏ sự bận rộn của mình.

LÀM sao mà y đã rời khỏi hai tuần lễ trước đây trong kỳ nghỉ tháng Tư của y, một cuộc du hành bí mật mà người ta phải đành bỏ sự cố gắng tìm ra nơi y đến mười năm trước đây. Tới đến Jefferson hai ngày sau khi y đã ra đi và tới ở trong tiệm. Họ đang nói về y và nàng.

«Y vẫn còn tặng nàng quà Giáng sinh chứ ? » Tôi nói.

« Y đã mua cho nàng cái đồng hồ đeo tay hai năm trước đây ». Matt Fox nói.
« Trả sáu mươi đô la cho cái đồng hồ đó ».

Maxey đang cạo một khách hàng. Hẳn đứng lại, con dao cạo trên tay hẳn ta, lưỡi dao đầy bọt xà phòng. « Vâng, tôi sẽ không khi nào bằng lòng », hẳn nói. « Rồi y phải— Ông đoán y là người thứ nhất, người thứ mà — »

Matt không nhìn xung quanh. « Cho tới bây giờ y không tặng nó cho nàng » hẳn nói.

« A, cái mặt đồng hồ keo cú thì giờ » Maxey nói : « Bất cứ lão già nào mà lừa gạt một cô gái thì lão ta thật là tệ hại. Nhưng một người mà y sẽ đánh lừa và ngay cả đến việc không trả nàng cái gì — »

Bây giờ Matt nhìn xung quanh; hẳn đang cạo một khách hàng nữa. « Ông sẽ nói gì nếu ông nghe cái lý do y không tặng cái đồng hồ cho nàng vì y nghĩ rằng nàng quá trẻ để nhận đồ trang sức từ bất cứ người nào không có dòng họ với nàng ? »

« Ông định nói y không biết ? Y không biết những điều ai khác nữa trong tỉnh này, có lẽ trừ ông và bà Burchett đã biết trong ba năm ? »

Matt làm việc trở lại, khuấy tay hẳn cử động đều đều, con dao cạo cử động hơi mạnh một chút. « Làm sao y sẽ biết được ? »

không có một ai trừ một người đàn bà sẽ nói với y. Và y không biết bất cứ các bà nào trừ bà Cowan. Và tôi đoán rằng bà ta cho là y đã nghe.»

« Quả thật như vậy » Maxey nói :

Đó là những sự việc lúc y đi nghỉ hai tuần trước đây. Tôi đã làm việc ở Jefferson trong một ngày rưỡi và còn tiếp tục. Trong khoảng giữa tuần sau tôi đã đến Division. Tôi không vội vã. Tôi muốn dành cho y thì giờ. Một buổi sáng thứ tư tôi có mặt ở đó.

II

NẾ U đã yêu một lần, một người đàn ông sẽ nói rằng Hawkshaw đã quên nàng. Dĩ nhiên, là ý nghĩa tình yêu. Khi tôi thấy y lần thứ nhất mười ba năm trước đây (lúc bấy giờ tôi vừa mới ở trên đường đi đến miền Bắc Mississippi và Alabama với một kiện hàng áo sơ mi và áo choàng) ở đằng sau cái ghế trong tiệm hớt tóc ở Porterfield, tôi nói : « Đây là một người bẩm sinh độc thân. Đây là một người mà phần số là đơn chiếc và đã bốn mươi tuổi rồi ».

Một người nhỏ thó tóc hoe hoe với cái mặt ông sẽ không nhớ và sẽ không nhận ra trở lại mười phút sau đó, trong một bộ đồ nỉ xet xanh và cái cà vạt đen, một loại cà vạt uốn cong móc ở phía sau, mà nếu ông mua thì đã được thắt sẵn ở trong tiệm rồi. Maxey đã nói với tôi y vẫn còn mặc bộ đồ nỉ xet và chiếc cà vạt đó khi y đi chuyển xe lửa chạy về hướng nam ở Jefferson một năm sau đó, mang theo một trong những cái rương da thứ giả này. Và khi tôi thấy lại y ở Jefferson trong năm kế đó, phía sau cái ghế trong tiệm của Maxey, nếu không có chiếc ghế tôi sẽ không sao nhận ra y được. Vẫn bộ mặt như vậy, vẫn cái cà vạt đó ; thật là tệ hại nếu không

không trông như là họ dựng y dậy, cái ghế, khách hàng và y, hết thấy và để y đi xuống sáu mươi dặm xa không có y thiếu vắng một phần nhỏ, tôi nhìn lui ra ngoài cửa sổ ở ngã tư để chắc chắn là chúng tôi không hề có một lần nào ở Porterfield một năm trước đây. Và lần thứ nhất tôi nhận ra điều đó khi tôi tới Porterfield vào lối sáu tuần lễ sau, y đã không còn ở đó.

Đó là ba năm sau trước khi tôi khám phá ra tông tích y. Tôi phải đến Division vào lối năm lần trong một năm — một cửa tiệm và bốn hoặc năm căn nhà và một trại cưa máy trên đường Tiểu bang giữa Mississippi và Alabama. Tôi đã chú ý tới một căn nhà ở đó. Đó là một căn nhà đẹp, một trong những ngôi nhà đẹp nhất ở đó, và nó luôn luôn đóng cửa. Khi tôi phải đến Division trong cuối mùa xuân hoặc đầu mùa hè, ở đó luôn luôn có dấu hiệu làm việc quanh căn nhà. Cái sân sẽ được nhổ sạch cỏ và những luống hoa được che lều và hàng rào và mái nhà đều được sửa lại chắc chắn. Rồi khi tôi sẽ trở lại Division dọc theo mùa thu hoặc mùa Đông, cái sân cỏ đại lại mọc đầy, và có thể một vài tru rào bị mất do người ta lười chừa đi để sửa hàng rào của riêng họ hoặc có thể làm củi chum ; tôi không biết. Và căn nhà lại sẽ luôn luôn đóng cửa ; không hề có đọt khói nào ở ống khói nhà bếp. Bởi vậy một ngày nọ tôi hỏi người chủ tiệm về căn nhà đó và lão đã nói với tôi.

Căn nhà đó thuộc về một người tên là Starnes, nhưng tất cả gia đình đã chết. Họ được coi như là những công dân tốt nhất bởi vì họ làm chủ một số đất, đã cầm cố văn tự thế nợ. Starnes, là một trong những người đàn ông làm biếng ở đây mà y đã hài lòng là một điền chủ chừng nào mà y còn có đủ ăn và một ít thuốc hút. Họ có một người con gái đã hứa hẹn với một chàng trai trẻ, con của một

người thuê đất. Người mẹ không thích cuộc hôn nhân đó nhưng Starnes hình như không chống lại. Có thể vì chàng trai lân cận (tên anh ta là Stribling) là một người làm việc siêng năng ; có thể vì đúng là Starnes quá lười biếng để chống lại. Dầu sao đi nữa, chúng cũng đã thề non hẹn biển với nhau và Stribling đã dành dụm tiền bạc đi đến Birmingham để học nghề hớt tóc. Đi một phần đường trên xe ngựa chở hàng, và đi bộ tới chỗ, rồi trở lại mỗi mùa hè để thăm cô gái.

RỒ I một ngày kia Starnes qua đời lúc đang ngồi trên ghế trong hàng hiên ; họ nói rằng lão ta quá lười biếng để giữ hơi thở, và họ cho đi tìm Stribling. Tôi nghe nói anh ta đã tạo được một nghề nghiệp giỏi đang tại một tiệm riêng của anh ta ở Birmingham, anh ta dành dụm một số tiền, họ nói với tôi anh ta đã sắm được một cửa tiệm và đã đặt cọc tiền sắm dụng cụ và tất cả, và họ sẽ kết hôn vào mùa hè đó. Anh ta đã trở về. Gia đình Starnes không hề lên tiếng về việc cầm cố văn tự, thế nên Stribling phải chi phí cho việc chôn cất, giá tiền đó đúng là một sự đau đớn còn đáng giá hơn của cải của Starnes, nhưng bà Starnes đã phải ưng ý. Bởi vậy Stribling phải bắt đầu tần tiện trở lại.

Nhưng anh ta đã cho thuê có hợp đồng cửa tiệm và đặt cọc tiền trước cho dụng cụ và chiếc nhân và anh đã mua giấy hôn thú (1) lúc họ lại hối hả cho tìm kiếm anh ta. Lần tìm kiếm này là cô gái đó. Nàng có một vài chứng của bệnh sốt rét. Những người sống ở trong rừng hoang này : ông biết nó ra sao rồi. Không bác sĩ, hoặc thú y sĩ, nếu họ ốm. Hãy chém họ và bắn họ : thế là xong. Nhưng hãy để họ chịu cơn lạnh khó chịu, hoặc có thể họ sẽ lành bệnh hay có thể họ sẽ chết hai ngày sau do chứng bệnh tả. Nàng bị mê sảng khi Stribling có mặt ở đó. Họ phải cắt hết

trụi tóc của nàng. Stribling đã làm việc đó, là một nhà chuyên môn lão luyện, ông có thể nói vậy ; một người chuyên môn trong gia đình. Họ nói với tôi nàng là một trong những người gầy ốm ở đây, dù sao đi nữa các cô gái thiếu sức khoẻ, với một số nhiều tóc đứng thẳng không nâu và cũng không vàng.

Nàng không bao giờ biết anh ta, không hề biết ai đã cắt tóc nàng. Nàng đã chết như vậy đó không hề biết bất cứ điều gì, có thể không biết cả đến nàng đã chết nữa. Nàng chỉ vừa nói thêm, «Hãy sẵn sóc dạ dày. Cầm cố văn tự. Ba sẽ không thích nó mất đi như vậy. Hãy cho đi tìm Henry» (Đó là y : Henry Stribling. Hawkshaw : năm sau tôi đã thấy y ở Jefferson. «Vậy hẳn ta là Henry Stribling», tôi nói). Cầm cố văn tự. «Hãy cho tìm Henry.» Rồi nàng chết. Có một bức hình của nàng, tấm hình duy nhất mà họ có. Hawkshaw đã gửi nó với một lọn tóc y đã cắt tới một trại chứa hàng hóa có tóc để làm khuôn cho bức hình. Nhưng tóc và hình, bằng cách này hay bằng cách khác cả hai thứ đều bị mất trong đường bưu điện. Dù sao đi nữa y cũng không bao giờ lấy lại được hai thứ này.

Y cũng đã chôn cất cô gái, và năm sau (y phải trở lại Birmingham và đóng cửa tiệm như y đã định và tổng đồ đạc đi, như vậy y có thể dành dụm trở lại) y đặt một tấm bia đá trên mộ nàng. Rồi y lại bỏ đi và họ nghe y đã thanh toán cửa tiệm ở Birmingham như thế nào. Y vừa mới thanh toán và biến mất và tất cả họ nói rằng y sẽ có một cửa tiệm riêng đúng lúc ra sao. Nhưng y đã bỏ đi và tháng tư sau, đúng trước ngày giỗ cô gái chết, y lại xuất đầu lộ diện trở lại. Y đến thăm bà Starnes và lại ra đi trong vòng hai tuần lễ.

(1) the wedding license

Sau khi y ra đi, họ đã tìm ra y dừng lại ở ngân hàng nơi lãnh địa của Bá tước như thế nào và trả tiền lời trong việc cầm cò văn tự. Y đã làm việc đó mỗi năm mãi đến khi bà Starnes qua đời. Bà ngẫu nhiên chết trong lúc y có mặt ở đó. Y sẽ ở lại khoảng hai tuần lễ để thu dọn và xếp đặt lại nơi này, như vậy bà ta sẽ được tiện nghi trong năm sau, và bà cho phép y, như là bà đã được sinh ra tốt lành hơn y; như y là một trong những người gốc gác là thấp kém mới có được địa vị và giàu sang này. Rồi bà ta cũng chết. « Con biết Sophie đã nói làm những gì » bà nói « Món cầm cò văn tự đó mà. Ông Starnes sẽ rất buồn phiền khi tôi gặp ông ».

N HƯ vậy y cũng đã chôn cất bà ta nữa. Y mang một tấm bia đá khác, để làm vừa lòng bà. Lúc bấy giờ y đã bắt đầu trả tiền vốn món cầm cò văn tự. Starnes có một vài người bà con ở Alabama. Những người ở Division đã mong đợi người bà con đến và đòi quyền sở hữu căn nhà. Nhưng có thể người bà con chờ cho đến khi nào Hawkshaw trả hết nợ cầm cò văn tự. Y phải trả tiền mỗi năm, trở về và dọn sạch căn nhà. Họ nói y đã dọn dẹp, chà rửa sạch sẽ bên trong căn nhà đó như một người đàn bà; công việc đó chiếm y mất hai tuần lễ vào mỗi tháng tư. Rồi y sẽ lại đi mất không ai biết ở đâu, chỉ trở lại mỗi tháng tư để trả tiền cho ngân hàng và dọn dẹp căn nhà trống trải đó, mà không bao giờ nó thuộc về y.

Y đã làm công việc đó trong khoảng năm năm trời khi tôi thấy y trong tiệm của Maxey ở Jefferson, năm sau khi tôi thấy y ở trong một tiệm ở Porterfield, cũng trong bộ đồ ni xet và cái cà vạt đen thắt sẵn đó. Maxey nói rằng y đã mặc bộ đồ đó khi y ra đi chuyển xe hỏa về miền nam một ngày nọ ở Jefferson, xách cái va li giấy đó. Maxey nói họ trông

thấy y suốt ngày quanh quẩn ở ngã tư, hình như y không biết bất cứ một ai hay có bất cứ công việc gì hoặc có công chuyện với vả nào khác; chỉ đi dạo ở ngã tư như y chỉ nhìn xung quanh mà thôi.

Đó là một người trai trẻ, một kẻ lang thang vô tích sự, suốt ngày dài ném những đồng đô la trong sân cầu lạc bộ, đợi chờ những cô gái trẻ cười sảng sặc đi xuống nhà bưu điện và suối nước vào xế trưa lác lác những cái hông ở dưới quần áo của họ, để lại mùi nước hoa khi họ đi qua, điều đó đã tặng cho y tên của y. Họ nói y là một thám tử, có thể lắm bởi vì đó là việc sau cùng trên cuộc đời mà bất cứ ai cũng sẽ nghĩ cho y như vậy. Do đó họ đặt tên y là Hawkshaw, và Hawkshaw y đã giữ nguyên tên đó trong mười hai năm trời khi ở lại ở Jefferson, đằng sau cái ghế trong tiệm của Maxey. Y đã nói với Maxey là y đến từ Alabama.

« Miền nào vậy ? » Maxey nói. « Một căn nhà to lớn ở Alabama. Birmingham ư ? » Maxey nói, bởi vì Hawkshaw trông giống như có thể đã đến từ hầu hết bất cứ nơi nào ở Alabama trừ Birmingham.

« Phải » Hawkshaw nói « Birmingham ».

Và đó là tất cả những điều mà họ chưa bao giờ khám phá ra tông tích y cho đến khi tôi tình cờ chú ý đến y ở phía sau cái ghế và nhớ lại y tận cái thời ở Porterfield.

« Porterfield ư ? » Maxey nói. « Người em rề tôi là chủ cái tiệm đó. Ông định nói ông làm việc ở Porterfield năm rồi hả ? »

« Phải » Hawkshaw nói. « Tôi ở đó ».

Maxey đã nói với tôi về việc nghỉ hằng năm. Hawkshaw y đã không nghỉ hè hằng năm ra sao; nói rằng thay vì vậy y cần hai tuần trong tháng tư. Y sẽ không cho biết vì lẽ gì, Maxey nói tháng tư thì quá bận rộn cho kỳ nghỉ hằng năm và Hawkshaw đã tận tụy công việc cho đến lúc bấy giờ,

và bỏ việc. « Ông muốn thôi làm ngay hả ? » Maxey nói lúc đó vào mùa hè, sau khi bà Burchett đã đem Susan Reed đến tiệm trong lần thứ nhất.

« Không » Hawkshaw nói. « Tôi thích làm ở đây. Tôi chỉ muốn nghỉ hai tuần lễ trong tháng tư thôi ».

« Lo công việc hả ? » Maxey nói.

« Công việc » Hawkshaw nói.

KHI Maxey chấp nhận việc nghỉ phép của y, Maxey đến Porterfield thăm người em rể của ông; có thể sẽ cạo cho những khách trong tiệm người em rể ông, như một thủy thủ sẽ nghỉ hè trên một chiếc thuyền chèo trên cái hồ nhân tạo. Người em rể nói với ông là Hawkshaw đã làm việc trong tiệm của anh ta, không cần đi nghỉ phép cho mãi đến tháng tư, rồi biến mất và không bao giờ trở lại « Y sẽ thôi việc với anh bằng cách như vậy » Người em rể nói. « Y làm cho một tiệm ở Bolivar, Tennessee và trong một tiệm ở Florence, Alabama, được một năm và thôi việc cũng bằng cách ấy. Y sẽ không trở lại. Anh chờ xem »

Maxey nói ông trở lại nhà và sau cùng ông đã tìm ra Hawkshaw làm việc trong sáu hoặc tám tỉnh khác nhau trong mỗi năm như thế nào ở các tiểu bang Alabama, Tennessee và Mississippi « Vì lẽ gì ông bỏ họ ? » Maxey nói. « Ông là một người thợ hớt tóc thiện nghệ, một trong những người hớt tóc trẻ em giỏi nhất tôi chưa hề thấy. Tại sao ông bỏ việc ? »

« Tôi chỉ đi xem quanh quần thôi mà » Hawkshaw nói.

Rồi tháng tư đến, và y đã được chấp nhận cho hai tuần lễ nghỉ của y. Y tự cạo cho mình và xếp đồ đạc vào chiếc va li giấy và đi chuyển tàu hỏa chạy về phía bắc

« Tôi đoán là tiếp tục cuộc thăm viếng » Maxey nói.

« Ngược lên mỗi một con đường » Hawkshaw nói

Thế là y chuẩn mất trong bộ đồ ni xet và chiếc cà vạt đen thắt sẵn đó. Maxey đã cho tôi biết làm sao hai ngày sau đó đã tìm ra : Hawkshaw đã lấy ra từ ngân hàng số tiền dành dụm trong một năm của y. Y ở trọ nhà bà Cowan và y đã cùng đi nhà thờ và y không tiêu tiền bạc gì cả. Cả đến thuốc lá y cũng không hút. Bởi vậy Maxey, Matt và tôi đoán rằng mọi người khác nữa ở Jefferson cho rằng y đã dành dụm sức lực trong một năm và bây giờ bằng lòng với một trong những năm nghỉ phép riêng tư này ở giữa sự xa hoa sung sướng ở Memphis-Mitch Ewing một đại lý kho hàng hóa cũng ở với bà Cowan. Hẳn kể Hawkshaw chỉ mua vé tới chỗ ngủ ba ra sao : « Từ đó y có thể đi hoặc Memphis hoặc Birmingham hoặc New Orleans » Mitch nói.

« Tốt, dù sao y cũng đã đi rồi. » Maxey nói « Và hãy làm chứng cho những lời của tôi, nghĩa là rốt cuộc ông sẽ thấy con người đó ở trong tỉnh này. »

Và đó là những gì mà mọi người nghĩ tới cho mãi đến hai tuần sau. Trong ngày thứ mười lăm, Hawkshaw đến tiệm vào giờ thường lệ của y, như y chẳng hề ra khỏi tỉnh gì cả, và cởi áo ngoài ra, bắt đầu mài dao cạo của y. Y không bao giờ kể với bất cứ ai nơi y đã đi đến. Chỉ nói là đi ngược lên mỗi một con đường.

Đôi khi tôi nghĩ rằng tôi phải kể cho họ biết. Tôi đã tới Jefferson và nhận ra y ở đó đằng sau cái ghế đó. Không có dấu vết thay đổi nào già nua hơn trên gương mặt của y cũng như không hơn gì tóc cô gái Reed thay đổi, vì tất cả keo và thuốc nhuộm cô ta đã nhuộm lên tóc. Nhưng y

sẽ là như vậy, trở lại từ kỳ nghỉ phép của y « Ngược lên mỗi một đoạn đường », dành sẵn những bao kẹo bạc hà để cho trẻ em tới y hút tót, cho mãi đến lúc xách chiếc va li giấy đỏ và những năm tấn tiền của y và trở lại Division để tiếp tục trả tiền cầm cố văn tự và dọn dẹp căn nhà.

Thỉnh thoảng y sẽ đi mất khi tới tới Jefferson, và Maxey sẽ kể tới về việc y cắt tóc cô gái Reed, cắt đi cắt lại nó bằng kéo và cầm tấm gương dựng đứng cho nàng xem như nàng là một nữ tài tử. « Y không lấy tiền nàng » Matt Fox « y ghi vào sổ trả hai mươi lăm xu do tiền túi của y ».

« Được, đó là công việc của y ». Maxey nói. Tôi chỉ cần nhất là hai mươi lăm xu. Còn tiền đến từ đâu mặc kệ ».

NĂM năm sau đó có thể tôi phải nói. « Có thể đó là phần thưởng của nàng ». Bởi vì sau cùng nàng đã bị phiền phức. Hoặc họ nói như thế. Tôi không biết, trừ phần lớn câu chuyện nói về cô gái đó, các mẹ đàn bà, thì ghen tị hoặc trả thù bởi những người mà họ không dám và những người mà họ đã bị thua thiệt. Nhưng trong lúc y ra đi trong một tháng tư nọ, họ lại xì xào bàn tán về việc nàng, sau cùng đã dính vào sự phiền phức như thế nào và đã cố gắng tự săn sóc cho chính nàng với dầu nhựa thông và đã ốm nặng.

Dù sao đi nữa nàng đã biến mất trên đường phố vào khoảng ba tháng, một vài người nói rằng ở trong một bệnh viện ở Memphis, và khi nàng đến tiệm trở lại nàng ngồi vào ghế của Matt, dù ghế của Hawkshaw lúc đó trống, như nàng đã làm trước đó để làm cho y khổ sở, có thể vậy lắm. Maxey nói nàng trông giống như hình ma, gầy còm và đồ đần, bởi quần áo sáng chói của nàng và

đại loại như thế, đang ngồi đó trên chiếc ghế của Matt, nhét đầy hết cả cửa tiệm với giọng cười tiếng nói của nàng và mùi nước hoa và thân hình dài thòn của nàng, hai cái chân phơi trần, và Hawkshaw thì đang ci chứng tỏ y đang bận rộn ở cái ghế trống của y.

Thỉnh thoảng tôi nghĩ đến một điều là tôi phải kể cho họ biết! Nhưng tôi không bao giờ kể với bất cứ người nào ngoại trừ Gavin Stevens. Ông ta là một thầy kiện địa phương, một người lịch sự : Không giống như luật sư dạy đời và công chức. Ông ta xuất thân ở Harvard, và khi sức khỏe tôi suy nhược (tôi vẫn thường là một kế toán viên ở ngân hàng Gordonville và sức khỏe tôi suy nhược và tôi đã gặp Stevens trên chuyến xe lửa đi Memphis khi tôi trở lại nhà từ bệnh viện) đó là người mà đã đề nghị tôi thử lên đường xem sao và đã chiếm cho tôi một địa vị với công ty này. Tôi đã nói với ông ta việc đó hai năm trước đây. « Và hiện nay cô gái đã bị hư vì y và y cũng quá già để có thể tìm được một người khác và nâng đỡ cho nàng » Tôi nói « Và một vài ngày y sẽ trả tiền xong căn nhà và họ hàng Starnes ở Alabama nọ có thể đến và lấy căn nhà, và đời y sẽ xong. Lúc bây giờ ông nghĩ rằng y sẽ làm gì ? »

«Tôi không biết» Stevens nói.

«Có thể y sẽ đông mắt và chết chứ gì» tôi nói.

«Có thể y sẽ như vậy» Stevens nói.

Tôi nói «y không phải là người đừu tiên bị ngã nghiêng ở máy xay gạo.»

«Y cũng không phải là người đầu tiên bị chết», Stevens nói.

BỞ I vậy tuần rồi tôi tiếp tục đi đến Division. Ngày thứ tư tôi có mặt ở đó. Khi tôi thấy căn nhà nó vừa mới được sơn phết, lão chủ tiệm đã nói với tôi rằng số tiền Hawkshaw đã trả đó là lần cuối cùng ; rằng việc c m cổ văn tự của Starnes đã thanh toán xong. Họ hàng Starnes ở Alabama có thể đến và chiếm căn nhà bây giờ" lão nói.

«Dù sao đi nữa, Hawkshaw đã làm những gì mà y đã hứa với nàng, hứa với bà Starnes». Tôi nói.

«Hawkshaw à ?» lão nói, «Đó là tên họ gọi y như thế sao ? Được, A ! không khi nào tổng khừ nó. Hawkshaw, A không bao giờ »

Đó là ba tháng trước khi tôi lại đến Jefferson. Khi tôi đi qua tiệm hớt tóc tôi nhìn vào trong không dừng bước. Và ở đó có một người khác ở phía sau cái ghế của Hawkshaw, một người trai trẻ « Tôi tự hỏi nếu Hawkshaw có để những viên kẹo bạc hà của y không » Tôi tự nói với mình. Nhưng tôi đã không dừng lại. Tôi chỉ suy nghĩ thôi « A, sau cùng y đã đồng ý », Không biết chắc y sẽ tru ngụ nơi đâu khi tuổi tác già nua đến với y, và y không thể nào lại di chuyển nữa được, nếu y chắc chắn sẽ chết đằng sau một cái ghế ở một nơi nào đó trong một tiệm nhỏ chỉ có ba ghế ở miền quê, trong chiếc áo sơ mi dài tay và chiếc cà vạt đen và những chiếc quần dài nỉ xet đó.

Tôi tiếp tục bước đi, thấy các khách hàng của tôi và đi dùng bữa sáng, và buổi trưa tôi tới phòng việc của Stevens. « Tôi đến thăm có một người thợ hớt tóc mới trong tỉnh » Tôi nói :

« Vàng » Stevens nói : Ông ta nhìn tôi một lúc, rồi ông nói, « Ông chưa nghe à ? ».

« Nghe gì ? » Tôi nói. Lúc bấy giờ ông quay đi không nhìn tôi.

« Tôi đã được bức thư của ông », ông ta nói « Hawkshaw đã trả hết món nợ cầm cổ văn tự và đã sơn phết căn nhà. Hãy kể tôi nghe về chuyện đó ».

Do đó tôi kể cho ông ta nghe tôi đã tới Division một ngày sau khi Hawkshaw đã đi khỏi như thế nào. Thiên hạ đang bàn tán về y trên cổng tiệm, tự hỏi không biết đúng khi nào các họ hàng Starnes ở Alabama nọ sẽ vô. Y đã sơn phết căn nhà có một mình, và y đã dọn hai ngôi mộ sạch sẽ ; tôi không đoán rằng y muốn quấy rối Starnes bằng cách dọn sạch ngôi mộ của ông ấy. Tôi đi lên đó để xem hai ngôi mộ. Y chà sạch cả những tấm bia và y đã đặt một giầy nho này mằm trên mộ cô gái. Cây nho đang độ nở hoa và xét theo tất cả mọi người đã nói về y, tôi cũng tò mò muốn thấy bên trong căn nhà đó nữa. Lão chủ tiệm có chiếc chìa khóa và lão nói lão đoán với Hawkshaw căn nhà sẽ được đầu ra đấy.

BÊ N trong căn nhà sạch sẽ như một bệnh viện. Cái lò sưởi đã được đánh bóng và thùng đựng than củi cũng đầy. Lão chủ tiệm kể tôi Hawkshaw đã làm việc đó mỗi năm, đồ đầy thùng đựng than trước khi đi. « Những họ hàng ở Alabama nọ sẽ tán thưởng việc đó » tôi nói. Chúng tôi đi trở lại phòng khách. Ở góc phòng có một cây đàn đại phong cầm và một cây đèn và một cuốn thánh kinh để trên bàn. Cây đèn sạch sẽ, cái bầu đựng dầu trống trơn và cũng sạch sẽ ; đến nỗi bạn không thể nghĩ thấy mùi dầu trong đó. Tờ hôn thú đó đã được đóng khung và treo trên bệ lò sưởi giống như một bức hình. Nó ghi ngày 4 tháng Tư năm 1904.

« Đây là chỗ y ghi món cầm cổ văn tự đó" » lão chủ tiệm nói. Lão đi đến cái bàn và mở quyền thánh kinh. Trang đầu là hai cột

những vụ sanh và tử. Tên cô gái là Sophie. Tôi tìm thấy tên nàng trong cột sanh, và bên nơi cột tử là kẻ một tờ sau cùng. Bà Starnes đã viết nó. Trông nét chữ như là bà ta có thể đã nắn nót trong mười phút để viết nó. Hàng chữ đó như vậy :

Sofy starnes Chết ngày 16 tháng tư năm 1905

Chính Hawkshaw đã viết tờ cuối ; nét chữ gọn và đẹp như tay bút của một kẻ toán viên :

Bà Will Starnes. 23 tháng Tư năm 1916

“Lý lịch sẽ tìm ở phía sau,” Bidwell nói :

Chúng tôi lật qua phía sau. Nó ở đó, trong một cột gọn gàng, nét chữ của Hawkshaw. Nó bắt đầu với ngày 16 tháng Tư năm 1917, 200.00. mỹ kim. Tờ kế là lúc y trả tiền lần sau đó ở ngân hàng : ngày 16 tháng Tư năm 1918, 200.00. mỹ kim ; và ngày 16 tháng Tư năm 1919, 200.00 mỹ kim và ngày 16 tháng Tư, năm 1920 : 200,00. mỹ kim ; và trong một tờ cuối ; ngày 16 tháng tư năm 1930, 200.00. mỹ kim. Rồi y cộng lại và viết ở dưới :

“ Đã trả hết. Ngày 16 tháng Tư, năm 1930 ”.

Trông nó giống như một câu viết trong cuốn vở tập trong những trường trung học thương mại thời xưa, mặc dù nét bút trông như đã thành công một cách rực rỡ. Nó không có vẻ gì giống như đã viết một cách khoắc lác khoe khoang ; dù thế nào chăng nữa đúng là nó đã thành công ở chỗ cuối của nó, dù sao giống như là cây viết đã hết mực trước khi y có thể chấm dứt câu.

“ Vậy y đã làm những gì mà y hứa với nàng là y sẽ làm ”, Stevens nói.

“ Nghĩa là những gì tôi đã kể cho Bidwell, ” Tôi nói.

Steven, tiếp tục bước đi như ông ta không lắng nghe tôi mấy.

“ Như vậy bà mệnh phụ có thể nghỉ ngơi yên tĩnh. Tôi phỏng đoán rằng đó là

những gì mà ngài bút cố gắng nói lên khi nó đã cạn mực : rằng bây giờ bà có thể nằm yên lặng. Và ý cũng không quá bốn mươi lăm. Dù sao cũng không nhiều như thế. Không nhiều lắm đâu song những gì khi y viết “ Đã trả hết ” ở dưới cột đó, thời gian và sự thất vọng đã dồn dập đến một cách chậm chạp và đen tối dưới y như dưới bất cứ chàng trai vui vẻ nào hoặc cô gái không có vòng hoa và trang sức phẩm.

“ Chỉ có cô gái là tiếp tục hại y ”, Tôi nói “ Bốn mươi lăm đã quá trễ để sửa soạn tìm một người khác. Lúc bấy giờ ít nhất là y có tới năm mươi lăm ”.

LÚC đó Stevens chăm chú nhìn tôi. “ Tôi không nghĩ rằng ông đã nghe ”, ông ta nói.

“ Vâng ” Tôi nói. “ Đó là tôi chỉ nhìn vào tiệm hớt tóc khi tôi đi qua thôi. Nhưng tôi biết y phải bỏ đi. Tôi đã biết suốt thời gian y sẽ bỏ đi, một khi y đã thanh toán xong món cầm cố văn tự. Dù sao, có thể y không bao giờ biết về cô gái. Hoặc có lẽ y đã biết và không quan tâm. ”

“ Ông cho rằng y không biết gì về nàng ư ? ”

“ Tôi không thấy làm sao y có thể được hiểu gì về việc đó. Nhưng tôi không biết. Ông nghĩ sao ? ”

“ Tôi không biết. Tôi không nghĩ tới việc tôi cần phải biết. Tôi biết một vài việc còn tốt hơn việc đó nhiều.

“ Việc gì thế ? ” Tôi nói. Ông ta nhìn đến tôi. “ Ông hãy tiếp tục kể tôi những tin tức gì mà tôi chưa nghe. Tôi chưa được nghe những gì nhỉ ? ”

“ Về cô gái ”, Stevens nói. Ông ta đắm đắm nhìn tôi.

“ Trong một đêm họ Hawkshaw đã trở về từ kỳ nghỉ hằng năm cuối cùng của y, họ đã kết hôn, Lần này y đã đem nàng đi với y. ”

DƯƠNG THANH NHUNG dịch

chín

BIẾN KẾ CHẤP

TÔI đặt nhẹ tay trên trán Tùng, chiếc trán hăm hấp sốt. Tùng ồm đã mấy hôm rồi. Nước da em đã xanh xao nay lại càng xanh xao thêm. Chiếc trán cao hơi trợt ra sau như hằn lên vài nét nhăn. Đôi mắt em nhắm nghiền.

Ánh nắng xuyên qua khung cửa chiếu vào nét mặt xanh xao của em. Tôi biết là hai ba bữa rày Tùng không được ai cho ăn uống chi, bởi vì chỗ này chỉ là chỗ em ngủ trọ. Mỗi bữa cơm em phải đi bộ khá xa mới đến quán cơm xã hội ăn cho rẽ tiền. Nhưng sốt như vậy thì làm sao mà đi được. Cũng không có ai nấu cháo cho em ăn. Một vài người bạn ở chung nếu có muốn giúp đỡ Tùng

cũng khó mà giúp được. Suốt ngày họ cũng phải lo mưu sinh cho chính họ. Có giúp chẳng là pha dùm cho Tùng một ly sữa mỗi bữa tối khi họ về đến nhà, thế thôi.

Tùng sống như một cái bóng giữa thành phố Saigon. Nhìn em tự bằng lòng với nếp sống cơ cực đó chẳng ai ngờ em là con trai một gia đình tên tuổi, khá giả, chẳng ai ngờ là em đã đậu toàn phần tú tài từ hai ba năm trước.

Em ngủ trọ tại một chái trường tư thực Saigon. Ngày ngày đi lang thang, buồn bã, chờ đợi. Tùng đã không còn đến trường đại học nữa bởi vì « vào trường mình càng thấy bơ vơ. Trước

tình thế này mà ngoài việc học như cái máy, sinh viên có đề nghị việc chi hơi có tính cách khó khăn thì các ông giáo xua ngay : Tôi chỉ biết dạy học. Anh nào không học thì đi ra »

C H Ứ N G chỉ bán phần tú tài em đã cho thằng bạn để nó lấy làm « bùa hộ mệnh » mà xin sở làm. Chứng chỉ toàn phần tú tài em sắp cho thằng bạn khác thì ba của em hay được, bỏ cho một trận.

Tùng than thở :

— Việc chi em cũng có thể làm được, chị. Nhưng chỉ có một việc không thể làm. Đó là lo tròn chữ *hiếu*. Ba em muốn cho em đỗ đạt cao, có cấp bằng lớn. Nhưng mà...

Tôi thông thả gạt đầu, nói với em mà như tự nói với mình :

— Khi nào đất nước thanh bình thì chị em mình sẽ đi học lại. Bây giờ thì học cái khác, cần thiết hơn. Phải không Tùng ? Mắt Tùng vụt sáng. Tôi thích nhìn những tia sáng vụt bùng lên ấy, nên mỗi lần gặp Tùng tôi hay trò chuyện về những niềm đau của đất nước. Nếu anh em một nhà biết thương nhau hơn, biết dẹp sang bên chủ nghĩa biết hợp sức nhau mà tìm một lối thoát cho quê hương bằng cách làm một cuộc cách mệnh xã hội thực sự, nếu người ta biết dung hòa những thái độ cực đoan... Tôi cứ nói hết nếu này đến nếu kia để được nhìn Tùng trở về với em, sống thực sự với chính em để cho đôi môi tái nhợt đó sẽ cười tươi lên một

chút, để cho đôi mắt to đờ dần ấy sẽ sáng lên và nhiều hy vọng lên một chút. Thực vậy Tùng có thể nói chuyện với bạn, với tôi suốt ngày suốt đêm về những thao thức của những Thằng con trai như em và có thể bỏ ăn bỏ ngủ mỗi khi tìm ra được một việc làm hợp với lý tưởng em.

M Ộ T đêm nọ, trên thượng lưu sông Thu Bồn, sau một ngày phân phối gạo thuốc cho đồng bào bị lụt, chúng tôi ghé thuyền nơi ấp Khương Bình để ngủ. Chúng tôi đông và phải ngủ trên những chiếc thuyền con. Gió núi lạnh quá khiến những chiếc chăn mỏng không đủ để che cho chúng tôi khỏi thấm lạnh. Không ngủ được, tôi nằm yên lặng nhìn lên bầu trời đầy sao. Hình ảnh cả làng Sơn Thuận gọi nhau ới ới ra đội tung thúng gạo không đủ xóa mờ hình ảnh xã Giáng Hòa

Đ Ặ C

Chợt Tùng chồm dậy bên kia, hỏi :

— Giờ này ở Saigon có ai nghĩ rằng rất đông đồng bào mình đang sống trong đói, lạnh, đang bị đe dọa giữa đạn bom nơi núi rừng xa xôi này không chị ?

Tôi lặng im một lúc rồi đáp :

— Có, nhưng mà chắc ít lắm.

Ngừng một lúc tôi tiếp :

— Ít mà có thì cũng đáng mừng rồi. Phải không Tùng ?

Tùng không trả lời. Đêm Khương Bình trở nên xa vắng, mông mênh. Tôi suy nghĩ miên man :

— Nếu ít người nhưng mà trong số đó có những Nguyễn Thái Học, Phan Đình Phùng, có những Lê Lai, Lê Lợi bà Triệu bà Trưng cũng là quá đủ.

Tôi nhìn Tùng dưới ánh sáng trắng hạ tuần. Đôi mắt em thờ thẩn ngó ra xa, đôi môi như hơi mím lại. Tùng « đi cứu trợ như một thằng điên » chẳng biết lần này là lần thứ mấy. Em đã lặn lội về những miền xa xôi nhất, cơ hàn nhất đói rét nhất. Trong suốt tháng đầu đi chôn thây người chết theo các đoàn cứu trợ, Tùng bệnh nặng phải vào bệnh viện điều trị. Bệnh tình hơi thuyên giảm em đã lên trốn khỏi bệnh viện để đi theo các đoàn cứu trợ khác, bất kể chỗ hiểm nguy cơ cực mặc dù bệnh cũ lại tái phát.

TÔI lần lượt nhớ lại những người có một chút lòng như Tùng. Số thanh niên như Tùng hơn Tùng hay kém Tùng một chút không phải là ít.

Tôi nhớ đến Trọng, cũng cùng tuổi Tùng, nhớ đến cái đầu bồm xồm của cậu ta lắc lư một cách bực dọc :

— Tụi em muốn dẫn nhau  đưa đầu cho các ông ấy bắn  cho hả dạ.       

Tôi nghĩ đến rất nhiều, rất nhiều người bạn... những người anh, người chị đang hoạt động cái này, hô hào cái

nọ, học tập, hội thảo.

Tôi nghĩ đến những người bạn ở ngoại quốc bỏ học lần lượt kéo nhau về..

BAO nhiều người có lòng như thế mà quê mẹ vẫn cứ tiếp tục quần quai, sục sôi trong máu, lửa và nước mắt.

Tôi trở dậy ngồi co ro cho đỡ rét và hỏi Tùng :

— Sao em không tìm đến với Trọng với Trung, với Kim, hợp tác với họ trong việc làm. Như vậy họa may các em mới có thể làm nên được cái nọ cái kia. Nghe đầu anh em Trung, Kim cũng khá lắm, chịu khó lắm. Nghe đầu họ cũng có một số bạn và định làm một cái gì đáng kể.

Tùng phì cười :

— Bọn Trung, Kim hả chị ? Rước các cô các cậu về cho mệt ấy à ? Đãi các, quý phái « một cây ». Xách xe chạy rong rong suốt ngày. Trọng cũng vậy, nó chẳng làm nên trò trống gì đâu chị. Trưởng giả và ích kỷ lắm.

Tôi ngồi lặng yên và nghĩ rằng Trọng không đến nổi tệ như Tùng tưởng. Đành là Trọng chẳng chịu khó bằng Tùng nhưng Trọng không ích kỷ. Trọng cũng lắm khi tỏ ra lo lắng cho vận nước. Riêng về Trung và Kim thì quả tình là họ ăn mặc có vẻ quý phái sang trọng nhưng không vì thế mà tôi thấy lòng họ không có những tình cảm đẹp. Tôi ít quen họ nên không biết nhiều, nhưng tôi nhớ mãi một hình ảnh của Kim em gái Trung mà tôi cho là rất đẹp. Đó là hình ảnh hôm tôi đi dự trại

công tác nông thôn với Kim. Cô gái thường nay đài các sang trọng khi mà khi làm việc cũng mặc chiếc áo bà ba sờn vai, phai màu, cũng chịu khó chui vào những túp lều bẩn thỉu ở góc rừng này hay khe núi nọ để xem mạch, phát thuốc cho đồng bào. Chuyển đi đó anh em cực khổ bao nhiêu thì Kim cũng cực khổ bấy nhiêu.

Thế mà tôi nói cách nào Tùng cũng không chấp nhận được Trọng, Trung và Kim.

Phần Trung và Kim cũng vậy. Nhà họ ở gần nhà Trọng và Tùng nhưng họ cũng không bao giờ tới với Trọng và Tùng. Có đi làm gì thì cũng làm riêng.

Hôm tôi hỏi Trọng về Tùng thì chú ta trợn mắt :

— Thăng Tùng hả chị ? Đó là một tên Việt Cộng chính tông.

Không, tôi đã nhận xét và đã biết Tùng từ lâu rồi. Tùng không phải là Việt Cộng. Tùng không thể là đảng viên của chủ nghĩa nào. Nhiều bằng chứng cho tôi biết điều đó.

T R Ừ A qua nhân lúc hai chị em ngồi trước mũi thuyền, biết chẳng có ai nghe nên Tùng tâm sự :

— Lý luận của bọn họ hay lắm. Mình biết là nguy hiểm là sai mà mình không cãi được chị. Ngưng một lúc Huyền tiếp, đôi mắt mở to :

— Em biết xứ mình gặp phải nghiệp báo gì đâu ấy chị ! Những điều tội nói

rõ ràng là không phải

Thì ra trong. Kim, Trung Tùng điều đồng ý với nhau cùng có ý hướng thuần túy dân tộc. Vậy mà chẳng ai chịu chấp nhận ai.

Ai cũng thấy mình cô độc trên ul tưởng của mình hoặc thấy mình hoàn toàn bơ vơ xa lạ với mọi người.

Tôi mỉm cười và chợt nhớ rằng cho đến chính tôi đôi khi cũng thoáng có cảm tưởng đó. Nguy thực !

Đành rằng tôi không rảnh rang để giao du với những người như Oanh, một người mà mãi đến giờ này vẫn coi mình bằng là mục đích tối hậu của sự sống. Chỉ biết học và học. Ngoài ra chẳng còn biết nghĩ gì làm gì.

Đành rằng tôi có quyền dè dặt lo lắng hoặc nghi ngờ những người tài năng nhưng hay nói nhiều đến cái « tôi » to lớn của họ như trường hợp bác Doãn. Nhưng tôi nghĩ tôi cũng không nên vì thế mà đóng mọi cửa sổ của tâm hồn. Một ý tưởng về bài học Duy thức rơi vào óc tôi và loang ra. Tôi quay sang Tùng, vỗ vào vai em và hỏi :

— Em đã có học Duy thức bao giờ chưa ?

Mặc cho Tùng ngơ ngác chẳng hiểu sao tôi đang nói chuyện về Trọng về Kim về Trung mà rồi đổi sang nói chuyện *Duy Thức*, tôi tiếp :

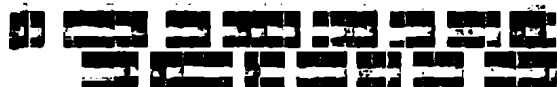
— Chị thấy *Duy Thức* hay ở chỗ dạy cho ta biết *phá chấp*. Nhận thức của chúng ta thường mang nặng tính cách biến kể chấp, nghĩa là khuynh hướng chấp chặt những gì mình đang biết. Những gì này có thể chỉ là nhận thức méo mó của mình về sự vật.

CHÚNG ta hay nhìn sự kiện theo một chiều qua một vài khía cạnh mà thôi. Đáng lẽ ra thì ta phải biết rằng bất cứ hiện tượng nào sự kiện nào cũng do nhiều nguyên nhân tạo thành.

Nếu biết xét mọi sự kiện trong liên hệ nhân duyên của chúng thì mình mới có được cái nhìn đứng đắn, gần với sự thực.

Tôi ngồi im lặng một lúc lâu rồi tiếp :

— Đó là điều mà chị thấy chúng ta cần suy nghĩ. Quê hương mình điều đứng không phải vì mình thiếu người hy sinh mà chính vì những người ấy không chấp nhận được nhau.



Tùng lặng thinh rất lâu. Những ngôi sao trên trời vẫn cứ di chuyển rất chậm. Trăng nước mông mênh. Một lát sau tôi nghe em thở dài. Em nói :

— Nhiều lúc em cũng đã nghĩ như chị. Nhưng có lẽ tại vì chúng em đều suýt soát tuổi nhau nên không ai nghe ai. Và cũng có lẽ vì tính khí của chúng em mỗi đứa một khác.

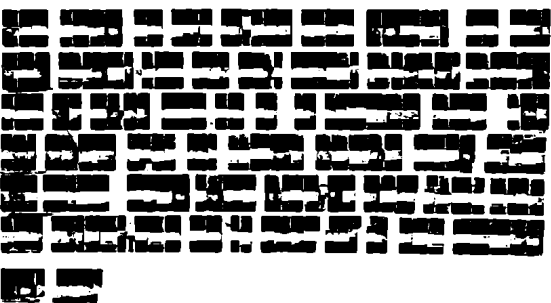
Chúng em sống trong một thời đại nặng nề, một không khí khó thở, cho nên đứa nào đứa nấy đều trở thành cau có, khó tính, nghi ngờ nhau.

oOo

BÂ Y giờ đây Tùng ốm và nằm giữa cái thành phố Saigon náo nhiệt này. Bạn bị biết bao công việc, tôi chỉ có thể đến thăm em rất ít.

Có biết bao nhiêu Tùng đang sống cô đơn lẻ loi như thể này trong lòng đô thị ? Tôi bỗng thấy cảm thương cho tuổi trẻ lạc lõng. Giờ đây có những dòng nam thanh nữ tú đang trôi trên các đại lộ và giờ đây cũng có biết bao nhiêu chết chóc thương đau xảy ra trên đất nước. Chiến tranh tàn phá quá nhiều, gây đổ vỡ trên núi sông và trong lòng thế hệ trẻ tuổi.

Ý thức về nỗi khổ đau chung cũng chưa đủ, có lẽ chúng tôi nên phân xét mọi người và mọi sự kiện trong liên hệ nhân duyên để mà xa dần biến kể chấp, để mà tha thứ cho nhau và gần gũi nhau hơn.



VĂN SĨ VÀ NGƯỜI DÙNG VĂN

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG (1)

AI nói ? Ai viết ? Chúng ta thiếu một khoa xã hội — ngôn từ học. Chúng ta chỉ biết rằng ngôn ngữ có một quyền lực ; từ một đoàn thể đến một giai cấp xã hội, người ta có thể xác định một nhóm người có địa vị thế nào trong đoàn thể hay giai cấp của họ bằng cách tìm hiểu xem họ sử dụng đến mức nào quyền lực của ngôn ngữ quốc gia. Trong một thời gian rất lâu, vào khoảng từ thế kỷ thứ XVI đến thế kỷ thứ XIX, thời đại tư bản cổ điển tại Pháp, chỉ có văn sĩ làm chủ ngôn ngữ, ngoại trừ các nhà thuyết pháp và các luật gia văn dùng thứ

ngôn ngữ riêng của họ, còn thì không ai sử dụng văn chương, không ai « ăn nói » cả. Sự độc quyền ngôn ngữ đó tạo ra một thứ nền nếp, một thứ trật tự cứng nhắc khá kỳ dị, ít khi tại người sản xuất văn nghệ mà phần nhiều tại vật phẩm sản xuất : không phải chủ trương của văn nghệ là một cơ cấu cứng nhắc (trong ba thế kỷ nay chủ trương văn nghệ tiến triển rất nhiều, từ thi sĩ ngồi nhà ngâm vịnh đến nhà văn kiêm một người doanh nghiệp). Những phép tắc sắp xếp, bố cục văn liệu theo thứ loại không thay đổi từ thời Marot đến thời

1) Dịch giả ghi thêm phụ đề

đại Verlaine, từ thời Montaigne đến thời Gide chỉ có ngôn ngữ thay đổi mà thôi.

Trái với những xã hội gọi là cổ sơ trong đó sở dĩ có tà thuật là vì có thầy pháp, như Mauss đã chứng minh, định chế văn chương ở trên chức vụ của văn chương (1) theo định chế ấy thì ngôn ngữ là vật liệu chính để người ta sử dụng. Theo định chế văn chương của Pháp thì văn chương chính là ngôn ngữ dùng vào văn chương, đó là một hệ thống vừa có tính chất thẩm mỹ học vừa có tính chất ngôn từ học, thêm vào đó còn có một tính chất *sáng sủa* (có vẻ một huyền thoại)

NHÀ VĂN KHÔNG CÒN ĐỘC QUYỀN ĂN NÓI

N H À văn tại nước Pháp không còn độc quyền ăn nói từ bao giờ? Hẳn là từ cuộc Cách Mạng. Người ta thấy xuất hiện những người chiếm đoạt ngôn ngữ của nhà văn để dùng vào những mục tiêu chính trị (tôi tin chắc điều ấy từ khi đọc một bản văn của Barnave cách đây ít lâu) (2). Định chế văn chương vẫn không thay đổi: vẫn là ngôn ngữ của nước Pháp với danh từ và âm vận thuộc trước không thay đổi, tuy đã xảy ra những cuộc đảo lộn lớn lao trong lịch sử nước Pháp. Chức vụ của văn chương thay đổi, số người dùng đến văn chương mỗi ngày mỗi nhiều. Chính những nhà văn, từ Chateaubriand hay Maistre đến Hugo hay Zola, đã góp phần vào việc nói rộng vai trò của văn chương, tuy họ còn là sở hữu chủ ngôn ngữ được mọi người công nhận, nhưng họ làm cho ngôn ngữ trở thành một công cụ có những tác dụng

mới. Và bên cạnh những nhà văn chính thức, xuất hiện một nhóm người khác dùng đến ngôn từ, nhóm người này mỗi ngày mỗi nhiều. Họ là những người trí thức chăng? Danh từ này gọi lên những ý niệm phức tạp. Ở đây tôi muốn dùng chữ *người dùng văn*. Ngày nay có lẽ chúng ta đang ở giai đoạn lịch sử mà hai chức vụ của văn chương cùng hiện hữu, tôi muốn phác họa một cuộc so sánh ngôn ngữ của nhà văn với ngôn ngữ của người dùng văn, tôi chỉ căn cứ vào ngôn ngữ vì họ cùng dùng ngôn ngữ để hoạt động.

NHÀ VĂN LẤY VĂN CHƯƠNG LÀM CỨU CÁNH

Tính cách trùng phức của văn chương

N H À văn hoàn thành một nhiệm vụ (nhiệm vụ của văn chương), người dùng văn theo đuổi một hoạt động (3). Theo văn phạm thì chữ « nhà văn » hay « văn sĩ » là danh từ, khác với chữ « người dùng văn », phải có một động từ, động từ phải kèm thêm một bổ túc từ. Không phải nhà văn là tinh thể thuần túy: nhà văn cũng hoạt động, nhưng hoạt động (viết văn) của họ chính là mục đích của họ, hoạt động ấy tác động đến công cụ mà họ sử dụng: ngôn ngữ. Nhà văn là người « tạo tác » ngôn ngữ của họ và để cho công việc tạo tác ấy thu hút hết mình. Nhà văn hoạt

1) Cho nên văn chương ngày nay đã có những chức vụ khác mà định chế văn chương vẫn là định chế cơ từ lâu đời

2) Barnave, *Introduction à la Révolution française*, Armand Colin

3) Theo nghĩa nguyên thủy (của Pháp), văn sĩ là người viết thay cho những người khác. Nghĩa dùng bây giờ (viết sách) mới có từ thế kỷ thứ XVI.

động theo hai nguyên tắc : nguyên tắc kỹ thuật (bố cục loại văn, văn tự) và nguyên tắc lao lực (cố gắng kiên nhẫn, đúng phép và toàn thiện). Sự mâu thuẫn là : cứu cánh của văn nghệ lại chính là vật liệu họ dùng (ngôn ngữ) rút cục văn chương là một hoạt động có tính cách trùng phức (1) cũng như cái máy tự động làm ra để cho chính nó dùng : Nhà văn là người làm tan biến câu hỏi « *tại sao ?* » của đời sống vào trong một chủ ý : « *viết thế nào ?* »

Quan niệm cuộc đời là một câu hỏi

Thế mà người ta có thể nói rằng đã xảy ra một phép lạ, trải qua bao thế hệ văn chương, hoạt động của một người chỉ vì mình lại khoái mình làm văn nghệ lại vẫn luôn luôn đặt ra những câu hỏi về cuộc đời : nhà văn lánh mình vào trong câu hỏi « *viết thế nào ?* » lại có một vị trí tốt nhất để khơi động câu hỏi về cuộc đời, về ý nghĩa của sự vật. Tóm lại, giữa lúc việc viết văn của nhà văn trở thành cứu cánh của họ, nhà văn lại thủ vai trung gian : nhà văn lấy văn chương làm cứu cánh, quần chúng quan niệm là một phương tiện, chính vì tính cách bất đồng quan niệm đó mà nhà văn trở lại với cuộc đời—một cuộc đời kỳ dị, bởi vì văn chương quan niệm cuộc đời là một câu hỏi chứ không bao giờ là một câu trả lời.

Sự giải thích mộng lung

NGÔN ngữ không phải là một công cụ, cũng không phải là một cái xe chuyên chở (ý kiến, tư tưởng) càng ngày người

ta càng ngờ rằng nó là một cơ cấu (để hoàn tất một chức vụ) ; nhưng nhà văn là người duy nhất làm tan biến mình và cuộc đời vào trong cơ cấu ngôn ngữ.

Ngôn ngữ đó là một vật liệu mà người ta nhào nặn rèn luyện hoài hoài ; nó có thể là một thứ siêu ngôn ngữ, « *sự thật* », bao giờ đối với nó cũng chỉ là một cái có họ vin lấy để đưa ra tiếng nói của mình (đối với nhà văn chỉ nên nói « *tôi viết* » chứ không nên nói *tôi viết cái gì*). Bởi vậy ngôn ngữ không bao giờ có thể giải thích được cuộc đời ; khi ngôn ngữ làm như giải thích cuộc đời bao giờ cũng chỉ là tạm hoãn thời kỳ mà người ta lại thấy cuộc đời mờ mịt, mông lung ; trong một tác phẩm văn nghệ, sự giải thích trở thành ngay một sản phẩm mông lung mờ mịt của sự thật và chỉ có liên lạc xa xôi với sự thật. Tóm lại văn chương bao giờ cũng không thực tế, nhưng chính vì không thực tế mà văn chương có thể đặt những câu hỏi hay về cuộc đời. Những câu hỏi đó không bao giờ là câu hỏi trực tiếp, Balzac đã đứng về quan điểm thiên mệnh để giải thích cuộc đời rút cục cũng chẳng làm gì khác hơn tra hỏi cuộc đời. Do đó văn sĩ tự cảm đoán hai hình thức ngôn ngữ, dù việc làm của họ thông minh và thành thực : trước hết là chủ thuyết bởi vì dự tính của họ là biến đổi sự giải thích thành quang cảnh (2), bởi vậy họ chỉ lọc ra những ý ấn tượng mông

1) *tautologique*, nhắc đi nhắc lại một ý dưới nhiều hình thức khác.

(2) Văn sĩ thụ góp những mẫu truyện ngoài đời dựng lên một quang cảnh để thay thế cho cách giải thích bằng nghị luận.

lung. Sau hết là nhân chứng : vì văn sĩ để hết tâm trí vào ngôn ngữ nên họ không thể có thái độ khách quan hẳn : người ta không thể suy ngẫm về một tiếng kêu gọi mà không làm cho bức thông điệp của mình không chú trọng đến sự suy ngẫm hơn là đến tiếng kêu gọi : khi tác giả đồng nhất hóa mình với ngôn ngữ, tác giả không còn tác động đến sự thật nữa, bởi vì ngôn ngữ chính là một cơ cấu nhằm mục tiêu làm cho thật và giả cùng vô hiệu (tình trạng này có từ khi ngụy biện trở thành một chủ thuyết : Sophisme).

Sự tham dự bất thành

Nhưng văn sĩ có công khơi động cuộc đời, dựng lên một quang cảnh huy hoàng về cuộc đời không có sự phối kiểm của thực tế. Bởi vậy, đòi hỏi nhà văn phải « tham dự » chỉ là một ý muốn hảo huyền : một văn sĩ « tham dự » tự nhiên có tham vọng đóng hai vai trò cùng một lúc, họ không thể nào không chơi tháu cáy họ sẽ không ngoan làm như anh chàng Maitre Jacques của Molière, lúc thì thủ vai đầu bếp, lúc thì thủ vai bồi xe, nhưng không thể nào hai vai cùng có mặt trên sân khấu một lúc. (Không cần nêu lại những chứng cứ rằng có những đại danh hào không hề « tham dự » hay không tham dự đúng cách, trái lại có những người tham dự thật nhiệt thành nhưng lại là những văn sĩ bất tài). Vậy người ta chỉ có thể đòi hỏi văn sĩ phải có tinh thần tránh nhiệm, tuy nhiên ta cũng phải thông cảm với họ mà cho rằng sự trách nhiệm về ý kiến họ đưa ra không có bảo đảm dù rằng văn phẩm

của họ đề cập đến vấn đề ý thức hệ một cách thông minh chẳng nữa, điều ấy cũng chỉ là phụ thuộc ; đối với nhà văn, tránh nhiệm thật sự là chịu chấp nhận văn chương như một sự « tham dự bất thành » Sự thật chỉ như là một cảnh Thiên Đàng để người đời trông đợi với cặp mắt của Moïse (thí dụ như quan niệm trách nhiệm của Kafka).

« Thần tượng » văn chương

Dĩ nhiên, văn chương không phải là một « ơn trên », đó là những dự kiến và quyết định của loài người để loài người tự hoàn thiện trong phạm vi ngôn ngữ : người ta là nhà văn nếu người ta muốn. Xã hội tiêu thụ văn chương, biến đổi dự tính thành chí hướng, công việc luyện ngôn ngữ thành thiên tư của người cầm bút, kỹ thuật thành nghệ thuật, do đó mà văn hay cũng có một tính chất « thần tượng » không thể phân tích bằng lý trí : văn sĩ là một mục sư bảo vệ chính điện ngôn ngữ vừa có thái độ khả kính vừa góp một phần công lao không có gì đáng kể. Ngôn ngữ là một gia tài của quốc gia, một thứ hàng hóa thiêng liêng sản xuất, tiêu thụ và xuất cảng trong phạm vi phát triển những giá trị. Linh diệu hóa việc làm của nhà văn về phương diện hình thức có những hậu quả lớn lao không phải chỉ ở bề ngoài mà thôi : nhờ tính chất linh diệu ấy mà xã hội có thể bỏ xa văn phẩm khi văn phẩm không làm cho người ta thỏa mãn, xã hội có thể coi văn phẩm chỉ là một

cảnh tượng để ngắm nhìn một cách thờ ơ mà phán đoán với tinh thần khai phóng, xã hội có thể kiềm chế những say mê bùng nổ những sự chỉ trích phá hoại (cái đó làm cho nhà văn tham dự luôn luôn có thái độ khiêu khích nhưng bất lực), tóm lại tính chất linh diệu ấy cứu vãn được nhà văn : Không có nhà văn nào một ngày kia không bị lôi cuốn vào những định chế văn chương, trừ khi họ xé rào chui ra ngoài nghĩa là thôi không hòa hợp bản chất của mình với bản chất của ngôn ngữ. Bởi vậy cho nên rất ít nhà văn chịu bỏ nghề cầm bút, vì rằng như thế là tự sát, là tổng táng một lẽ sống mà mình đã tự lựa chọn. Nếu trường hợp ấy xảy ra thì sự yên lặng của họ là một thái độ không thể cắt nghĩa được. (Rimbaud) (1).

NGƯỜI DÙNG VĂN QUAN NIỆM VĂN CHƯƠNG LÀ PHƯƠNG TIỆN

Chiếc xe chuyên chở tư tưởng

NHỮNG người dùng văn là những người quan niệm ngôn ngữ là một phương tiện (để chứng minh, giải thích, giáo hóa) phương tiện ấy phục vụ một cứu cánh. Họ dùng ngôn ngữ để hoạt động nhưng ngôn ngữ không phải là sự hoạt động ấy. Như vậy ngôn ngữ bị đẩy lui xuống hàng một công cụ để truyền bá, một chiếc xe chuyên chở tư tưởng. Mặc dù người viết có để ý đến văn từ, nhưng sự chú ý ấy không bao giờ có ý thức bản thể của văn chương. Người dùng văn không gây được ảnh hưởng quan trọng

về kỹ thuật của ngôn ngữ. Họ sử dụng một loại văn từ chung cho tất cả mọi người dùng văn, tuy người ta có thể phân biệt được nhiều luận điệu khác nhau như Mác xít, Công giáo, hiện sinh, nhưng ít khi thấy có một lối viết có cá tính riêng biệt như các nhà văn.

Đề xuất câu trả lời rành mạch về cuộc đời

Chú ý gây thông cảm của người dùng văn có tính cách «ngây thơ» : họ không muốn cho người đời có thể tìm hiểu cái gì khác cái họ muốn nói : có người dùng văn nào muốn để cho người ta dùng phân tâm học mà phân tích văn mình chăng ? Họ cho rằng ngôn ngữ của họ chấm dứt tình trạng mộng lung, mờ mịt, hàm hồ của cuộc đời, họ đề xuất một câu trả lời rành mạch không thể xoay trở ngược xuôi được (dù rằng họ chịu nhận là có thể tạm thời xoay trở ngược xuôi) họ cung cấp một tài liệu chắc chắn (mặc dù họ chỉ muốn là người giảng dạy khiêm tốn).

Trái lại nhà văn biết rằng khi họ dùng thứ ngôn ngữ hàm chứa những ý nghĩa vô tận muốn xoay trở ngược xuôi cũng được, và gọt rửa cẩn thận, họ sẽ làm cho sự vật mờ mịt, hàm hồ dù rằng họ muốn cho văn mình có giọng nhất quyết nói như đóng đinh vào cột ; thật là một điều nghịch lý, lời nói của họ là một sự yên lặng đồ sộ để người đời rón

1) Đây là một sự kiện mới mẻ. Trái lại, người ta biết rằng người đương thời với Racine chẳng ngạc nhiên chút nào khi thấy Racine bỗng dưng bỏ nghề cầm bút để giữ một chức vụ trong triều đình.

mà ước đoán, khi nhà văn phát kiến, họ không có châm ngôn nào khác câu nói sâu sắc của Rigaut : « cả khi tôi nói cả quyết, tôi cũng còn đặt câu hỏi »

Bán món hàng tư tưởng không được trình bày có nghệ thuật.

NHÀ văn cũng có tác phong một người giảng đạo, người dùng văn có tác phong một luật sư ; lời nói của nhà văn. Không đòi hỏi sự rành mạch, chắc chắn, phân minh có thể nói rằng đó chỉ là một bộ điệu, lời nói của người dùng văn là một hành động. Điểm nghịch lý là xã hội tiêu thụ thứ văn rành mạch, chắc chắn, một cách dè dặt hơn thứ văn hư hư thực thực hiểu ra cách nào cũng được. Mặc dù số người dùng văn bây giờ đông đảo, ngôn từ của người dùng văn vẫn khó sử dụng hơn ngôn từ của nhà văn. Trước hết tại điều kiện thực tế : ngôn ngữ của nhà văn là một món hàng đã trao tay cho người đời tự ngàn xưa, phong thái văn chương chỉ theo đuổi mục tiêu khuôn định thể thức và phạm trù của ngôn từ. Trái lại ngôn ngữ của người dùng văn chỉ có thể sản xuất và tiêu thụ trong phạm vi những định chế đặt ra để áp dụng vào những chức vụ khác chứ không có mục đích đề cao ngôn ngữ : như để dùng vào khoa cử, học thuật, khảo sát, chính trị v.v... Ngôn ngữ của người dùng văn cũng không đi vào một lối thoát, trong khi nó chỉ là một cái xe chuyên chở, chân giá trị của nó phải tìm ở mục tiêu nó theo đuổi, vì nó chỉ là phương tiện ; như vậy, người dùng văn bán món hàng tư tưởng

mà không trình bày món hàng cho có nghệ thuật. Tư tưởng chỉ đạt được tình hoa và được người đời cho là thần tượng khi nào tư tưởng được truyền bá ở ngoài quan niệm thương mại hóa. Tư tưởng không mất tiền mua mà cũng không thể đem ra bán được, tư tưởng phải đem cho không một cách quảng đại.

Người dùng văn hoạt động ở bên lề văn chương.

QU A N điểm trên đây làm xuất lộ những chỗ khác biệt mới giữa nhà văn và người dùng văn. Trước hết, người dùng văn sản xuất một cách tự do, nhưng họ cũng muốn « nhất mạnh » phần nào đến món hàng của họ : họ đề nghị với xã hội một món hàng không bao giờ xã hội đòi hỏi cả : họ hoạt động ở bên lề phong thái văn chương, xét bề ngoài thì có một sự mâu thuẫn vì lời nói của họ là lời nói của riêng một người (ít ra nếu ta tìm hiểu duyên cớ thúc đẩy họ viết), chứ không như nhà văn nói lên tiếng nói chung của mọi người : chức vụ của người dùng văn là nói ngay ra điều mình nghĩ, bất cứ lúc nào, không đợi tác dụng chậm và gián tiếp của lời nói (1) Họ cho rằng chức vụ ấy đủ để biện hộ cho họ. Do đó ngôn ngữ của người dùng văn có tính cách khẩn thiết, có tích cách phê bình : Hình như

1) Cách diễn ý một cách trực tiếp như thể trút hẳn thái độ của nhà văn : 1) Nhà văn sản xuất không theo nhịp điệu của ý thức, mà tùy theo sự cảm ứng của tiềm thức, 2) Họ nói một cách gián tiếp điều họ nghĩ, họ gọt gạnh cho hợp với phong thái văn chương, 3) Người ta có hoàn toàn tự do đề chất vấn về tác phẩm của họ theo cách nào cũng được, trái với một tác phẩm viết trong quan niệm về chủ thuyết.

bao giờ họ cũng tổ cáo sự xung đột giữa tính chất bất khả đàn áp của tư tưởng và nọa tính của một xã hội không chịu tiêu thụ món hàng tư tưởng của họ. Không có một định chế nào của người dùng văn để bình thường hóa tình trạng của họ.

Sự khác biệt thứ hai như sau : người ta nhận thấy chức vụ xã hội của ngôn ngữ trong văn chương chính là sự biến hóa tư tưởng (hay ý thức, hay lời kêu gọi) thành mớ hàng ; xã hội tranh dành quyết liệt lấy quyền sở hữu, vun trồng và chế định một tư tưởng xuất hiện một cách ngẫu nhiên đó là ngôn ngữ, một định chế gương mẫu đem lại phương tiện để biến hóa tư tưởng : Điều nghịch lý là ngôn ngữ dù có «khieu khích», rút cục cũng ngoan ngoãn rơi vào mắt lưới của định chế văn chương : những trường hợp ngôn ngữ khuấy động rùm beng như của Rimbaud và Ionesco cũng bị «nuốt» hoàn toàn và mau lẹ. Một ngôn ngữ khieu khích, trong trường hợp người ta muốn nó tác động trực tiếp (không có trung gian) cũng chỉ làm rùm beng trong chỗ hoang vắng thuộc về hình thức, không bao giờ có sự khuấy động hoàn toàn.

THỂ HỆ NHÀ VĂN KIÊM NGƯỜI DÙNG VĂN

TRÊN đây tôi miêu tả một sự mâu thuẫn ngoài thực tế ít khi đúng hẳn như thế :

Ngày nay mỗi người viết văn đều lựa một thể đứng ở giữa lập trường của nhà văn và người dùng văn ; lịch sử muốn như vậy, chúng ta sinh ra muộn quá, không thể là nhà văn lòng lấy tiếng tăm, chúng ta lại sinh ra sớm quá (?) không thể là người dùng văn được công chúng nghe theo. Ngày nay mỗi người trong giới trí thức phải giữ hai vai trò mà họ cố gắng điều hòa với nhau được đến đâu hay đến đấy ; có những nhà văn bất thần nóng nảy và có thái độ của người dùng văn, có những người dùng văn nhiều khi vươn lên mức tinh hoa ngôn ngữ. Chúng ta muốn *viết cái gì*, đồng thời chúng ta *viết* (không cần phải nói rõ thêm). Tóm lại thời đại chúng ta khai sinh cho một chủng loại lai căng : bán văn gia bán dụng văn gia. Chức vụ của họ cũng nghịch thường : họ vừa khieu khích vừa giải trừ. Về phương diện hình thức, ngôn ngữ của họ tự do vì không ràng buộc với định chế ngôn ngữ văn chương, tuy nhiên, vì họ hoạt động trong sự tự do ấy cho nên họ tự tạo ra phép tắc, đó là hình thức ngôn ngữ chung cho cả mọi người. Họ thoát ra khỏi nhóm văn nhân để gia nhập một nhóm khác : nhóm trí thức. Trên bình diện quốc gia nhóm trí thức này giữ một chức vụ bổ túc : văn của người trí thức tác động như một ký hiệu phi ngôn ngữ, loại văn ấy giúp cho xã hội mơ tưởng đến một phương tiện truyền bá tư tưởng không thành hệ thống (không định chế). Viết mà không viết, truyền bá tư tưởng thuần túy, không tạo thêm một bức thông

điệp ký sinh, đó là một mẫu nhà văn kiêm người dùng văn trong xã hội ngày nay. Đó là một mẫu nhà văn vừa cần thiết vừa xa cách quần chúng, đối với họ, xã hội có một thái độ tương tự mèo đối với chuột : xã hội thừa nhận họ, thừa nhận tác phẩm của họ có tính chất phổ cập quần chúng và mua chút ít tác phẩm của họ ; nhưng đồng thời xã hội vẫn đứng xa họ, xã hội bắt họ phải dựa vào những định chế phụ thuộc để xã hội kiểm soát, thí dụ như văn khoa đại học. Xã hội chỉ trích họ chỉ thiên về « trí thức », nghĩa là vô bổ, viển vông, hão huyền (nhà văn may mắn tránh được lời chỉ trích ấy)

oOo

TÓ M lại, đứng về phương diện nhân loại học (1) văn sĩ kiêm người dùng văn

không có đất đứng, nhưng chính tình trạng đứng ngoài đó lại hội nhập họ với xã hội. Chức vụ của họ trong xã hội toàn diện có lẽ không phải là không liên lạc với chức vụ của thầy phù thủy : Nhà trí thức và thầy phù thủy đều giữ một chức vụ bổ túc, họ tạo ra một thứ bệnh hoạn cần thiết cho sức khỏe (tinh thần) của đoàn thể. Dĩ nhiên ta không lấy làm lạ rằng khi họ tạo ra tình trạng xung đột xã hội như thế (hay có thể nói họ có giao ước với xã hội để làm công việc ấy) họ tác động trên bình diện ngôn ngữ ; bởi vì ngôn ngữ chính là nghinh lý này : đem lại một định chế cho thế giới chủ quan.

VŨ ĐÌNH LƯU dịch

1) *Anthropologic*

HOÀI KHANH Tạm biệt bạn đọc

Vì lý do sức khỏe, nên kể từ số tới (số 9) tôi không còn « coi sóc » nguyệt san **Giữ Thơm Quê Mẹ** nữa.

Trong 8 số báo vừa qua, với sự khích lệ nhiệt thành của bạn đọc bốn phương và nhất là các bạn gửi bài cộng tác, tôi không thể nào quên chân tình ấy của các bạn.

Nay không còn tiếp tục cộng tác cho tờ **Giữ Thơm Quê Mẹ** nữa, nên một lần nữa tôi xin chân thành cảm tạ toàn thể bạn đọc và dịp khác nếu có cơ hội thuận tiện, chúng ta sẽ gặp lại nhau.

Riêng các bạn gửi bài cộng tác, xin các bạn cứ tiếp tục gửi về tờ báo như trước đây các bạn đã từng đóng góp.

Kính chào các bạn

HOÀI KHANH

GIAO THỪA BỆNH VIỆN

HẰNG HÀ SA

MỘ T mẩu đối thoại ngắn lọt vào tai tôi lúc tôi đang xem lại tập hồ sơ bệnh nhân vừa được cho về nhà ăn Tết ; mẩu đối thoại hồn nhiên của lũ trẻ đưa tôi trở về thế giới huyền ảo của những ngày cuối năm với tiền mẹ để dành đi chợ Tết. Thăng Minh bảo :

— Nguu, mày đánh cuộc với tao đi.

— Đánh cuộc cái gì.

Minh tiếp tục nói, với giọng Bắc, thản nhiên như nó đã suy nghĩ từ lâu câu nói sau này :

— Đánh cuộc xem thử mày và tao thằng nào chết trước. Cả lũ trẻ chung quanh cười rộ lên. Tôi sững sốt trước câu nói đó của thằng bé 10 tuổi. Cô y

tá bức bối gắt lên — chúng mày ra hết bên ngoài để ông Thầy làm việc đi.

Tụi chúng nó sợ oai lẫn hết ra ngoài, nhưng con Hoàng còn ngoái cổ lại :

— Cô ơi cô, thằng Minh và thằng Nguu đánh cuộc xem đứa nào chết trước đó.

Ngọc Yến, tên người y tá, diễm nhiên làm việc sau khi đã lắm lần cốt cho tôi nghe : « Thế nào rồi chúng mày cũng xuống nhà xác chờ đánh cuộc làm chi cho mất công ». Tôi cũng nghĩ thầm như thế nhưng không nỡ nói ra, nói một sự thực đau lòng không phải là ai cũng nói được cả. Những năm dài lớn lên trong bần khổ và thắc mắc tôi

không dám nói toạc những điều tôi nghĩ có lúc thì tại sợ ba tôi buồn, có lúc thì tại sợ bạn tôi méch lòng, có lúc thì sợ bị chính quyền cho vào khám... sau này các thầy tôi đều dạy cho tôi cách trình bày với thân nhân những bệnh nhân về các trường hợp vô phương cứu chữa ; tôi cũng cố gắng nhưng giọng tôi vẫn ngập ngừng và đôi lúc không muốn nói, lần này thì có lẽ tại tôi không muốn đưa tôi vào những vực sâu thăm thẳm của cuộc đời, ở đó dù có nhắm mắt cũng không thoát khỏi cái ghê rợn của đêm đen, có mở mắt thì hai tay cũng còn phải sờ soạng, lần mò.

Vì thế mà tôi không dám nói những điều tôi đã nghĩ về thằng Minh thắng Nguru và một số đứa khác điều trị tháng này qua tháng khác chỉ để chờ thần chết đến mang đi. Thằng Minh bị ung thư máu. Lần đầu tiên tôi thấy nó trong cơn hấp hối, mặt mày tái xanh, hơi thở yếu ớt mà miệng vẫn phều phào « Mẹ, đi mua phở cho con ăn ». Tất cả cố gắng của chúng tôi đã cứu nó qua khỏi thời kỳ khẩn cấp. Phần định bệnh nửa tháng sau đã cho tôi biết cái « tương lai nhà xác » của nó trong lúc mẹ nó vẫn hy vọng và thường cảm ơn rối rít mỗi lần đi thăm bệnh. Thằng Nguru đau tim vào thời kỳ khá nặng. Thỉnh thoảng nó lại sùng vù người lên, khó thở và không đi đái được. Nó biết bệnh nó thế nào cũng chết, nhưng vì bố mẹ nó bỏ lại cho nhà thương nên tôi vẫn có thì giờ và điều kiện cứu nó nhiều lần, đề hôm nay buổi chiều ba mươi Tết ngồi nghe

chúng nó « đánh cuộc » với nhau đánh một ván bài mà chẳng có thắng nào thắng, thắng nào bại, thực trái ngược hẳn với ván bài của Pascal về sự hiện hữu của Thượng đế.

KHÔNG có sự xôn xao của mấy đứa bị bệnh không đến nỗi trầm trọng lắm được tôi cho về nhà ăn Tết thì căn lầu của bệnh viện này cũng không có vẻ chờ đợi, vào những ngày cuối năm nhật nắng, những hy vọng của năm mới. Dăm ba cái đèn lồng treo ở trước các cửa phòng không đủ để làm cho tôi nghĩ rằng ngày mai, dù pháo không được công khai nổ ở các ngõ đường, có một mốc thời gian quan trọng mà mọi người chờ đợi. Những ô-kính còn dính bụi. Những hành lang dài nối liền các khu bệnh lý lúc nào cũng mang vẻ hoen-rỉ của tháng năm. Tôi xếp đồng hồ sơ lại, nhìn lũ trẻ tung tăng ở trước sân, nhìn qua ô kính mờ mờ những cảnh lệ liễu buông thõng như chính những ý nghĩ của tôi về những biến chuyển của đất nước. Bây giờ, ở khắp nơi sự xôn xao của mỗi gia đình báo hiệu ngày Tết đến, trong lúc đó chính sự vắng vẻ ở đây, sự hiu quạnh của một căn lầu bệnh viện với chỉ chừng 20 em bé hoặc bệnh quá nặng hoặc không họ hàng thân thích, và một ít vợi vãi của nhân viên bệnh viện nhắc cho tôi sự nhớ rằng buổi chiều này là buổi chiều cuối năm, sự cuối cùng của một đoạn đường dài bước đi đều đặn, con người dừng lại và đánh một mốc thời gian : dăm ba ngày Tết.

Đã một năm nay tôi làm quen với bệnh viện này, quá quen với cảnh chết chóc, quá quen với những phiên trực. Thế mà có lần tôi cũng đã khóc thẳm trước thi hài của một vài em bé mũm mĩm, lúta đưa xuống nhà xác mà nước da còn căng tràn sức sống. Lần khác thì tôi lại thẳm mong cho một vài em bé khăng khiu chết đi, như một sự giải thoát. Chúng có được cứu sống thì cũng sẽ chết vì những phũ phàng của xã hội. Tôi mong thật nhiều tâm trạng khác nhau lúc đối diện với giao thời của sự sống và cái chết. Có lúc tôi thức suốt đêm bên một em bé gầy như vô phương cứu chữa bởi vì nó là đứa con độc nhất của một bà mẹ trẻ mà chồng đã chết ngoài chiến trận. Có lúc tôi đem hết tâm trí chữa bệnh bất chấp thời giờ, no, đói chỉ vì thằng bé mang bệnh có cô chị xinh như các cô đào điện ảnh. Lúc khác thì vì tò mò muốn xem bệnh biến chuyển thế nào mà tôi phải cứ nửa giờ lại nhọc mệt leo lên mấy tầng lầu để xem chừng vài em bé. Sự tò mò đó được diễn tả bằng câu nói « ông Thầy này tận tâm quá » của thân nhân bệnh nhân. Và nhiều nữa. Có những điều tôi không ngờ là tôi đã nghĩ như thế khi chữa bệnh. Nhưng bây giờ, vào một ngày cuối năm mà tôi phải trực, tôi chỉ mong có một điều, tôi chỉ mong có một tâm trạng là «Lạy Trời, (hay lạy Phật, Lạy Chúa, lạy ai tôi cũng lạy cả nếu...)» đừng cho tôi thấy sự chết chóc, nghe sự chết chóc ở bất cứ nơi nào, ít nhất là trong một khoảng thời gian ngắn ngủi đón chờ sự hy vọng của năm mới. Tôi biết là

tôi đang buồn cười và vô lý nhưng mà thực sự nếu anh bạn tôi cần phải đón nhận một cái tát tai như nghiệp quả phải thế thì tôi xin nguyện làm trung gian cầu xin cái nghiệp quả đó đến chậm hơn, cho tôi một khoảng thời gian ngắn không nhìn, không nghe và không đón nhận nghiệp quả. Nghĩ thế trước khi về phòng tôi không quên xem lại mặt một em bé bị sốt xuất huyết và nhắc chừng :

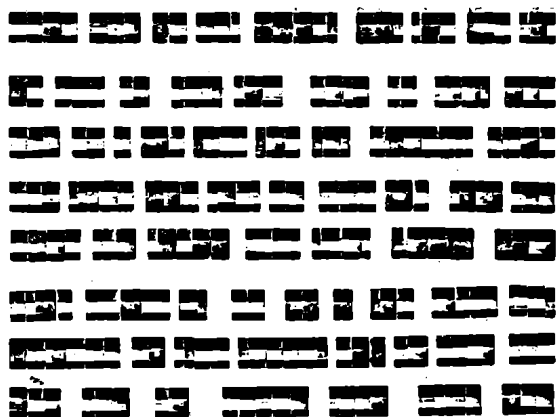
— Cô Y xem hộ giường 2 phòng 9. Lấy huyết áp mỗi giờ và lúc đổi phiên nhớ nhắn lại cô nào trực đêm. Có gì lạ nhớ cho tôi hay.

CẢ N thân tôi ghi vào tờ bệnh lý những lời dặn dò và thân thiện đón nhận mấy câu căn nhắc của cô y tá : « cuối năm mà còn bắt người ta làm việc như một con vật ». Mặc, cuối năm đối với mình chứ có cuối năm, đầu năm đối với vi trùng đâu. Tôi thấy rõ chúng nó tiếp tục mức hành sự bình thường nơi bệnh nhân nhưng tôi không đau khổ bằng lúc tôi nghe người Việt Nam « chiều qua, tối nay, ngày mai, Tết, vẫn giữ mức hành sự bình thường hay còn lảng thêm nữa là đấng khác ở khắp các mặt trận không giới tuyến lấy tiếng súng thay pháo nổ  « Lạy bất cứ ai, đừng cho tôi thấy, tôi nghe sự chết chóc vào buổi chiều này », thực giống tâm trạng người chết vẫn còn xin « được thấy trên mặt người ẵm áp, hình ảnh cuộc đời từ nay xa tắp », (Thơ Huy Cận) Vứt cái ý nghĩa so sánh ngộ nghĩnh đó đi,

tôi trở về phòng, không quên ném mắt nhìn vào giường 2 phòng 9 ở đó có một em bé thoi thóp thở, mặt xanh xao, lấm đốm những vết bầm của mạch máu vỡ.

oOo

CẢ N phòng rộng và trống trải. Thằng bạn không hay lo nghĩ của tôi đã về Huế ăn Tết. Vẫn còn tờ lịch đề ngày 25 âm lịch. Nó hay lật lịch đề mong ngày về thăm vợ. Tôi không mong gì cả, lại còn sợ ngày tháng qua mau nên không bao giờ xé lịch cả. Bàn vẫn bề bộn sách vở, cây đàn đặt nghiêng ở một góc tường. Có gì đề cho tôi nghĩ là năm nay tôi ăn Tết ở đây, một mình. Bực mình, tôi dơ tay xé một lúc 5 tờ lịch, chiều 30 rồi đấy. Và ngày mai anh hãy có được một điều mới lạ đề không hồ thẹn với thời gian. Tôi nghĩ đến sự ngăn nắp cần có, thói quen đón xuân của mọi gia đình. Cởi blouse treo vào móc, tôi bắt đầu thu dọn căn phòng. Xa xa đã có tiếng nhạc mừng xuân. Ở nhà bên có tiếng piano của mấy đứa bé mới tập chơi đàn. Tôi hát nho nhỏ : « đón giao thừa một phiên gác đêm ». Gác bệnh viện chứ không phải gác chiến trường. Hai việc, làm khác nhau nhưng có một điểm chung : ngày nào đó tôi sẽ phải gác bệnh viện ở chiến trường ; ở đó việc giết người và cứu người ở cạnh nhau. Ý nghĩ này làm tôi thoải mái, không buồn, không vui. Chỉ tiếc một điều là mọi người gần đây đã nêu ra một thứ chia rẽ mới trong một trăm thứ chia rẽ khác ở đất nước này. 



Tôi hy vọng ngôi bút đã phá hoại thì lại chính ngôi bút xây dựng lại, có lẽ không khó lắm nếu người ta có nhiệt tình. Như một loại thuốc trị liệu không được dùng quá phân lượng, tôi nghĩ người làm văn nghệ cũng cần đo mức độ hậu quả của những điều mình sáng tác. Vừa dọn dẹp căn phòng vừa suy nghĩ như thế, tôi đã đón nhận mùa xuân ngay từ buổi chiều cuối năm. Một bình hoa nhỏ để ở giữa bàn, toàn là những cành hoa do túi trẻ đi hái quanh khu bệnh viện hay là do mẹ chúng mang lại. Con Hoa lang thang cả buổi chiều mới kiếm được vài cành. Nó mang 1 cái lá lách to như cái đầu trẻ con ở trong bụng, cái bụng ông ềnh ầy vẫn soán lấy tôi mỗi lúc tôi đi thăm bệnh. Thằng Vị mời ngày nào mặt mày, tay chân phù thũng thật nhiều mà bây giờ đã biết xin cái hoa hồng của một cô y tá để tặng « ông thầy nhân dịp Tết đến ».

Cả một lò mứt bánh giữa bàn cũng do nó xuống phố mua giúp nốt. Dọn dẹp xong xuôi, căn phòng tôi trông có vẻ sạch sẽ và rộng hơn lên. Cây đàn vẫn nằm im ở một góc, nư

cười của bức tranh La Joconde vẫn hằng ngày khuyến khích tôi yêu đời. Ở bệnh viện tôi thấy khóc nhiều hơn cười, vào đời tôi thấy hùng hục, lam lũ, nhiều hơn là thoải mái. Chỉ có những lúc như lúc này tôi mới thấy nụ cười của bức tranh là một sự cứu rỗi, tôi yêu đời thực sự, yêu đời qua khung cảnh một căn phòng ngăn nắp, qua khung trời đổi gió sửa soạn mừng năm mới.

TÁM xong, tôi cố tìm một giấc ngủ êm đềm để bù lại ban trưa không chợp mắt được. Trong giấc mơ ngắn ngủi, tôi gặp « cô gái Xuân » thân nhiên rủ lụa trên sông Vân; năm tháng chưa hằn lên nét mặt một vết nào cả. Chim hót véo von trên cành. Gió vuốt ve hai bên má tôi. Nước sông lăn tăn gợn sóng. Tôi lội bừa xuống sông và tắm mình trong khung cảnh nên thơ đó. Kỳ thay, cô gái bỏ đi. Tôi la lớn : « tại sao cô bỏ đi ». Cô gái quay lại mỉm cười độ lượng, rồi khoan thai đi theo con đường mòn. Tôi lạ quá, vì nghĩ thầm hay có lẽ tắm thân trần tục của mình đã làm đục giòng sông ? Ý nghĩ này làm tôi khóc như một đứa trẻ thơ.

Tôi choàng dậy vì những tiếng gõ cửa, cơ hồ trên khóe mắt còn đọng những giọt lệ ẩm ứ. Người y công giao hồ sơ cho tôi xem và chơi với tôi một câu bà tu đã nói hằng vạn lần trong đời « mời ông thầy lên lầu II b ». Càng hay,

bà ta cứu tôi thoát khỏi sự ám ảnh của giấc mơ.

oOo

XEM lại một vài đứa nhỏ trở bệnh, nghe một vài bà than thở đã cuối năm còn khổ cực vì con, nói dăm ba câu chuyện với các cô y tá sắp hết phiên làm chiều, an ủi một vài đứa bé đã biết tủi thân khi phải ở lại bệnh viện vào lúc « năm hết tết đến », tôi thả họ về phòng, định bụng sẽ bỏ gác chừng nửa giờ, dong xe quanh phố một phen. Đã hơn 9 giờ tối. Giờ này chắc ba tôi vừa tụng xong lần kinh tối, lũ em tôi chắc đang bu quanh nghe ngoại tôi kể chuyện đời xưa và mẹ tôi chắc là đang sửa soạn thức ăn cúng giao thừa. Một năm phải ăn tết xa nhà mà nghĩ như vậy tôi buồn lắm và thấy tủi thân, nhưng năm nay mọi sự thay đổi : trước cái đau đớn bao la của dân tộc tôi bỗng thấy nỗi buồn của mình trở thành con số không. Một số bạn tôi đang đi hành quân vào giờ này. Như hồi còn đi học thì chắc một vài đứa sẽ khóc khi ngồi ở gác trọ nghe pháo nổ đón xuân. Tôi còn nhớ anh Ngẫu, Tết không về thăm nhà nghe thằng bạn hát bài « xuân tha hương », [n]ằm khóc thành tiếng ở Đại học xá. Những cảnh đó trở thành vô nghĩa. Giữa sự xa cách của 2 thế giới, sự xa cách bằng không gian chỉ rất là bé nhỏ. Vì thế mà tôi nghĩ về gia đình thật thoải mái và yên lành. Tất cả còn đó, êm ấm, vài

tất cả đang nghĩ về tôi thật triu mến. Chừng đó đủ cho tôi thích thú ; như trong giấc mơ nhìn cô gái rũ lụa trên sông lăn tăn gợn sóng.

Đi ngang qua lầu I tôi lại gặp lũ trẻ quen thuộc. Chúng đang vui với những món quà của bệnh viện phân phát vào dịp tết. Tôi bỗng xảy ra một ý kiến.

— Đưa nào theo ông Thầy về phòng ăn bánh không ?

Đáp lời tôi, cả lũ trẻ nhao nhao :

— Tụi bây ơi, đi về ăn hết bánh của ông thầy đi.

— Ông thầy có cho bọn con đốt pháo không ?

— Ông thầy xin phép cô Yến cho bọn con đi chơi đi... Tiếp theo các lời reo hò, chúng vây quanh tôi và theo tôi đi về phòng. Thế là tôi khỏi cô đơn tối nay. Chúng sẽ riu rít bên tai tôi. Những đứa trẻ bất hạnh thường hay có những ý nghĩ lạ lùng.

Về đến phòng tôi mặc chúng chạy nhảy, la hét. Tôi đi thấp 2 ngọn đèn cầy đặt hai bên lọ hoa. Tôi vẫn thích cái ánh nền lung linh hơn là ánh sáng đèn điện. Xong, tôi tắt điện và nằm im một lát. Với ánh nền, tất cả nét bệnh hoạn trên nét mặt lũ trẻ biến mất. Trong phòng tôi chỉ còn sự vui đùa. Chúng quên và tôi cũng quên hoàn cảnh của bệnh viện. Tôi có cảm tưởng mình có cả một lò cháu nhỏ đang vui đùa, và thấy mình lớn hẳn lên. Đèn điện không có, chúng bắt đầu vây quanh tôi và hỏi tôi tíu tít :

— Sao ông thầy không về nhà ăn Tết ?

— Ông thầy cho con tiền đi mua pháo đi !

Tôi trấn an chúng :

— Thế nào cũng có pháo và bánh kẹo. Nhưng yên nào, đưa nào có chuyện hay kể « ông thầy » nghe rồi sẽ được thưởng.

N Nghe tôi nói chúng yên lặng. Chắc đưa nào cũng suy nghĩ xem nên kể chuyện gì, để còn được ăn bánh. Ngồi nhìn chúng ngẫm nghĩ mà tôi bỗng phì cười. Chỉ có thằng Vị là lớn nhất trong bọn và bệnh đã gần lành hẳn. Tôi nháy mắt, giao tiền cho nó và bảo nó đi mua pháo. Chỉ có nó mới biết chỗ bán pháo lậu. Thằng Vị đã đi rồi, còn lại những đứa trạc tuổi nhau. Con Hoa bị đau lá mía kinh niên, bụng ồng, mặt vàng. Con Hoàng bị chứng thần kinh đã hơi thuyên giảm. Thằng Minh bị ung thư máu. Thằng Nguu đau tim. Thằng Tuấn bị chứng thận viêm đài ra máu. Thằng Nguyễn chỉ còn một lá phổi. Chúng đều được chữa trị kinh niên đến độ tôi thuộc hết bệnh trạng và biến chứng của chúng. Nhưng giờ này tôi muốn nhìn chúng như những đứa trẻ bình thường. Tôi muốn chúng nói lên những điều ước ao thời ấu ấu. Tôi bèn hướng dẫn chúng nói chuyện :

— Nào, bé Nguyễn, bé thích gì bây giờ nói cho ông thầy nghe đi.

Nguyên chưa trả lời, cả bọn đã hét lên rồi vỗ tay om sòm :

— Thăng Nguyên chỉ thích ăn bánh thoi, ông thầy cho nó đi. Tiếng vỗ tay dứt. Nguyên bồng trả lời :

— Con chỉ thích má con đến đem con về ăn tết.

— Thế bây giờ má bé đâu rồi, tôi hỏi.

— Con không biết, nhưng mấy năm trước còn ba má cho con ăn bánh nhiều lắm. Ba con bỏ đi, má con cũng bỏ con luôn, bỏ riết một hồi con đâm ra bệnh.

Con Hoa bồng xen vào :

— Má con không bỏ con nhưng hết tiền mua máu má con sợ không dám đến đây nữa. Sang năm, ông thầy đừng bắt con sang máu nữa nghe.

Con Hoàng vỗ ngay cơ hội :

— Nó nói láo, má nó không tới đây từ lâu rồi. Nó sợ chích đó. Nó nói láo ; lêu lêu Hoa ơi, xấu lắm. Tôi phải dọa ngay :

— Hoàng, yền đi xem nào. Còn lợn xộn nữa ông thầy không cho ăn mứt đó. Thôi, còn mấy đứa kia, kể chuyện tiếp cho ông thầy nghe.

Thăng Nguru nãy giờ ngồi yền, cũng cố nói vài câu mộc mạc : — Con đi giữ trâu, tại tia má con nghèo quá. Bữa đó hai bèn bắn nhau, con trâu của ông chủ con bị đạn chết mất. Ông bỏ lên Saigon. Tia má con cũng bỏ con luôn. Con đi ở nhà người khác

được mấy tháng thì bệnh. À ông thầy có biết con bệnh bao giờ chết không ? Con sợ chết ở đây lắm, con thích về làng chết thôi.

— Bậy nào, con không chết đâu mà sợ. Thăng Minh lên tiếng :

— Ông thầy dẫu tui con làm chi, con nghe mấy cô bảo với nhau là hai đứa con thế nào cũng chết mà.

Biết là đã bị đưa vào ngõ bí, tôi lần tránh :

— Thôi đừng nói nhảm, thăng Nguru mở gói mứt ra giùm ông thầy.

Cả bọn lại xúm quanh tôi, lao nhao « Cám ơn ông thầy ». Chúng tranh nhau ăn như một bầy gà con. Nhìn mấy đứa nhỏ quây quần, ăn uống, vui đùa, tôi bỗng thấy ấm áp, vui sướng. Mùa đông đã qua hết thật rồi. Tôi mân mê mấy cành hoa giữa bàn, nhìn chúng một cách âu yếm. Bỗng Thăng Minh đề nghị :

— Sao, ông thầy không về quê. Ông thầy kể chuyện cho bọn con nghe đi. Chuyện ở Huế đó. Con nghe mẹ con bảo Huế đẹp lắm.

Con Hoàng vẫn láu lỉnh.

— Ông thầy không về Huế. Ông thầy ở lại với cô Yến tui bây ơi.

TÔI phì cười và bối rối không biết phải kể cho chúng nghe những gì ; tôi nhớ thuốc trị trẻ em mà quên hết các chuyện nhi đồng. Tôi đang băn khoăn thì một làn gió thoảng qua, chiếc lá ở cành hoa rơi xuống mặt bàn. Tôi liền tưởng đến

chuyện « chiếc lá cuối cùng » mà chỉ tôi đã đọc cho tôi nghe vào một chiều cuối năm sau ngày đình chiến. Tôi bịa ra một chuyện để làm quà xuân cho chúng. Tôi thầm nghĩ : « Thế nào cũng phải có một bà tiên mới được ». Và tôi bắt đầu kể ; phải ráng dùng giọng « nhi đồng ».

« Ngày xưa, có cô bé lên Tám, rất ngoan, biết thương người mà nhà lại nghèo, rất nghèo. Tám lại rất hay bị bệnh vặt (tôi dùng các chi tiết này cho chúng dễ thông cảm). Một hôm, vào cuối mùa đông, mẹ Tám sai đi mua bánh mì. Trời mưa lạnh, Tám khoác chiếc áo mưa đã rách ra đi. Đến một gốc cây ở đầu phố, Tám bỗng dừng lại vì trông thấy một bà già run rẩy núp mưa; cây gậy tre đã rơi khỏi tay, bà vói mãi mà không nhặt được. Tám vội vàng chạy lại lượm cây gậy trao cho bà lão. Bà tạ lễ rồi nhìn Tám và môi mấp máy : « cô bé ơi, già này... đói quá »

Kể ngang đến đó dĩ nhiên lũ trẻ không hiểu câu chuyện sẽ diễn biến ra sao, nhưng người lớn đoán trước là cô bé Tám, động lòng trắc ẩn, sẽ dùng tiền mẹ cho để mua cho bà già một tô cháo nóng. Ăn xong bà lão lại tỉnh, đưa bé cũng quên cả lạnh, quên cả về nhà mẹ sẽ mắng và đánh đòn : hai bà cháu nhìn nhau mỉm cười. Bỗng bà già nhìn Tám, nâng cằm nó lên và bảo rằng : « Sau này có dịp già sẽ giúp cháu ». Nói xong biến mất. Vì bà đó là một bà tiên chuyên đi giúp đỡ những người có lòng từ thiện. Đứa bé hết sức ngạc nhiên, trở về nhà bị mẹ đánh đòn, rồi vì lạnh vì đau đòn bé ngã lăn ra lâm trọng bệnh, sưng phổi... Tôi chỉ lạ là tại sao tôi kể

chuyện thần tiên say sưa đến thế, rồi kể khung cảnh mùa đông nữa, nào là trời mưa lạnh, gió rít từng cơn, đường phố vắng khách, nào là những chiếc lá từ những cành cây khẳng khiu rơi xuống... Tôi nói như tôi đang làm văn thời thơ ấu. Và lũ trẻ nghe tôi thật chăm chú. Chúng chưa hề được sống trong khung cảnh lạnh lẽo của mùa đông xứ Huế, chưa hưởng những cảm giác lạnh lẽo của mùa đông Hà Nội ; cho nên chúng quên ăn mà nghe tôi làm văn tả cảnh. Dĩ nhiên là chúng sẽ tò mò hỏi tiếp : « rồi sao nữa ông thầy ». Và tôi sẽ kể tiếp rằng : « đứa bé sưng phổi không thể trị ở nhà được phải vào bệnh viện, Ôi, cái màu trắng của bệnh viện và màu xám xịt của bầu trời mùa đông không dung tha cho đời nó. Cả cô y tá nữa, màu trắng của chiếc áo làm nó lo sợ. Hại thay, qua khung cửa sổ, nó trông thấy được những chiếc lá vàng lá tả rơi xuống, từng chiếc, từng chiếc, lia cành. Nó nhớ tới bà già cũng run rẩy dưới gốc cây rụng lá. Nó thầm nghĩ, đời mình sẽ kết thúc với chiếc lá cuối cùng, nhưng nó không ân hận, nó đã giúp được một người qua cơn đói khát, nó thấy nó sống không thừa thãi.

TÔI lại miên man kể tiếp, lũ trẻ vẫn quên ăn để nghe tôi nói. Đã hơn 11 giờ. Gần giao thừa rồi. Khung cảnh của những câu chuyện thần tiên Tôi kể tiếp theo câu chuyện của « chiếc lá cuối cùng ». Đứa bé nhờ cô y tá đếm hộ những chiếc lá rơi và chờ thời khắc sau cùng của đời mình. Lại thay chiếc lá sau cùng không bao giờ rơi, nó vẫn bám chặt vào cành cây khẳng khiu, mặc cho mưa gió bão bùng. « Cô ơi cô ơi, Tám gọi, chiếc lá của em

vương pên liêm

VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO

GIAO CHỨC NÔNG THÔN

HẦU hết tại các quốc gia chậm tiến, đời sống nông thôn phản ảnh một tình trạng khốn khổ mà các nhà xã hội học gọi là « nền văn minh ứ đọng ». Cho nên nông thôn luôn luôn là thí điểm ưu tiên tiếp nhận mọi chương trình cải tiến của chính phủ. Chương trình cải tiến dân sinh và phát triển nông thôn đôi khi được nâng lên hàng quốc sách. Trong ấy, công tác giáo dục dẫn đầu.

Tùy theo chủ trương và đường lối của mỗi quốc gia, công tác hướng về nông thôn hay các địa phương kém mở mang thường thực hiện bằng hai giải pháp. Thứ nhất, công tác ấy nói chung được

phân nhiệm rõ ràng cho cán bộ mỗi ngành thực hiện : giáo dục, y tế, kinh tế, xã hội... Thứ nhì sẽ giao trọn cho cán bộ giáo dục tức là giáo chức — giáo chức nông thôn. Nhiều người phê phán rằng cả hai quan niệm đều đúng và sai. Nhưng đó là vấn đề không phải đề cập ở đây. Điều quan trọng cần phải nhấn mạnh : công cuộc giáo dục là điều kiện tiên khởi cho bất cứ một chương trình cải tiến nào thuộc mọi lãnh vực giáo dục, y tế, kinh tế và xã hội. Bởi lẽ « *giáo dục là điều kiện cốt yếu cho hạnh phúc cá nhân, cho sự tiến bộ của xã hội, cho sự mở mang của quốc gia* ». Và quan niệm này được trình bày đầu tiên trong

« Lời giới thiệu » của quyền Văn đề đào tạo Giáo viên nông thôn, loại sách dịch chuyên khảo của UNESCO, như sau :

« Ở vào thời đại dân chủ không một ai phủ nhận sự cần thiết của giáo dục đối với quần chúng. Ngày nay, người ta càng hiểu rõ « Dân Chủ » là hai chữ rỗng tuếch nếu một khi kẻ bình dân vẫn chưa biết thực hiện quyền dân chủ ; một khi dân quê và thợ thuyền không chịu áp dụng phương pháp tối tân cứ giữ mãi những phương pháp cổ truyền làm cản trở sự mở mang nền kinh tế, một khi sự cải thiện những điều kiện về vệ sinh còn bắt buộc mỗi người phải học cách giữ gìn thân thể cho sạch sẽ, cách đề phòng bệnh tật và sống một cuộc đời lành mạnh. Người ta cũng hiểu rằng nạn mù chữ cản trở sức tiến của các nền kinh tế, vậy là một yếu tố gây ra sự khốn cùng, mà sự khốn cùng lại là nguyên nhân của sự thiếu ăn, của bệnh tật ngấm ngấm phá hoại sức sống của dân chúng và làm giảm mức sinh sản »...

NHƯ vậy, một quốc gia nào muốn thể hiện đầy đủ tinh thần dân chủ thì phải giải quyết cho kỹ được các vấn đề vừa nêu nghĩa là tình trạng xã hội của quốc gia ấy phải được cải thiện hoàn toàn. Một lần nữa công trình ưu tiên của giáo dục được nhắc lại. Vai trò của trường học và nhiệm vụ của giáo chức không thể nào bị quên lãng, nếu không nói là được các giới có trách nhiệm đặc biệt lưu tâm. Vì lẽ người ta quan niệm rằng trường hương học phải góp phần vào việc nâng cao mức sống của dân quê để trở thành một trung tâm văn hóa của làng. Giáo viên là người hướng dẫn dân quê, phải được chuẩn bị đề lãnh nhiệm vụ đó bằng cách tìm hiểu về vệ sinh thực hành, canh nông, tiểu công nghệ, những phương pháp tổ chức thời giờ rảnh rang, những hợp tác xã, những phương pháp điều tra xã hội v.v., »

(Văn đề đào tạo giáo viên nông thôn trang 8)

Không ai có thể chối cãi được rằng giáo chức là người đủ tư cách nhất trong việc hướng dẫn dân chúng nâng cao mức sinh hoạt và cải thiện tình trạng địa phương. Trước khi giao phó trọng trách đầy gian khổ ấy cho giáo chức, người ta phải huấn luyện họ, mặc dù người ta chưa đồng ý về phương pháp huấn luyện và hệ thống đào tạo. Lý do của việc huấn luyện thì người ta đã khẳng định nhiều lần. Chỉ có vấn đề phân biệt giáo chức nông thôn và giáo chức thành thị cũng đủ làm cho vấn đề phức tạp càng trở nên phức tạp thêm. Nhưng có điều chúng ta nhận thấy, giáo chức phục vụ nông thôn phải được huấn luyện theo chiều hướng ấy — ít nhất có ý thức về nông thôn — yêu thương dân quê — để có thể làm tròn sứ mạng không kém phần cao cả của mình.

RẤT nhiều quốc gia trên thế giới dù là những quốc gia tiến bộ, vẫn đặt nặng công cuộc đào tạo giáo chức nông thôn. Thật ra, không có ai lỗi thời cho đến nỗi làm một việc phân giai cấp giáo chức, những hiện thân của tự do, dân chủ, công bằng và bác ái. Giáo chức nông thôn hay giáo chức thành thị chỉ là những giáo chức được huấn luyện theo khuynh hướng địa phương này, hay địa phương khác để có đầy đủ khả năng thích nghi hóa hoạt động của mình mà thôi. Có lẽ không có Bộ Giáo Dục nào dám làm một việc trái ngược : bỏ nhiệm vụ giáo chức thành thị đổi về thôn quê, nếu đã có sự huấn luyện riêng rẽ. Nếu có sự phân biệt thì dĩ nhiên giáo chức nông thôn sẽ đóng vai trò quan trọng hơn vì ở đây, địa phương và dân chúng có được phát triển, tiến bộ hay không là do hoạt động của giáo chức. *Đối với những địa phương nông thôn chậm tiến, giáo chức*

dầu phải chỉ một nhiệm vụ duy nhất là giáo dục trẻ con- Vì dầu cô giáo dục trẻ con không đi nữa thì vấn đề đã muốn hay không cũng phải liên hệ mật thiết với phụ huynh, dân chúng và hoàn cảnh xã hội.

Trở lại vấn đề đào tạo giáo chức nông thôn là công việc thiết yếu của nhiều quốc gia ở trong thời kỳ đang phục hưng. Để có một nhận xét và so sánh về việc này, chúng tôi xin đề cập khái lược đến vấn đề đào tạo giáo chức nông thôn ở các nước Ba tây, Côte de l' Or Ấn độ và Mỹ tây cơ. Và tài liệu biên khảo này cũng chỉ nói đến những trường Sư phạm đang ở thời kỳ thí nghiệm, trước đây rất xa.

I) Vấn đề đào tạo giáo chức nông thôn ở Ba Tây

NHÃM mục đích « cột chân con người vào đồng ruộng » giới hữu trách khi nghĩ đến việc huấn luyện giáo chức nông thôn muốn cho những người này am hiểu tận tường vệ sinh, phòng ngừa bệnh tật, kỹ thuật nông nghiệp.

Về tổ chức, các lớp sư phạm được chia làm hai cấp .

a) **Cấp nhất** : Đào tạo phụ tá giáo viên (régentes). — Bốn năm học có tính cách địa phương rõ rệt. Học viên ít nhất là 13 tuổi và phải có bằng Tiểu học (sau 5 năm học), Sự giảng dạy thay đổi tùy theo nền kinh tế của địa phương (canh nông, chăn nuôi, kỹ nghệ khai thác hầm mỏ...)

b) **Cấp nhì** : Đào tạo giáo viên. — Ba năm học (nối tiếp cấp hay là phần nhất của giáo dục trung đẳng tổng quát). Không hạn định tuổi ít nhất là bao nhiêu. Nếu cần, khóa học có thể rút lại hai năm.

Về kỹ thuật, việc huấn luyện được qui định như sau :

— Chấp nhận phương pháp linh hoạt

— Đề ý đến những đòi hỏi về đức dục và công dân giáo dục.

— Trù liệu phương pháp học, dạy cách tổ chức, mục đích, phương pháp và kỹ thuật của mỗi môn ở bậc Tiểu học

— Dạy cho học viên biết thực hành những điều đã học được nhờ những bài tập về quan sát và thực hành.

I) Cuộc thí nghiệm ở Juazeiro do Norte.

TR Ư Ờ N G này thành lập năm 1931, với mục tiêu :

— Cung cấp cho các trường nông thôn. Những giáo chức đủ năng lực đào tạo một cách hữu hiệu những thế hệ dân quê mới bằng cách cho họ hiểu cách thức giữ gìn sức khỏe và đảm nhiệm sự tiến triển của nông nghiệp.

— Dành cho giáo chức một sự huấn luyện sư phạm thích đáng để góp phần vào việc cấu tạo trường tiểu học thành một trung tâm huấn luyện kinh tế và nghề nghiệp.

— Nhờ ở tác động của giáo chức lớp học gợi cho dân chúng một ý niệm về canh nông và vệ sinh.

— Nhờ ở tác động của giáo chức, lớp học tìm cách cho các nhà chăn nuôi, làm ruộng tương lai ý thức tính cách quan hệ của nghề nông và chăn nuôi.

Chương trình học gồm có :

Năm 1 : Toán học. Địa lý. Pháp văn. Âm nhạc. Vẽ. Thề dục. Thủ công. Canh nông thực hành,

Năm 2 : Tiếng Bồ đào nha. Toán học. Sử ký nước Ba tây. Pháp văn. Âm nhạc. Thề dục. Vẽ thủ công. Canh nông thực hành.

Năm 3 : Như trên, bỏ môn sử ký và thêm : Cương yếu về địa lý hình thể tổng quát và địa lý nước Ba tây. Địa lý nhân văn.

Năm 4 : Như trên và thêm môn Vạn vật học và Vật lý học.

Năm 5 : Vệ sinh. Tâm lý học và phương pháp học. Canh công và kỹ nghệ nông thôn. Điều cương yếu về tiết kiệm. Vẽ. Thủ công. Âm nhạc. Thề dục.

Nhà trường có 5 lớp học và nhiều công ốc, một thư viện, một học cụ kho, một nông cụ kho, một nhà thương và một phòng chữa răng. Về sau trường có 20 cái nấc trồng cây, 12 cái mai, 10 cái cào, 8 nọc cấy lúa, 6 dao rạch vỏ cây, 1 đôi kéo lớn, 1 bình xịt thuốc sát trùng, 15 bình tưới, một máy đập bắp, 1 máy phá ổ kiến, 2 con heo, 6 con dê, 20 con gà mái và vài ổ ong...

Học viên tham dự và các hoạt động của hội quán nông nghiệp, câu lạc bộ giáo sư và phụ huynh học sinh, quỹ học đường, hợp tác xã và hội quán vệ sinh...

Trong 18 năm, trường đã cấp 358 văn bằng và đào tạo được 16 khóa phần nhiều là nữ sinh. Nhưng rất tiếc từ năm 1937 đến 1941 chỉ có 2 người được cấp bằng và mỗi khóa chỉ có 22 học viên. Dù vậy trường vẫn cố gắng hoạt động.

2) Cuộc thí nghiệm ở Fazenda do Rosário

NĂM 1947, ông Abgar Renault, cựu Giám đốc Giáo dục khu nhận thấy tình trạng giáo chức thuộc Tiểu bang Minas Gerais như sau : đa số trường học nông thôn trong số 7.000 trường đặt dưới

quyền quản trị của đô thị, 91 0/0 giáo chức ở trường đó lại là những giáo chức « ngẫu nhiên » không tham dự một khóa huấn luyện hay lớp Sư phạm đặc biệt nào và họ không đủ khả năng trau dồi nghề nghiệp thêm, lương bổng ít ỏi... Để cải thiện tình trạng này, ông Abgar Renault vận động sử dụng khu Fazenda do Rosario nhằm mục đích thực hiện những tổ chức sau đây :

a) — *Lớp hè cấp tốc hay lớp năng lực* hoạt động trong một tháng vào mỗi năm rải rác trong các tỉnh lý để khuyến khích các giáo chức nông thôn cải thiện kiến thức phổ thông của họ, chọn lựa học viên cho lớp dự bị và lớp tu nghiệp. Nhân viên điều hành gồm có bà hiệu trưởng học khu, 2 nữ giáo chức, nhiều y sĩ và kỹ sư canh nông được đặc biệt tuyển mộ. Chương trình học ấn định như sau : tiếng Bồ đào nha, toán pháp, những điều cương yếu về kỹ hà học, địa lý và Sử ký nước Ba tây, vạn vật học, vệ sinh, những điều cương yếu về gia chánh, luân lý và công dân giáo dục, kỹ thuật sư phạm áp dụng trong trường nông thôn.

b) *Lớp dự bị địa phương*, hoạt động trong 4 tháng theo thể thức của một trường có ký túc xá, có một trường tiểu học, đầy đủ nhà ở cho giáo sư và giáo sinh. Lớp này chuẩn bị cho giáo chức nông thôn vào nghề mà không theo học trường Sư phạm. Họ học hỏi những « vấn đề » và « dự án » (chủ đề) cụ thể, được hưởng mọi tự do và tham dự vào việc tổ chức và quản trị lớp học. Sau khi ra trường, họ có nhiệm vụ làm cho trường tiểu học trở thành một trung tâm văn hóa và cơ quan xã hội cho dân chúng địa phương. Chương trình học nhằm bồi túc kiến thức về tiếng Bồ đào nha, toán pháp, vạn vật học, vệ sinh và giúp giáo chức phát triển năng lực chuyên nghiệp, óc sáng tạo và tình cảm xã

hội. Thêm vào đó, họ được hướng dẫn công tác thực hành về nấu nướng, trồng tía, săn sóc bệnh nhân, đóng đồ gỗ...

c) *Lớp tu nghiệp* mở cho giáo chức đã tốt nghiệp các trường sư phạm, tương tự với lớp hệ cấp tốc nhưng thời gian học tập là 3 tháng và theo chế độ nội trú. Vì đã có kiến thức phổ thông nên họ chỉ cần thực hành thật nhiều các công tác có tính cách nông thôn.

d) *Lớp đào tạo cố định kỳ* tương đương với một lớp sư phạm địa phương với học trình là 4 năm. Học viên được hướng dẫn và săn sóc thật là chu đáo. Mọi kiến thức về nông thôn được phát triển lần lần. « Chương trình đều soạn bằng những danh từ mềm mỏng và mục đích chính không phải là nhồi sọ học viên những lý thuyết, mà là dạy cho học viên biết sử dụng kiến thức và quan sát để giải quyết mọi vấn đề, và để thực hiện các dự án cụ thể có ích lợi cho trường học nông thôn, cho mỗi trẻ em và gia đình của nó và cho quảng đại quần chúng. Mỗi khi có vấn đề và dự án nào đưa ra, các học viên có nhiệm vụ phải phân tích kỹ lưỡng những khuyết điểm trong cách huấn luyện và khởi thảo một kế hoạch cá nhân để sửa chữa... » (vấn đề đào tạo giáo viên nông thôn, trang 34).

Chúng tôi vừa phác họa bốn nhiệm vụ của Fazenda do Rosário. Cơ sở này chính là một nông trường rộng lớn mà Hội Pestalozzi đã dùng để làm một công cuộc « thích ứng lại » những thiếu nhi hay tráng niên nào không thích ứng với khung cảnh nông thôn. Người ta còn gọi nông trường này là viện canh nông vì nó gồm có một ký túc xá, một trường tiểu học, một trung tâm y tế, một trung tâm dục anh, một trung tâm dạy nghề trồng hoa, một xưởng dạy làm đồ gốm, một xưởng dệt, một hợp

tác xã và một sân thể thao. Thật sự, Fazenda do Rosário đã có không khí của một trung tâm nghiên cứu canh nông dù ở đây các giáo sư, phần nhiều là nhà mô phạm chứ không phải là chuyên viên canh nông, vận dụng hết khả năng và tác dụng của họ đều bắt nguồn ở sự tin tưởng mãnh liệt vào giá trị sứ mệnh cao cả của họ.

Vai trò của Fazenda do Rosário quả đã làm cho nhiều người lưu ý đến công cuộc hướng nghiệp giáo chức nông thôn.

II) Vấn đề đào tạo giáo chức nông thôn ở Côte de L'or (Phi châu).

NĂM 1945, ở Côte de L'or có hai chương trình chính yếu để đào tạo giáo chức : một chương trình 4 năm cho nam nữ thanh niên đã học hết lớp 7 của trường tiểu học và chương trình 2 năm cho học sinh học qua bậc trung học. Hai loại trường sư phạm này không quan tâm đến vấn đề nông thôn trong khi hầu hết các trường tiểu học đều có khuynh hướng nông thôn.

Để đáp ứng với tình trạng đó, một trường sư phạm khác ra đời.

Trường sư phạm phương pháp ở Komenda

TRƯỜNG sư phạm phương pháp được thiết lập do sự trợ giúp và hợp tác của Thánh đường Anh quốc Tân giáo phái, chính phủ Côte de L'or và tiểu bang Komenda.

Từ ngày khai giảng năm 1948 trở về sau, trường đã tỏ ra có tổ chức và hoạt động mạnh mẽ. Mỗi năm trường mỗi phát triển do sự làm việc của nhân viên giảng huấn, các giáo sinh và nhất là sự trợ giúp từ bên ngoài của nhiều cơ quan công, tư.

Trường này lãnh nhiệm vụ đào tạo những giáo chức nông thôn trong hai năm bằng một chương trình huấn luyện sư phạm mới thích ứng với thực trạng xứ Côte de L'or.

Về mục tiêu, trường vạch ra 3 điểm :

« 1) Làm cho vững vàng những kiến thức đó nhưng chỉ ở một vài điểm mà thôi.

2) Nếu có thể cố gắng đào tạo họ thành những người ưa hoạt động, ham muốn và có đủ khả năng để tiếp tục học tập.

3) Đào tạo những giáo chức hăng hái và có đủ năng lực để đảm nhiệm những công việc sau này ở các trường tiểu học và các lớp đồng ấu, và hiểu rõ nhiệm vụ của học đường trong công cuộc nâng cao trình độ của toàn thể dân chúng. Muốn đạt tới mục đích đó, học đường phải dạy cho họ biết kỹ thuật của nhà nghề rất cần cho họ ». (Sách đã dẫn, trang 57).

Về phương pháp và nguyên tắc giảng dạy học viên được chia thành từng toán 15 đề nhân viên nhà trường theo dõi hoạt động và hạnh kiểm cá nhân. Nhà trường cũng dùng phương pháp giảng dạy từng toán nhỏ hết sức cụ thể. Ngoài ra, trường sư phạm phương pháp còn sử dụng nhiều hình thái hoạt động mà hoạt động chính là nghiên cứu sinh hoạt cộng đồng và tổ chức xã hội trong một tuần lễ và những hình thái khác về tổ chức tôn giáo vào ngày chủ nhật.

Chương trình học gồm các môn : Canh nông và khoa học canh nông — chế tạo vật dụng — Toán pháp — nghệ thuật và kỹ nghệ — Nghề thợ mộc và xây cất — khâu vá, gia chánh — khoa sư phạm — Bài dạy mẫu — Anh ngữ — Âm nhạc — Thể dục và Trò chơi — Dạy dỗ về tôn giáo — Tiếng bản xứ — Kiến thức xã hội (sử địa, công

dân) — Nghiên cứu về tình trạng cộng đồng và công tác xã hội — Sự biên tập — Việc làm tự do.

Thỉnh thoảng nhà trường cũng đề ý áp dụng « phương pháp dự án ». « Dự án ấy được đem ra thảo luận trong kỳ họp của các giáo sư, rồi đến các học viên. Kế hoạch được chấp nhận là sự nghiên cứu trường học dưới mọi trạng thái : họa đồ chỗ ở, thảo mộc, động vật canh nông, tổ chức học đường, tài chánh, chương trình học v.v., Mười toán học viên được thành lập, và mỗi toán do một giáo sư điều khiển ; các nghệ sĩ và các văn sĩ được chia ra nhiều toán khác. Nửa tuần lễ đầu thì dành cho các công việc làm đất và công cuộc tìm tòi, nửa tuần sau dùng để chỉnh đốn tài liệu, viết và chú thích bài trần thuyết bằng hình chụp, đồ biểu, bản đồ, mô hình... Trong lúc ấy các học viên đã tỏ ra rất hăng hái và linh lợi (kể cả giáo sư), và cuối tuần trường lại tổ chức một cuộc triển lãm công việc đã làm... » (Sách đã dẫn, trang 63).

III — Vấn đề đào tạo giáo - chức nông thôn ở Ấn độ

TR Ề N địa hạt giáo dục và trong công cuộc xây đắp hạnh phúc cho dân Ấn độ không có nhiệm vụ nào can hệ bằng nhiệm vụ đào tạo giáo viên nông thôn. Đại đa số dân Ấn sống rải rác trong các làng mạc mà trình độ sinh hoạt thấp kém đến nỗi giáo viên nông thôn không những dạy trẻ ở trường mà dạy cả dân làng nữa. Nói một khác, giáo viên chính là vị sáng tạo của dân làng ».

Lời phát biểu của bác sĩ E-A- Pires, phó Hiệu trưởng Trung tâm Giáo dục Viện ở Delhi đã xác định vai trò quan trọng của giáo chức nông thôn cùng công tác huấn luyện những người này trên đất Ấn độ.

Hiện nay ở Ấn độ có hai loại trường sư phạm đào tạo giáo viên tiểu học : trường sư phạm cổ truyền đào tạo giáo chức tiểu học phổ thông và trường sư phạm căn bản đào tạo giáo chức nông thôn. Về phương pháp và tổ chức, hai loại trường này không khác nhau bao xa. Và nói chung, chương trình đào tạo của hai trường đều đặt nặng vấn đề nông nghiệp, tiểu công nghệ và chăn nuôi. Tuy nhiên vì khuynh hướng địa phương và chăn nuôi nông thôn mà nhà cầm quyền giáo dục nước Ấn nhìn nhận rằng trường sư phạm căn bản có thể đủ tư cách thay thế trường sư phạm cổ truyền.

Trường sư phạm căn bản

N HƯ chúng ta đã biết, nền giáo dục căn bản hay cộng đồng tìm đạt đến hai yếu tố *hoàn cảnh thể chất* và *hoàn cảnh xã hội* một cách trọn vẹn. Tinh thần giáo dục căn bản đã hòa hợp vào lời phát biểu trước đây của Thánh Gandhi : « *Phải luyện tập thể chất, tinh thần và tâm hồn dựa trên bằng một nghề mà ta dạy nó ; phải làm nảy nở tất cả những khả năng tiềm tàng của đứa nhỏ bằng cách dạy cho nó biết kỹ thuật của một nghề nào, và gắn liền vào nghề đó tất cả các bài học về sử ký, địa lý và toán pháp* ». Hơn nữa, theo quan niệm của một nhà giáo dục Ấn, giáo dục căn bản không những nhằm đào tạo những cá nhân bình tĩnh, nhất trí, mà còn đào tạo một xã hội lành mạnh và điều hòa nữa. Như vậy học đường trở thành một phương tiện của sự tiến triển kinh tế và xã hội, giáo chức và học sinh nhiều tuổi nhất giữ một nhiệm-vụ quan-trọng và hữu ích về công việc xã-hội và khuếch-trương kinh-tế.

Đối-tượng của trường sư phạm căn bản được vạch ra như sau :

1 — Gây cho giáo-sinh một kinh-nghiệm thực tế về đời sống của một cộng-đoàn xây dựng trên nguyên tắc hợp tác trong lợi ích chung.

2 — Giúp họ hiểu và chấp nhận những đối tượng xã hội của nai talim (một hệ thống mới của Giáo dục căn bản ở Ấn-độ, có nghĩa : giáo dục cho đời sống (lời giải thích của Thánh Gandhi) và kết quả của một trật tự xã hội mới xây dựng trên chân lý và bất bạo lực.

3 — Kích thích sự phát-triển của tất cả các quan-năng, thể chất, trí năng, thẩm mỹ và tinh thần, với mục-đích đào tạo giáo-chức thành con người nhất trí và điều-hòa.

4 — Gây cho giáo-sinh những kiến-thức cần-thiết về nghề-nghiệp, và đặt họ trong tình-trạng có thể hiểu biết và thỏa mãn những nhu cầu về thể chất, trí tuệ và cảm tình của trẻ con.

Chương trình giảng dạy của các trường sư phạm căn bản thường khác nhau đôi chút vì phải tùy thuộc vào hoàn-cảnh và nhu-cầu mỗi địa phương.

Thường thì chương trình giảng dạy gồm hai phần :

— *hoạt động cộng đồng* : Chương trình huấn luyện cộng đồng và hoạt động văn hóa của các trường Sư Phạm căn bản trong Tiểu bang Madras.

Nguyên tắc đời sống dân chủ : vệ sinh giữ gìn công ốc và đất đai, nấu ăn ; — công tác xã hội trong các làng lân cận : vấn đề vệ sinh và sức khỏe : sinh hoạt về xã hội, giáo dục tráng niên ; — những ngày lễ ; — những cuộc du ngoạn ; — âm nhạc ; hợp ca nhạc khí, cồng chiêng ; — khiêu vũ và kịch trường hội họa, trang sức mỹ thuật ; — Học về Ấn độ ngữ,

— *hoạt động tu nghiệp* : Hiểu biết các môn học của nền giáo dục căn bản ; — khoa tâm lý sư phạm học và khoa tâm lý về trẻ em ; — Tổ chức và quản trị học đường ; — phương pháp giáo khoa (tổng quát và chuyên biệt) ; — giáo dục thực hành và những công việc thực hành khác,

IV.— Vấn đề đào tạo giáo chức nông thôn ở Mỹ Tây Cơ.

TR Ư Ờ N G học nông thôn là một vấn đề làm bận tâm không ít cho chính phủ cách mạng của nước Mỹ Tây Cơ. Sau khi cách mạng thành công, Hiến pháp năm 1917 ra đời qui định nhiều điều khoản quan trọng cho công cuộc giáo dục nông thôn, nhất là chương trình đào tạo giáo chức. Trước kia, trên thực tế nền giáo dục nông thôn bị bỏ quên trong khi xứ sở hãnh diện có những trường cao đẳng đề đào tạo bác sĩ và phần tử trí thức ưu tú, hãnh diện có những trường tiểu học mỹ miều ở thủ đô, thành thị để thu hút con cái của giai cấp trung lưu mới,

Các miền quê thì thiếu trường học, chậm tiến về phương diện xã hội và vật chất, có tới 850/0 người mù chữ trong năm 1910.

Vai trò của giáo chức nông thôn quả là, quan trọng và cấp thiết trong việc giải quyết tình trạng trên. Giáo chức tiểu học phổ thông thành thị không thiếu gì song có lẽ không thể đảm đang được trách vụ ở nông thôn. Trong giai đoạn giao thời, chính phủ đã kêu gọi tinh thần và thiện chí, của thanh niên hăng hái phục vụ nông thôn nơi quê nhà của họ, tình nguyện làm giáo chức "ngẫu nhiên". Đối với những giáo chức này Bộ Giáo Dục phải nhờ «phái đoàn văn hóa» lưu động khắp các địa phương để tu sửa nghề nghiệp cho họ.

Mỗi phái đoàn gồm có nhiều chuyên viên : một giáo sư trường sư phạm, một kỹ sư canh nông, một chuyên viên về tiểu công nghệ, một giáo sư thể dục; và một nữ phụ tá về xã hội. Như vậy, thanh niên thiện chí nông thôn được huấn luyện cấp tốc và đặc biệt tại chỗ trong chừng một tháng để trở thành giáo chức nông thôn tạm thời.

Ít lâu sau, một trường sư phạm nông thôn đầu tiên được thành lập vào tháng 5 1922 ở Tacambaro thuộc tiểu bang Michoacan. Kế tiếp đó nhiều trường sư phạm khác lần lượt ra đời nhằm cung phụng cho nông thôn những giáo chức xuất sắc có trách vụ nâng cao mức sống cho người dân quê và phát triển địa phương.

Tính đến năm 1950, trong nước Mỹ Tây Cơ có đến 17.000 trường nông thôn, 21 trường sư phạm nông thôn gồm 4.872 học viên.

Trường sư phạm nông thôn ở El Mexe

TR Ư Ờ N G này ở vào thung lũng Mezquital (tiểu bang Hidalgo) gần thủ đô Mexico. Ở nơi đây, đất cát không sinh lợi được, đại đa số dân chúng nghèo nàn và lạc hậu. Mưa hiếm, thảo mộc thưa thớt sản-phẩm ít không đủ cung ứng cho nhu cầu của dân chúng. Nhưng đặc biệt cũng ở tại thung lũng vừa nói, năm 1928 Bộ Giáo-dục đã cử đến một phái-đoàn văn-hóa thường trực, có sự hợp tác của các Bộ khác.

Trường sư phạm ở El Mexe là một tòa nhà duy nhất, rộng rãi, sửa sang lại đẹp và có nhiều lối ra. Nó gồm có các văn phòng (ban giám đốc, ban thư ký và ban quản trị), một số lớp học đầy đủ, một phòng họp, một thư viện, một phòng phát thuốc, nhiều buồng ngủ, một nhà bếp, một phòng làm bánh mì, một phòng giặt quần áo, phòng tắm... Các giáo sư có nhà riêng biệt. Trường còn có thêm sân chơi thể thao, bể bơi, khu vườn, nhà phụ để làm xưởng mộc, lò rèn, nông cơ, chuồng gà, heo...

Nhân viên gồm có một hiệu trưởng, thư ký, 12 giáo sư, một giáo sư thể dục, âm nhạc, một y sĩ, hai nữ y tá, một nhà nông học, 3 chuyên-viên canh nông, kể

toán viên v.v... Các giáo sư để hết thời giờ vào công việc của nhà trường. Mặc dù tính cách chuyên môn của họ, họ vẫn tham dự vào tất cả các hoạt động của ký túc xá và đối với học viên họ có một ảnh hưởng vừa trực tiếp vừa gián tiếp.

Đối tượng của trường : mục đích của nhà trường là đào tạo giáo chức có khả năng cho các trường nông thôn. « Giáo dục sư phạm quyết định đào tạo những giáo chức có thể hiểu và thưởng thức nền văn hóa cận đại và góp phần vào sự tiến bộ kinh tế, xã hội và luân lý của dân quê... Lẽ đương nhiên họ phải được huấn luyện về phương diện kỹ thuật đề lãnh nhiệm vụ giáo huấn và công tác xã hội » (Hội nghị Giáo dục Sư phạm họp ở Saltillo năm 1944).

Học viên được tuyển mộ ở trong tiểu bang Hidalgo và các tiểu bang phụ cận. Điều kiện nhập học ấn định như sau : Nam thí sinh ít nhất 14 tuổi, nhiều nhất 18 tuổi ; Nữ thí sinh ít nhất 13 tuổi nhiều nhất 17 tuổi. Họ phải là con cái nông dân, công nhân hay giáo chức nông thôn. Trình độ bậc tiểu học 6 năm ở nông thôn.

Chương trình học khóa kéo dài 6 năm gồm hai bậc, mỗi bậc 3 năm : Bậc trung học và Bậc chức nghiệp. Ngoài những bài học về kiến thức tổng quát và chuyên môn sư phạm, giáo dục cộng đồng, kinh tế, y tế, học viên còn tham dự trực tiếp vào những hoạt động kinh tế của học đường (gieo hạt giống, hái quả, chăm nom vườn rau, trồng cây trái, nuôi gà, thỏ...).

Phương pháp giảng dạy phần nhiều là phương pháp tân tiến như các trường sư phạm thành thị khác, đặc biệt là phương pháp dự án hay chủ đề và phương pháp Dalton có tu chỉnh.

TRONG lúc theo học, giáo sinh cũng dành nhiều thời gian công tác bên ngoài, giúp đỡ dân chúng cải thiện mọi điều kiện sinh hoạt.

Trường sư phạm El Mexe còn là một Trung tâm tu nghiệp giáo chức nông thôn đang tại chức ở địa phương thuộc phạm vi kiểm soát của nhà trường. Trường còn được gọi là « trung tâm hợp tác sư phạm » vì có những buổi hội họp của giáo sư, học viên hai năm cuối cùng với giáo chức của 5 trường trong 5 làng thực tập.

Có một điều đặc biệt mà chúng tôi không thể bỏ qua được là tất cả giáo sinh trường sư phạm El Mexe khi đã tốt nghiệp đều phải ký vào một bản cam kết long trọng như sau :

« Tôi xin hứa thừa hành chức vụ giáo viên với một tấm lòng nhiệt thành và cao cả, không bao giờ làm tổn thương đến uy tín của nghề nghiệp tôi và giá trị của học đường đã cấp bằng cho tôi, tôi tiếp tục trau dồi chức vụ trên mọi lãnh vực đề phụng sự giới thiếu nhi và tổ quốc ».

KẾT LUẬN

TẠI bốn quốc gia mà chúng tôi vừa dẫn chứng, đại đa số dân chúng sinh sống ở nông thôn. Không riêng gì bốn quốc gia điển hình này mà hầu hết nhiều nước khác, lấy nông nghiệp làm căn bản, đã có sự cách biệt quá rõ ràng giữa đời sống nông thôn và đời sống thành thị. Và bao giờ nông thôn cũng bị vây hãm bởi hiểm họa Nghèo đói, Dốt nát và Bệnh tật. Cho nên dù một chính phủ nào có độc tài thể ấy đi nữa cũng không đủ can đảm bỏ quên khu vực chậm tiến đó. Nhiều quốc gia dù đã có phân nhiệm rõ ràng cho các bộ, cơ quan chuyên môn thuộc

các lãnh vực y tế, kinh tế, xã hội... nhằm thực thi một chương trình rộng lớn và dài hạn để cải tiến dân sinh và phát triển nông thôn, vẫn giao phó cho giáo chức nhất là giáo chức nông thôn một vai trò tương tự với cán bộ các ngành mà lấy giáo dục là nòng cốt cho các vấn đề khác. Nghĩa là công tác giáo dục phải lôi kéo theo công tác liên quan đến y tế, kinh tế và xã hội. Vì lẽ theo Tannenbaum đã nói, người ta luôn luôn quan niệm rằng *giáo chức nông thôn phải biết mình là vị đại diện duy nhất của nền văn minh cận đại ở giữa đám dân quê biết mình là mối liên lạc giữa quê và tỉnh, và phải đem lại cho dân quê những gì mà họ thiếu thốn : luật pháp, y tế, vệ sinh khoa học, kỹ thuật, dụng cụ và sự học vỡ lòng.*

Trường sư phạm mệnh danh là trường sư phạm nông thôn thể hiện được tinh thần

của đường lối giáo dục cộng đồng, có nhiệm vụ đào tạo giáo chức theo khuynh hướng vừa nêu để khi trở lại nông thôn hay đi tới nông thôn họ có đầy đủ khả năng làm hữu hiệu hóa vai trò của mình tại học đường. Trường học ở nông thôn, phải tham dự với sinh hoạt của dân chúng, phải có trách nhiệm với sự tiến thoái của nông thôn hay địa phương có trường tọa lạc.

Giáo sư Moïses Saenz, Thứ trưởng Bộ Giáo dục Mỹ tây Cơ đã nhận xét rất tinh tế như sau :

« Người ta không bao giờ biết được đến đâu thì hết giới hạn của trường học và đến đâu thì bắt đầu giới hạn của thôn xóm, sự sinh hoạt của thôn xóm ngừng ở chỗ nào và đến chỗ nào thì bắt đầu sự sinh hoạt của trường học ; vì trung thành với nhiệm vụ xã hội lúc khởi thủy, trường học nông thôn với quần chúng chỉ là một ».

PHÁT HÀNH ĐẦU MÙA XUÂN

lòng đất

• truyện dài của *Kiểm Thêm*

truyện viết để ghi lại cuộc
chiến đang xảy ra trên đất nước này



nẻo về của ý

Truyện dài

NHẤT HẠNH

VIII

Hôm thứ bảy, nghĩa là sau đó hai hôm, tôi đi chùa lễ Phật cầu nguyện cho mẹ bởi vì hôm đó nhằm rằm tháng chín âm lịch, ngày giỗ của mẹ. Tính còn hôm đó tại chùa cũng có đại lễ kỷ niệm bảy mươi năm ngày Phật giáo du nhập Hợp Chúng Quốc. Lễ này tổ chức liên tiếp trong ba ngày và có nhiều đại biểu từ các tiểu bang đến dự. Ngôi chùa không to lớn gì, thành thử giỗ đường nơi hành lễ cũng chỉ lớn bằng giảng đường chùa Ấn Quang. Vậy mà họ gọi nơi đó là *Mỹ Quốc Phật Học Viện* (American Buddhist Academy). Cái tên thì lớn, kỳ thực chùa chỉ có một số các lớp dạy giáo lý và thực hành cho các cư sĩ; còn ngoài ra thì dạy pha trà, cắm hoa và đàm thoại Nhật ngữ. Chùa thuộc về phái Tịnh Độ Chân Tông và do hai vị trông nom: Hozen Seki vị trú trì, và giáo

sur Phillips giảng sư. Vị này trước là giáo sư ở đại học đường Delaware.

Đề tôi nói sơ lược về Phật giáo bên này cho Nguyên Hưng nghe. Ở Hiệp Chúng Quốc có vào khoảng tám mươi ngàn người theo đạo Phật trong số đó phần lớn là người Nhật và người Trung Hoa hoặc đã thành công dân Mỹ, hoặc chưa. Trung tâm Phật giáo đặt tại 1710 đường Octario, Cựu Kim Sơn. Các «tăng sĩ» đều là tân tăng của phái Tịnh Độ Chân Tông, khoảng bảy mươi vị, hầu hết là người Nhật, rải rác trong các tiểu bang, một số có mặt trong các đại học Mỹ để dạy về ngôn ngữ và văn chương Nhật Bản. Có năm mươi bốn ngôi chùa lớn nhỏ rải rác khắp toàn lãnh thổ. Ngôi chùa ở Nữu Ước so với các ngôi chùa ở Cựu Kim Sơn thì nhỏ bé

hơn nhiều. Trong số những người về dự lễ, tôi gặp hai vị tăng sĩ Nam Tông khoác áo vàng, đại đức Anuruddha và đại đức Vinita một người từ tiểu bang Connecticut, còn một người từ Massachusetts. Lễ dâng hương cử hành lúc ba giờ chiều. Vị đại sư Tích Lan, ông Susantha de Fonseka, cũng có mặt để đọc diễn văn chúc mừng.

Tôi đi bộ một mình đến chùa vì đi thật thong thả. Chùa chỉ cách nơi tôi ở có năm ô (bloc) ở vào số 331 đường Riverside Drive. Khi tôi đến thì gần đến giờ thuyết pháp. Khán giả chỉ chừng hai trăm người gồm nhiều quốc tịch trong đó đa số là người Nhật. Bài giảng không gây nổi cảm hứng, làm tôi thất vọng. Ở đất này mà giảng như thế thì không làm sao gieo được hạt giống đạo Phật trong quần chúng. Nguyên Hưng cũng biết, giáo lý Tịnh Độ Chân Tông cũng như tổ chức của Tịnh Độ Chân Tông không khác giáo lý Thế Phàm là mấy, cả hai đều chú trọng đến tha lực. Vậy thì món ăn đó không thể nào được gọi là mới lạ đối với người Anh và người Mỹ. Thêm nữa đề diễn giải giáo lý Cơ Đốc của họ, đã có biết bao viện thần học, bao nhiêu nhà truyền giáo xuất sắc; trong khi đó, tổ chức Tịnh Độ Chân Tông ở đây thiếu cơ sở giáo dục và đào tạo lại có khuynh hướng bắt chước một cách thiếu thông minh nên không thể không chúng tỏ sự kém cỏi và non nớt của mình. Thực ra dân Mỹ là một dân có tinh thần tự lập tự cường; trong gia đình cũng như ở xã hội, con người được đào luyện để có tinh thần tự lập ấy và để khỏi phải nương tựa và sống bám vào những kẻ khác. Như thế, chắc chắn là một giáo lý như giáo lý tự lực của Thiền Tông sẽ rất thích hợp với họ. Giáo lý Thiền tông hoàn toàn căn cứ vào tự lực để xây đắp, phát triển và giác ngộ bản thân trong lúc giáo lý Cơ Đốc và Tịnh Độ tự nhận

khả năng thiếu kém của con người và nhấn mạnh đến năng lực cứu độ của một thế lực bên ngoài. Cho nên Nguyên Hưng sẽ không lấy làm lạ khi thấy sự truyền bá của đạo Phật Tịnh Độ ở đây chưa gặt hái được những kết quả nào đáng kể. Chúng ta cũng không ngạc nhiên khi thấy tư tưởng Thiền được hâm mộ một cách nồng nhiệt ở đây. Giáo sư Suzuki đã gây được những tiếng vang lớn lao về thiền học ở đất nước này. Sống trong một xã hội quá hoạt động, quá náo nhiệt, và khi đã mệt mỏi vì những tính toán những suy luận hình thức, cổ nhiên người ta khao khát một cái gì trầm tĩnh, tươi mát và tự tại như tinh thần thiền học. Có sống ở đây Nguyên Hưng mới thực chứng được điều đó.

ĐỀ bù lại sự thiếu kém về nội dung giá trị tư tưởng, các nhà truyền giáo tịnh độ ở đây phải dùng đến những hình thái sinh hoạt văn hóa Nhật. Người Mỹ ưa ăn món ăn Nhật, nghe đàn Koto, chứng kiến các cuộc pha trà, cắm hoa, vãn vãn. Thế cho nên sau thời thuyết pháp, có một buổi trình diễn đàn Koto. Mà quả buổi trình diễn đàn Koto độc chiếc ấy đã kéo lại thắng bằng cho buổi giảng. Ngồi hai bên tôi là những người Mỹ. Họ đã tỏ vẻ lơ đãng trong thời thuyết pháp nhưng họ lại đã tỏ ra rất thích thú khi nghe đàn Koto.

Tôi cũng thích những bài đã được trình diễn hôm ấy lắm, Nguyên Hưng. Nhạc sĩ là Kimioto Eto. Chàng còn trẻ, vào khoảng ba mươi tuổi, khuôn mặt hiền hậu và dễ thương. Trong chiếc Kimono màu đen, chàng bước chậm chạp lên diễn đài, theo tay dùi đỡ của một chàng thanh niên khác. Tôi nghĩ có lẽ vì mặt chàng trông không được rõ. Sau lời giới thiệu của đại đức Saki, chàng chậm rãi ngồi xuống, mỉm cười lặng lẽ, và không nói năng chi. Sao mà tôi yêu cái dáng điệu ấy quá. Chẳng bao giờ chàng nhìn xuống

khán giả. Chàng chỉ để tầm mắt trên khoảng rộng của chiếc bàn phủ khăn trắng. Và nụ cười của chàng, nụ cười thật là kỳ lạ, thật là lặng lẽ, thật là hàm súc. Tôi không ngờ ở đất này mà có được một nụ cười như vậy.

Chàng nói là chàng sẽ đàn đề cúng đường ngày kỷ niệm 70 năm Phật giáo du nhập Mỹ Quốc, đề dâng lòng thành lên đức Từ Bi. Con số bảy, chàng nói, rất quan trọng đối với chàng. Cha chàng mất cách đây bảy năm, và mẹ chàng cũng từ trần bảy tháng trước. Nay thì là lễ bảy mươi năm kỷ niệm Phật giáo du nhập. Và đôi mắt nhỏ lệ. Khuôn mặt trầm lặng, tràn đầy xúc cảm; một niềm cảm xúc lẫn lộn trong tín ngưỡng, thương nhớ và băng khuâng. Chàng đàn, những bản do tự tay chàng sáng tác. Bản đầu tiên là bản *Tiếng hát hy vọng*. Điệu nhạc tuy trầm buồn thao thức nhưng chứa đầy sức sống nhẫn nại, chứa đầy ý chí cố gắng đi tới. Bản thứ hai là bản *Gió mùa thu* ngát hương thương nhớ, và bản thứ ba, *Tiếng nói tin tưởng* của chàng đối với đạo Từ Bi. Mỗi bài được cách khoảng với bài khác bằng một thời gian lặng yên; mọi người như nín thở, mọi người ngồi nhìn chàng đang yên lặng trong nụ cười trầm tĩnh. Xong bản thứ ba, chàng nói cho mọi người biết là hai mắt chàng mù và chàng không trông thấy chi hết. Mọi người xúc động; tôi cũng xúc động cả tâm hồn, bởi vì trước đây không ai nghĩ rằng chàng lại là một người mù.

Nước mắt tôi muốn trào ra; tôi đứng dậy ra về trước mọi người, bỏ nửa chừng cuộc trình diễn. Tôi thấy như vậy là quá đủ. Trên con đường Bờ Sông tôi đi, thong thả từng bước một, lòng thấy băng khuâng. Nụ cười của Kimioto vẫn còn nguyên vẹn, huyền diệu, trầm lặng. Nếu không biết khổ đau, không bao giờ người ta có thể có được một nụ cười như thế. Và tôi hiểu tại sao nụ cười đã làm cho tôi xúc động ngay khi tôi mới trông thấy chàng.

D UỖ N G Riverside Drive vắng vẻ. Đột nhiên tôi nhớ tới lời những người bạn dặn dò không nên đi một mình trong đêm khuya trên các con đường vắng đô thành. Nếu Ước có rất nhiều bạn bất lương như bất cứ thành phố lớn nào trên thế giới. Nghĩ như thế, tôi định rẽ sang đường 108 để trở vào Broadway. Vừa rẽ sang đường 108, tôi bỗng thấy mặt trắng, tròn như khuôn mặt hoa sen đức Phật, hiện ra giữa mảnh trời dài và trong vắt, mảnh trời do hai hàng nhà cửa cao vút bên đường chứa lại. Thật là mâu nhiệm. Mặt trắng ở về phía trước mặt tôi, và cũng đi về phía tôi đi. Mặt trắng Rằm tháng Chín. Chắc là mẹ tôi cũng đã đi theo tôi đến chùa từ khi trắng mới mọc.

Cái mặt trắng ấy đã chiếu sáng trên nóc chùa lúc tôi ngồi nghe thuyết pháp, đã chiếu sáng trên nóc chùa lúc tôi ngồi nghe trình diễn đàn Koto. Và mặt trắng ấy bây giờ cũng lại đi theo tôi về tận nhà. Sáu năm về trước, mẹ tôi mất vào ngày trăng tròn tháng chín... Trăng khuya bao giờ cũng hiền hòa êm dịu và mâu nhiệm như tình mẹ. Trong suốt bốn năm trời tôi có cảm giác rất rõ rệt là tôi mất mẹ. Nhưng mà có một đêm tôi nằm mơ thấy mẹ, và từ lúc đó, cảm giác kia không còn nữa. Tôi thấy mẹ tôi chưa bao giờ mất cả, và những đau khổ xót xa trước kia chỉ là những ảo giác trong một giấc mộng. Tôi còn nhớ đó là một đêm tháng tr ở cao nguyên. Tôi nằm mơ và tôi thấy mẹ tôi, dung nhan không có gì biến đổi. Tôi nói chuyện với mẹ tôi rất tự nhiên, không có một mảy may cảm giác rằng tôi, trong bốn năm, chịu đựng ý tưởng mất mẹ. Chắc Nguyên Hưng muốn hỏi tôi rằng trong bốn năm ấy tôi có lần nào nằm mơ thấy mẹ tôi không. Có, tôi có nằm mơ thấy mẹ tôi vài lần, nhưng mà những lần thấy như thế không có tác động gì rõ rệt sau khi tôi tỉnh thức cả.

Lần này, khi tỉnh thức, tôi cảm thấy tâm hồn bình yên một cách kỳ lạ và tôi thấy một cách rất hiện thực rằng sự sinh diệt của mẹ tôi là một cái gì do tôi tạo ra mà không phải là một thực tại khách quan. Sự hiện thực của mẹ tôi không tùy thuộc vào sinh diệt ; không phải nhờ sinh mà mẹ tôi có, không phải vì diệt mà mẹ tôi không có. Cái có với cái không là sáng tạo phẩm của nhận thức chủ quan, và do đó có không hẳn là có và *không* không hẳn là không. Có là đề đối với không, và không là đề đối với có. Thực ra, đã có thì không thể nào không, và từ không thì không thể nào phát sinh ra có. Tôi không muốn lý luận với Nguyên Hưng, tôi chỉ muốn nói với Nguyên Hưng, thế thôi. Bữa đó, tôi thức dậy vào lúc một giờ rưỡi khuya và tôi thấy phép màu hiển hiện. Niềm đau xót không còn nữa và tôi chứng thực rằng ý tưởng mất mẹ trong suốt bốn năm vừa qua chỉ là những ý tưởng. Thấy được mẹ tôi trong giấc mơ ấy rồi tức là thấy được mẹ tôi mãi mãi. Điều này tôi càng thấy rõ hơn khi tôi mở cửa đi ra vườn. Vườn đầy ánh trăng khuya dịu dàng và nhiệm mầu. Đó là sự có mặt của mẹ. Đó không phải là những biện hộ của nhớ thương, đó không phải là một sự tự an ủi mình. Tôi có thể thấy mẹ tôi bất cứ ở đâu và lúc nào tôi muốn.

N GUYỄN Hưng, hồi tháng tám trong lúc còn ở Medford, tôi có viết đề làm quà cho những người trẻ tuổi quen biết ở nhà một đoạn văn tên là *Bông Hồng Cài Áo*. Ngồi trong nhà gỗ Pomona, tôi đã viết ra những dòng chữ giản dị kia trong lúc chim hót vang rùng. Khi tôi gửi nó đi rồi — tôi gửi cho Nhiên — tôi mới biết rằng những cảm nghĩ trong ấy phát sinh từ một cái nhìn khá mới lạ, cũng là cái nhìn mà tôi đã diễn tả trong lá thư viết cho thầy Thanh Từ. Ngày xưa nói về văn học

Việt Nam, tôi cứ giảng đi giảng lại mãi câu thơ

« mặc vị xuân tàn hoa lạc tận

đình tiền tạc dạ nhất chi mai »

của Mãn Giác Thiền Sư đời Lý, rất khâm phục ý tưởng của tác giả nhưng mà chưa bao giờ đón nhận được cái tâm tư của tác giả một cách đích thực. Thì ra trong lúc nhận thức cõi mờ, trong lúc cái vỏ cứng nứt rạn, ta có thể trông thấy những điều thật là mầu nhiệm. Cũng như ta có thể thấy được sự hiện hữu của cành mai trong một đêm tăm tối và lạnh lẽo của mùa Đông.

Chúng ta sinh vào thời đại trong đó sự xung đột giữa các giá trị cũ và mới đang sắp đi đến chỗ kết thúc. Tuy vậy nó chưa kết thúc được, và dấu vết của sự xung đột còn hằn thêm lên rõ ràng trong tâm hồn chúng ta. Những câu hỏi mới của triết học đã làm cho chúng ta bơ vơ thêm, lạc lõng thêm, thao thức thêm. Trong trạng thái rối bời của tâm trí, ý niệm về sự vô lý của hiện hữu đã tô lên một lớp sơn đen tối nữa. Hiện hữu xấu xa, con người xấu xa ; con người muốn tốt cũng không thể nào tốt được, hiện hữu muốn đẹp cũng không thể nào đẹp được. Trong tình trạng đó lắm khi chúng ta còn có ảo tưởng rằng chúng ta có tự do, chúng ta còn là chúng ta. Nhưng hẳn Nguyên Hưng cũng đã từng biết bằng kinh nghiệm bản thân rằng chúng ta nhiều khi chỉ viết *chính tả*, mà kẻ đọc cho chúng ta viết vốn không phải là ta mà lại là những dấu vết được ghi trên chúng ta, hoặc nói một cách khác hơn là mệnh lệnh của nghiệp lực cộng đồng. Chúng ta đã không được là chúng ta thì, nếu quả chúng ta có tự do đi nữa, tự do đó cũng không phải là tự do của chúng ta. Có lúc chúng ta không còn « ham » tự do nữa, có lúc chúng ta sợ hãi tự do : đó là tại vì chúng ta không thực

là chúng ta. Chúng ta bị bao phủ bởi rất nhiều lớp rong rêu và vôi gạch. Chúng ta cần đập vỡ tất cả để được giải thoát. Nhưng chúng ta sợ sự đập vỡ đó, bởi vì chúng ta cứ tưởng những lớp vôi gạch rong rêu đó mà vỡ thì chúng ta cũng vỡ luôn, mà những lớp vôi gạch rong rêu đó, than ôi, có phải là chúng ta đâu.

N G A Y tôi khám phá ra cái điều mà tôi nói đó, tôi bỗng thấy tôi nhìn tất cả mọi vật với một cặp mắt khác lạ. Trước hết, tôi nhìn vào tôi, và tôi thấy thân thể tôi quả là một cái gì màu nhiệm. Tôi chưa bao giờ nhìn tôi như thế. Tôi thấy không có lý do gì mà ta lại có thể nhìn thân thể ta, một trong năm phần của hợp thể ngũ uẩn, với một cặp mắt coi thường. Chúng ta có khuynh hướng coi thường những gì nằm trong tầm tay của chúng ta. Chúng ta đánh giá chúng một cách quá hạ và lắm khi vì u mê chúng ta nguyên rửa sự tồn tại của chúng. Như đôi mắt của tôi đây chẳng hạn. Vì tôi có đôi mắt, và vì tôi cho đó là một sự thực hiển nhiên — mà hiển nhiên sao được, làm gì mà hiển nhiên được một cách dễ dàng thế — cho nên tôi không chú trọng tới chúng, không cần hỏi han chúng, không nhận được thông điệp của chúng và do đó tôi mất chúng. Có cũng như không. Chỉ có khi nào người ta bị mù đột ngột, người ta mới cảm nhận được sự hiện hữu trước kia của đôi mắt ; nhưng cảm nhận như thế thì muộn quá rồi. Một người mù được sáng mới biết thế nào là sự hiện diện quý giá của một đôi mắt ; người đó có thể sống sung sướng ngay trên trái đất, sung sướng hơn cả trên thiên đường. Thế giới màu sắc này, cùng với đôi mắt kia là những gì thật màu nhiệm, là những gì có thể hiển cho chúng ta những sung sướng ngây ngất. Từ lúc đó chẳng khi nào nhìn mây trắng trời xanh mà

tôi lại không nhìn với một nụ cười. Thế giới đột nhiên giàu có hẳn lên và tươi sáng hẳn lên. Người mù mới sáng có thể tìm thấy thiên đường, nhưng hẳn sẽ làm quen với thiên đường trong một thời gian ngắn, rồi cũng vẫn coi thường thiên đường, cho thiên đường là một cái gì hiển nhiên. Và vì vậy, hẳn sẽ mất thiên đường trong vòng vài ba tuần lễ, nhiều lắm trong vòng ba tháng. Tsong khi đó một khi con mắt tâm linh của Nguyên Hưng đã hé thấy được sự màu nhiệm của hiện hữu thì Nguyên Hưng sẽ không bao giờ còn làm mất thế giới của pháp thân.

Hồi nhỏ chúng ta được dạy rằng những đau khổ lớn của con người là sinh, lão, bệnh, tử, là ước mong mà không được thành tựu, là hợp nhau mà không được chung nhau, là khắc nhau mà vẫn phải gần nhau. Nhưng mà Nguyên Hưng ơi, những đau khổ đích thực của con người không nằm trong sinh lão bệnh tử, không nằm trong trường hợp ái biệt ly, oán tăng hội, cầu bất đắc. Nó nằm ở trong cái cách chúng ta nhìn thực tại. Quả là như vậy đó, Nguyên Hưng. Sinh lão bệnh tử, sự chia cách, sự kết hợp vẫn có những màu nhiệm của chúng, vẫn là những đặc tính quý giá của hiện hữu. Không có những thứ ấy thì không có hiện hữu. Điều quan trọng nhất là làm thế nào ngồi yên lành trên những đợt sóng hiện tượng đó với một nụ cười của bản thể không sinh không diệt.

T Ô I nhớ trong kinh Bảo Tích có một đoạn như sau đây. Phật nói : Có một người nhặt một cục đất ném vào con chó. Con chó đau quá, tức giận chạy theo cục đất để cắn trả thù. Con chó không biết rằng kẻ thù không phải là cục đất mà là người ném cục đất. Cũng như vậy, những kẻ đại khờ nghĩ rằng màu sắc, âm thanh, hương vị vân. vân... là nguyên do khổ đau và kết

luận rằng muốn hết khổ đau thì phải tiêu diệt hoặc lánh xa sắc, thanh, hương, vị, xúc... Kỳ thực đau khổ không nằm trong sắc thanh hương vị xúc. *Đau khổ nằm nơi cách nhìn và cách xử dụng của chúng ta đối với sắc thanh hương vị xúc.* Vấn đề là như thế. Chúng ta khổ đau không phải vì thực tại chứa khổ đau, mâu thuẫn và vô lý mà vì chúng ta đã nhìn thực tại qua những lớp màn nhận thức đen tối mang nặng tư kiến tư dục của chúng ta để thấy thực tại chứa khổ đau, mâu thuẫn và vô lý. Có lần đi xa quê nhà hàng năm phải nói tiếng ngoại quốc cả ngày tôi bỗng thấy nhớ những giọng nói quen thuộc quá chừng. Lắm khi tôi ao ước được nghe những giọng nói quen thuộc ấy đến nỗi tôi nghĩ rằng vài ba phút thôi cũng đủ làm cho tôi sung sướng suốt ngày. Mà kỳ lạ thực, Nguyễn Hưng, tự nhiên — sao lại tự nhiên — một buổi sáng chuông điện thoại reo và tôi được nghe tiếng của Phượng gọi từ bên nhà sang. Câu chuyện tuy ngắn ngủi và chỉ gồm có một số câu hỏi về công việc nhưng tôi cũng thấy quý giá và do đó cũng sung sướng đến mấy ngày. Từ đó mỗi khi nói chuyện với một người thân là tôi để hết tâm ý vào câu chuyện và nghe thấy cả tiết điệu của giọng nói. Tại tôi phân biệt được các giọng nói và cả những lo âu những cảm động những thao thức, vẩn vơ... chứa đựng trong giọng nói. Đó thật cũng là một điều màu nhiệm. Để gì mà nghe được như thế, hiểu được như thế và cảm nhận được như thế. Tuy vậy trong chúng ta ai cũng có điều kiện để nghe, để hiểu và để cảm nhận. Tôi không bao giờ còn thái độ khinh suất và lơ là với bất cứ một hiện tượng nào xảy đến trước giác quan của tôi. Một cái lá rơi vào phòng hay một tiếng kêu của em bé chơi đùa dưới bãi cỏ non cũng là một sứ giả của hữu thể. Tôi nhìn ngắm, lắng nghe và tiếp nhận thông

điệp của hữu thể do chúng mang đến. Sự xa cách người thân yêu, sự thất vọng, sự chạm trán với những gì ta không ưa thích cũng trở nên màu nhiệm và tràn đầy tính cách xây dựng. Nhờ những thứ đó mà tôi mới được là tôi, Nguyễn Hưng mới được là Nguyễn Hưng, và nụ cười kia mới có thể là một nụ cười. Dưới ánh sáng của cái nhìn ấy, ta thấy những yếu đuối những đại đột của con người cũng có những khía cạnh màu nhiệm của chúng. Có những bông hoa khi nở rồi thì không bao giờ còn héo tàn nữa. Nhìn dưới ánh sáng ấy thì sinh diệt nào có khác chi niết bàn. Vì vậy có một đêm trong giờ tư duy tôi bỗng muốn la lên rằng : sự nghiệp của các đức Phật đã được hoàn tất từ những bao giờ, và sở dĩ nó đã hoàn tất cũng vì nó chưa bao giờ thực sự hồi đầu cả.

NGUỖN HƯNG, nhìn lại lịch sử nhân loại và nhìn lại quá khứ của chúng ta, Nguyễn Hưng sẽ phải công nhận rằng quả tình Nguyễn Hưng không thể phân biệt được cái gì là thực sự may và cái gì là thực sự rủi, cái gì là thực sự tốt và cái gì là thực sự xấu. Chắc Nguyễn Hưng còn nhớ câu chuyện người trại chủ mất ngựa. Mất ngựa có hẳn đã là rủi ro hay không, điều đó chỉ có một cái nhìn bao quát thời gian và không gian mới trả lời được. Bất cứ sự thành công nào cũng kéo theo những bất lợi của nó và bất cứ sự thất bại nào cũng đóng góp được vào cái ánh sáng trí tuệ hoặc cái thành công của tương lai. Ta có thể nói rằng cái kia vừa may lại vừa rủi, vừa tốt lại vừa xấu, và như thế có khác chi nói rằng không thực sự có may, rủi, tốt, xấu mà chỉ có nhận thức ngắn và hẹp của con người tạo nên tốt xấu. Tất cả đều là những phân biệt biến kế của nhận thức. Nguyễn Hưng, người ta nói rằng không thể nào thành lập được một nền luân lý nếu không thiết lập được tiêu chuẩn

thiện ác. Nhưng mà mây bay, hoa nở, gió thoảng, nước trôi có cần đến luân lý đâu, có cần đến tiêu chuẩn thiện ác đâu. Tôi biết có những người sống như mây bay, hoa nở, gió thoảng, nước trôi. Họ không biết đến luân lý, đến tiêu chuẩn thiện ác. Thế mà nhiều kẻ lại khen ngợi họ là những bậc thánh, những nhà đại luân lý, nhiều kẻ lại nhìn vào họ, xét nghiệm hành động ngôn ngữ và tư tưởng họ để cố thiết lập ra một nền đạo đức luân lý có cơ sở tiêu chuẩn thiện ác đang hoang, và gán cái nền luân lý tìm ra ấy cho họ. Họ chỉ mỉm cười. Nếu họ nói rằng chính họ, họ không biết thế nào là thiện là ác, thì chắc là không ai không nghĩ rằng họ nói đùa. Chỉ có người điên mới nói thực một câu như vậy. Cho nên người điên nào cũng khó tìm ra một tri kỷ để trao tâm ấn của mình. Một nhà thi hào là gì ? Đó là một người không biết gì hết về kỹ thuật văn điệu. Chỉ khi nào anh không phải là thi hào, anh mới biết thế nào là văn điệu mà thôi.

Thế thì, Nguyên Hưng, thứ cam lộ mỗi ngày mà họ uống có thể được bọn phàm nhân xem là độc dược. Mà nói cho ra lẽ, thì độc dược bao giờ cũng là độc dược đối với ai. Đối với người đã nhìn thấy sự vật, thì nhận thức đồng thời là hành động ; đâu có thể nói rằng ta phải thiết lập triết lý hành động trên cơ bản triết lý nhận thức. Khi chúng ta còn là tù nhân của ý niệm ngôn từ thì chúng ta mới vướng vào sự phân biệt nhận thức và hành động và mới có cái hăng hái trẻ con để bàn luận về triết học hành động. Đối với kẻ đã nhìn thấy thì không có sự nhận thức chân lý cũng như không có phương châm hành động. Không có sự chứng đắc và không có đối tượng của chứng đắc. Tâm Kinh đã chẳng nói thế là gì. Và bởi vì đã là sự sống chân thực, đã là gió thoảng, là mây bay, là nước trôi là

là hoa nở, kẻ kia cần gì phương châm hành động. Khi người ta bay thì người ta không cần biết đến những luật lệ những dấu hiệu đi đường của xe cộ, dù là xe lớn hay xe nhỏ. Ngôn ngữ kẻ kia sẽ là ngôn ngữ của mây, của gió, của hoa, của nước. Anh đừng đến đặt cho họ những câu hỏi vớ vẩn về triết học. Họ sẽ trả lời anh bằng một câu thơ, hoặc giả họ sẽ hỏi anh xem anh đã ăn cơm chưa, đã rửa bát chưa. Nếu anh bị bó chặt trong câu hỏi họ sẽ chỉ ra núi rừng :

«Bất tin, chỉ khán bát cửu nguyệt.

Phân phân hoàng diệp mãn sơn xuyên !»

Phải rồi. *Không tin, hãy ngắm mùa thu đến ; tôi bờ lá rụng ngập sơn xuyên.* Còn nếu anh cứng đầu quá thì họ có thể lấy gậy đánh anh cho anh chừa đi cái thói quen đem kính khái niệm đi soi chân lý. Nguyên Hưng ơi, ở Phương Bối chúng ta mà có được một thi sĩ như thế thì núi rừng đã đẹp lại càng thêm đẹp, phải không.

TR O N G kinh Phật, từ ngữ *trang nghiêm* được dùng theo nghĩa *làm cho đẹp và bờ tát trang nghiêm Phật độ* có nghĩa là sự hiện hữu của các vị bồ tát làm cho đất Phật đẹp để hiển lên. Tôi nhớ có lần vua Huệ Tông nhà Lý nghe danh Hiện Quang thiền sư, cho người lên núi mời ngài về cung. Ngài từ chối, trả lời rằng nội các vị Thiền sư tài đức hiện đang phục vụ ở thủ đô cũng đã làm *trang nghiêm chốn điện các* rồi. Sự có mặt của người đạt đạo quả có thể làm đẹp cho cuộc đời bằng chính đạo đức vô hành của họ. Mà đạo đức vô hành thì làm gì có tiêu chuẩn, có phương châm mà Nguyên Hưng.

Bây giờ là mấy giờ, Nguyên Hưng biết không ? Còn mười lăm phút nữa thì là nửa đêm. Lễ Giáng Sinh sắp đến rồi

Nghĩ cũng thật là một điều mâu nhiệm. Tôi thức trong cái giờ linh thiêng này, ngồi đây viết cho Nguyễn Hưng. Những ý tưởng của tôi trào lên và tôi cảm thấy dễ chịu khi trút chúng bớt xuống đầu ngòi bút. Tôi vừa nói cho em nghe về nguồn linh cảm đã khiến cho tôi biết nhìn, biết nghe thế giới hiện tượng một cách cẩn thận. Có những giây phút chỉ xảy đến một lần hoặc vài lần trong đời, xảy đến như sự xuất hiện của một vị sứ giả của chân như, một thông điệp của thực tại, và nếu ta vô tâm, ta sẽ để cho chúng đi qua và không bao giờ trở lại. Bí quyết của Thiền tông chắc hẳn là ở chỗ khám phá được đường đi nẻo về của những giây phút như thế và sửa soạn, cố gắng hiển cơ hội cho chúng trở lại. Và cuối cùng, làm cho ánh sáng rạng rỡ của nó tỏa chiếu rạng rỡ trong một chuyến trở về, không từ đâu tới và cũng sẽ không đi về đâu. Đề tôi đọc cho Nguyễn Hưng nghe bài thơ sau đây của Quách Thoại nói về sự hiện diện của một bông hoa thực được :

« đứng yên ngoài hàng đậu
em mỉm nụ nhiệm màu
lặng nhìn em kinh ngạc :
vừa thoáng nghe em hát
lời ca em thiên thâu.
ta sụp lạy, cúi đầu... »

Nguyễn Hưng có nghe gì không ? Tôi thấy rất rõ là *giây phút* đã xuất hiện, bức màn đã hé, dù trong giây lát, và thi sĩ đã thấy. Bông hoa thực được đứng ở ngoài hàng đậu kia, có lẽ vì « *hiền nhiên* » quá, nên không ai thực sự *trông thấy*. Khi tâm linh ta nghe được *tiếng hát* bất diệt của nó và nhìn thấy *nụ cười* nhiệm màu của nó thì nó không còn là một bông hoa thực được tầm thường nữa. Nó là sứ giả, nó là thông điệp, nó là pháp thân. Tôi nhớ có lần Trụ Vũ ca ngợi :

« cánh hoa là tứ đại
mà tỏa hương tinh thần
mắt em là tứ đại
mà rạng ngời yêu thương »

Tôi tưởng Trụ Vũ không ca ngợi mà thốt ra những lời biểu lộ một sự chỉ ngạc nhiên. Giây phút cũng đã tới, ánh sáng lòa lên rồi lại tắt. Nhưng trong một đời người mà có được *một lần thấy*, nào có phải là ít ỏi gì đâu. Đã thấy được một lần, thì có thể thấy mãi. Vấn đề là ở chỗ ta có tha thiết không, có thành khẩn không, có cần trọng không, thế thôi. Trong thế hệ những người trẻ tuổi đang bị giam giữ vào ngục tù của chán nản, của sự vô lý và của sự tự khinh, ta thấy không biết bao nhiêu người nhận thực thực tại như một cái gì nhầy nhụa và thân thể tâm hồn mình như một vũng bùn tanh hôi. Thảm thương biết bao. Sự giải thoát, như thế, chỉ có thể đi tìm nơi hủy diệt. Tứ diệu đế nếu áp dụng trong mục đích tìm ra và tiêu diệt nguyên nhân của nhận thức đen tối ấy thì là một điều quý hóa. Còn nếu, vì muốn giải thích biện hộ cho sự thực thứ nhất bằng cách phải bôi lem bức tranh thực tại gán cho thực tại tính cách *khô* tự nó không có thì đó là bắt đầu một cuộc vu khống to lớn. Thực tại không khô không lạc chỉ có qua nhận thức ta nó mới là khô hay là lạc mà thôi. Nói như thế, Nguyễn Hưng ơi, không phải là nói rằng những trận động đất, những cơn vi trùng, những trận chiến tranh, những hiện tượng sinh lão bệnh tử... là không có thực. Chúng có thực chứ, cũng như muôn ngàn hiện tượng khác. Nhưng tự thân của chúng không phải là sự đau khổ. Và con người có thể giảm thiểu sự hiện hữu của chúng đến một giới hạn nào đó. Còn tiêu diệt chúng hoàn toàn, đó là

một điều không thể thực hiện. Cũng như muốn có trắng mà không có đen, có dài mà không có ngắn, có sinh mà không có tử, có một mà không có nhiều. Tính cách biến kế của nhận thức tạo tác ra thế giới khổ đau, cũng như người thợ vẽ vẽ ra hình ma quỷ và khiếp sợ chính những bức hình của mình. Những bức hình ấy, Nguyên Hưng ơi, nào phải ảo ảnh : nó là những bức hình có thực.

NGUUYÊN Hưng, đêm mồng hai tháng mười một tiếp sau đó là một đêm tôi cần ghi nhớ. Nguyên Hưng cứ tưởng tượng một trời đầy sao sáng, không trăng ; nhưng ngôi sao nào cũng sáng cũng đẹp cũng lấp lánh, cũng to như đôi mắt của trẻ con, trên một nền trời không gợn mây. Cổ nhiên khung trời đó chỉ là khung trời nội tâm, vì hôm ấy ở thành phố tôi ở mưa gió về đầy trời. Các cửa phòng đều đóng kín. Suốt một đêm tôi không ngủ, vì có muốn đi ngủ thì « cũng không thể nào ngủ được ». Đầu hôm tôi thức để đọc Bonhoeffer, và giai đoạn chót của đời chàng đã giúp tôi làm bừng tỉnh dậy cái bầu trời đầy sao sáng sẵn có trong tâm linh, sẵn có trong tâm linh mỗi người. Tôi bỗng thấy sung sướng lạ kỳ và có cảm nghĩ rõ rệt rằng tôi có thể chịu đựng được những đau khổ lớn lao nhất mà thường ngày tôi không thể hoặc chưa thể chịu đựng nổi. Viết đến đây tôi còn thấy tâm hồn rất rào những cảm xúc mới lạ, và có lẽ Nguyên Hưng cũng đang chia sẻ những cảm xúc ấy với tôi. Bonhoeffer chỉ là một giọt nước cuối làm tách nước tràn đầy, một nhân duyên cuối cùng, một làn gió nhẹ thổi tới cho trái cây chín muồi rụng xuống. Được sống trọn một đêm như thế thì ta không nên than trách chi hết nữa về cuộc đời. Những đêm như thế đẹp lắm Nguyên Hưng ; lòng ta ngập tràn thương yêu. Can đảm và nghị lực dâng tràn, ta

thấy *ốc* và *tim* ta là những đóa hoa ; những cảm xúc, những rung động, những đau khổ của chúng ta đều hiện hữu một cách rất màu nhiệm, tuy ta biết rằng hình hài ta vẫn là hình hài của chính ta. Nguyên Hưng chớ cho rằng đó là một trạng thái tôn giáo, đạo đức hay thánh thiện của tâm hồn, khơi động do một nguồn cảm thông hay một ân huệ thiêng liêng nào. Trạng thái tâm linh ấy hoàn toàn nhân bản. Tôi biết, ngay trong giờ phút đó, không có thần thánh, không có giác ngộ ngoài tim tôi, phôi tôi, những hạch tiết tuyến những tế bào của cơ thể tôi. Sự sống đã màu nhiệm mà khổ đau cũng màu nhiệm. Cuộc đời sẽ xấu xí sẽ đen tối và sẽ không thể có, nếu không có khổ đau. Trong cuộc đời không có thường có ngã nhưng cũng không có vô thường vô ngã. Không có sự chết nếu quả thực ta thấy được sự *đạt*. Chỉ nên nói sự sống, và đừng bao giờ đại đột nói *sự sống miên viễn* ; mệnh đề sự sống miên viễn cũng như ý niệm trường sinh bất tử tự nó là một sự mâu thuẫn, một sự đốt nát, một sự tham lam. Tham lam chỉ là đốt nát ; và tham lam đốt nát đánh mất chính sự sống.

Suốt một tháng, tôi tiếp tục tư duy và quán tưởng hình dung các vị bồ tát trong Kinh Pháp Hoa và Bát Nhã. Chân dung các vị ấy đẹp lắm, hèn gì các vị không « trang nghiêm » được cho đất Phật. M cần gì phải là đất Phật. Cứ nói đến trái đất của chúng ta đây. Sự có mặt của những vị bồ tát như thế cũng đủ làm cho đất chúng ta trở thành đất Phật. Mà ai dám nói đất này của chúng ta không phải là đất Phật ? Cây nêu mà dân Việt dựng lên để ăn tết cũng phản chiếu ước muốn của dân ta rằng đất này là đất Phật, có phải không Nguyên Hưng ?

CÓ khi tôi thấy các vị Bồ tát trong hình dáng nghèo nàn và lem luốc nhưng khỏe mạnh của họ. Như Trì Địa, như Thường Bất Khinh. Một người thì chuyên môn đi nối lại những cây cầu gãy và đắp lại những con đường hư làm gián đoạn giao thông và liên lạc. (Thế giới chúng ta hôm nay có biết bao nhiêu cây cầu đã gãy đổ và bao nhiêu nẻo giao thông bị cắt đứt, hử Nguyên Hưng ? Và thế giới chúng ta hôm nay đã có được bao nhiêu Trì Địa, đem tâm lực và thân lực mình để nối lại những nhịp cầu thông cảm và hiểu biết giữa con người với con người, giữa quốc gia này với quốc gia khác, giữa nền văn hóa này với nền văn hóa khác ?) Người thứ hai thì đi đâu cũng nói vào tai mọi người rằng : ông có đủ khả năng tiến tới, vậy hãy tin ở sức mình, đừng nên có mặc cảm bất lực, đừng nên thụ động. « Tôi không dám khinh ngài, ngài sẽ thành Phật », bức thông điệp của bình đẳng, của tinh thần tự tin tự lực ấy nếu không do những con người kiên nhẫn như Thường Bất Khinh mang đi thì biết do ai ? Nguyên Hưng cứ nghĩ đến những người dân quê ở xứ ta, và cả những người dân quê ở các nước chậm tiến khác. Ai nói cho họ biết rằng họ cần phải tin nơi sức lực của chính họ để tạo một tương lai cho chính họ, một tương lai mà họ có quyền nắm lấy như bất cứ ai ? Thế giới của chúng ta đang cần có thêm rất nhiều vị Bồ tát như thế, và ta cũng nên vui mừng công nhận rằng thế giới chúng ta đang có những vị Bồ tát như thế, luôn luôn trên các nẻo đi đường về, gieo rắc niềm tin, sự tự lực tự cường cho nhân loại. Còn Bồ tát Quan thế Âm nữa, mà sau này được gọi là Quán Tự Tại. Chân dung của người là chân dung của sự cảm thông và của sự tìm tới với khổ đau không ngần ngại, không e sợ bất cứ một trở lực nào. *Nghe tiếng kêu*

đau thương của cuộc đời, và tìm tới bằng mọi cách. Tìm tới trong bất cứ một hình dáng nào thích hợp. Nguyên Hưng, một vị tăng sĩ, một nhà chính trị, một nhà tư bản, một người cư sĩ, một người đàn bà, một em bé, một thiên thần, một con ác quỷ... hình dáng nào thích hợp thì dùng hình dáng ấy. « Ứng dĩ tướng giả, cư sĩ, tề quan, bà là môn, phụ nữ thân đặc độ giả, tức hiện tướng giả cư sĩ tề quan bà la môn phụ nữ thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ đồng nam đồng nữ thân đặc độ giả, tức hiện đồng nam đồng nữ thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ thiên, long, dạ xoa, càn thất bà, atula, càn na la, ma hầu la giả, nhân phi nhân đẳng thân đặc độ giả, tức giai hiện chi nhi vị thuyết pháp ». Nguyên Hưng có nghe không ? Thế giới chúng ta ngày nay phải được cứu nguy mọi mặt bằng mọi hình thức mọi phương tiện theo tinh thần đại bi tự tại của Quan thế Âm, phải được xây dựng bằng thái độ dẫn thân của tinh thần Thường Bất Khinh, Trì Địa. Lại còn hình dung của Địa Tạng nữa : hình dung của một con người muốn có mặt nơi những chốn nhiều khổ đau nhất của cuộc đời. Chừng nào địa ngục còn chưa trống không thì chừng ấy tôi vẫn còn phải ở lại địa ngục. Dẫn thân mà với tinh thần như thế thì mới thực là dẫn thân, có phải không Nguyên Hưng. Tôi tưởng ở đâu có những con đường như thế là ở đấy đất phải nở hoa, dù cho ở địa ngục. Dù cho ở bất cứ địa ngục nào.

NGUYỄN Hưng, tiếp tục đi tìm hình dung các vị Bồ tát, lắm lúc tôi thấy họ trong những chiếc áo thật đẹp, ngọc minh châu sáng ngời trên đầu, trên tay và trên cổ. Nguyên Hưng hãy nghĩ đến Vô Tận Ý xem. Các vị tăng sĩ thì không bao giờ được miêu tả bằng những hình dáng như vậy. Chắc chắn là hình dáng

đó tượng trưng cho sự trang nghiêm tĩnh độ. Sự có mặt của họ làm đẹp cho cuộc đời. Áo của các vị Bồ tát đẹp như những chiếc áo trẻ em ngày tết. Tôi nghĩ đến một ngày hội đầu xuân. Không ai nhìn thấy khổ đau của con người rõ bằng các vị. Nhưng cũng không ai giữ được nụ cười tươi không bao giờ héo như các vị. Tôi nghe họ nói : chúng tôi không có mặt để khóc than ; chúng tôi có mặt để làm đẹp cho cuộc đời. Cám ơn, cám ơn các vị. Cám ơn các bạn. Chúng tôi sẽ mặc những chiếc áo đẹp nhất mà chúng tôi có để cùng với các bạn tô điểm cho cuộc đời. Các vị sẽ sung sướng lần đầu được những người sùng bái các vị gọi các vị là bạn. Các bạn sẽ không còn bị cách xa và bị hiểu lầm do những người quá sùng kính các bạn nữa. Chúng tôi thấy sự có mặt của các bạn rồi. Chúng tôi đến đây, và chúng tôi không có một mây may tư hào, một mây may kiểu ngạo, phạm thượng. Chúng tôi chỉ đến với tình thương, với sự hiểu biết. Chúng tôi đã thoát khỏi chiếc vỏ cứng đã từng giam hãm chúng tôi. Nay con chim hoàng oanh, cổ họng người tuy bé nhỏ nhưng người hãy hát lên sáng nay, để ca ngợi tính cách mẫu nhiệm của thực hữu. Chuỗi ngọc mà Vô Tận Ý vừa trao tặng cho Quan thế âm thì long lanh, sáng ngời, trong suốt ; tràng nhạc của người cũng sẽ long lanh, sáng ngời, trong suốt như thế. Để cho nắng mai tuôn chảy trên các sườn đồi như những dòng thủy tinh và để cho tất cả các bông hoa lớn nhỏ trên cánh đồng cỏ xanh đều cùng nở một lượt đón chào sự tỉnh thức mẫu nhiệm.

Nguyên Hưng, tôi đã nói đến cái đêm mẫu nhiệm trong đó óc tôi tìm tôi nở như những đóa hoa, và tôi tìm thấy các các vị bồ tát không như những thần linh xa cách con người mà là những người bạn quý mà

ta có thể gặp ngay trong cuộc sống này. Tĩnh cò mà những điều tôi thấy phù hợp với những điều trong bài « nguyên sinh » mà chúng ta thường đọc hàng ngày : hoa khai kiến Phật ngộ vô sinh, bất thối Bồ tát vi bạn hữu. Tim ta và óc ta một khi đã nở thành những đóa hoa thì những đóa hoa này sẽ không bao giờ héo cũng như những đóa sen nở ở tĩnh độ. Sen nở thì thấy được ánh sáng và tìm được bạn đường.

N G U Y Ê N Hưng, hôm qua viết cho Nguyên Hưng, đến đúng nửa đêm Giáng Sinh thì tôi ngừng lại. Tôi mặc áo thật ấm, mở cửa ra ngoài và đi đến Campus Center. Tuyết vẫn lạng lẽ rơi. Đến Campus Center tôi gặp anh Ralph Nelson đang ngồi bó gối xem TV một mình trong gian phòng rộng thênh thang. Tôi đến ngồi cạnh Ralph và theo dõi chương trình đặc biệt đêm Giáng Sinh. Tôi nghĩ có lẽ Ralph buồn lắm, và cô đơn lắm trong một đêm như đêm nay. Ralph quê ở tận miền Nam, xa quá không về nhà được trong dịp lễ Giáng Sinh này. Ralph đã lái xe hơi từ hôm qua về miền tây Pennsylvania, để thăm một người bạn. Và trên đường về Princeton hôm nay, Ralph bị kẹt tuyết suýt phải ngủ giữa đường. Ngủ giữa đường thì nguy lắm, dù là ngủ trong xe, dù là quay kín các cửa kính xe lên. Bởi vì trời rét lắm không thể chịu nổi. May mắn Ralph gặp xe xúc tuyết đi tới, giúp Ralph vượt khỏi trở ngại và về tới Campus lúc mười một giờ. Tôi hỏi : « Anh cảm thấy buồn không, trong đêm Giáng Sinh này, khi mọi người đều en famille ? » « Tôi sống lẻ loi quen rồi, Ralph đáp, thành ra cũng không buồn lắm » Tuy vậy khi nói anh ta, tôi biết anh ta đang buồn. May mắn lúc đó, máy truyền hình bắt

đầu trình bày một phim trào lộng nên tôi thấy trên miệng Ralph một nụ cười. Một giờ rưỡi khuya chúng tôi rời campus center. Trời ra tuyết vẫn đã tiếp tục rơi. Tuyết lên cao tới gần đầu gối. Tôi phải lội vội về Brown Hall từ giả Ralph, rồi vào phòng lau chân thay bít tất, hơ chân vào lò sưởi.

Năm ngoái tôi đi chơi suốt một ngày Giáng sinh bằng xe hơi ở vùng quê và đã chứng kiến được không khí thân mật của các gia đình vào ngày lễ ấy. Thật không khác gì ngày Tết bên ta. Trẻ con và người

lớn ai cũng có quà, và có rất nhiều quà. Tôi bị một em nhỏ hỏi : « Ông theo đạo Phật hả ? Vậy ở xứ ông, người theo đạo Phật như ông có ăn lễ Giáng sinh không ? » Tôi trả lời : « Có chứ, bên xứ tôi người Phật tử ăn lễ Giáng sinh vào ngày rằm tháng tư và họ gọi ngày Giáng sinh là ngày Phật đản ». Tôi nghĩ đến những chú bé con như thế ở trại Cherroskees và ngủ một giấc ngon lành cho đến sáng.

(CÒN NỮA)

Giới thiệu sách mới

Tòa soạn Giữ Thơm Quê Mẹ vừa nhận được, các tác phẩm sau đây do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng :

— *TỎ TÌNH TRONG ĐÊM*, thơ *TRẦN DẠ TỬ*, Tiếng Nói Xuất bản, Thi tập dày 132 trang, bìa và phụ bản của Nguyễn Trung. Sách đẹp trang nhã giá 48 đồng.

— *TIẾNG VỌNG*, thơ *TRẦN TUẤN KIẾT*, *TỔNG MINH PHỤNG*, *PHAN MINH HỒNG*, Hải Triều Xuất bản, Bìa của Nguyễn Khai, Thi tập dày 100 trang, giá 50đ.

— *CHỮ NGHĨA HIỆN SINH* nguyên tác của *P. FOULQUIÉ*, bản Việt ngữ của *THỤ NHÂN*, Nhị Nùng xuất bản, Sách dày 174 trang, giá 60đ.

— *KÍNH CỬA*, kịch, nguyên tác của *JEAN PAUL SARTRE*. Bản Việt ngữ của *TRẦN THIÊN ĐẠO*. Giao Điểm xuất bản. Sách dày 140 trang, giá 46đ

— *SỐNG TRANH ĐẤU*, (bi quyết đề thành công) của *HUYỀN MINH*
— *TRÚC PHƯỢNG*, do tác giả xuất bản. Sách dày 154 trang, giá 40đ.

— *TÌNH YÊU VÀ CHIẾN TRANH*, thơ của *HOÀI VIỆT NHÂN*, Kim Tuấn đề tựa, Thi tập dày 61 trang, giá 30đ.

— *BÀN TAY TÌNH TỰ*, thơ *PHAN VIỆT THỦY*, Người Hóm Nay xuất bản, Sách dày 58 trang, in ronéo, giá 30đ.

Gáo lỗi

Vì lý do ngoài ý muốn của Tòa soạn, nên bài thơ «Giặc già» và khuôn mặt Xuân buồn» của Định Giang nơi trang 13 phải gác lại và thay vào đó bài thơ khác.

Vậy xin cáo lỗi cùng tác giả Định Giang.

Tòa soạn.

Hằng ngày đón đọc

nhật báo

đất tổ

cơ quan thông tin và nghị luận
của Phật giáo



Kem
LIP
TRẮNG

CRÈME
DENTIFRICE

LIP

- Dùng toàn DICALCIUM PHOSPHATE không pha trộn chất khác, làm trắng răng phi-thường mà không hại men răng.
- Bột nhiều, đánh sạch răng mau chóng, tẩy sạch bọt dơ ở kẽ răng.
- Hương vị ngon như một thực phẩm, làm miệng thơm, hơi thở nhẹ nhàng.

KEM LIP PHUNG SỰ SỨC KHỎE CỦA DÒNG
BẢO VỚI PHƯƠNG CHÂM TỐT VÀ RẺ!

A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

TRONG
ĐÔNG-NAM
Á



XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌN

bằng *Caravelle*
PHÂN-LỤC CƠ TRẮNG LỆ NHỨT THỂ-GIỚI

của

ĐƯỜNG BAY

Hoasen



VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG: 800 CÂY SỐNG MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI. MÁT-MẺ. ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÀN. ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Ngoài ra, trên tàu Quý-vị sẽ thưởng thức những món ăn đặc-biệt do các nữ tiếp-viên xinh-lịch niềm-nà tiếp đãi

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM



HÀNG-KHÔNG

16 NGUYỄN-HUY SAIGON 21.629-623-624

V
E
I
T
N
A
M
H
A
N
G
K
H
O
N
G

In tại
Nhà in **BY MÃ LẠP SƠN**
190 lý thái tử - saigon
K. D. số 039/BTLC
ngày 6 - 1 - 1966.